

THƯỢNG TRÍ

Dịch Giả : NGUYỄN – THỊ - HAI

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Tổng Quát

Trong những quyển “Thể Phách”, “Thể Vía” và “Thể Trí” của con người, chúng ta đã học về lịch sử sinh hoạt của mỗi hạ thể đó. Muốn vậy, chúng ta chỉ quan sát từ hạ thể đã có trong người chúng ta, xem cách nó sinh hoạt, định luật tiến hóa của nó, khi nó chết và lúc tạo ra cái mới tùy theo hột lưu tánh nguyên tử và tùy theo đơn vị tâm thức của mỗi người. Tạo ra cái thể mới – (mỗi khi luân hồi) – là điều cần kíp cho sự tiến hóa nhơn sanh trong ba cõi dưới là cõi Phàm Trần, cõi Trung Giới và cõi Thượng Giới.

Khi chúng ta nghiên cứu về thể Chơn Thân, thì chúng ta phải phóng sự sưu tầm của chúng ta rộng hơn, trong sự quan sát về cuộc tiến hóa nhơn sanh. Ấy bởi khi ba hạ thể: phách, vía, trí đã “chết” sau mỗi cuộc Luân Hồi cho chí lúc con người hoàn tất cuộc tiến hóa thành một vị Chơn Tiên! Lúc bấy giờ, con người sẽ bỏ Chơn Thân ra một bên và Chơn Thân sẽ được giữ gìn kỹ lưỡng để cho các Đấng Thiêng Liêng (như Đức Phật) dùng khi các Ngài muốn hiện thân nơi mấy cõi dưới. Vậy đối với ba hạ thể: xác, vía, trí bất thường kia, Chơn Thân là một thể tương đối vĩnh cửu. Chúng ta nói “tương đối vĩnh cửu vì lý do đã kể trên”. Và lại đến một giai đoạn nào, con người phải quay lại khúc quanh: sự tiến hóa nhơn sanh đã hoàn tất ; con người khỏi cần lấy ba hạ thể xác, vía, trí và hoạt động tại ba cõi dưới nữa. Bây giờ, con người khỏi sự cuộc tiến hóa siêu nhơn sanh. Vì lẽ đó, con người phải bỏ các thể Chơn Thân lại.

Muốn học Chơn Thân một cách hữu hiệu, chúng ta không “đứng trong bản ngã” của con người mà quan sát từ thể một. Chúng ta phải “đứng ngoài bản ngã đó”; chúng ta phải quan sát nó từ trên dòm xuống và nhìn mỗi thể như là một khí cụ tạm thời đã được tạo ra để cho con người dùng, và khi không còn dùng đặng nữa, con người sẽ vứt nó ra. Lại nữa, muốn cho sự học hỏi của chúng ta được dễ hiểu và có thể làm thỏa mãn đặng trí óc, thì chúng ta phải biết nguyên nhân cấu tạo Chơn Thân. Khi mà chúng ta phát giác được nguyên nhân thì chúng ta sẽ thấy liên kết quả, và chúng ta cũng sẽ thấy được một tâm thức cao hơn Chơn Ngã - ấy là Chơn Thần.

Muốn biết nguyên nhân sanh ra Chơn Thân, thì chúng ta phải biết qua Hồn Khóm, rồi lần lần học ba Luồng Sóng Sanh hoạt do Đức Thượng Đế xạ xuống để lập ra muôn vạn sanh linh. Khi chúng ta học qua ba Luồng Sóng Sanh hoạt Thiêng Liêng đó, thì chúng ta phải cần biết đến một mức độ nào – sự thành lập cõi vật chất này là nơi Chúng Nó xạ xuống. Tóm lại, muốn hiểu rõ Chơn Thân, thì phải biết – dù là thiên cận – những điều sau đây :

1.- Sự thành lập vũ trụ, là sân trường tiến hóa của sanh linh,

- 2.- Ba Luồng Sóng Sanh Hoạt Thiêng Liêng,
- 3.- Sự xuất hiện của Chơn Thân (La Monade),
- 4.- Sanh hóa các loài trên vũ trụ,
- 5.- Những hột Nguyên tử Trường tồn,
- 6.- Sau cùng là Sự Sống phát triển trong Hồn Khóm.
- 7.- Chuyển kiếp thú làm người,
- 8.- Và sự tạo thành Chơn Thân ^[1]

Giờ đây chúng ta chỉ lo học về Chơn Thân mà thôi. Chúng ta lần lần học qua:

1. Nhiệm vụ của Chơn Thân,
2. Chất khí làm ra nó,
3. Bản tính tư-tưởng của nó,
4. Làm sao phát triển nó hay nói cách khác làm sao mở Thượng Trí và
5. Sự sống sau khi từ giả cõi Trần, Trung Giới và Thượng Giới.

Chúng ta lại còn quan sát kỹ lưỡng Chơn Ngã, hay là linh hồn (Ego) là nhân vật dùng Chơn Thân và Phàm Ngã là phần tử của Chơn Ngã dùng ba hạ thể : Xác, vía, trí trong ba cõi thấp là Phàm Trần, Trung Giới và Thượng Giới. Chúng ta cũng sẽ học về:

- 1.- Luân Hồi.
- 2.- Sự khao khát muốn đầu thai (Trishnâ)
- 3.- Cách thức đầu thai.
- 4.- Tư cách của Chơn Ngã (Ego) đối với những kiếp luân hồi liên tiếp và đối với Phàm ngã trong ba cõi dưới.
- 5.- Sự liên quan giữa Chơn Ngã và Phàm Ngã. Chơn Ngã nhờ Phàm ngã ở chỗ nào ?
- 6.- Đời sống của Chơn Ngã trên chính cõi của nó.
- 7.- Sự Điểm Đạo, v.v . . .

CHƯƠNG THỨ NHÌ

NHIỆM VỤ CỦA CHƠN THÂN

Chơn Thân là một cái thể làm bằng chất Thượng thanh khí cao, cũng như cái Vía làm bằng chất Trung giới và cái Xác làm bằng chất Hồng Trần vậy. Người ta gọi nó là Chơn Thân hay Thượng Trí hay Nhân Thể là vì bên trong nó, người ta tìm được những nguyên nhân (causes) sanh ra những kết quả ở các cõi dưới là cõi Hạ Thiên, cõi Trung Giới và cõi Hồng Trần.

Tại sao vậy ?

Bởi vì những kinh nghiệm của các tiền kiếp đều chôn cất trong Chơn Thân. Vậy Chơn Thân là cái nguyên nhân của cái tư cách tổng quát của mỗi người trước

^[1] Những đề tài trên đây có giải trong quyển “Vô-Trụ và Con Người” do tác giả Nguyễn văn Huân và Nguyễn thị Hai. Có bán tại 72/4 Nguyễn đình Chiểu Sài Gòn

cuộc đời. Trong Chơn Thân có một động lực (do kết quả của tiền kiếp) xui khiến con người phải đi đường này, bỏ đường kia.

Theo danh từ Phạn ngữ, thì người ta còn gọi Chơn Thân là Kârana Sharira (Kârana là nguyên nhân). Người ta cũng gọi nó là Augoeedes (nghĩa là con người vinh quang) . Còn theo Pháp ngữ thì người ta gọi nó là “Le corps causal” hay “Le corps de Manas”, “l’oeuf aurique” , “la forme-aspect de l’individu”, “l’homme veritable”, “le penseur”.

Chơn Thân có hai nhiệm vụ chánh:

1.- Dùng làm thể cho Chơn Ngã, cũng như xác thể dùng làm thể cho phàm ngã tại cõi hồng trần vậy.

2.- Dùng làm nơi chứa đựng cho tất cả kinh nghiệm trong nhiều kiếp luân hồi. Nó ví như cái chậu hay cái quặng chứa đựng tất cả cái gì vĩnh cửu, (xin coi đồ hình số 1 và số 2 và những mầm đức tánh, chúng nó theo con người trong lúc đầu thai kể đó.

CÁC CÔI	
Cõi Đại	
Đại Niết-Bàn	
Niết-Bàn	
Đo-Đe	
Thượng-Giới	Thượng-Thiên
Trung-Giới	
Hạ-Giới	

Đồ hình số 1

(Trong vũ trụ có bảy cõi, mỗi cõi chia làm bảy cảnh, cảnh cao thì thanh, cảnh thấp thì trược. Cõi Thượng Giới có bảy cảnh, ba cảnh trên thuộc về cảnh của Thượng Trí còn bốn cảnh dưới thuộc về cảnh của Hạ Trí. Chơn Thân ở ba cảnh cao gọi là Thượng Thiên)

CÔI THƯỢNG THIÊN	Cảnh 1	
	Cảnh 2	
	Cảnh 3	

Đồ hình số 2

(Đồ hình số 2 chỉ Chơn Thân ở cõi Thượng Thiên. Nó là cái thể cho linh hồn. Linh hồn có ba trạng thái Atma – Buddhi – Manas, nghĩa là tâm thức của nó, có thể linh hoạt tại cõi Niết Bàn, Bồ Đề và Thượng Thiên, nhưng nó ngụ tại cõi Thượng Thiên. Cũng như tâm thức của phàm nhơn có thể hoạt động tại cõi Thượng Thiên, Hạ Thiên, Trung-Giới và Phàm-trần, nhưng nó ngụ tại cõi hồng trần vậy)

Vậy người ta thấy rằng, sự biểu lộ của con người phàm nhơn xuyên qua thể hạ trí, vía, xác đều do sự tiến hóa của “Con người thật” (de l’homme réel) tức là Chơn Nhơn vậy. Ta biết rằng: linh hồn thú thật là linh hồn khóm sở dĩ thành linh hồn người là nhờ có Chơn Thân (le Corps Causal) làm nơi trú ngụ cho nó. Thông Thiên Học nói rằng: “Khi nào có Chơn Thân thì mới có hồn người”. Mỗi người cần phải có một Chơn Thân, và chính lúc có Chơn Thân, linh hồn thú mới trở thành linh hồn người hay nói cách khác là thú mới chuyển kiếp làm người.

Lúc ban sơ, Chơn Thân hay là Thượng Trí – giống như lớp da rất mỏng – vừa đủ thấy được. Nó làm bằng chất khí hết sức thanh nhẹ. Nó đánh dấu đúng lúc con người khởi sống một cuộc đời riêng biệt, hết còn gia nhập vào hồn khóm nữa. Cái Chơn Thân mới tượng đó có chút xíu màu sắc thôi. Nó lại chính là cái thể kiên trì xuyên qua trọn cả cuộc đời tiến hóa của con người. Nó thu nhận tất cả kết quả của mọi kiếp luân hồi. Nó giống như sợi Kim quang tuyến (Le Fil-Soi ou Sutratma) xuyên lại tất cả kiếp đầu thai của con người.^[1]

Chúng ta đã nói ở trước rằng, Chơn Thân là cái quặng vĩnh cửu, nó chứa đựng tất cả cái gì cao thượng, điều hòa hợp với tinh thần. Bởi vì mọi tư tưởng thanh cao và tốt đẹp, mọi cảm xúc trong sạch và cao quý đều thăng lên và trộn vào chất khí của Chơn Thân. Vậy Chơn Thân như một nhân chứng chánh đáng duy nhất để nói lên sự tiến hóa và mức độ phát triển hiện tại của con người.

Các thể khác của con người phải được xem như là những y phục hay là những khí cụ để dùng trong một chốn nhất định nào trong vũ trụ. Cũng như người ta dùng xe đi trên đất, tàu chạy trên mặt nước, phi cơ bay trên trời vậy, con người thật hay Chơn Thân – dùng mỗi hạ thể, theo nhu cầu đặc biệt của nó. Trong khi đó, nó không thay đổi chút nào. Trái lại với Chơn Ngã, phàm ngã có các hạ thể biến đổi và hao mòn theo thời gian vì chúng là những khí cụ tạm thời. Chúng nó hư hoại, sẽ được thay đổi cái mới. Tỷ như xác thịt già yếu rồi chết; Chơn Ngã sẽ thay vào cái mới lúc đầu thai lại, và cứ mãi như thế đó mà diễn tiến. Mà mỗi lần thay đổi thể mới là mỗi lần quan năng của con người tăng cường, vì lẽ sự tiến hóa không bao giờ ngừng cả.

Con người cần có hạ trí cho những ý niệm cụ thể, và Chơn Thân hay Thượng Trí cho những tư tưởng trừu tượng. Chơn Ngã ngụ trong Chơn Thân, có tất cả quan năng thuộc về trí khôn như là: ký-ức, trực giác, ý-chí. Nó gom lại tất cả kinh nghiệm của mọi kiếp trần mà nó đã trải qua, rồi nó dùng “thuật luyện kim” thần diệu bên trong của nó mà biến đổi ra một thứ Tinh Ba kinh nghiệm và hiểu biết. Thứ Tinh Ba Kinh Nghiệm và hiểu biết đó được gọi là sự Minh Triết. Sự Minh Triết là kết quả của nhiều kiếp kinh nghiệm dưới trần. Nó là Vương miện của sự già, sự tử. Hay nói cách khác sự

^[1] Xin xem quyển “Vũ trụ và Con Người”

Minh Triết là kết quả của nhiều kiếp Luân Hồi sanh tử, là thành tích của sự kinh nghiệm lâu dài, của một khoa tinh thần thâm diệu! Vậy chính ở giữa lòng Chơn Ngã mới tìm thấy đặng sự Minh Triết. là cái quý muôn đời, do nhiều kiếp luân hồi mang đến. Mỗi kiếp luân hồi, con người kinh nghiệm thêm, và sự Minh Triết cũng được tăng cường.

Theo bản thống kê “các thể của con người” – dưới đây (rút trong quyển “Le corps causal” của tác giả A.E.Powell) thì Chơn Thân được gọi là: cái Thể Minh Biện:

NGUYÊN LÝ TRONG CON NGƯỜI	CÁC THỂ	
	Phạn ngữ	Việt ngữ
Buddhi (Bồ đề) Manas supérieur (Thượng Trí) Manas inférieur et Kāma (Hạ trí và Dục vọng)	Anandamayakosha Vijnāna mayakosha Manomayakosha	Thể An lạc Thể Minh Biện (hay là Chơn Thân) Thể Cảm Xúc
Prāna (Sinh lực) Sthūla (Thể xác)	Prānamayakosha Annamayakosha	Thể Sinh lực Thể Vật Thực

Đồ Hình số 3

Trong danh từ “Vijnānamayakosha”, tiếp đầu ngữ “Vi” có nghĩa là sự phân biệt, sự tách rời, sự bài liệt. Nó chính là đặc tánh của cái thể ấy. Trong Vijnānamayakosha (tức là Chơn Thân hay Thượng Trí), sự kinh nghiệm, do thể Cảm Xúc (tức là Manomayakosha) đem lại; nó phản chiếu dưới hình thức khái niệm lý tưởng. Thể Manomayakosha gom góp và biến chế. Thể Vijnānamayakosha sắp xếp và phân biệt những thể thấp hơn Chơn Thân (như thể hạ trí, vía, phách và xác) thì thu thập và gom góp những cảm xúc, những tri giác, những ý niệm đang thành. Nhưng chính cái Chơn Thân chinh đốn, phân biệt chúng nó, suy luận chúng nó một cách trừu tượng và chỉ chú ý đến những tư tưởng thanh cao tách rời ra những tư tưởng cụ thể. Do đó, trong Chơn Thân người ta chỉ thấy điều trừu tượng chứ không phải điều cụ thể và việc làm của Chơn Thân là việc làm bên trong, không bị ngoại cảnh và giác quan xáo trộn hay ảnh hưởng chút nào. Chính nó là Thượng-Trí, là cái Trí Khôn cực kỳ minh mẫn, là sự thấy rõ rệt và sáng lạn. Hay nói cách khác Thượng Trí là cái trí khôn không dính líu gì đến giác quan; nó an tịnh, thanh bình và mạnh mẽ.

Vậy Thượng-Trí hay Chơn Thân cũng có cái quan năng tạo tác của sự tham thiền, và cái nghị lực của sự tĩnh tọa. Nó là cái thể tạo tác của con người, bởi vì Thượng Trí trong con người giống như Tin Thần trong vũ trụ (như Mahat trong càn khôn). Nó thuộc về Ý Niệm của Trời, là sức mạnh điều khiển. Trong cái thể này có tất cả khả năng tính của hình hài; và với cái sức mạnh tạo tác sẵn có của nó, nó có thể thực hiện những khả năng tính đó thành ra hình hài.

Trong quyển Giáo Lý Bí Truyền (La Doctrine Secrete) có viết rằng: “Kriyashakti là quan năng huyền bí của tư tưởng; nó giúp cho tư tưởng tạo ra những kết quả cụ thể, những hiện tượng chỉ bằng sức mạnh của chính nó mà thôi. Người đời xưa tin tưởng rằng, mọi ý niệm biểu lộ được ra ngoài là khi nào người ta tập trung tư tưởng một cách

mãnh liệt vào đó. Cũng giống như một ý chí cường liệt sẽ đem đến kết quả mong muốn. Chính đó là cái bí yếu của “Ma-Thuật” chơn chánh (D. S. I, 290)

Vì vậy, trong con người, Thượng Trí là Tia Sáng của Trời (Brâhma) là Tinh Thần Vô Trụ, là Mãnh Lực Tạo Tác. Cái quan năng tưởng tượng của chúng ta vốn là Tia Sáng của Mãnh Lực tạo ra Vô trụ. Đức Thượng Đế (Brâhma) tham thiên và mọi hình hài sắc tướng xuất hiện, bởi vì trong mãnh lực tinh thần có khả năng tính của mọi hình hài. Do đó, mà đôi khi bà Blavatsky gọi Thượng Trí là “Déva-Ego” (Thiên Thần Chơn Ngã) hay là “Thần Linh” đi đôi với “Phàm Ngã”. Thượng Trí là Thần Linh, bởi vì nó có một tư tưởng tích cực; ấy là “Kriyâshakti” (là quyền năng của hành vi). Thượng Trí (Manas) do chính bản năng của nó – cũng là sự Hoạt Động nữa. Mọi hành vi được thực hiện là do sức mạnh của tư tưởng. Chẳng phải nhờ bàn tay mà nhà điêu khắc tượng nên hình dạng, mà chính nhờ tư tưởng điều khiển bàn tay y. Có câu chơn ngôn nói rằng: “Tư tưởng tới trước việc làm”. Song le trong vài trường hợp, con người làm mà không suy nghĩ như người ta thường nói. Dù vậy đi nữa, hành vi của y là cái kết quả của tư tưởng y trước kia. Y quen với một thứ tư tưởng nào đó, rồi khi gặp dịp, tự nhiên y hành động đúng theo nó.

Thượng trí là cái trí thiêng liêng bởi vì nó là một nhà tư tưởng tích cực; nó dùng đức tính của chính đời sống chói lọi từ bên trong ra ngoài. Danh từ thiêng liêng (divin) đúng với ý nghĩa chói lọi, theo cốt tủy của “divin” là div có nghĩa là chói lọi, chiếu sáng.

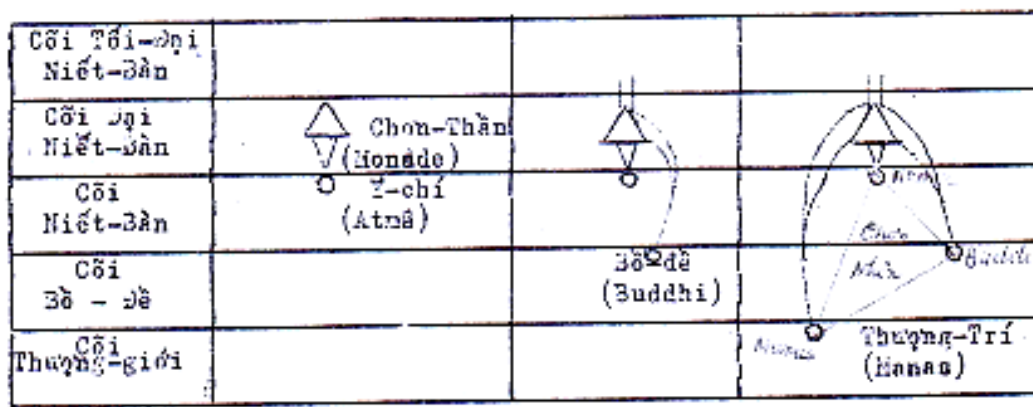
Thần lực từ Atmâ (thuộc về ngôi thứ nhất) xạ xuống và tác động trong Chơn Thân là cái sức mạnh thông ngự; nó uốn nắn tất cả cái gì bên ngoài nó. Lại nữa, khi nó tác động trong Manomayakosha tức là (Dục vọng) thì đặc tính của nó lại bị ngoại cảnh thu hút, đường lối của nó lại do bên ngoài hướng dẫn. Nhưng trong Chơn Thân, Atmâ chính là ý chí tác động, chẳng phải do bên ngoài tuyển chọn, mà là do một đường lối từ bên trong phát ra. Cái ý chí này được uốn nắn theo những hình ảnh bên trong; mấy hình ảnh này được tạo tác ra bằng cách phản chiếu và phân biện. Vì vậy, nơi Chơn Thân, thần lực được điều khiển bằng đường lối bên trong; còn nơi các hạ thể, thì thần lực lại bị bên ngoài thu hút. Đó là sự dị biệt đại khái giữa ý chí và dục vọng. Và lại, ý chí, tuyệt nhiên, là đức tánh của Chơn Ngã chứ chẳng phải của Phàm Ngã.

Có ba trạng thái chánh của Chơn Ngã ấy là “Chit”, “Ananda” và “Sat”.

Chit : Là Trạng thái trí khôn. Nó cần phải phát triển trước nhất: chính nó là quan năng phân tích. Nó lý giải bội số và những dị biệt, Ananda là sự Minh Triết; nó hiệp nhất vạn vật; nó thực hiện sự duy nhất và do đó nó tìm đến sự Vui Mừng hay An Lạc là những điều hiện tồn ở ngay trung tâm đời sống.

Rốt lại Sat là Trạng Thái tối thượng. Nó là sự hiện tồn của Chơn Ngã, là sự Duy Nhất cao hơn tất cả sự hiệp nhất.

Theo chu kỳ các giống dân, thì giống dân thứ Năm phát triển Trạng Thái trí khôn (Chit); giống dân thứ Sáu phát triển Trạng Thái Ananda là Trạng Thái Minh Triết, là Trạng Thái Hiệp Nhất hay An Lạc, là Thời Kỳ Phúc Lạc; giống dân thứ Bảy phát triển Trạng Thái Sat là Trạng Thái chỉ sự hiện tồn của Chơn Ngã.



Đồ hình số 4
(Ba Trạng-Thái của Chơn-Ngã)

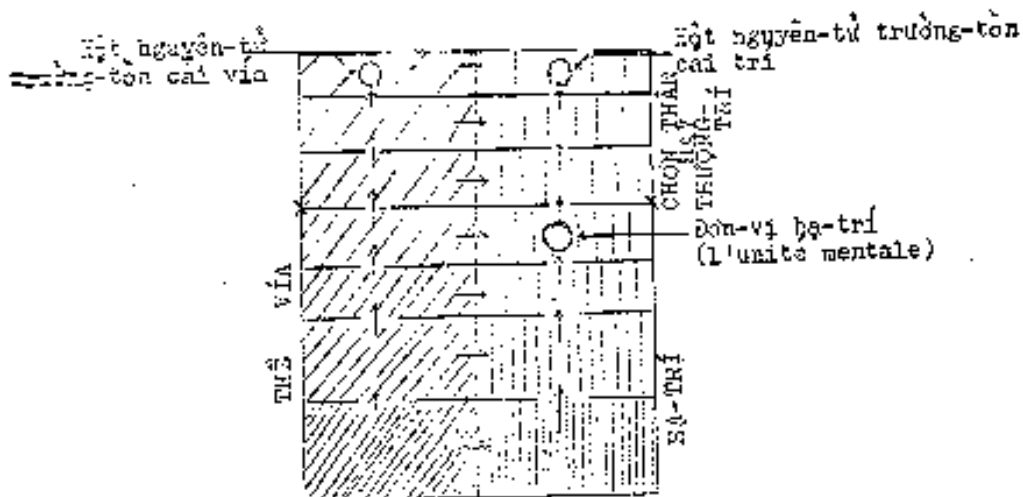
Giải nghĩa : Nơi bề cả sáng lạng vô cùng của cõi Tối Đại Niết Bàn, lóe lên một tia sáng bằng chất khí Bồ Đề. Nơi tia sáng này có cột một đóm lửa nằm trong một cái ống hình bầu dục. Cái ống ấy tức là Chơn Thân vậy. Còn đóm lửa đó tức là Chơn Nhơn, là linh hồn (Ego). Ba đóm tròn ở cảnh thứ nhứt của cõi Niết Bàn, Bồ Đề và Thượng Giới là ba hột nguyên tử trường tồn (les 3 atomes permanents). Nó tượng trưng ba trạng thái hay Ba Ngôi của Chơn Nhơn là Atmā, Buddhi và Manas.

CHƯƠNG THỨ BA

TỔ HỢP VÀ CẤU TẠO THƯỢNG TRÍ

ThượngTrí (hay là Chơn Thân) làm bằng chất khí của cảnh thứ nhứt, thứ nhì và thứ ba của cõi Thượng Giới. Chúng ta có lẽ còn nhớ rằng, một hột nguyên tử của cõi Thượng giới chứa đựng **5.764.801 (hay là 49⁴)** bọt Tiên Thiên Khí (bulles de Koilon).

Thường thường, người đời có cái Thượng Trí chưa linh động hoàn toàn; chỉ có chất khí thuộc về cảnh thứ ba hoạt động mà thôi. Nhưng dần theo sự tiến hóa dài đằng đẳng của con người và dần theo sự phát triển những quan năng ẩn tàng của Chơn Ngã mà chất khí thuộc về hai cảnh cao kia từ từ thức tỉnh. Song le, chỉ khi nào con người trở thành Đấng Chơn Tiên hay Đấng Chơn Sư, thì chừng ấy chất khí thanh cao nhứt đó mới hoàn toàn linh động trong Thượng Trí mà thôi.



Đồ hình số 4

Giải Nghĩa : Trong đồ hình số 4, người ta chỉ thấy những cảnh của cõi vĩa và cõi trí nhỏ lần lần để chỉ tỏ: càng lên cảnh cao, chất khí càng thanh nhẹ hơn ở cảnh thấp. Những mũi tên từ dưới lên trên và từ trái qua mặt là để chỉ sự rung động có thể đi từ cảnh dưới lên cảnh trên. Những khoảng hở thông đồng giữa hai cảnh, càng lên cao càng nhỏ hẹp để chỉ rằng, những lần rung động thanh bại mới lên đặng cảnh trên kế đó mà thôi. Lại nữa đồ hình ám chỉ chất khí của bốn cảnh thấp của cõi Trung Giới ảnh hưởng trực tiếp hạ trí, còn chất khí của ba cảnh cao của cõi Trung giới, chỉ ảnh hưởng Chơn Thân mà thôi. Do đó mà dấu trên đường tiến hóa, con người nhiều tánh xấu như giận hờn, ích kỷ, phách lối, dâm dục ẩn trong ba hạ thể (xác, vĩa, trí) nhưng không có một tánh xấu nào ngụ đặng trong Thượng Trí. **Đơn vị Hạ-Trí** (L' unite mentale): Mỗi Hạ Trí đều có chứa một phân tử gọi là đơn vị Hạ trí; nó ở tại cảnh thứ tư của cõi Hạ Thiên. Con người đem nó theo trong các kiếp Luân Hồi. Chất khí làm Hạ Trí luôn luôn thay đổi mới trong mỗi kiếp, nhưng đơn vị Hạ Trí vẫn bất biến, giống như những hạt nguyên tử trường tồn (atomes permanents) không bao giờ mất. Đơn vị hạ trí có thể xem như trái tim của thể hạ trí. Hình dáng của toàn thể hạ trí đều tùy thuộc một phần lớn ở sự hoạt động của đơn vị này.

Khó mà tả Thượng Trí một cách đúng đắn được, bởi vì những giác quan của cõi Thượng Giới hoàn toàn khác biệt với giác quan mà chúng ta dùng tại cõi trần, chúng nó thanh nhã hơn giác quan vật chất rất nhiều. Khi người có huệ nhãn ráng sức thu nhập vào óc xác thịt mình cái ký ức về sự hiện diện chốc thời của Thượng Trí, thì người ấy nói nó giống hình bầu dục – (mà quả thật tất cả thể thanh của con người đều có hình bầu dục) – Hình bầu dục này bao xung quanh xác thịt và tủa ra khỏi nó lối 45 phân.

Một người mới chuyển kiếp thú làm người, có một cái Thượng Trí trống rỗng.

Trong trường hợp người thượng cổ, Thượng trí giống như cái bột xà bông vĩ đại. Dòm vô nó, người ta có cảm tưởng nó trống không. Nó chỉ là một lớp da thật mỏng không màu sắc, vừa đủ thấy và hình như vừa đủ tượng hình để làm nơi trú ngụ cho linh hồn đó thôi. Dù Thượng Trí hay Chơn Thân làm bằng chất khí của cõi Thượng Thiên, nhưng vì chất khí ấy còn bất động, nó vẫn không có màu sắc và không trong trẻo. Khi con người tiến hóa thì chất khí của cõi Thượng Thiên linh động do những lần

rung động phát sinh từ các hạ thể giục thúc. Cuộc diễn tiến này quá ư chậm chạp, bởi vì ở giai đoạn tiến hóa đầu tiên, sự hoạt động của con người không có bản tính biểu lộ trong chất khí thanh bai như chất khí của Thượng Trí đặng. Nhưng khi con người vừa đến lúc có được những tư tưởng trừu tượng, những cảm động vị tha, thì liền đó chất khí của Chơn Thân linh động một cách tương xứng.

Những sự rung động được phát lên cách đó để biểu lộ trong Chơn Thân bằng những màu sắc. Cái bọt bong bóng trong trẻo thể kia dần dần trở thành một bầu tròn chứa đầy chất có màu sắc tốt đẹp nhất, mịn màng nhất. Nó hóa ra một vật đẹp tuyệt vời không thể tả đặng.

Nhờ học những hiện tượng tương tự trong thể vía và thể trí, nên đọc giả đã quen với ý nghĩa của những màu sắc khác nhau. Màu hường dợt chỉ tỏ tình thương vị tha. Màu vàng chỉ tỏ sức mạnh của một trí khôn cao thượng. Màu xanh da trời nói lên lòng hy sinh. Màu xanh lá cây là biểu hiệu lòng thiện cảm. Màu hồng phấn trộn với màu xanh da trời chỉ tỏ một tinh thần cao thượng. Cũng những màu ấy mà trong những hạ thể nặng nề hơn thì tự nhiên ít thanh bai và sáng chói hơn.

Mặc dầu trên đường tiến hóa, ở mấy cõi dưới, con người đã thu nhận trong ba hạ thể của mình nhiều tánh xấu, không phù hợp với sự sinh hoạt của Chơn Nhơn, tỷ như những tánh kiêu căng phách lối, giận hờn, dâm dục – song không có một tánh xấu nào thuộc về loại đó có thể biểu lộ đặng trong Thượng Trí. Đồ hình số 4 giải về điều này. Mỗi khu cái vía tác động mạnh vào chất khí của cảnh cái trí tương xứng. Bởi vì những làn rung động thô kịch của cái vía chỉ biểu lộ trong những cảnh thấp của cõi Trung giới chứ không phải trong Thượng Trí. Vì thế, cho nên Thượng Trí (hay Chơn Thân) chỉ chịu ảnh hưởng của ba phần cao cái vía mà thôi. Nhưng các làn rung động của ba phần cao cái vía đó chỉ biểu lộ toàn là những tánh tốt (Xin xem đồ hình số 4)

Cái kết quả thực tế của điều trên đây cho ta biết rằng, con người chỉ mở được tánh tốt trong Chơn Ngã mình mà thôi, và Chơn Ngã là “Con người thực sự” – là “Ego”- Đứng về phương diện linh hồn, thì những tánh xấu chỉ là tạm thời; chúng nó sẽ bị vứt đi trên đường tiến hóa, bởi vì trong linh hồn không có chất khí nào phù hợp với các tánh xấu để biểu lộ chúng nó đặng.

Muốn sáng tỏ vấn đề, chúng tôi xin đọc giả xem những hình màu trong sách của Ông C.W. Leadbeater “L’homme visible et invisible” nơi:

- a) Thượng trí của người còn dã man. Hình V trang 58.
- b) Thượng Trí của người thường nhơn. Hình VIII trang 78.
- c) Thượng trí của người tiến hóa. Hình XXI trang 104.
- d) Thượng trí của một vị La Hán. Hình XXVI trang 120..

Chúng ta đã nói rằng, Thượng Trí một người còn dã man giống như một bọt xà bông vĩ đại, trong trẻo, lấp lánh như màu ốc sa cù. Nó xem dường trống không. Nếu nó có chứa đựng một chút gì là chỉ một vài đức tánh nào đã đoạt trong lúc con người còn làm thú vật và ở trong hồn khóm. Cái Thượng Trí còn non nớt này có những làn rung động yếu ớt; chúng nó biểu lộ bằng những ánh sáng chói có chút ít màu sắc.

Người ta có thể tin rằng, Thượng Trí của người còn dã man, trước nhất là bé nhỏ. Nhưng không đúng vậy, Thượng Trí của y cũng bằng với Thượng Trí của người khác tiến hóa hơn y. Về sau, trên nấc thang tiến hóa tột đỉnh nó sẽ to lớn hơn; lúc ấy là lúc nó chứa đầy đức tánh; chất khí trong nó đều linh động.

Trong trường hợp người thường nhơn, Thượng Trí có chứa thêm chút ít đức tánh rõ ràng. Nó có biểu lộ một vài màu sắc thanh nhẹ và rất tinh vi. Nhưng dòm vào “bọt xà bông” ấy (tức là Chơn Thân hay Thượng Trí) thì ta chỉ thấy nó đầy có phân nửa. Người ta thấy nó có dấu vết trí khôn cao thượng, tình thương vị tha, và chút ít hy sinh. Người ta cũng thấy một vết màu tím thanh nhạt. Đó là biểu tượng một khả năng thương yêu và quên mình, hướng về lý tưởng cao nhất. Trong Thượng Trí đó cũng có một vết màu xanh nhạt, biểu tượng lòng từ bi và tính thiện cảm.

Bao giờ con người khởi phát về tinh thần hoặc về trí khôn cao thượng, thì liền đó có xảy ra sự biến đổi. “Con người thật” khởi sự đâm đương với tính cách kiên trì và tự tư^[1]; nó hoàn toàn khác biệt với tính cách bị hoàn cảnh hay giáo dục đóng khuôn. Cái tính cách tự tư này của Chơn Ngã biểu lộ bằng màu sắc, bề cao; sự chói sáng và sự chính xác của Thượng Trí. Cũng y như phàm ngã biểu lộ bằng thể trí vậy (trừ phi trong trường hợp cái thể cao thanh đẹp hơn là cần kíp)

Đối với người đã phát triển về tinh thần, thì có xảy ra một sự biến đổi triệt để. Lớp da thật mỏng làm bọc cho Thượng Trí trở nên tốt đẹp phi thường, nó có lấp lánh ngũ sắc; và màu sắc nó vô cùng kỳ diệu, để biểu lộ những đức tánh cao cả như tình thương, lòng hy sinh và tính thiện cảm. Những đức tánh này được một trí khôn tinh vi và linh hóa hỗ trợ bằng những hoài bão luôn luôn hướng về Trời. Vài màu sắc này không có trong phân quang đồ mặt nhật (spectre solaire) ở cõi trần.

Chất khí Thượng Trí của người tiến hóa tinh vi không thể tả. Nó rất linh động và rung rẩy sự sống nồng nhiệt. Nó biến thành một bầu tròn sáng lạn, màu sắc rực rỡ; và những làn rung động mạnh của nó đưa lên mặt bầu tròn sáng lạn đó một gợn sóng chói lòa, màu sắc thay đổi liên liên. Những màu sắc này sáng dịu và rực rỡ cho đến nỗi không thể diễn tả được.

Một cái Thượng Trí như thế ấy, chứa đầy một thứ lửa sống; nó là sản phẩm của một cảnh cao hơn. Thượng Trí dính liền với cõi cao hơn kể đó bằng một sợi chỉ mảnh mai rung rẩy và chói ngời. Ấy là đường Kim Quang Tuyền (Sutrâmâ). Điều này làm cho chúng ta nhớ đến đoạn Thánh Kinh Dzyan trong “Giáo Lý Bí Truyền” như vậy: “Tia lửa cột vào ngọn lửa treo lên lưng bằng một sợi chỉ Fohat hết sức nhỏ”. Trong khi linh hồn phát triển và trở nên dần dần phong phú, do cái bề cả tinh thần, thiêng liêng bất tận, đổ trút xuống nó, xuyên qua sợi chỉ này (cũng như xuyên qua con kính vậy), thì sợi chỉ đó bèn lớn rộng ra, để cho lượn sóng, luôn luôn tăng cường, chảy vào – (tận cảnh kể đó) – cho tới chừng nào nó to lớn như cái vòi rồng có khả năng nổi liền trời đất. Và nó còn nổi liền với cảnh cao hơn nữa, với một bầu thế giới, mà xuyên qua đó, chảy ào ào, một mạch suối sống. Mạch suối sống này dường thể làm tan chảy Thượng Trí trong cái ánh sáng chói lòa và tràn ngập đó. Thánh kinh Dzyan còn nói rằng: “Sợi chỉ nổi liền Người canh gác (le Veilleur ou l'Ego) với cái bóng (là Phàm Nhơn) của y; nó trở thành mạnh hơn và chói sáng hơn, mỗi khi biến đổi. Mặt trời buổi bình minh trở thành cái vịnh quang buổi trưa. Ngọn lửa nói với tia lửa rằng: “Đây là cái bánh xe hiện hữu của mi. Mi chính là Ta, là hình ảnh của Ta và cũng là cái bóng của Ta nữa. Mi che phủ Ta, và mi là cái thể (vâhan) của Ta, cho tới ngày nào, mi trở thành Ta và thiên hạ; mi trở thành chính mi và Ta”.

Chúng ta đã nói rằng, đối với người ít tiến hóa, Thượng Trí trước tiên, gần như trống không và hình bầu dục của nó đầy dần dần, theo sự phát triển của nó. Khi nó vừa

^[1] Tự tư là tự cá nhơn mình (personnel)

đầy, thì chẳng những nó nở rộng hình vóc, mà nó còn phóng ra tứ phía những luồng thần lực mạnh mẽ. Đó là một trong những đặc tánh cao quý nhất của con người tiến hóa được dùng làm con kinh cho thần lực cõi cao chảy xuống. Bởi lòng y muốn cho ra và giúp đỡ, nên thần lực thiêng liêng mới tuôn tràn xuống thường xuyên cho y, nó mới đến những người khác còn quá yếu ớt, không thể thu nhận nó một cách trực tiếp được.

Lại nữa, phía trên Thượng Trí nổi lên một vòng tròn sáng rõ giống như cái Vương Miện (la couronne). Đó là biểu hiện của lòng hoài bão hướng về sự hoạt động tinh thần; dĩ nhiên là cái phẩm cách và mỹ lệ của sự hoạt động này càng được gia tăng. Dầu ở cõi trần, con người hoạt động thế nào đi nữa, luồng thần lực sáng lòa này cứ mãi tiếp tục tuôn tràn xuống. Đây là lý do, một khi linh hồn – hay Chơn Ngã (Ego) – đã thức tỉnh trên cõi của nó rồi, thì nó khởi trí thức về chính nó và về sự liên hệ của nó với thiêng liêng; luôn luôn nó quay về Nguồn Cội sanh ra nó; điều này hoàn toàn riêng biệt với sự hoạt động của nó ở cõi trần.

Chúng ta phải nhớ rằng, dù phàm ngã có tiến hóa cao nhất đi nữa, nó cũng chỉ là cái biểu thị yếu ớt của Chơn Ngã thực sự và cao cả mà thôi. Nhon đó, Chơn Ngã cao cả này, khi vừa nhìn xung quanh mình, thì đã phát giác đặng vô số khả năng mà nó mới hiểu được trong kiếp sống nhơn sanh quá eo hẹp này.

Sự hoài bão tinh thần ấy mang đến cho người tiến hóa sự vinh quang quá vĩ đại; chính nó là con kinh để chuyển di thần lực thiêng liêng xuống cõi trần. Bởi vậy, hễ lòng hoài bão của y càng mãnh liệt và vĩ đại chừng nào, thì ân huệ cõi trên càng xuống cho y nhiều chừng nấy.

Khi Thượng Trí đó là của một vị La Hán (nghĩa là người đã được bốn lần Điểm Đạo ^[1]) thì màu sắc của nó có hai đặc tánh khác biệt với cõi trần. Chúng nó tinh anh hơn và linh hóa (éthérées) hơn tất cả màu sắc mà chúng ta đã miêu tả. Lại nữa, chúng nó còn sắc sỡ hơn, chói sáng hơn và rạng ngời hơn. Hình vóc của Thượng Trí cao lớn hơn hình vóc của xác thịt; và khi người ta dòm vào nó, sẽ thấy có một sự phát triển trí khôn kỳ diệu, cao thâm nhất. Người ta cũng thấy có tình thương, lòng hy sinh, tính thiện cảm và tinh thần tính nữa. Những băng màu, chạy theo vòng đai Thượng Trí, đều là những vòng tròn đồng trung tâm điểm. Từ trung tâm điểm đó, chảy tuôn ra ngoài, xuyên qua mấy băng màu ấy, nhiều triệu lưu ánh sáng trắng tinh. Sự phát ra ảnh hưởng thiêng liêng cũng được tăng cường, bởi vì con người tiến hóa đó đã trở thành con kinh gần hoàn bị cho sức sống và uy lực của Thượng Đế. Chẳng những vẻ vinh quang của Thượng Đế chói lọi trong người y bằng cái ánh sáng trắng tinh ấy, mà tất cả màu sắc của cái móng đều lóng lánh trên đó, chúng nó thay đổi như ốc sa cừ. Nhon đó, mà trong vùng ánh sáng này có một cái gì làm gia tăng đức tánh cao quý của những ai lại gần nó. Không có một người nào chịu ảnh hưởng của nó mà không được ân huệ bao giờ. Nó chói lòa xung quanh giống như mặt trời vậy, bởi vì, cũng y như mặt trời, nó đã trở thành một biểu lộ của Thượng Đế.

^[1] Điểm Đạo là được chấp nhận vào ngôi thứ trong Quân Tiên Hội sau một cuộc thử thách tinh thần trọng đại (Lời Dịch-giải)

Thượng Trí của các vị Chơn Tiên hay các Đức Thầy Minh Triết còn to lớn hơn nhiều ^[1]. Nó chói lòa một cách kỳ diệu phi thường, trí phàm không thể diễn tả nổi sự mỹ lệ của nó, và không có lời nào của thế nhơn có thể nói lên được sự tốt đẹp về hình dáng và màu sắc của nó, bởi vì như Ông Leadbeater nói, ngôn ngữ phàm trần không có danh từ đúng để diễn tả những bầu tròn chói rực đó với màu sắc lóng lánh, lấp lánh luôn luôn biến đổi. Một cái thể phi thường như thế là thành phần con người chúng ta rất đáng cho chúng ta sưu tầm một cách đặc biệt. Nhưng công việc này hình như quá sức cho những ai chưa được tiến bước trên đường đạo.

Cũng giống như trong Thượng Trí của một vị La Hán, màu sắc của Thượng Trí ấy, không còn xoay vần như con trót nữa, mà lại sắp xếp thành những vòng đai đồng một trung tâm điểm. Từ Đức Thượng Đế, như một trung tâm phát ra những ánh sáng chói lòa, đi xuyên qua khắp cùng mấy vòng đai đó.

Sự sắp xếp màu sắc này, tùy theo “Cung” ^[2] của Chơn Sư. Vậy những vòng hào quang vinh diệu của Ngài có nhiều thứ khác nhau. Có một tục lệ tuyệt đối trung kiên về sự kiện này đã được giữ gìn bằng cách miêu tả vụng về Đức Phật, trên vách chùa tại Tích Lan. Tôn Sư, Phật Ngài được khắc trên vách với vòng tròn xung quanh đầu. Màu sắc và cách sắp xếp tổng quát đều sai hẳn; đừng nói chi là cái thể thanh cao của Đức Phật, mà chỉ nói đến cái thể thanh cao của một vị Chơn Tiên hay của người phàm nhơn thì cũng trật lất, vì hình khắc trong vách đó quá ư thô kệch.

Đôi khi, người ta chỉ định Thượng Trí bằng danh từ: “oeuf aurique” (nghĩa là có hình hột gà) bên trong có ứng một cánh buồm có bốn chèo. Nhưng khi bà Blavatsky nói đến “oeuf aurique” thì hình như bà nghĩ đến bốn hột nguyên tử trường tồn – đúng hơn là bà nghĩ đến hột nguyên tử trường tồn cái xác và cái vía, rồi bà nghĩ đến đơn vị hạ trí và hột nguyên tử trường tồn cái trí – chúng nó cùng bọc kín trong chất khí của cõi Niết Bàn

Người ta cũng gọi nó là Augoeide nghĩa là con người vinh quang. Nó không phải là hình ảnh của một trong nhiều hạ thể của dĩ vãng, mà nó có, bên trong của nó, cái tinh ba của cõi hạ thể. Nhơn đó nó nói lên, một cách khá đúng đắn cái ý Trời muốn cho con người phải như thế nào trên bước đường kinh nghiệm và tiến bộ? Bởi vì, như chúng ta đã nói, trong khi quan sát Thượng Trí, chúng ta thấy được con người ở giai đoạn tiến hóa nào. Chẳng những chúng ta thấy dĩ vãng của y, mà còn thấy đang một phần lớn tương lai của y nữa.

Hình ảnh Chơn Ngã (Ego) bên trong Thượng Trí (Chơn Thân) là cái hình ảnh gần giống với “Nghĩ-Hình” ^[3]. Con người càng tiến hóa chừng nào, thì càng đi gần đến Nghĩ Hình đó chừng nấy. Hình dáng của con người, trong Thái Dương Hệ đặc biệt

^[1] Đức Chơn Sư là Đấng đã đi mút đường tiến hóa của nhơn sanh rồi. Ngài hết còn chịu luật Nhơn Quả và Luân Hồi nữa. Ngài tự ý đầu thai hay không, chớ không còn bị bắt buộc nữa. Và Ngài cũng tự ý giữ Chơn Thân hay vứt nó qua một bên để lấy cái thể khác tinh vi hơn.

^[2] “Cung” đây có nghĩa là đặc tánh của mỗi người. Dù dưới thế gian có mấy muôn triệu người đi nữa, nhưng chỉ chia làm bảy hạng mà thôi: 1- Hạng Ý Chí; 2- Hạng Minh Triết và Bác Ái; 3- Hạng Thích Nghi; 4- Hạng Mỹ Lệ; 5- Hạng Khoa Học; 6- Hạng Tôn Sùng; 7- Hạng Nghi Lễ. (Xin xem quyển Võ Trụ và Con Người thì biết rõ)

^[3] Nghĩ hình là hình kiểu mẫu (archetype) do Đức Thượng Đế vẽ ra. Trước khi tạo lập vũ trụ và muôn loài, Ngài đã có ẩn trong trí của Ngài những Nghĩ Hình này.

của chúng ta, dường như được cho là tốt đẹp nhất. Nó có thể thay đổi chút đỉnh trong các hành tinh khác, nhưng nó cũng vẫn là thế. Ở các Thái Dương Hệ khác, hình dáng con người “có thể” không giống với hình dáng con người ở Thái Dương Hệ của chúng ta. Chúng ta nói “có thể” là vì điểm đó, chúng ta không làm sao có được tin tức gì.

Prâna hay Sinh Lực có ở mọi cõi, vậy nó có vai trò trong Thượng Trí, nhưng chúng ta cũng chưa biết gì về nó nữa.

Tuy nhiên chúng ta có thể ghi nhận rằng, khi Thượng Trí vừa được lập thành, thì Prâna lưu thông trong hệ thống thần kinh của xác thịt; và dựa theo sự tiến hóa của con người, nó tăng cường vĩ đại và cứ mãi tăng cường. Bởi vì, khi tâm thức trở thành linh hoạt trên cõi Thượng Giới và trên các khu vực cao nhất, thì Prâna của cõi ấy lại trộn lẫn với Prâna của cõi dưới.

Trong Thượng Trí cũng như trong mọi hạ thể khác, người ta thấy có những Luân Xa (Chakras) hay là những Trung Tâm Lực, ngoài những nhiệm vụ khác được dùng làm thiết điểm (point de contact) cho những mãnh lực đi từ hạ thể này đến hạ thể khác, đến nay, người ta chưa biết gì về những Luân Xa của Thượng Trí.

CHƯƠNG THỨ TƯ

TƯ- TƯỢNG THƯỢNG-TRÍ

Như người ta đã biết, cõi Thượng Giới là cõi hoạt động của Thể Trí con người. Cõi này chia làm hai phần: phần trên có ba cảnh và phần dưới có bốn cảnh. Phần trên gọi là vô sắc giới (Arupa) thuộc về những ý niệm trừu tượng như: bác ái, hy sinh, v.v... còn phần dưới là sắc giới (Rupa) thuộc về những ý niệm cụ thể như: con người, đồ vật, toán số, ...

Trong con người, khi trí khôn hoạt động trong Thượng Trí, thì tư tưởng thuộc về loại trừu tượng; còn trí khôn hoạt động trong thể hạ trí, thì tư tưởng thuộc về loại cụ thể. Trí khôn có được sự hiểu biết là nhờ các giác quan, trong khi quan sát, giúp đỡ nó. Nó nghiên cứu những tri giác để đi đến hiểu biết. Những quan năng của trí khôn là: sự lưu ý, trí ghi nhớ, sự suy luận bằng cách qui nạp hay tương giải và tương tượng v.v ... Những danh từ “vô sắc tướng” (arupa) và “sắc tướng” (rupa) dùng để ám chỉ bản tánh của chất khí trên cõi Thượng giới. Trong thể hạ trí, tư tưởng con người tác động chất thượng thanh khí; chất này dễ uốn nắn thành hình thể rõ rệt. Còn trong thể Thượng Trí thì lại khác, sự kiện không xảy ra như thế. Trên cảnh cao hơn, tư tưởng trừu tượng kích động nhãn quang của nhà có thần nhãn bằng làn chớp hay những tia xet. Tại cảnh “vô sắc tướng” sự dị biệt của những hậu quả tư tưởng rất là rõ rệt, như là những điều gì liên hệ đến loài tinh hoa. Sự xáo trộn trong chất thượng thanh khí, thì dù ở tại cảnh “vô sắc tướng” hay “sắc tướng” cũng đều giống nhau, nhưng nó rất mãnh liệt ở cảnh “vô sắc tướng” vì cảnh này thanh cao hơn nhiều. Còn nói về loài tinh hoa tại đó, thì nó không tạo ra một hình thể nào, mà cách tác động lại hoàn toàn khác biệt. Tại những cảnh thấp của cõi Thượng Giới (tức là cõi Hạ Thiên) khi một hình thể tinh hoa – hay một hình tư tưởng nào đã được tạo ra – thì hình ấy bay lượn vờ xung quanh người

đã được tưởng nhớ đến, để cho nó thừa cơ hội tốt, thổi thần lực vào thể trí hay thể vía của y, hoặc chí đến thể xác của y nữa.

Nhưng trái lại, trên ba cảnh cao của cõi Thượng Thiên, lại lộ ra một làn chớp chói lòa, xuất phát từ tinh hoa thể Thượng Trí của “Nhà Tư Tưởng”, để đi thẳng đến thể Thượng Trí của người được tưởng nhớ đó. Vậy, trên những cảnh thấp của cõi Thượng Giới, tư tưởng luôn luôn hướng đến một phạm nhơn duy nhất nào đó. Còn trên những cảnh cao của cõi Thượng Giới, tư tưởng luôn luôn hướng đến Chơn Nhơn ẩn trong xác phàm (tức là con người thật). Đó là điều ta nên nhớ, nếu tin truyền thuộc về phàm ngã, thì nó chỉ đến từ trên cao, xuyên qua Thượng Trí.

Người ta cho rằng, quan sát sự biến đổi một tư tưởng trừu tượng (hay vô sắc tướng) thành ra tư tưởng cụ thể - (hay sắc tướng có bao bọc chất khí của bốn cảnh thấp) – là một quang cảnh phi thường.

Cái ví dụ đặc trưng và đơn giản về đó là hình tam giác. Dù khó mà giải thích bằng danh từ trần gian, chớ cái ý niệm về hình tam giác là một sự thật ở cảnh vô sắc tướng. Nó ám chỉ một đồ hình không hiện tồn (non-existante) mà vẫn có (et pourtant en est une). Cái đồ hình chưa phải là một đồ hình đặc biệt : nó định giới bằng ba đường. Nhưng ba đường này không phải là ba đường đặc biệt: bản tính của ba góc bằng hai góc vuông (angles droits) nhưng chúng nó chẳng phải là những góc đặc biệt. Trên cảnh vô sắc tướng (arupa), cái ý niệm trừu tượng về một hình tam giác này là điều có thật. Nhờ quan năng của Thượng Trí người ta thấy đặng cái ý niệm ấy, hoặc giả người ta biết đặng nó. Đó là một sự kiện của tâm thức; nó ở bên ngoài nhà quan sát, dù nó không phải cái mà ta gọi là hình tam giác.

Nếu một hình tam giác trừu tượng như thế ấy mà để kề cận với chất khí của những cảnh sắc tướng thì nó liền hóa ra vô số hình tam giác khác. Mỗi hình tam giác có một hình dáng nhất định. Có đủ loại hình tam giác mà ta biết (ba cạnh bằng nhau, hai cạnh bằng nhau, ba cạnh khác nhau, có một góc đứng, một góc nhọn, một góc bẹt) và tất cả đều được thấy rõ.

Nếu một ý niệm trừu tượng về hình tam giác đạt tới Thượng Trí thì quan sát viên sẽ trở thành một dòng suối hình tam giác, tung rải mọi phía, cũng như cây nước dâng lên ít nhiều đồng đều, rồi rớt xuống như mưa, tỏa ra vô số giọt nước. Có lẽ đó là một sự so sánh hữu hình hay nhất về sự diễn tiến đó.

Trong quyển Hạ Trí chúng ta đã giải nhiều về tư tưởng cụ thể. Tư tưởng này dĩ nhiên lấy hình vật mà người ta nghĩ đến. Những ý niệm trừu tượng rơi vào cảnh sắc tướng (rupa) thì thường lấy hình kỷ hà học (des figures géométriques) hoàn toàn nhất và đẹp dễ nhất. Tuy nhiên, ta chớ quên rằng, những tư tưởng tại cõi hồng trần hoàn toàn trừu tượng, đều trở thành những việc cụ thể trên cõi trí.

Tâm thức Thượng Trí (la conscience causale) lo lắng về phần tinh túy của một vật; còn trí khôn chỉ học về chi tiết của nó. Với trí khôn ta nói quanh một vấn đề, hoặc giả, ta ráng sức giải thích nó; còn với tâm thức Thượng Trí, ta nhận thức đặng cái tinh ba của câu chuyện và ta làm lay động toàn thể, cũng như người ta di động các con cờ trong bàn cờ vậy.

Cõi Thượng Thiên (arupa) là cõi của những điều có thực. Nó không có những sự cảm động, những ý niệm hay những tri giác, mà nó có chính cái vật đó.

Cần nên miêu tả - (với nhiều chi tiết hơn) – cách thức để hoạt động tư tưởng Thượng Trí, Hạ Trí chỉ bám vào hình ảnh tư tưởng do giác quan tạo ra, và nó chỉ luận

xét về đồ vật cụ thể cùng lo những thuộc tính của đồ vật để phân biệt cái này khác với cái kia. Còn, trái lại, Chơn Ngã dùng tâm thức Thượng Trí; nó có năng lực phân biệt rõ rệt, giữa nhiều đồ vật, bằng sự dị biệt của chúng nó. Thoạt tiên, Thượng Trí khởi gom những đồ vật lại, tùy theo đặc tánh, dù chúng nó không giống nhau; như thế nó tạo ra một sự liên quan giữa chúng nó. Thượng Trí bèn rút ra trong các đồ vật đó cái bản tánh chung, và để những thứ nào có bản tánh chung đó riêng biệt với những thứ nào không có. Nhơn đó, nó mở được cái quan năng nhận thức đặng sự đồng nhứt trong sự dị biệt. Và điều này là một bước ở tương lai để nhận thức Đấng Duy Nhứt ẩn trong muôn hình vạn trạng.

Thượng Trí sắp loại tất cả những gì xung quanh nó. Nó làm phát triển cái quan năng tổng hợp (synthèse) và tập kiến thiết cũng như phân tích.

Chẳng bao lâu, nó sẽ bước lên một nấc nữa, và sẽ biết được sự đồng tính như là một ý niệm, chia ly với những đồ vật có ý niệm đó. Như vậy, nó tạo ra một hình tư tưởng cao siêu hơn là hình của đồ vật cụ thể. Cái hình tư tưởng cao siêu đó không có trong cõi vật chất, mà có trong những cảnh cao của cõi Thượng Giới (là cõi Thượng Thiên) nó làm vật liệu cho Chơn Ngã dùng.

Hạ Trí đạt đặng ý niệm trừu tượng bằng cách suy lý. Trong khi suy lý, hạ trí rán sức đưa mình lên cao đến ngưỡng cửa vô sắc tướng (arupa) hay Thượng Thiên và trông thấy một cách mờ mờ cái gì ở xa xa trên đó.

“Người Tư-tưởng” nhờ tâm thức Thượng Trí, thấy đặng những ý niệm này và luôn luôn sống với chúng nó. Hễ y càng tác động và mở mang cái quan năng suy gẫm trừu tượng nhiều chừng nào, thì y càng trở nên hữu dụng cho những người xung quanh y nhiều chừng nấy. Lại nữa, trong hoàn cảnh ấy, y có thể mở rộng tâm hoạt động của y nhiều hơn.

Con người như thế đó ít lo đến đời sống của giác quan, sự quan sát ở ngoại giới và sự áp dụng trí óc vào những hình ảnh cụ thể. Những quan năng của y đều hướng vào trong và hết tìm sự thỏa mãn bên ngoài. Y rút vào nội tâm. Trong cảnh an nhàn, y chuyên chú vào những bài toán triết lý, những phương diện uyên thâm của đời sống và của tư tưởng. Y tìm hiểu nguyên nhân, trong khi tự mình bị những hậu quả của chúng nó làm cho xáo trộn. Và càng ngày y càng đi lần đến sự nhận thức đấng Duy Nhứt ẩn tàng trong muôn hình vạn trạng của thiên nhiên bên ngoài.

Trong quyển Hạ Trí, chúng ta đã giải thích cách đi từ hạ trí đến tâm thức của Thượng Trí bằng phương pháp định trí, tham thiền, đại định (contemplation). Vậy cũng nên nhắc lại ở đây, nơi đoạn sau.

Trên cảnh cao của cõi Thượng Giới, tư tưởng tác động mãnh liệt hơn ở các cõi dưới: lý do là vì ít người có khả năng suy nghĩ trên cảnh đó, và những tư tưởng phát sinh tại đây rất là đơn độc; ít có thứ giống như vậy, nên không có sự đụng chạm.

Đa số tư tưởng của người thường nhơn đều phát sinh từ hạ trí trên những cảnh thấp của Thượng Giới; chúng nó bị loài tinh hoa Trung giới tương hợp bao vây. Nhưng khi một người kia tác động đến cảnh vô sắc tướng (tức là cảnh của Thượng Trí) thì tư tưởng của y phát sanh từ đó. Trước tiên, tư tưởng này bị loài tinh hoa của cõi hạ trí bao vây; nhơn đó, nó rất thanh bai, rất sâu sắc, và linh động hơn trong mọi phương diện.

Nếu tư tưởng tuyệt đối hướng về những tôn chỉ cao thượng, thì sự rung động của nó có bản tính quá thanh bai nên không thể biểu lộ tại cõi Trung giới được. Nhưng

nếu, những làn rung động này cảm kích dạng chất khí thấp đó (tức là chất khí cõi Trung giới) thì hậu quả của chúng nó sẽ còn linh hiệu nhiều hơn là những làn rung động phát sanh từ mức thấp của cõi trí.

Chúng ta hãy đi xa hơn cuộc suy luận này, rõ ràng là tư tưởng của nhà được Điểm đạo lấy nguồn từ trên cõi Bồ Đề - là cõi hoàn toàn cao hơn cõi Thượng giới. Tư tưởng ấy sẽ bị chất tinh hoa tại những cảnh Thượng thiên (Arupa) bao vây. Cũng giống như vậy, tư tưởng của Đấng Chơn Tiên (Adepte) sẽ từ cõi Niết Bàn (Atmā) xuống; nó có một sức mạnh ghê hồn và vô biên, ngoài sức tưởng tượng của người đời.

Vậy, quả thật là công việc làm một ngày trên những cõi cao như thế sẽ mang đến một kết quả gấp bội hơn là nhiều muôn năm công phu tại cõi trần.

Người nào chưa quen suy gẫm trừu tượng, mà ráng sức quá nhiều e bị bệnh nhức đầu. Sự nhức đầu ám chỉ rằng hệ thống trí não bị cưỡng ép quá mức. Sự tham thiền đều đều và trong nhiều năm sẽ xuôi cho tâm thức Thượng Trí kích động tâm thức Hạ trí. Như vậy, tư tưởng trừu tượng sẽ nảy sanh ra được trên những cảnh Thượng Thiên mà không sợ mệt óc.

Khi người ta ráng sức có được một ý niệm trừu tượng tỷ như về hình tam giác thì người ta có thể khinh xuất bằng có một ý muốn nắm lấy cho được cái ý niệm trừu tượng ấy. Về sau, tâm thức sẽ biến đổi và sẽ trở nên rõ rệt. Điều này chỉ rằng, trung tâm của tâm thức đã chuyển di từ Hạ trí đến Thượng Trí; và người ta, từ trong Thượng Trí tri thức dạng một sự sống riêng biệt ở từ bên ngoài.

Chính cái “trực giác” của Thượng Trí biết được cái gì ở ngoài nó. “Trực-giác” của Bồ Đề, (mà ta sẽ thấy ở chương sau), biết được cái gì ở trong nó, và khiến cho nó có thể, từ bên trong, thấy dạng đồ vật. Nhờ trực giác của trí thức mà người ta biết được sự gì ở bên ngoài mình.

Dù có sự dị biệt giữa cách hoạt động của Hạ Trí và Thượng Trí, chớ “Manas” vẫn một, Manas là con người suy nghĩ (le Penseur) vẫn là một mà thôi. Con người Tư tưởng (le Penseur) đang ở trong Thượng Trí. Người ấy là Nguồn Thần Lực vô biên, là Nguồn Rung Động của vô số thứ. Chính người đó phát huy chúng nó, và tủa rải chúng nó ra ngoài. Những làn rung động thanh bai nhút và trong nhẹ nhút đều biểu lộ trong Thượng Trí, và chỉ có Thượng Trí mới có đủ sự trong sạch đáp ứng lại chúng nó dạng mà thôi. Chúng nó là Chánh Lý (Rais ou pure) của những tư tưởng trừu tượng. Và phương cách để đạt sự hiểu biết này là trực giác. Cái bản tính thực của trực giác là Biết. Nháng qua là nó biết ngay sự thực, bởi vì sự thực phù hợp với nó.

Những làn rung động ít thanh bai hơn, - do nhà tư-tưởng phát ra – di chuyển qua chất khí của Hạ trí, mà chính nó thu hút, rồi nó trở thành những tác động của hạ trí, như ta đã thấy.

Có một điều đáng tiếc là Bồ Đề, đôi khi cũng được gọi là “Chánh Lý” và những quan năng của nó cũng được gọi là “trực giác”. Về sau nhờ sự tiến bộ của khoa Tâm Lý Học, chắc chắn người ta sẽ tìm dạng những danh từ phù hợp hơn để áp dụng một cách phân biệt cho tâm thức Thượng-Trí và những quan năng Bồ Đề. (Cũng như Chánh Lý của Bồ Đề, người ta gọi là Huệ, còn trực giác của Bồ Đề người ta gọi là Huệ Giác.

Cái Chơn bản tánh của Manas là “Khoa-học”. Bởi vì Manas làm bằng chất khí của cảnh cao nhút của cõi Thượng Thiên (Arupa). Nó thuộc về trạng thái Minh Triết của Chơn ngã, cho nên nó có khả năng, thoát nhìn qua, là biết liền đâu là sự thực. Sở

đã có dạng điều này là khi nào Hạ trí, với những quan năng suy luận chậm chạp của nó, đã bị Thượng Trí lướt qua rồi. Bởi vì, mỗi lần “Chơn-ngã” – (có bản tánh Minh triết) – đứng trước một sự thực, thì sự thực đó phát ra những làn rung động điều hòa tạo ra một hình ảnh suông sẻ trong tâm nó, còn nếu là sự giả thì sự giả sẽ tạo ra một hình ảnh không suông sẻ, thiếu cân đối, nó tự nói lên cái giả của nó.

Dần dần Hạ trí hết còn choán phần quan trọng nữa, thì những quan năng của Chơn Ngã phát hiện, và trực giác – (mà người ta có thể so sánh với sự thấy trực tiếp tại cõi hồng trần) – sẽ thay vào suy luận. Suy luận giống như xúc giác, có nghĩa là sờ soạng.

Ấy vậy, trực giác phát triển nhờ suy luận, cũng như thị giác phát triển nhờ sờ soạng (par le toucher)

Ta nên phân biệt “chơn trực giác” với cái gọi là “trực giác” của những người còn thiếu sự khôn ngoan. Cái trực giác sau này chỉ là một sự xung động (impulsion) do dục vọng sanh ra, chỉ nên chẳng những nó không cao hơn mà trái lại còn kém hơn sự suy luận nữa.

Tác động của tư tưởng khiêu gọi những vòng khu ốc (les spirilles) trong hột nguyên tử hồng trần. Nhơn đó, những người suy nghĩ một cách rõ rệt và khôn ngoan, chẳng những họ tăng cường những quan năng của chính họ, mà còn làm phát triển, cho kẻ khác, cái chất khí tinh ba cao thượng của họ, khiến cho họ dễ có dạng những tư tưởng thanh cao.

Trong quyển “Thê Phách con người” có nói về cái Luân xa (Trung tâm lực Chakrâ) nơi đỉnh đầu. Luân xa đó dùng sinh lực (Prâna) màu xanh đậm; nó liên đới với nguyên lý của Thượng Trí.

CHƯƠNG THỨ NĂM

QUAN NĂNG CỦA THƯỢNG TRÍ.

Ở trước ta đã thấy rằng: Chơn Thân (hay Thượng Trí) chỉ chứa đựng những yếu tố tốt của con người mà thôi, bởi vì nơi đây, cái gì xấu không có phương tiện biểu lộ dạng

Đối với người còn sơ khai, thì Chơn Thân phát triển rất chậm, vì lẽ trong đó không có tình cảm hay tư tưởng gì thuộc về cõi cao thượng có thể làm nền tảng để được khiêu gọi những làn rung động tốt.

Những tật xấu - dù kiên trì trong nhiều năm, cũng không thể làm bản dạng Chơn Thân; chúng nó chỉ kéo trì sự phát triển đức tánh trái nghịch với chúng nó mà thôi.

Hễ phạm nhơn có một tật xấu nào là ám chỉ Chơn Thân đã thiếu đức tánh tương phản với nó. Bởi vì Chơn Nhơn không thể có tánh xấu dạng, mặc dầu nó chưa hoàn toàn. Những đức tánh do Chơn Nhơn làm nảy nở là toàn những đức tánh tốt đẹp. Khi chúng nó được đặt để an bài rồi, thì chúng nó hiện lên trong mọi kiếp của phạm nhơn.

Và lại, phàm nhơn không thể nào có tật xấu tương phản với đức tánh của nó đặng; tỷ như phàm nhơn có đức ôn hòa thì làm sao có tánh nóng nảy đặng ?

Một đức tánh nào chưa linh động trong Chơn Nhơn, nhưng nó có trong trạng thái tiềm thức. Khi nó được đem ra tác động, thì liền đó sự rung động mãnh liệt của nó sẽ ảnh hưởng đến những hạ thể, và không có tật xấu nào tương phản với nó mà trú ẩn nơi đó được.

Trong Chơn Thân người còn dã man, ta thấy như trống không. Đó là triệu chứng không có đức tánh nào mở mang cả. Điều này không có nghĩa là phàm nhơn có một tật xấu đặc biệt nào. Nhưng nó ám chỉ rằng, trong phàm nhơn, không có cái gì tích cực để ngăn chặn sự nảy nở của tật xấu ấy, Nhưng chắc chắn xung quanh phàm nhơn đó có những người bị máng phải tật xấu này; và bởi con người hay có tánh bất chước, cho nên tật xấu mới có hy vọng phát triển được. Tuy nhiên, tật xấu chỉ thuộc về các hạ thể, chứ không bao giờ thuộc về “Con Ngươi thật”, và trú ngụ trong Chơn Thân. Trong mấy hạ thể ấy, tật xấu bị chai lỳ; nó có thể xúi dục mãnh liệt, nên khó lòng mà chống trả đặng. Nhưng nếu Chơn Nhơn linh động và tự tạo một đức tánh tương phản, thì tật xấu này sẽ bị chặc ngay ở gốc, rồi nó sẽ bị tiêu diệt trong kiếp này và trong những kiếp vị lai.

Muốn diệt trừ tánh xấu một cách hữu hiệu – (nghĩa là không cho nó tái sanh lại nữa) – thì người ta phải làm cho Chơn Thân được đầy, tức là đem bít chỗ trống của nó bằng những đức tánh. Bởi vì, một khi các đức tánh hiện lên, và đức thành tánh tình của con người rồi, thì đâu còn chỗ trống để cho tánh xấu tương phản trú ngụ?.

Chơn Nhơn không thể nào đồng hóa đặng với cái gì xấu xa, bởi vì cái xấu xa không lên tới cõi của nó được. Chơn Nhơn, thật ra, không biết đến sự xấu. Nó không hiểu sự xấu ra sao vì nó không tiếp đặng cái cảm giác nào về sự xấu cả. Cái tai hại duy nhất của nhiều kiếp sống với sự xấu xa ác độc là làm cho Chơn Thân mất nhuệ tính tiếp thu điều thiện. Nếu đời sống trong sự ác độc kéo dài chừng nào, thì ta cần phải dùng nhiều thi giờ chừng nấy để gọi lại sự tác động trong điều thiện, vì Chơn Thân đã bị điều ác làm cho bất động và mất đi nhuệ khí.

Người ta đã dùng nhãn quang để chứng minh điều này. Người ta quan sát Chơn Thân của kẻ dã man, thì thấy nó không bị hư hại do một loạt kiếp hư hỏng của đương sự, Người ta chỉ thấy nó ở trong trạng thái mê mẩn trong nhiều năm như vậy. Nhơn đó, mà phải cần nhiều kiếp mới làm cho nó trở nên linh động đặng. Tuy nhiên trường hợp đó rất hiếm có.

Nếu Chơn Nhơn đủ sức mạnh về tinh thần và về ý chí, nhưng thiếu mở mang về tình thương và tính vị tha, thì nó rút vào trung tâm nó, trong khi phải nảy nở tung tóe ra ngoài; nhơn đó mà cá nhơn dựng xung quanh y một tấm vách tường ích kỷ và dùng quan năng để phát triển lợi lộc riêng cho mình, chứ không làm những việc vị tha để giúp ích đồng bào.

Trong những trường hợp giống như vậy, cá nhơn tự ý chống đối với sự tiến hóa của mình. Chơn Thân của y bị bao vây bởi một màu sậm, do sự co rút bên trong. Nó mất đi sự chói lòa tung tóe ra bên ngoài là đặc tánh của nó. Sự tai hại to tát này chỉ do một Chơn Nhơn tiến hóa khá, có đủ sức mạnh, chứ một Chơn Nhơn yếu ớt, vừa mới tiến hóa thì làm gì gây được một sự tổn hại to lớn sâu đậm như thế.

Vì lý do đó, mà sự tham lam, tánh phách lối và những quan năng trí thức nhắm vào mục đích ích kỷ đều rất nguy hại, rất bất hạnh trong kết quả của chúng nó hơn là

những tật xấu khác. Nói đến đây chúng ta nhớ đến kẻ phù thủy – là vị chủ tể của dục vọng và đam mê; y đã mở mang ý chí và những đức tánh trí thức tối thượng; không phải để dùng để giúp đỡ sự tiến hóa chung của nhơn loại, mà là để chiếm đoạt, chớ không có một ý gì chia sẻ cho ai cái kết quả mà y đã thu thập. Những người như vậy đi ngược với sự đoàn kết, họ gieo rắc hận thù và chia ly, họ răn kéo lùi sự tiến hóa, trong khi phải hối thúc nó. Họ thuộc về phái Bàn Môn, Tà Đạo. Sự rung động của họ đi ngược với sự rung động của quần chúng. E cho họ làm mất đi cái kết quả tiến hóa của họ đã qua, để rồi phải lập lại từ khi khởi thủy, vì luật Trời không cho ai đi ngược với triều lưu tiến hóa cả. Bây giờ, mình không chịu làm theo luật tiến hóa, thì ngày mai mình cũng phải bị bắt buộc làm theo nó, chạy trốn đàng nào cũng không khỏi. Tốt hơn là bây giờ mình khởi sự học luật đó đi và răn làm theo. Nho giáo có nói: “Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong” kia mà.

Đến đây, chúng ta đã nói nhiều về sự tác động của tật xấu đối với sự tiến triển của con người. Bây giờ, chúng ta hãy xem qua khía cạnh khác.

Những ai mới khởi hiểu về “Chơn Thân” là gì, thì nên lấy nó mà làm mục đích tiến hóa của mình.

Họ răn sức mở mang Chơn Thân bằng cách răn sức suy nghĩ, cảm biết, và tác động một cách vô tư, nghĩa là không ích kỷ. Họ răn sức hiểu qua sự hoạt động và nhiệm vụ của nó trên đường phát triển của nó. Sự tiến hóa của con người vẫn liên tục kiếp này qua kiếp khác, Và trong khi chúng ta cố gắng, kiên trì một cách hữu ý để trợ lực cho sự phát triển của Chơn Thân, chúng ta tác động đồng nhịp với Thiên Cơ, chúng ta làm tròn Thiên Ý đã đưa chúng ta xuống thế gian này. Không có cái chi tốt đã nhập vào Chơn Thân mà lại bị mất đi được. Bởi vì bao giờ con người còn sống, thì Chơn Thân mãi còn.

Ấy vậy, người ta thấy rằng, sự ác, chiếu theo luật tiến hóa, dù sâu đậm thế nào đi nữa, bên trong của nó cũng có mầm tự tiêu diệt; còn điều thiện, dù ít cách mấy, bên trong của nó cũng có mầm vĩnh cửu. Điều bí ẩn trong sự kiện này là, sự ác không bao giờ có sự điều hòa với luật Trời, nó đi nghịch với Thiên Cơ. Vậy sớm muộn gì nó cũng sẽ vấp phải cái luật thiêng liêng đó, và sẽ bị nó đè bẹp. Còn sự thiện thì trái ngược lại; nó điều hòa với Luật Trời; Luật Trời dắt dẫn và điều khiển nó. Nó là thành phần của sự tiến hóa. Nhơn đó, nó không thể nào bị hủy diệt được cả.

Ta thí dụ rằng, mọi sự kinh nghiệm của con người đều bỏ vào cái rây, cái gì thiện sẽ lọt qua rây, còn cái gì ác thì nằm trên rây và nó sẽ bị vớt đi. Việc làm đó bảo đảm cái hy vọng tối thượng của con người và đưa đến cho y sự thành công sau cùng, vì nhờ sự chọn lọc điều lành và vớt đi sự dữ mà Chơn Thân con người được thành lập. Dù sự tiến triển có chậm chạp bực nào, dù con đường có diệu viển thế mấy đi nữa, nó cũng đưa người đến mức tốt đỉnh tinh thần.

Ta biết rằng, cái “ta” của ta tiến triển, và không thể nào bị tiêu diệt hoàn toàn đặng, dù sự điên rồ của ta đã làm cho ta trễ bước. Vả lại, ta đã nói ở trước, cái gì thiện, dù ít ỏi thế mấy, một khi đã nhập vào Chơn Thân rồi, thì sẽ còn mãi mãi trong những kiếp vị lai.

Chơn Thân không thể chứa đựng được cái gì xấu xa của phàm ngã. Theo luật công bình của vũ trụ, thì mỗi người phải gánh chịu hậu quả của hành vi mình – dù là tốt hay xấu. Nhưng điều ác phải biểu lộ tại các cõi dưới, bởi vì chỉ nơi đây, mới có những chất khí tương xứng để tạo ra những làn rung động thô kịch của nó mà thôi.

Trong Chơn Thân không có tiếng dội nào về đó cả. Nói cho đúng, thì hậu quả của tật xấu chông chất trong đơn vị cái trí và trong những nguyên tử trường tồn cái vía và cái xác (dans les atomes permanents astral et physique) như đó, mà kiếp này sang kiếp kia, con người tránh không khỏi những hậu quả của hành vi xấu của mình.

Còn những hành vi tốt đẹp, những tư tưởng cao thượng cũng tạo ra những hậu quả tại các cõi thấp nữa. Song lẽ, chúng nó ảnh hưởng một cách kiên trì và thâm sâu cái thể Chơn Thân. Vậy mọi hành vi đều có hậu quả trên các cõi dưới và chúng nó biểu lộ trong các hạ thể; chỉ những hành vi tốt đẹp mới lên tận Chơn Thân, để giúp cho con người “thực sự”

Thoạt tiên, Chơn Thân được sáng tạo một cách chậm chạp, nhưng về sau, nó phát triển thật nhanh chóng. Mỗi giai đoạn tiến hóa của nó đều biểu lộ bằng màu sắc và bằng đường rạch của nó. Dòm vào người tiến hóa sẽ biết Chơn Nhơn ở vào trình độ nào – từ lúc chuyển kiếp thú làm người.

Dần dần về sau. Chơn Thân càng nảy nở rộng ra; nó tung tóe ra ngoài những tia ánh sáng tuyệt diệu, muôn màu, chói lọi phi thường trong lúc bất động tương đối, và nó phóng ra ngoài những lần chớp, lần xẹt sáng rỡ trong khi nó linh động.

Hễ Chơn Thân càng biểu lộ một phần lớn các đức tánh của Chơn Nhơn chừng nào, thì nó càng nở rộng ra chừng nấy; như đó, nó tủa ra khỏi xác thịt rất xa, và có thể bao trùm hằng trăm, hằng ngàn người trong ảnh hưởng tốt đẹp của nó.

Phàm Nhơn, mỗi khi tan rã, đem những kinh nghiệm của mình dâng lên Chơn Thân, giống y như các hòn riềng rế của “Hòn Khóm” khi chết rồi đem kinh nghiệm của mình đổ vào cái bọc chung của Hòn Khóm để chia sẻ cho các đồng loại mình trong đó.

Tỷ như tánh “đúng đắn” được nổi bật lên trong một phàm nhơn. Khi nó trở về Chơn Nhơn, trong Chơn Thân, thì nó hòa đồng đều trong bọc, thành ra nó yếu đi. Cũng như cục muối ngậm trong miệng, thì mặn chát, nhưng nếu bỏ vào ly nước mà uống thì ta chỉ cảm biết mằn mằn mà thôi. Vậy muốn cho tánh đúng đắn được nổi bật lên trong Chơn Thân, và đủ sức làm cho Chơn Nhơn sáng tỏ, thì cần phải có nhiều kiếp luân hồi, tức là cần phải có nhiều phàm nhơn (xin xem đồ hình số 5) đầu thai xuống ba cõi dưới để kinh nghiệm.

Chúng ta cần nhắc lại rằng, Chơn Thân không phải là Chơn Nhơn; nó là cái thể Thượng Trí, nghĩa là nó làm bằng chất khí cao của cái trí, được tinh thần hóa, để biểu lộ những đức tánh mà Chơn Nhơn đã thu đoạt được.

Con “Người thật”, bên trong, là Ánh Sáng Huyền Linh của Tạo Hóa, ta thấy “Nó” không động. Nhưng một khi, mắt ta, trí khôn ta càng được nảy nở chừng nào, thì ta càng gần gũi với “Nó” chừng nấy. Nên lưu ý- Trong trường hợp người tiến hóa, cái thể Hạ trí trở thành hình ảnh của Chơn Thân. Nó chỉ biết vâng lời mạng lệnh của con “Người Thật”. Bất cứ làm việc gì nó cũng đều hỏi ý kiến của Thượng Trí.

Trong lúc tham thiền, khi Hạ trí đã im lặng lại thì tâm thức vượt lên khỏi phàm nhơn, rồi đi thẳng đến trung-tâm “Laya” để thoát ra ngoài. Trung tâm “Laya” là thiết điểm trung hòa giữa Hạ trí và Thượng Trí. Tâm thức đi từ thiết điểm trung hòa “Laya” đến Thượng Trí phải trải qua một trạng thái vô thức tạm thời. Đó là cái kết quả khó tránh được của trạng thái cụ thể ở cõi thấp đến trạng thái trừu tượng tại cõi cao hơn. Sắc tướng ở cõi Hạ trí vừa mất đi, thì tâm thức con người được đặt vào tình trạng vô sắc tướng, nghĩa là khi con người vừa bước qua khỏi cảnh giới sắc tướng (là có hình

dáng cụ thể) thì liền sang qua cảnh vô sắc tướng, tất cả đều là trừu tượng. Trong lúc đó, Chơn Nhơn liền biến chế Hạ trí ra Thượng Trí; Chơn Nhơn đem tư tưởng thanh cao của mình thấm nhuần nó, đem sự rung động tốt đẹp của mình mà bao bọc nó. Nhờ thấy thoáng qua những cõi trên, Chơn Nhơn có thể - trong lúc xuất thần.- rút thần lực trên cõi Niết Bàn và Bồ Đề xả xuống những ý niệm của Thượng Trí; Nhơn đó, mà Thượng Trí trở thành siêu việt; chính nó là những ý niệm phi thường và tuyệt diệu đến soi sáng trí phàm ví như mặt nhật huyền linh chói lợi thế gian. Nơi đây, chúng ta sẽ lập lại, phần đại khái, về Hạ Trí; đồng thời, chúng ta lưu ý đến tâm thức của Chơn Nhơn ở trong Chơn Thân, chớ chẳng phải đến trung tâm cái óc thấp kém. Kỳ tài của Chơn Nhơn là thấy, là biết. Nó không cần thảo luận và bàn cãi. Trực giác đúng đắn chính là một trong nhiều quan năng của Chơn Nhơn. Hạ trí tác động xuyên qua óc xác thịt; nó sắp xếp những sự kiện cho có trật tự, cân nhắc và so sánh chúng nó rồi rút ra kết luận đang đi tới quyết định. Muốn đi đến kết quả này, thì Hạ trí dùng thuyết suy luận và thuyết qui nạp (méthode d'induction et de déduction).

Còn trực giác thì trái lại. Nó là cái thấy từ bên trong ra ngoài. Nó là một phương pháp trực tiếp, và mau lẹ như thị giác. Nó biết liền, giống như mắt thấy liền. Nó không cần suy nghĩ. Nó biết liền cái đó là chơn lý hay là phù phiếm, và không bao giờ nhầm lẫn. Đối với nó bằng cứ là vô ích, bởi vì chơn lý chiếm ưu thế hơn là lý luận. Phải thận trọng tới thượng trong sự phân biệt trực giác đúng đắn với một sự xung động tạm thời của phàm ngã. Chỉ khi nào tiếng nói dục vọng của đam mê của phàm ngã đã lặng đi rồi, thì Huyền Thanh của Linh Hồn mới nổi lên được giữa cõi trần ai này.

Trong quyển “Isis dévoilée”, Bà Blavatsky có giải thích điều trên đây một cách hết sức rành rẽ; Bà viết rằng, liên kết với phần vật chất con người, thì có lý trí, liên kết với phần tinh thần con người thì có tâm thức. Tâm thức thấu hiểu liền cái gì thiện và cái gì ác, xuyên qua tinh thần. Bởi tinh thần là thành phần của Minh Triết và Khiết Bạch thiêng liêng. Chính nó là tuyệt đối Minh Triết và Khiết Bạch.

Lý trí hoàn toàn tùy thuộc ở sự chứng minh của giác quan. Nó không phải từ tinh thần thiêng liêng tới thượng xét ra một cách trực tiếp. Bởi vì cái Tinh Thần ấy biết; vậy mọi lý luận đều vô ích... Người nào đã chủ trị một phần nào phàm Nhơn rồi, thì có thể tiếp cận một cách trực tiếp cái ánh sáng huyền linh của Tinh Thần, và tự nhiên cảm biết được sự thật bằng trực giác. Ý không thể nào lầm lẫn trong sự phán đoán đang – dù lý trí có cố gắng đưa ý vào chiều hướng khác, bởi vì ý đã được giác minh. Thiên tư của nhà tiên tri chỉ là cái kết quả của sự giác minh này; nó đi từ Tinh Thần Vĩnh cửu của chúng ta xuống (Isis dévoilée Vol.II, p. 19).

Với một ngọn lửa, người ta có thể thắp một tim đèn; và màu sắc của ngọn lửa sau này tùy thuộc ở tánh chất của cái tim và thứ dầu mà tim nhúng vào. Cũng y như thế, trong mỗi con người, Ngọn Lửa Manas (Thượng Trí) thắp lên cái tim đèn của bộ óc và tình cảm; và màu sắc của ngọn lửa sau này tùy thuộc ở tánh chất của bộ óc và tình cảm.

Trong bài luận văn viết về “Thiên Tài” Bà H.P. Blavatsky đã giải thích dành rành điều trên đây. Bà nói rằng, những cái biểu lộ “Thiên Tài” của một cá Nhơn là do Chơn Nhơn y rấn sức chế ngự phàm Nhơn bên ngoài. Chơn Nhơn của Newton, Eschyle và Shakespeare cũng cùng tính chất với Chơn Nhơn của người nông phu, kẻ đốt nát, người đại khờ hay ngu dân. Thiên Tài của họ tùy thuộc ở sự cấu tạo tâm linh và thể chất con người của họ. Không có một Chơn Nhơn nào khác với Chơn Nhơn nào, trong

tính chất tinh ba đầu tiên của nó, và chúng nó cũng không khác nhau về đặc tánh nữa. Hỏi cái gì làm cho người thường nhơn trở thành bậc vĩ nhân, hay người khờ dại, thấp hèn? – Đó là do tính chất và sự cấu tạo của các hạ thể y, của các lớp bọc bao xung quanh y. Đó cũng là do khả năng hay sự bất tài của trí óc biểu lộ, xuyên qua hạ thể, những quyền năng của “con người thực sự” bên trong (tức là Chơn Nhơn vậy).

Người ta có thể ví xác thân như là khí cụ và Chơn Nhơn như là người thợ dùng khí cụ đó. Tiềm thể tính của sự điều hòa vẫn ẩn tàng trong dụng cụ. Nhưng nếu dụng cụ hư, gãy hay được tạo ra một cách vụng về, thì dầu người thợ có khéo léo đến đâu cũng không thể thành công trong công việc làm đặng, vì giữa y và dụng cụ không có sự điều hòa. Sự điều hòa tùy thuộc ở sự di chuyển trung-trực của tư tưởng thiêng liêng ẩn tàng trong thâm tâm con người (tức là của Chơn Nhơn) đến cõi trần xuyên qua lời nói hay hành vi.

Khả năng trí thức, mãnh lực cân não, sự tế nhị, sự tinh tế đều là những biểu lộ của hạ trí con người. Chúng nó có thể đoạt đến mức “Thiên Tài giả tạo” như Bà Blavatsky nói. Chúng nó là kết quả của sự giáo dục, của sự nhuệ mẫn thuần lý trí; người ta biết được như thế là vì đôi khi người ta thấy chúng nó có nhuộm màu sắc nóng nảy, kiêu hãnh và ngạo mạn.

Trong trình độ tiến hóa hiện hữu của nhân loại, Thượng Trí ít khi biểu lộ. Đôi khi, Thượng Trí nhaoáng hiện lên; và chúng ta gọi đó là “Thiên Tài thực sự” (le génie véritable). Thánh kinh có nói rằng: “Người hãy thấy trong mọi biểu lộ của Thiên Tài (nếu nó hợp với đức hạnh) sự hiện diện không chối cãi được của người Trời bị đọa”. Máy điều biểu lộ đó tùy thuộc ở số lượng kinh nghiệm của cá nhơn đã chất chứa trong kiếp hiện tại hay trong những kiếp đã qua. Và lại, dù bản tính và tính ba của nó là toàn tri, nhưng Chơn Nhơn cũng không cần phải có những sự kinh nghiệm ở thế gian, xuyên qua nhiều phạm ngã, để trừu tượng hóa những gì cụ thể. Lấy cái tinh ba của cõi trần cụ thể để làm cho nó hóa ra quan năng và thiên tài; như thế mới đem đến sự phúc lạc vĩnh cửu, vì những đồ vật cụ thể chỉ là tạm thời mà thôi, chúng nó là vô thường. Một khi cái tinh ba của nó lên cõi Thượng Thiên rồi, thì Thượng Trí sẽ chế hóa nó ra quan năng. Và hể quan năng là vĩnh cửu, một đức tánh nào phát triển xuyên qua nhiều kiếp, tự nhiên phải thành một “Thiên Tài”. Vậy muốn biểu lộ một “Thiên Tài đúng đắn” thì cần phải sống một đời sống trong sạch và hiền lành.

Điều cần yếu là biết rõ trách nhiệm của Chơn Nhơn trong Chơn Thân để thấu hiểu ngoại vật. Những làn rung động của dây thần kinh chỉ lưu lại trong óc những dấu vết phớt qua mà thôi; rồi chính Chơn Nhơn phải sắp xếp, tổ hợp và chỉnh đốn chúng nó lại. Chơn Nhơn tác động xuyên qua tất cả cảm giác – do ngũ quan di chuyển đến – để đưa ra sự xét đoán. Sự xét đoán này là kết quả của mọi kinh nghiệm trước, chớ chẳng phải có từ nguyên thủy.

Người còn giữ xác phàm, không thể lưu chuyển một cách ý thức khắp cõi Thượng Giới (Hạ Thiên và Thượng Thiên) đặng, trừ phi là Đệ Tử Chơn Tiên đã được điểm đạo.

Sự kiện được lưu chuyển, một cách ý thức, trong lúc sanh tiền, trên các cảnh cao của Thượng Giới là biểu hiện một sự tiến hóa phi thường, một sự tiến hóa sâu rộng, bởi vì điều này chỉ sự hiệp nhứt của Chơn Nhơn và Phàm Nhơn, chớ chẳng phải chỉ tổ Chơn Nhơn ảnh hưởng được Phàm Nhơn ít nhiều mà thôi. Trong trường hợp này,

người đương cuộc chính là Chơn Nhơn. Dĩ nhiên là y đang còn bị vòng cương tỏa của xác thân, nhưng y có quyền năng và tri thức của một Chơn Nhơn tiến hóa cao.

Hiện nay, đa số người đời vừa mới biết sơ qua về cái thể Thượng Trí tức là Chơn Thân. Họ chỉ tác động trong cảnh chót của Thượng Thiên. Khi họ đã “Nhập Lưu” (Nhập Đạo) rồi, thì cảnh trên đó mới mở ra cho họ. Chơn Tiên lưu chuyển trọn cả cõi Thượng Thiên, như đó, Ngài dùng trọn cả Chơn Thân, mặc dầu tâm thức Ngài còn hoạt động trong xác phàm tại cõi trần.

Ta biết rằng, con người không thể dùng cái vía hay cái trí của mình để làm khí cụ tự di chuyển từ bầu hành tinh này đến bầu hành tinh khác của Dãy Hành Tinh chúng ta. Nhưng con người có thể dùng Chơn Thân mình để làm chuyện đó, nếu y là người tiến hóa thật cao. Tuy nhiên, nếu y dùng dạng thể Bỏ Đề của y, thì sự di chuyển này còn dễ dàng và mau lẹ hơn nhiều.

Nhưng dường thể sự di chuyển bằng Chơn Thân, trong không gian, giữa các định tinh, theo thường lệ không phải là chuyện dễ. Trong khoảng không gian đó, những nguyên tử, cái này xa cái kia, đồng đều nhau. Đó là tình trạng thông thường của chúng nó không bị xáo trộn. Người ta gọi chúng nó là “nguyên tử tự do”. Ở chu vi hành tinh, không bao giờ người ta thấy chúng nó trong tình trạng đó, bởi vì dầu chúng nó không nhóm nhau thành hình, chớ do hấp lực, chúng nó cũng phải bị đè ép thật chắc.

Trong khoảng không gian giữa hai hành tinh, chắc chắn, tình trạng không giống y như vậy, bởi vì nơi đây, có sự xáo trộn to tác do chất tinh tuệ (matière cométique) và khí tượng (météorique) gây nên. Lại nữa, hấp lực phi thường của mặt trời làm cho biên cương của vũ trụ này bị đè ép thật mạnh.

Vậy, chất khí Niết Bàn trong Chơn Thân con người bị sức hấp lực ép chặt thành một hình dáng hẳn định và rất khít khao, dầu những nguyên tử này không có chi thay đổi, và cũng không hợp nhau thành nhóm. Bao giờ cái thể Chơn Thân ấy ở tại cõi Niết Bàn của nó, và gần bên một hành tinh có chất khí Niết Bàn bị dồn ép. Thì nó sinh hoạt một cách thông thả. Nhưng nó không thể nào di chuyển và tác động trong khoảng không gian xa vời, nơi đây không có những hột nguyên tử bị ép chặt, chúng nó là những nguyên tử “tự do”.

Lại nữa, Chơn Thân có liên quan đến quan năng “phóng đại” hợp tác với luân xa (chakra là trung tâm lực) tại mũi, giữa hai lông mày. Nơi trung tâm Luân Xa này nhô lên một hột nguyên tử duy nhất để làm trách nhiệm một kính hiển vi bé tí. Một cơ quan đã được tạo thành, cân xứng với những vật tinh tế mà người ta muốn quan sát. Hột nguyên tử dùng đó có thể làm bằng chất hồng trần, hay thuộc về chất khí của cõi Trung giới hay Thượng giới, nhưng dù là thể nào đi nữa, nó cũng cần phải được điều chế đặc biệt. Những vòng khu ốc (bao quanh hột nguyên tử đó) đều phải nảy nở tất cả. Đó là bước tiến hóa của nguyên tử ở cuộc tuần hoàn thứ bảy của dãy hành tinh của chúng ta.

Nếu người ta dùng một hột nguyên tử thấp hơn mực của Chơn Thân để làm kính hiển vi, thì phải thay vào một hệ thống hình đôi (un système d'images double). Hột nguyên tử có thể qui chánh mọi cảnh, như đó mà người ta có được một sự phóng đại đúng với vật mà người ta quan sát. Một khi quan năng này được mở rộng, thì nhà quan sát viên có thể tập trung tâm thức của chính y nơi chính giữa kính hiển vi (là nơi y dòm), rồi y phóng tâm ra những điểm xa hơn.

Chính cái quan năng đó có thể làm cho đồ vật nhỏ lại khi người ta dòm một cảnh vật nào quá rộng không thể thu hết vào tâm con mắt của người thường.

Sự thấy của Chơn Thân có thể thấy trước được tương lai đến một mức độ nào. Với quan năng thể xác, đôi khi người ta còn có thể thấy trước được vài việc sẽ xảy ra, tỷ như người ta thấy một người kia sống một đời sống lằng loàn, du đảng, thì có thể nói trước một cách chắc chắn rằng y sẽ mất sức khỏe và tiền bạc, trừ phi y chịu sửa đổi. Điều mà ta không nói trước – nếu dùng phương tiện hữu hình – là người ấy có sửa đổi hay không.

Nhưng nếu ta dùng Chơn Thân mà thấy y, thì đôi khi ta nói trước được điều đó, bởi vì Chơn Thân ta thấy được nghị lực dự trữ của y. Nó sẽ thấy Chơn Nhơn của người tử sắc nghĩ thế nào, và nếu nó có đủ sức mạnh, nó có thể xen vào để cản ngăn. Không có lời tiên tri nào trên cõi trần này là đúng một cách thật sự cả, vì lẽ có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến đời sống mà ta không thấy được. Nhưng khi tâm thức lên đến cõi cao, thì người ta thấy những nguyên nhân này rõ hơn, và người ta toán ra kết quả đúng hơn.

Dĩ nhiên là, đối với người ít tiến hóa, người ta dễ tiên tri hơn là người tiến hóa cao, bởi vì người thường hơn ít có ý chí, Nhơn Quả của y chỉ định cho y hoàn cảnh nào, và y trở thành nhân vật của hoàn cảnh ấy, y cam chịu số mạng đã dành cho y, bởi vì y không biết phải làm sao để sửa đổi.

Một người kia tiến hóa hơn, y thọ số mạng, rồi biến chế nó, y tạo tương lai của y bằng cách tác động những mãnh lực mới. Nhơn đó, khó mà tiên tri được tương lai của y. Nhưng chắc chắn là Đấng Chơn Sư thấy được ý chí tiềm tàng của y, và Ngài cũng biết được y sẽ làm gì.

Trong quyển “Le corps mental” người ta có tả về lịch sử của hình tư tưởng gắn vào kính Akashique – (bằng chất khí Thượng Thiên thu hình tư tưởng như máy quay phim) hay là ký ức của Thiên Nhiên. Muốn đọc những ký ức này, phải dùng Chơn Thân, còn thể Hạ trí thì chỉ rung động theo Chơn Thân trong lúc đó mà thôi. Vì lẽ ấy, nên khó đọc cho đúng những ký ức này – trừ phi Chơn Thân tiến hóa thật rõ rệt.

Ông C.W. Leadbeater có lưu ý một trường hợp lý thú và hiếm có của một người kia, sau khi làm việc bằng trí quá sức, y làm kích động, đến một mức độ nào, Chơn Thân của y, điều này khiến cho y đọc được những ký ức Akashiques một cách rõ ràng, từ chi tiết. Y còn mở được một phần nào quan năng “phóng đại” đặc biệt là về “mùi thơm”. Kết quả của quan năng này là, khứu giác bị thô, nhám, mùi thơm mất đi sự êm dịu của nó, và cho thấy cảm giác như một nùi dẻ bằng len (laine) hay một cái ly đầy cát vậy. Đó là do cái quan năng “phóng đại” thuộc về Chơn Thân, bắt buộc những phân tử li ti của khứu giác trở nên lớn hơn, cái này cách xa cái kia như những hột nhám trên giấy nhám, hơn đó, mới có cảm giác nhám ở khứu giác.

Lẽ dĩ nhiên là phương sách kích thích những quan năng của Chơn Thân bằng sự lao lực quá sức phải tránh cho kỹ, bởi vì lắm khi nó làm cho óc suy nhược chớ không đánh thức được một quan năng nào của Chơn Thân cả.

Nếu một người kia đem đặt tâm thức lên cảnh cao nhất của Chơn Thân – (tức là cảnh thứ nhất của cõi Thượng Thiên) – và chỉ tập trung vào chất Niết Bàn của nó, thì y có trước mặt ba phương thể để tác động tâm thức y. Ba phương thể đó liên quan đến ba bề đo của không gian.

1)- Thật ra, y có thể đem tâm thức của y xuống cảnh thứ nhì của cõi Thượng Thiên, hay là đem nó lên đến cảnh chót của cõi Bồ Đề, với điều kiện là y đã mở mang thể Bồ Đề của y vừa đủ để dùng.

2)- Phương thể thứ hai là “cách rút ngắn” nghĩa là đi từ cảnh nguyên tử của một cõi này đến cảnh nguyên tử của một cõi kế đó mà không chạm đến những cảnh ở hai khoảng giữa ^[1].

3)- Phương thể thứ ba khác biệt với hai phương thể trên, bởi vì đây không phải là một sự di chuyển mà là một sự nhìn từ dưới lên trên, như nhìn sợi dây nối liền Chơn Nhơn với Chơn Thân (Monade), giống như một người kia – từ đáy giếng dòm lên ngôi sao trên trời vậy. Bởi vì có một con đường trực tiếp thông đồng giữa cảnh nguyên tử của cõi Thượng Thiên (trong vũ trụ thấp) với cái trí nguyên tử tương xứng (trong càn khôn) dù con đường đó rất còn xa vời đối với chúng ta. Ông C. W. Leadbeater có nói rằng: “Ít nhứt trong đời sống chúng ta, chúng ta cũng có dịp trông Nó một lần”. Ông còn nói rằng: “Điều mà người ta thấy đó khó mà miêu tả đặng, bởi vì không có một ngôn ngữ nào ở cõi phàm nói lên đặng một chút ít gì về nó. Tuy nhiên, sự đó làm cho chúng ta chắc chắn rằng, từ hồi nào tới giờ, điều mà chúng ta tưởng là tâm thức chúng ta (sự khôn ngoan chúng ta) là không phải của chúng ta, - mà chính chúng nó là của Ngài – Điều giúp cho chúng ta dễ hiểu là nên biết rằng, Chơn Nhơn con người là sự biểu lộ của Luồng Sóng Sinh Hoạt Thiêng Liêng thứ ba thuộc về Ngôi thứ Nhứt. Sự tăng trưởng và sự phát triển của Chơn Thân được các Chơn Sư giúp đỡ rất nhiều, bởi vì các Ngài hoạt động để giúp Chơn Nhơn trong Chơn Thân hơn là những hạ thể con người. Các Ngài hy sinh sức lực tinh thần để ảnh hưởng người đời. Các Ngài chói lòa ánh sáng trên con người cũng như mặt trời ban tia nóng xuống bông hoa, để làm nổi bật cái gì cao cả ở Phàm Nhơn, do đó các Ngài giúp người đời tiến hóa. Rất nhiều người cảm biết được cái ảnh hưởng cứu trợ vô hình này, nhưng ít ai đoán đặng nguồn gốc của nó.

CHƯƠNG THỨ SÁU

LÀM SAO MỞ MANG THƯỢNG TRÍ?

Trong mấy chương trước, chúng ta đã cố gắng cho học giả biết qua ý niệm về nhiệm vụ của Thượng Trí cùng cái thể mà Thượng Trí dùng để hoạt động.

Hôm nay, trước khi nói về phương pháp tổng quát để mở mang Thượng Trí, ta cần phải biết rõ vài điểm sau đây:

^[1] Mỗi cõi có bảy cảnh. Cảnh cao nhứt là cảnh nguyên tử của cõi ấy. Nó rất thanh nhẹ, nên nó có thể nối liền với bảy cảnh cao của bảy cõi để làm thành con “Đường Nguyên Tử”. Tỷ như con người ở cõi phàm là cõi thấp nhứt, nhưng nếu sống một cách khiết bạch thì tâm thức cũng có thể tác động tại cõi Bồ Đề hay Niết Bàn bằng cách tiến hóa tự nhiên hay bằng cách lưu thông xuyên qua con đường Nguyên tử. Nhưng cách sau này có mấy ai làm được.

Điểm thứ nhất là ta phải biết rằng: Chơn Thân (hay thể Thượng Trí) là cái thể bên ngoài hơn hết của Chơn Nhơn (hay là Jivâtma, hay là Ego) nói theo danh từ Thông Thiên Học. Công trình mở mang nó phải dài đằng đằng; và muốn cho nó được hoàn thiện, thì nó cần phải chịu cảnh luân hồi hằng trăm hàng ngàn lần mới nên. Người ta nói^[1] rằng: số kiếp bậc trung phải trải qua dưới trần từ khi chuyển kiếp thú làm người cho tới lúc thành một vị Chơn Tiên là 777. Lối 700 kiếp dành cho người đã man và bán tiến hóa để đi đến bậc người tiến hóa. Lối 70 kiếp dành cho người tiến hóa để kinh nghiệm và trao đổi đạo đức. Sau cùng, còn 7 kiếp chót là dành cho người đi trên đường Đạo để thành một vị Chơn Tiên. Khi ta nhận định sự kiện trên, và thời gian bậc trung là 1.500 năm giữa hai kiếp, thì ta sẽ thấy cuộc hành trình của Linh hồn – từ lúc chuyển kiếp thú làm người cho đến bậc Chơn Tiên là dài biết bao. Trong thời gian đằng đằng đó, con người đã trải qua bao cuộc thử lòng, bao cơn nắng hạn mưa dầu, bao cảnh tang thương não ruột, cốt để mở mang cái Thượng Trí. Ở trước ta đã nói, Thượng Trí (hay là Chơn Thân) là một cái kho chứa kinh nghiệm của nhiều kiếp luân hồi. Muốn cho cái kho này đầy, tức là con người có đủ kinh nghiệm, thì con người phải trải qua, trung bình, 777 kiếp Luân Hồi sinh tử. Vậy, cuộc hành hương nơi trần thế rất là dài, rất là chậm! Và Chơn Thân – muốn nảy nở phải tốn phí quá nhiều thì giờ. Mà tốn phí quá nhiều thì giờ chừng nào thì con người phải chịu đau khổ nhiều chừng nấy. Đó là cái chìa khóa để mở cửa Đạo. Khi ta biết rồi thì ta phải rán học hỏi kinh nghiệm và trau dồi đạo đức bằng lòng bác ái, vị tha, hy sinh và quên đi tư ngã.

Trên nấc thang tiến hóa đầu tiên thì linh hồn được điều khiển từ bên ngoài do các vị Thiên Thần, các vị Đại Diện thiêng liêng của Thái Dương Hệ, và con người không cần chia sẻ cho ai những kết quả tinh thần mà mình đã thu thập được. Điều này chỉ xảy ra, khi nào linh hồn đi gần đến mức cuối cuộc hành trình của nó, và trở nên ý thức mục đích hành hương của nó tại thế gian ^[2]. Bây giờ, con người mới bỏ sự ích kỷ mà đi lần đến sự vị tha. Con người khởi sự chia sẻ luôn luôn sự tiến hóa của mình với đồng loại mà định luật Huyền Môn cho rằng, hễ mình càng chia sẻ cho kẻ khác chừng nào, thì mình càng tiến hóa chừng nấy; hay nói cách khác, sự tiến hóa tinh thần của mình là tùy thuộc ở sự chia sẻ kinh nghiệm cho đồng loại mình. Giai đoạn cuối cùng của sự tiến hóa là hoàn toàn diễn tiến từ bên trong ra bên ngoài, nghĩa là linh hồn tự điều khiển sự phát triển của mình. Ý tự mình nắm lấy sự tiến hóa của mình. Đó là dấu hiệu của kẻ trưởng thành và cũng là dấu hiệu mức cuối của con đường Hoàn Thiện nhơn sanh. Đại khái việc làm ở ba cõi dưới (Hạ giới, Trung giới, và Hạ thiên) đã gần xong, chỉ còn lại năm ba kiếp sôi động. Linh hoạt của kẻ làm đệ tử phải thi hành để Hoàn Tất Cuộc Tiến Hóa Vĩ Đại Ấy. Đó có nghĩa là con người sanh xuống trần gian với mục đích tiến hóa về tinh thần, dù phải trải qua bao nhiêu khổ hạnh. Cũng tỷ như người đi hành hương để tỏ lòng quý mến Đấng Tôn Kính, bất kể trời non lận độn, cũng phải đi cho được, để chiêm ngưỡng Thánh Dung.

^[1] Rút trong quyển “ Self Culture “ của Ông J.K.Taimni trang 120, cựu Giám đốc Trường Minh Triết Adyar Madras (Ấn Độ).

^[2] Bà Blavatsky cho sự đầu thai xuống thế gian là cuộc hành hương.

Vậy, những ai cảm thấy lòng mình có một ý muốn nồng nàn rút ngắn con đường sanh tử, tự mình nắm lấy vận mạng mình trong hiện tại và ở kiếp lai sanh, thì họ khả dĩ có duyên may và hy vọng tiến tới hết sức lẹ làng và nhanh chóng, và đôi khi trong một kiếp mà họ làm được nhiều chuyện phi thường. Trong vài trường hợp, Chơn Ngã (Ego) rất phát triển, Thượng Trí nảy nở đầy đủ, nhưng còn có một điều trở ngại là, sự thông đồng giữa Chơn Ngã và Phàm Ngã; đó là do số Nhơn quả của những kiếp trước. Nhưng bao giờ số Nhơn Quả đó đã được trả xong ^[1], thì Chơn Nhơn khởi chói sáng xuyên qua phàm ngã. Chơn Nhơn hiện lên như là một sự kỳ diệu phi thường trên đoạn đường tiến hóa.

Ấy vậy, những người nào cảm thấy có một động lực bên trong thúc đẩy lòng mình tự đảm đương trách nhiệm trau mình cho được toàn thiện và quyết chí cầm vận mạng mình trong tay mình, thì nên hiểu rõ rằng, đó là một con đường chông gai, khó nhọc và dài đằng đẵng; và đó cũng là một công việc của nhiều kiếp mà quyết làm trong một vài kiếp. Không ai có thể nói trước đặng, bao giờ mình đi tới nơi, tới chốn; cho nên biết bao là sự thử thách đang chờ hờ mình, và mình cần phải can đảm, nhẫn nại, trì chí trước mọi khó khăn, mọi thất bại của cuộc đời, để hoàn thành mục đích của Chơn Ngã.

Điểm thứ nhì cần phải hiểu rõ là, sự liên quan giữa Chơn Ngã và Phàm Ngã; bằng không ta sẽ gặp nhiều sự lầm lẫn trong trí óc ta, khiến cho trí khôn ta bị che lấp và rải bóng tối trên đường Đạo của ta. Như ta đã biết, những kinh nghiệm đến với ta xuyên qua phàm ngã của ta, trong một kiếp sống đặc biệt. chúng nó tác động, trên cõi Trời (hay Thiên Đàng) để biến kinh nghiệm ra nhiều thứ quan năng khác nhau; và khi Linh Hồn gần đầu thai – những quan năng này sẽ đi vào kiếp sống vị lai của Chơn Ngã (Ego). Rồi kiếp này qua kiếp nọ, kinh nghiệm càng chồng chất lên cao để giúp cho sự nảy nở của linh hồn; các quan năng đi từ trạng thái tiềm thức đến trạng thái tích cực. Bởi vậy sự phát triển của Chơn Ngã là tùy thuộc một phần lớn ở sự giao thông giữa Chơn Ngã và Phàm Ngã. Phàm Ngã tách ra khỏi Chơn Ngã, hay nói cách khác Phàm Ngã là một tia sáng bé nhỏ từ Chơn Ngã phóng ra. Và trên đường đi xuống, Phàm Ngã sống một đời sống “bán độc lập”, có khi nó đồng tình hay không đồng tình với Chơn Ngã. Nếu Phàm Ngã đi theo đường lối của Chơn Ngã, và Chơn Ngã có thể dùng Phàm Ngã cho mục đích cao cả của mình, thì cái kiếp nhơn sanh là một kiếp sống thành công; và những điều kinh nghiệm của Phàm Ngã sẽ góp phần phong phú cho sự tiến bộ của linh hồn. Còn trái lại, - (đó là trường hợp của đa số người đời) – nếu Phàm Ngã tự tung, tự tác, bất kể đến ảnh hưởng và mạng lệnh của Chơn Ngã, hoàn toàn đắm chìm trong dục vọng và đam mê, thì mục đích sanh sống dưới cõi trần đã bị hỏng rồi, và kiếp sanh tiền của con người đã bị thất bại! Nhưng dù sự gặt hái tinh thần có kém cõi đi nữa, con người vẫn bước tới và sự tiến hóa vẫn lần tăng.

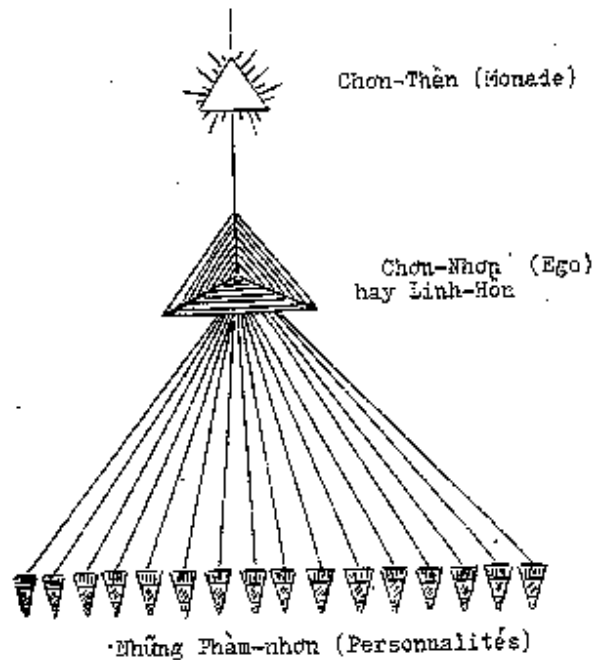
Những điều trên đây, quan hệ đến sự liên can giữa Phàm Nhơn và Chơn Nhơn, sẽ cho chúng ta cái cảm tưởng là, trong người chúng ta có hai sinh linh cùng chung hoạt động. Thật ra chỉ có Một sự sống của Đức Thượng Đế tác động khắp nơi, khắp chốn. Một tia sáng Huyền Linh, do Tâm Thức của Ngài phóng ra (ấy là Jivâtma) tác động xuyên qua các hạ thể: Xác, Vía, Trí trên mấy cõi dưới (là cõi Hồng Trần, Trung

^[1] Ta thử nhìn xem lịch sử những vị Giáo chủ của các tôn giáo thì ta sẽ thấy phần đông các ngài trước khi thành Đạo đều trả quả nặng nề; tỷ như Đức Chúa Jesus phải vác cây thập tự giá? Đức Bab (đạo Babhaisme) bị chết thiêu v.v. . .

Giới và Hạ Thiên). Cõi cao hơn ba cõi ấy là cõi Tinh Thần. Trên cõi Tinh Thần đó, Tia Sáng Huyền Linh của Tâm Thức thiêng liêng lấy danh hiệu là “ Atma-Buddhi-Manas”. Nó là Trung Tâm điểm của “cá tánh” con người. Nhưng nơi đây, cái ý nghĩa “Tâm Thức cá tính” bị ý nghĩa của Tâm Thức Duy Nhất đè bẹp. Hay nói cách khác, dù “tâm thức cá tính” có đi xa Tâm Thức Nhất (của Đức Thượng Đế) đi nữa, nó cũng phải chịu ảnh hưởng của Tâm Thức sau này, cả hai rất là mật thiết, vì Tâm Thức duy Nhất sanh hóa tâm thức cá tính. Chính sự liên hệ mật thiết này mới tạo ra tấm màn ảo ảnh Maya. Nhưng tấm màn ảo ảnh Mây này không mấy dày đặc, nên Chơn Nhơn (Ego) mới thấy đằng một phần nào Sự Thật bị che lấp.

Khi Tia Sáng Huyền Linh của Tâm Thức duy nhất đó đi sâu vào vật chất và tác động xuyên qua ba hạ thể: xác, vía, trí (là nơi mà tấm màn ảo ảnh Mây dày đặc)- thì ý nghĩa thiêng liêng thuở ban sơ cùng sự hiệp nhất lại mất đi. Sự hiệp tác và sự đồng hóa luôn luôn diễn ra giữa Tâm Thức Huyền Linh Duy Nhất với Tâm Thức của ba hạ thể, nên khiến có sự lầm lộn về cái “Ta thật” với cái “ta giả”. Người ta thường lấy cái “Ta giả” làm cái “Ta thật” nên sự sống mới nổi sóng gió và cuồng loạn. Rồi xung quanh “Nó”, con người dựng lên nền tảng đời sống của mình, nào là ký ức, nào là kinh nghiệm, nào là hoài bão, v.v... Đó là cái “Ta giả”, cái “Ta phàm” của tư ngã với sự làm quấy của nó, mặc dầu “Nó” liên hệ đến Thiêng Liêng, đến Chơn Thân Linh Diệu, mặc dầu tôn chỉ cuối cùng của “Nó” là cao quý. Ở những nấc thang tiến hóa đầu tiên, thì sự lung tung của cái “Ta phàm” không có quan trọng. Chúng nó cũng như mọi kinh nghiệm cần kíp để tạo nên cái nhà cho “cá tánh”. Hễ vật liệu tốt là cái nhà tốt. Nhưng ở những nấc thang tiến hóa cuối cùng, khi con người biết phân biệt và biết tuyển chọn những kinh nghiệm của mình để tự tinh lọc và để cho cái “Ta Thiêng Liêng” được biểu lộ, thì Phàm Ngã phải trở thành nô lệ cho Chơn Ngã.

CHƠN NHƠN VỚI NHỮNG PHẠM NHƠN CỦA NÓ



Đồ Hình Số 5

GIẢI NGHĨA : Con người sanh ra khỏi lòng Từ Phụ lấy danh nghĩa là Chơn Thần. Chơn Thần mới phóng tia xuống 3 cõi dưới là : Niết Bàn, Bồ Đề, Thượng Thiên, lấy danh hiệu là Chơn Nhơn hay Linh Hồn. Tại đây, Linh hồn không xuống thấp hơn nữa, nó ngụ tại đó, nhưng nó phóng tia xuống 3 cõi thấp nhất là: Hạ Thiên, Trung Giới và Hồng Trần, và lấy danh hiệu là Phạm Nhơn. Khi mãn số rồi, phạm nhơn chết. Sau khi ngơi nghỉ một thời gian nơi cõi Thượng Thiên, Linh Hồn mới phóng tia xuống để làm một phạm nhơn mới. Mỗi lần phạm nhơn chết và trở về với Chơn Nhơn là mỗi lần nó mang đến chủ nó những điều mà nó đã gặt hái trong 3 cõi dưới của kiếp người. Cho nên mới có câu chơn ngôn như vậy: “Chết đi là để sống mạnh”.

Như ta đã biết, từ một Chơn Thần (là Tia Sáng đầu tiên do Đức Thượng Đế phóng ra) phát sanh nhiều thứ Phạm Nhơn. Mỗi một Phạm nhơn đều sống đời sống của nó. Mỗi đời sống của Phạm nhơn đều gom về Chơn Nhơn những kinh nghiệm của nó trong một kiếp. Nhờ Phạm nhơn mà Chơn Nhơn thu thập nhiều kinh nghiệm ở mấy cõi dưới, nhơn đó mà kho tàng của Chơn Nhơn càng ngày càng trở nên phong phú. Bao giờ kho tàng ấy được đầy đủ, thì Chơn Nhơn mới hết đưa Phạm nhơn xuống cõi Trần, Trung Giới và Hạ Thiên để học hỏi nữa. Chừng đó con đường sanh tử, luân hồi mới chấm dứt; cũng nên nhớ rằng, mỗi phạm nhơn không phải do Chơn Nhơn sanh ra, mà nó chỉ là một phần tử biểu lộ của Chơn Nhơn mà thôi. Nó chỉ tiêu biểu một khía cạnh của Linh Hồn, cũng như một mặt nhỏ của hạt kim cương vậy (xin xem đồ hình số 5). Vì lẽ ấy mà mỗi lần Phạm ngã đầu thai ^[1], nó chỉ biểu lộ có một vài trạng thái và

^[1] Nên nhớ rằng, mỗi lần Phạm ngã đầu thai, là mỗi lần được làm ra cái mới.

quan năng của Chơn Ngã mà thôi, còn những cái khác, thì còn ở trong tình trạng tiềm tàng, chờ biểu lộ ở kiếp vị lai. Bởi vì, mỗi một lần Luân hồi là linh hồn đã được chỉ định sẽ ở vào hoàn cảnh nào, phải trả một loạt quả báo nào theo định luật của Nhơn Quả và tùy ở cấp bậc tiến hóa của nó nữa. Những điều trên đây phải gom trọn vào một kiếp luân hồi đó; linh hồn phải thực hành đầy đủ trước khi lìa trần. Giống dân đầu thai, sự di truyền của cha mẹ, khí hậu, nam nữ, những quả báo phải trả, những quan năng phải mở nội trong kiếp này, tất cả điều trên đây hẳn định sự biểu lộ của Chơn Nhơn dưới trần.

Nhưng các Phàm ngã khác nhau, cái này hiện lên tiếp cái kia, trong đời sống vĩnh cửu của Chơn Nhơn và trong nhiều trường hợp, là cốt để mang đến cho Chơn Nhơn sự nảy nở đầy đủ ở mọi phương diện hành động, tình cảm, trí thức và tinh thần nơi ba cõi dưới. Tại đây, những quyền năng thiêng liêng phải hoàn toàn phát triển để hoàn tất cuộc tiến hóa của kiếp làm người. Thiên nhiên tác động một cách chậm chạp, nhưng phương châm của Nó rất chắc chắn và đúng đắn. Muốn đoạt thành tôn chỉ của Nó thì cần phải hết sức khéo léo và nhẫn nại.

Thảo luận về sự liên quan giữa Phàm nhơn và Chơn Nhơn, hay giữa cái “Ta thật” và cái “Ta giả” không phải là một lý thuyết suông hay là một việc làm để tiêu khiển ngày giờ. Bởi vì biết đặng rõ vấn đề Phàm nhơn và Chơn Nhơn cùng sự liên hệ giữa chúng nó là một điều tối quan trọng để đương đầu với bao nỗi khó khăn trong khi thi hành nhiệm vụ thiêng liêng; ấy là mở mang những quyền năng thiên phú của đời sống tinh thần tại thế gian. Sự tiến hóa tinh thần không thể đi xa được, trừ phi chúng ta hiểu biết trọn vẹn sự liên quan giữa Phàm ngã và Chơn Ngã, và thành công đặt Phàm ngã dưới sự kiểm soát của Chơn Ngã. Khi một người kia biết rõ (chớ không phải nghĩ sơ qua) cái tinh linh ấy – (tức là Phàm nhơn) – cảm, biết và hành động tại các hạ giới, chỉ là một vật ảo mộng, một bóng hình vô thường, có một đời sống ngắn ngủi, và sẽ bị thay thế, thì lúc bấy giờ, y sẽ không thể nào lãnh đạm đặng trước cái lợi lộc thanh cao hơn của Chơn Ngã vĩnh cửu. Đó là vì ta không hiểu biết; ta quên đi cái số mạng đau buồn đang đeo đuổi ta, rồi ta đành an phận trong cõi đời ảo ảnh và vô thường này.

Lúc ta chợt tỉnh giấc nồng trần thế, và đứng trước sự thật, thì ta vội thấy miếng đất mà ta đang đứng đây, xem dường vững chắc, lại khởi sự rung rinh rồi sụp đổ dưới chơn ta. Ta hóa ra kinh sợ và hốt hoảng, rồi ta khởi sự tìm cho ra cái gì bền vững và chơn thật hơn. Ta tìm một cách nồng nhiệt, hăng say, chớ chẳng phải cầu thả và lười biếng; ta tìm chơn lý như người chết đuối đang tìm một cái phao để giữ lại sự sống cho mình; lúc bấy giờ, dù muốn dù không, dù cực nhọc thế nào đi nữa, ta cũng quyết định từ bỏ cái chiếc tàu Phàm ngã đang bị đắm, để đến trú ngụ nơi Chơn Ngã mà ta tin tưởng (chớ chưa biết) là vĩnh cửu. Hễ ta càng tự đồng hóa với Chơn Ngã và càng làm cho Phàm ngã trở thành một dụng cụ cho Chơn Ngã chừng nào, thì ta càng hướng về đời sống thiêng liêng chừng nấy. Chính với tư cách đó, với tinh thần đó, ta mới có thể khởi mở Thượng Trí đang sinh hoạt trong Chơn Thân đặng.

Phương pháp mở Thượng Trí phải theo vài nguyên tắc thuộc về chức vụ của nó. Điều này ta đã nói ở trước. Luật tiến hóa chẳng phải chỉ áp dụng cho cõi hữu hình mà thôi; nó còn áp dụng cho những cõi thanh nhẹ hơn nữa. Một cơ quan nào được tập luyện thì nó phải phát triển. Cũng tỷ như ta tập luyện cánh tay, thì cánh tay phải được nở nang. Nay ta định tập luyện Thượng Trí thì tự nhiên Thượng Trí phải được phát triển. Và sự phát triển này phải đi song song với sự kiện tráng của cơ quan. Vậy các hạ

thể muốn tiến hóa bên trong (nghĩa là được tinh nhuệ) thì phải tốt đẹp ở hình thể, nghĩa là khả dĩ tác động thêm nhiều nhiệm vụ khác nhau một cách khéo léo hơn. Nhơn đó, tinh thần và vật chất phải cùng tiến lên một lượt, song song với nhau. Định luật này là một định luật căn bản của sự tiến hóa; nó là nền tảng của mọi phương sách luyện mình trên mọi cõi. Ta hãy xem một xác thân yếu đuối. Ta điều luyện nó, ta bắt nó tập thể dục; ít lâu sanh khí thấm nhuần nó dồi dào, chảy luôn qua bắp thịt huyết quản và thần kinh của nó; nó trở nên mạnh mẽ hơn. Bắp thịt lần lần nổi lên và khả năng hoạt động và chịu đựng của nó cũng gia tăng. Ta hãy lấy thí dụ, một thể vía là thể của tình cảm và dục vọng. Ta thấy nó tối tăm; và không đáp ứng đáng với mỗi xúc động, như tình thương và lòng thiện cảm. Đoạn ta đem chính ta đặt vào hoàn cảnh của cái vía bất hảo đó, khi nó không đáp ứng được với điều cao thượng ấy. Ta bắt cái vía của ta đáp ứng với nó, ta bắt nó rung động đồng nhịp và đồng hóa với tình thương và lòng thiện cảm kia. Điều này lúc ban sơ không phải là chuyện dễ làm. Nhưng lần lần, ta thấy sự sống khởi chảy vào những con kinh mới vừa được khai. Bây giờ, sự cấu tạo của thể vía đã bị biến đổi; nó thanh nhẹ hơn, và rồi ta thấy ta dễ đáp ứng với những mỗi cảm động thanh cao đó.

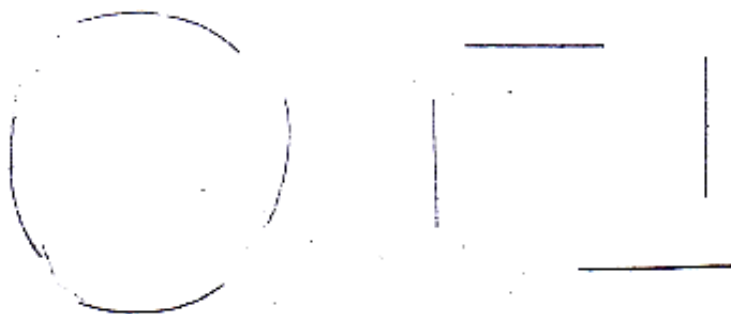
Giờ đây ta nói về thể Trí. Ta thấy nó không được minh mẫn; nó không thể suy gẫm một cách đúng đắn và liên tục. Lúc nó ở vấn đề này, lúc nó nhảy qua vấn đề khác. Nay ta thử sửa đổi nó lại. Ta khởi sự suy nghĩ, với sự rón rục tập trung tư tưởng, về những vấn đề khác nhau. Sự luyện tập lúc ban đầu rất là vất vả và phiền não. Nhưng lần lần sinh lực cõi trí chảy vào thể trí, sự tập trung tư tưởng trở nên dễ dàng hơn, rồi cái gì, lúc ban đầu vất vả và phiền não, nay hóa ra vui sướng và hăng say. Luồng sinh lực cõi trí tuôn chảy vào thể Trí, sắp xếp nó lại dần dần, tạo tác nó trở thành một khí cụ hảo hạng cho quyền năng tư tưởng. Đó là cách luyện tập cái Hạ trí để cho nó suy nghĩ một cách đúng đắn và liên tục. Thể Hạ trí tiến hóa song song với khí cụ trực tiếp của nó tại cõi trần là bộ óc và hệ thống não tủy trung khu. Nhờ những bộ phận này mà tư tưởng có thể biểu lộ một cách đúng đắn ở tâm thức hồng trần (conscience physique) (là tâm thức của con người lúc thức tại cõi trần).

Nhờ sự tập luyện mà tất cả cơ năng của mọi hạ thể đều được tăng trưởng; dù mình thấy được hay không thấy được, kết quả cũng như thế. Định luật này cũng không chừa Chơn Thân (là thể của Thượng Trí). Nghĩa là Muốn mở mang Thượng Trí thì phải luyện nó như đã luyện tập bắp thịt, thể vía và thể trí vậy.

Như ta đã biết, một trong những quan năng của Chơn Thân là tự dùng làm khí cụ cho tư tưởng trừu tượng. Nếu ta muốn mở mang nó, thì ta phải luyện tập nó bằng cách bắt nó suy nghĩ về những tư tưởng Thượng Trí (hay là tư tưởng trừu tượng) mà ta đã nói ở trước. Nhiều người tưởng sai lầm về sự suy gẫm trừu tượng; và khi ai nói lên danh từ “trừu tượng” thì họ khởi sự thấy khó chịu rồi. Họ tưởng tượng rằng họ đang lộn trong bóng tối, và gặp bao chướng ngại trên bước đường của họ. Họ có cảm tưởng rằng mình đang lạc lối và làm một chuyện vô ý thức, vô lợi lộc. Đó là triệu chứng, Thượng Trí chưa được mở mang. Nếu nó mở mang đúng mức, thì theo định luật trên, nó trở nên linh động một cách dễ dàng và bắt nó tác động là một điều vui sướng chứ không phải cực nhọc. Nếu ta cảm thấy mình yếu nơi nào, là nơi đó mình thiếu tập luyện rồi sanh ra ứ đọng, sanh khí không lưu thông được dễ dàng. Ngoài ra sự kiện đó, ta hãy nói về “tư tưởng trừu tượng”. Tư tưởng trừu tượng không phải là một điều đen tối như nhiều người lầm tưởng. Vậy chung qui, nó là thể nào? – Tư tưởng trừu tượng

là tư tưởng không nhớ đến tinh ba của nhiều sự kiện đã được gom lại với một ý định nào; mà nó đi từ cá nhọn đến đại đồng. Nó thấy cái duy nhất trong toàn thể. Tất cả chúng ta mỗi ngày đều tưởng như thế một cách vô tình và không hiệu quả, nên không làm nảy nở đạo Thượng Trí. Cái tánh hay phổ cập là cái tánh thông thường của chúng ta. Với một sự kiện còn con trong đời sống thường ngày của chúng ta, chúng ta cũng phổ biến nó ra và cho tất cả sự kiện khác đồng tính cũng đều có kết quả giống y như vậy. Đó là một điều không đúng và cuồng si. Giả tỷ như tôi ăn rau cải sống trong vài ngày; bao tử của tôi không chịu đựng được, có lẽ là tại thể cách nó không được mạnh mẽ; rồi tôi vội kết luận là: rau cải ăn sống hại sức khỏe, tôi mới đi tuyên truyền rằng, rau cải không được ăn sống. Giờ đây, thử hỏi tôi đã làm gì? – Tôi đã làm một điều vô ý thức, tôi không dùng lương tri của tôi, trong khi tôi cho rằng, tôi rán mở Thượng Trí. Tất cả chúng ta đều ưa phổ cập một cách vô tri thức, một cách trắng trợn như thế đó. Vậy, ta phải tập cách nào để đừng lâm vào lỗi ấy, nó xem qua không mấy gì quan trọng, nhưng tựu trung, nó gây nhiều tai hại cho sự tiến hóa của ta. Và ta cũng đừng quên rằng, sự phổ cập đó là bước đầu tiên đi thụt lùi trước Đức Thượng Đế, Ngài là “Một” sanh ra “Đa số”. Nay ta phổ cập, là ta đi từ cái “đa số” đến cái “duy nhất”. Ta tập mở Thượng Trí là khởi đầu phải thấy cho được sự “Duy nhất” trong “đa số”, hay nói cách khác, ta phải thấy “Đức Thượng Đế” trong “Vạn vật”. Nếu ta tiếp tục sưu tầm những định luật và nguyên lý của đời sống, thì ta sẽ gặp một số ít chúng nó gom nhau lại như những dòng nước nhỏ chảy ra sông rồi đổ vào biển cả, cho tới khi nào ta tự thấy mình là biển cả, là Duy Nhất mới thôi.

Vậy ta luyện Thượng Trí cách nào, để làm cho tư tưởng trừu tượng hóa ra đặc lực. Ta hãy đưa vài thí dụ đơn giản để dễ hiểu sự diễn tiến của nó. Tỷ như ta có một vòng tròn (là chu vi của mặt tròn) ta cắt nó đứt ra từ đoạn, lớn nhỏ không đồng đều. Ta bỏ đi một số nhỏ rồi ta chỉ sắp lại ba bốn vòng cung vụn mà thôi. Nhìn vào hình sắp đó (xin xem đồ hình số 6) người nào có học về kỹ hà học sẽ biết ngay, những vòng cung này là thành phần của một mặt tròn, mặc dầu trọn cả mặt tròn không thấy được. Tại sao vậy? Bởi vì hình dáng và địa thế của những vòng cung đó tự nhiên gọi lên trong trí cái mặt tròn; và những vòng cung này là thành phần của mặt tròn. Thật ra, một ít người có thể dùng vài ba vòng cung làm thành cái vòng tròn trong trí họ đang, còn đa số người khác, thì họ cần phải có nhiều vòng cung mới được, đó là do sự khôn ngoan và sự hiểu biết của họ.



ĐỒ HÌNH SỐ 6

Đối với cái đồ hình vuông bên cạnh, thì cũng y như vậy. Nếu ta có bốn hay năm đường ngay, thì chúng nó sẽ gọi liền trong trí ta một cái hình vuông.

Khi một số phần tử được sắp xếp có trật tự và hệ thống phân minh, thì trí ta nhìn vào với ý định tìm thấy sự liên hệ giữa chúng nó. Tìm thấy dạng sự liên hệ này là phần việc của Thượng Trí. Thượng Trí thấy cái tổng quát; trong cái tổng quát đó có những phần tử này. Khi thấy rồi, Thượng Trí mới xét ánh sáng xuống tâm thức phàm trần, sự phổ cập mới hòa tan mọi chi tiết trong cái duy nhất. Người ta phát minh những định luật khoa học bằng cách đó, nghĩa là bằng cách dùng hạ trí gom lại những chi tiết, rồi nhờ Thượng Trí hòa tan chúng nó trong tổng quát. Chơn Thân càng tiến cao chừng nào thì nó càng làm chuyện ấy dễ dàng chừng nấy (nghĩa là nó càng dễ thấy sự liên quan giữa những sự kiện chừng nấy). Khoa Học chẳng phải là một sân trường duy nhất hiến cho ta cơ hội thuận tiện để học cách phổ cập. Trong mọi phạm vi đời sống, ta có thể tìm gặp những cơ hội thuận tiện để điều luyện quan năng Thượng Trí, ta hãy thừa lấy chúng nó một cách có trật tự để luyện mình. Những toán số cao học hiến cho ta nhiều sân trường rộng rãi và nhiều thứ khác nhau để luyện tập quan năng đó. Và có lẽ không có phương pháp nào dạy về sự suy nghĩ trừu tượng mau lẹ hơn là học trọn lớp toán số cao học trong sự huấn luyện Thượng Trí. Và đứng về phương diện của nhà học giả “Tự Luyện” thì Triết Học có lẽ là thuận lợi cho sự mở mang quan năng của Chơn Thân hơn

Phương pháp thứ nhì để mở mang Thượng Trí là quyết ý tự mình đào tạo tánh tình mình một cách có hệ thống nhằm mục đích hoàn thiện. Muốn vậy, trước hết, phải có bộ óc cho tốt đẹp. Kết quả về định luật vật lý học cho biết là, khi người ta suy nghĩ, thì chất xám của cái óc biến đổi và nó túa ra dài hơn; và nếu ta tiếp tục suy nghĩ nữa thì phẩm chất cái óc trở nên tốt hơn; như thế, ta tạo được cho ta một khí cụ suy gẫm hảo hạng. Đành rằng, bộ óc ta tốt là ta nhờ trong lúc ta sanh tiền, vì khi ta bỏ xác thì ta mất nó. Nhưng cái kết quả tốt đẹp của bộ óc xác thịt sẽ ghi vào Chơn Thân, và hóa ra vĩnh cửu. Vậy mỗi kiếp, Chơn Thân tăng gia sự tiến hóa khiến cho linh hồn càng ngày càng trở thành một khí cụ hữu hiệu cho sự sống Thiêng Liêng.

Khi ta tự lập tánh tình cho ta, thì ta chú ý tới đức tánh gì? – Ta sẽ chú ý đến đức vị tha, tính can đảm, lòng từ bi, bác ái, tánh hy sinh, sự dứt bỏ, v.v... là những đức tánh đã kể trong thánh kinh Bhagavad Gitā, và trong những thánh kinh của các đại tôn giáo trong hoàn cầu.

Người ta dùng sự tham thiền và sự thực hành hằng bữa mới tạo lập được tánh tình. Đó là một công trình dài đằng đẳng. Nhưng ta phải làm nó, nếu ta muốn cho linh hồn trở thành một khí cụ tốt cho sự Sống Thiêng Liêng, một trung tâm túa rải quyền năng, bác ái và minh triết. Thiên cơ đã an bài như vậy rồi; nếu bây giờ ta chưa khởi bắt tay vào việc, thì về sau ta cũng phải làm. Ta trốn đâu cũng không khỏi.

Mỗi kiếp, Phàm ngã đem mùa gặt hái về dâng cho Chơn Ngã; nhiều kiếp như vậy, Chơn Thân (tức là Thượng Trí) trên cõi Thượng Thiên, chói lòa như mặt nhật mà mắt ta nhìn thấu không nổi. Chơn Thân tốt đẹp phi thường đó là Chơn Thân của các Đức Thầy Minh Triết. Các Ngài đã hoàn thành cuộc tiến hóa của nhơn sanh tại các cõi hạ giới như: cõi Trần, Trung Giới và Hạ Thiên.

Còn một yếu tố quan trọng khác trong sự phát triển Chơn Thân là làm cho nảy nở thể Bỏ Đề và thể Niết Bàn mà người ta gọi là Kim Thể và Tiên Thể. Lại nữa, Chơn Thân tiến triển vừa nhờ sự xung động từ cõi Trần, Trung Giới và Hạ Thiên đưa lên,

vừa nhờ sự tác động của mãnh lực tinh thần ở cõi Bồ Đề và Niết Bàn tuôn xuống. Sự tang trưởng của Chơn Thân (tức là sự phát triển tinh thần của Linh Hồn) rút ngắn thời gian đầu thai. Nếu Linh Hồn rần sức, thì chỉ đầu thai vài kiếp trong khi phải đầu thai vài ba chục kiếp.

Nhơn đó các thể thanh của Linh Hồn (Thượng Trí, Bồ Đề và Tiên Thể) phải hoạt động đồng nhịp tiến hóa với các hạ thể của Phạm Nhơn (xác, vía, trí). Khi hạ trí được tập luyện, thì chẳng phải chỉ có nó được tăng tiến mà thôi đâu. Những khí cụ của nó – trong xác thịt – tỷ như bộ óc, dây thần kinh cũng được mở mang nữa.

Cũng y như vậy, khi thần lực của Niết Bàn và Bồ Đề khởi hoạt động mạnh mẽ, thì Chơn Thân là khí cụ của nó, cũng đồng thời phát triển.

ĐỊNH - TRÍ

1.- GIẢI NGHĨA ĐỊNH TRÍ :

Định Trí là gì ?

-Định trí là chú cái trí vào một quan điểm nào, không cho nó vẩn vơ, xao lãng. Một khi kia, nhà thông thái Phạm ngữ học đến tìm nhà Đạo Sĩ Kabir mà hỏi rằng “Ồ này ông Kabir, ông đang làm gì đó?

Nhà Đạo Sĩ trả lời :

-Thưa nhà thông thái, tôi đang tách cái trí của tôi riêng ra khỏi vạn vật trần gian để gắn nó vào chơn Đức Thiêng Liêng.”

Thế là Ông Kabir đang định trí vậy. Nếu lấy nghĩa cạn mà giải, thì định trí là kiềm cái trí vào một khuôn mẫu như định, không cho nó lãng ra ngoài.

Còn nếu lấy nghĩa rộng mà nói, thì định trí là cương quyết chú ý vào cái khuôn mẫu ấy (tức là cái tư tưởng trung ương), và rần làm cho nó tái diễn lại trong trí. Chính nhờ ý chí, ta mới bảo tồn được nó và đồng thời lãnh đạm với tất cả ảnh hưởng bên ngoài.

Tóm lại, Định trí là tập trung tư tưởng vào một ý niệm, rồi gắng sức duy trì nó.

Ta đã nói, trên phương diện hình dạng, thì định trí có nghĩa là duy trì cái trí in khuôn vào một hình dạng ổn định

Còn xét về phương diện tinh thần, thì định trí là cố quyết chú ý vào hình dáng đó, để có thể vẽ nó lại trong trí. Chính mãnh lực ý chí bắt buộc tinh thần phải duy trì cái hình dạng đó, giống y như cái khuôn, không để ý đến mọi ảnh hưởng bên ngoài.

Vậy, ta có thể nói: định trí là chuyên chú tâm trí vào một ý niệm nào đó hay một đồ vật gì đó, rồi giữ chắc lấy nó.

Nói một cách giản dị hơn, định trí là chú ý (c'est faire attention). Nếu ai chuyên tâm vào công việc đang làm, thì cái trí của y được định vậy.

2.-ĐỊNH TRÍ ĐEM ĐẾN KẾT QUẢ GÌ ?

Cái Trí có nhiều khả năng trọng đại. Quyền lực của nó thật vô biên. Vậy ta cần phải kiểm soát nó, chủ trị nó, hầu dùng nó làm lợi khí cho ta. Ông A.E.Powell có nói rằng:”Sự kiểm soát tư tưởng là điều kiện tối cần cho ai muốn sống một đời sống tinh thần”.

Định trí là một phương châm độc nhất để tự mình xua đuổi các thứ khổ đau và ảo não trần gian. Người nào tập định trí sẽ được khỏe mạnh tinh thần. Trí óc không còn bị rắc rối do những sự biến chuyển của cuộc đời; y lại có thể hiểu biết đáng chúng nó một cách rõ ràng, và làm việc chi cũng đắc lực hơn kẻ thường tình. Sự định trí làm cho những tình cảm trở nên thanh bai hơn, khiến cho dòng tư tưởng thêm dồi dào và rõ rệt hơn. Ông Swami Sivananda có nói rằng: “Người nào làm chủ được cái trí, thì thật là sung sướng và được tự do thật sự. Sự tự do về phương diện vật chất, chưa phải là sự tự do thật sự. Hỡi đệ tử! Nếu con để cho dục tình sai khiến, và tâm hồn con chịu ảnh hưởng ngoại giới, thì con làm sao có hạnh phúc được? Con giống như chiếc thuyền không lái, trôi nổi bênh bồng và phiêu giạt, như bọt nước trong biển cả. Con cười năm phút, con khóc năm giờ! Trong khi con chịu dưới quyền sai khiến của hạ trí, thử hỏi danh vọng, bạc tiền, vợ con của con có làm gì để giải thoát cho con được không?”

Người anh hùng xứng đáng là người đã chủ trị được cái trí. Nhiều người cứ để cho mọi tư tưởng vu vơ ra vào trong trí một cách tự do. Họ không biết định trí là gì, nên phí thần lực rất nhiều. Trong không khí có vô số tư tưởng xấu bay lượn phát phơ. Nếu ta cứ vô tình mở hoát cửa sổ lòng ta, để tiếp rước chúng nó, thì có gì tai hại cho bằng? Một điều trọng đại mà định trí đem đến cho ta là: sự tham thiền. Bởi vì muốn thực hiện sự tham thiền, thì cần phải định trí. Cho nên định trí không phải là một cứu cánh, mà nó chỉ là một phương châm để đi đến cứu cánh.

Tóm lại: Sự định trí rèn luyện tinh thần trở nên một khí cụ để Chơn Nhơn có thể dùng theo ý muốn.

Mỗi người đều có khả năng định trí bằng cách này hay bằng cách khác. Nhưng nếu muốn cho sự tiến triển tinh thần được mau lẹ, thì phải biết điều luyện cái trí đến một mức độ thật cao. Bước đầu tiên của định trí là sự kiểm soát tư tưởng.

3.-KIỂM SOÁT TƯ TƯỞNG:

Theo kinh Pháp Cú nói, tư tưởng giống như gió. Rất khó cầm nó được. Nó phon phớt, muốn chạy chỗ nào thì chạy, bay chỗ nào thì bay. Nó không cho ta lo nghĩ đến công việc của Chơn Sư và giúp đỡ kẻ khác. Khi ta tham thiền hay định trí, thì nó lại không cho. Nó bắt ta phải tưởng đến những chuyện khác mà nó cần dùng; nó phá hoại chuyên duy nhất của ta đang lo giải quyết.

Trong quyển “La voix du Silence” có viết rằng: “Cái trí là kẻ phá hoại sự thực. Vị đệ tử phải tiêu trừ kẻ phá hoại ấy đi”. Lẽ dĩ nhiên, điều này không phải biểu ta tiêu diệt hạ trí: vì nó rất cần thiết cho con người. Nhưng nó phải được chế phục và chủ trị. Nó không phải là con người, mà là dụng cụ của con người dùng “.

Hành giả phải chịu khó kiểm soát và chọn lọc tư tưởng cũng như tình cảm. Người đời ít ai chịu khó kềm chế dục vọng và những mối cảm động. Họ để chúng nó tự do bung lung; khi họ cảm thấy chúng nó nổi lên, họ bèn để vậy: vì họ cho đó là sự tự nhiên. Nhà học giả huyền môn phải có một tư cách khác hẳn. Thay vì để cho tình cảm lôi cuốn theo sức mạnh của nó, lại hoàn toàn làm khách quan, đứng ngoài nhìn vào để kiểm soát nó. Việc đó được thực hiện là nhờ có thể trí mở mang. Vậy, phương tiện đầu tiên trên bước đường tu luyện là tập kiểm soát tư tưởng, để lựa chọn cái tư tưởng nào tốt mà để lại, và bỏ đi cái tư tưởng nào xấu.

Nhưng, như ta đã nói ở trước, dễ gì kiểm soát được tư tưởng: vì cái trí hay lao chao như gió. “Tâm viên, ý mã” là thế. Đó là điều khó khăn mà ai cũng đều gặp phải. Tại sao ta phải kiểm soát tư tưởng trước như?

-Trước khi bắt tay vào việc định trí, thì ta phải kiểm soát tư tưởng một cách nghiêm nhặt: bởi vì nếu ta thả lỏng tư tưởng xấu, tốt, tự do cứ đến cứ đi, thì ta quả là “cái chợ”; nó lộn xộn và hỗn độn. Vậy ta làm gì tiến hóa được? Ta phải có qui tắc, có trật tự phân minh ở chính con người của ta, thì ta mới làm việc lớn được.

Ta thử ngồi yên lặng một phút đồng hồ làm chủ quan; tức thì ta nhận thấy vô số tư tưởng có tốt, có xấu, chực chờ nhảy bổ vô đầu ta, lôi cuốn ta theo triều lưu của chúng nó. Với sự khách quan của ta, với uy quyền của người làm chủ, ta ra lệnh: “Cái nào tốt ở lại, cái nào xấu phải đi”. Bao giờ có thói quen rồi, thì việc làm ấy không mất sức lực gì cả.

Và lại kiểm soát tư tưởng có nhiều điều lợi.

1)- Trước nhưt, ta giúp ích cho ta . Khi ta tư tưởng tốt, cái trí của ta rút vào nó những tư tưởng đồng tính xung quanh, làm tăng cường cái tốt của ta, và đồng thời tổng khứ ra ngoài những tư tưởng nào xấu (tương phản với cái tốt) của ta đã có tự bao giờ.

2)- Kế đó, ta giúp ích cho kẻ khác . Tư tưởng tốt của ta khuyên bảo họ (một cách âm thầm) làm lành, lánh dữ, khiến cho mầm mống thiêng liêng tiềm tàng trong lòng họ chóng nảy nở.

3)- Rốt lại, ta giúp ích cho đời . Vì tư tưởng lành của ta là một viên kiện tướng trong đạo binh Cứu Thế, để quét sạch mây mù và đưa người đạo tâm qua bên kia bờ Giác.

Trên không trung, có muôn ngàn tư tưởng vô định bay vờn vờ; chúng chực chờ cơ hội thuận tiện để xẹt vô trong trí ta, và bắt buộc ta tưởng theo chúng nó. Nếu ta không luyện tập cái trí như một kiếm khách, hoàn toàn làm chủ ngọn gươm, thì khó đủ sức chống ngăn các ngọn sóng tư tưởng bên ngoài tràn đến!

Vậy ta hãy vui vẻ và sung sướng và đã hiểu chơn lý. Ta hãy đuổi tất cả sự buồn rầu, sự ngã lòng, rùn chí, sự lo âu nhỏ, lớn để tạo cho tâm hồn ta một bức tranh tuyệt mỹ. Không có chi nguy hiểm cho tinh thần bằng sự phiền muộn và lo âu: Người ủ rũ và ngã lòng chỉ phóng ra xung quanh những sự rung động xấu xa. Chúng nó chẳng bao giờ túa ra được sự vui tươi, hòa bình và bác ái. Vậy nếu ta ở vào trạng thái đó, thì ta chớ ra khỏi căn phòng ta, e cho ta lây kẻ khác.

Nhờ ngưng dòng tư tưởng vờn vờ, nên ta giữ được sự quân bình ở tâm trí. Tấm lòng không xáo động trước sự vui hay buồn, trước sự nhiệt hay hàn, trước sự mất hay còn, thành công hay thất bại, khen hay chê, trọng hay khinh. Chính đó là cách sống tinh thần của người quân tử.

4.- Những nguyên nhân phụ thuộc trợ giúp cho sự định trí .

Sự định trí là nấc thang thứ sáu của thuyết Du già (Yoga). Trong khi định trí, những tia sáng của thể trí đều gom vào một điểm trung ương duy nhất. Nó không còn vờn vờ nữa. Bao nhiêu thần lực của cái trí đều chú vào đó. Những cảm giác của ngũ quan đều êm lặng; nhưn đó mà sóng lòng không còn trào dậy nữa: bởi thế, trong lúc định trí, lòng ta được vui tươi; ý ta được mạnh mẽ. Ta không để ý đến vật bên ngoài, cho chí xác thân của ta, ta cũng quên luôn! Rồi cái ý trung ương cứ hoạt động. Mà hễ nó càng định chừng nào, thì nó càng mạnh chừng nấy. Cho nên người “Đô Ghi” (Yogui) có thể, trong nháy mắt, tạo liên chân dung của Đấng mà y tôn thờ. Thí dụ Bà

David Neel tôn sùng sư phụ bà, bà dùng sự định trí tạo dạng hình Ngài liền và cũng dùng sự tập trung tư tưởng phá tan cái hình ấy đi. Có nhiều nguyên nhân phụ thuộc trợ giúp cho sự định trí: như hoàn cảnh, cách ngồi đúng đắn, tính yên lặng, ôn hòa, sự khiết bạch và lòng cương nghị, v.v....

Hoàn cảnh là cần ích cho người tập định trí. Chỉ nên, nếu ta gặp phải hoàn cảnh không thuận tiện, thì nên lựa những lúc người xung quanh an nghỉ mà tập luyện. Cách ngồi ngay ngắn, bắp thịt nói dẫn tự nhiên, để cho hơi thở điều hòa, giúp cho trí bớt xao lãng.

Trước nhứt, ta nên có những tư tưởng tốt đẹp (nhờ kiểm soát tư tưởng): vì nếu định trí mà không có điều khiết bạch ở trí óc, thì không ích lợi gì.

Mơ mộng không phải là định trí, vì nó chuyển vấn đề này sang qua vấn đề khác. Khi định trí được hiệu quả, thì tất cả sinh lực thiêng liêng đều dẫn vào óc. Khi ta mê đọc một quyển sách lý thú, thì ta không nghe tiếng ồn ào ngoài đường hay nghe ai nói bên tai, hoặc giả ta không thấy người nào đứng trước mặt ta; cho chí một mùi thơm phảng phất quanh ta, ta cũng không cảm biết được; Vậy, khi ta định trí, ta cũng phải đoạt cho kỳ được cái trạng thái đó.

Ngũ quan thường kéo ta xao lãng và làm cho mất sự yên tĩnh của trí não.

Ta phải nhẫn nại. Ý chí ta phải cứng rắn cũng như ngọc kim cương. Ta phải luôn tập cho thật đều đều, đừng bỏ dở bữa nào. Bằng không thì sự lười biếng và những trở lực phụ thuộc bên ngoài sẽ đưa ta đi xa mục đích!

Rất dễ mà định trí vào một vật cụ thể nào, vì ta quen thấy nó, và tưởng đến nó từ lâu. Sau lần lần ta bỏ vật cụ thể, ta lấy ý niệm trừu tượng như tưởng đến một Đấng Thiêng Liêng nào. Khi cái trí đã được điều luyện thuần thuộc rồi, thì nó không còn hướng về đồ vật bên ngoài nữa: bởi vì nó đã nếm được sự khoái lạc vô biên của sự định trí bên trong rồi. Thế thì cái trí giàu điều luyện có thể tự ý gom vào một vấn đề nào cũng được và không để những tư tưởng khác xen vào phá rối.

Ông S.Sivananda Sarasvati có thuật câu chuyện lý thú này:

“Một ngày kia Ông Shuka Deva đến yết kiến Hoàng Đế Janaka dâng nhờ Ngài chứng minh sự đắc quả của mình trên đường Đạo. Hoàng-Đế Janaka mới bắt ông phải trải qua một cuộc thử lòng hi hữu:

Nhơn ngày lễ lớn trong xứ, nhà vua bèn tổ chức xung quanh cung điện một dàn nhạc ru hồn và những điệu múa mê ly cùng nhiều trò chơi huyền ảo dị kỳ xưa nay chưa từng có, cốt để làm xao lãng trí óc của nhà tu đức hạnh: Shuka Deva. Giữa cảnh náo nhiệt tung bừng, tất cả ngũ quan đều bị kích thích nhiệt liệt, nhà vua truyền cho đạo sĩ phải cầm trong tay một chén sữa đầy chí mé, đi vòng quanh cung điện ba lần, mà cấm không cho đổ một giọt!

Tuy khó, nhưng Ông Shuka Deva thành công mỹ mãn: vì dù ở giữa cảnh sắc tương tung bừng, ông chỉ sống trọn vẹn với Chơn Ngã và không để cho ngũ quan lôi kéo.

Ta đây cũng vậy, ta phải dày công điều luyện cái trí: vì quyền năng của nó thật vô biên. Nhờ biết định trí, ta trở nên một bậc khác thường trong thiên hạ. Sự định trí là một nguồn sức mạnh tinh thần. Nó là cái chìa khóa thần của tất cả cửa phòng Bác Ái và Minh Triết. Vậy, ta hãy rán định trí để đi đến sự tham thiền có hiệu quả thực sự.

Ban đầu, ta hãy khởi vuốt ve món trón cái trí cũng như ta vuốt ve món trón một đứa bé vậy. Cái trí cũng như đứa bé thiếu hiểu biết (cho nên ta mới gọi nó là hạ trí).

Nó là một sinh vật (entité) có trí thức và sự sống riêng của nó. Nó cũng tìm phương tiến hóa, nhưng sự tiến hóa của nó đi hại đến sự tiến hóa của linh hồn. Bởi nó là một sinh vật, vậy ta chớ nên kháng cự trực tiếp với nó; mà trái lại, ta phải dịu dàng mà cứng cỏi đối với nó. Ta chớ dùng ý chí mà đàn áp nó, bằng không nó tự nhiên phản động lại ta và cố sức chiến đấu với ta để được thắng lợi. Nó có thể sánh với con voi phát nộ: vì tánh nết nó như bão tố. Vậy ta nên lấy sự cương nghị mà nhu hòa mới thắng được nó. Ta hãy nói với nó như vậy: “Ồ cái trí ời! Tại sao mi cứ chạy theo những vật hữu hoại và không ra gì? Chúng nó sẽ làm cho mi đau khổ vô ngần: Vì sự thất vọng của mi. Mi hãy ngưỡng trông Đấng Giáo Chủ ta đây! Ôi! Ngài đẹp biết bao! Ngài khiết bạch biết bao! Mi hãy chú ý vào Ngài, điện lực của Ngài sẽ bao phủ mi, khiến cho mi cảm được sự khoái lạc vĩnh cửu. Tại sao mi nghe tiếng đồn, giọng huyền của thế gian phù ảo này? Mi hãy dừng chơn lại và nghe nhạc điệu thần tiên đang ca tụng Đấng Thiêng Liêng của ta; mi hãy để cho mỗi tế bào của mi chuyển động theo làn sóng thanh diệu ấy. Nhờ đó mà mi được tiến tới trong đường lành, nẻo chánh và trở thành THƯỜNG TRÍ chiếu diệu muôn màu, sáng đẹp vô song! Vậy có phải là xứng đáng cho mi không?”

Có một qui luật trọng đại của sự định trí là: tư tưởng viễn vông càng bớt thì sự định trí càng được hiệu quả.

Nhưng làm thế nào ngưng bớt dòng tư tưởng viễn vông ?

-Đó là một điều khó và là một nghệ thuật vậy. Ta phải tập cái trí quay về “bên trong” nghĩa là dùng ý chí dồn tất cả tư tưởng phụ thuộc do ngũ quan đưa đến. Vì tập quán nên Thính Giác và Thị Giác cứ hướng ra bên ngoài để thu thập những cảm giác thường không ra gì. Khi mà (sự thấy) thị giác quay ra bên ngoài, thì sức mạnh bên trong sẽ giảm dần; vì nó tủa rải ra, làm cho cái tâm vọng động. Người mà có cái trí lao chao và cái tâm vọng động, thì không thể nào mong mỏi có được một đời sống tinh thần. Còn người nào nhờ hiểu biết và ý chí mà kiềm chế được giác quan, thì sẽ thấy sự an tịnh trong lòng và sẽ nếm được cái Chơn Hạnh Phúc. Chừng ấy, cái trí như bị ếm một lá phù, nó không còn bung lung ra nữa, nó bị nhốt trong lòng, và cũng chừng ấy, cái tư tưởng duy nhứt sẽ gom vào Chơn Nhơn. Sự định trí rèn luyện tinh thần trở nên một khí cụ để cho Chơn Nhơn dùng theo ý muốn,

Trước khi Định Trí, ta hãy đọc bảy lần chữ “AUM” hay (Om) để chuẩn bị cho tâm trí điều hòa ^[1]

NHỮNG CHUỖNG NGẠI CỦA TƯ TƯỞNG

Giờ đây, ta hãy nghiên cứu từ tiêu tiết những chương ngại của tư tưởng. Có hai loại chương ngại chánh:

- a) Loại thứ nhứt, có liên quan đến Dục Vọng (Kama).
- b) Loại thứ nhì có liên quan đến bản chất của Hạ Trí .

a).Chương ngại liên hệ đến dục vọng :

^[1] Chữ Aum (Om) có một sức mạnh thiêng liêng huyền bí do sự rung động của âm thanh. Chỉ nên cần phải biết đọc cho đúng điệu mới có kết quả tốt. Âm thanh của chữ Aum có bảy điệu cũng như bảy điệu của âm nhạc là: do, rê, mi, fa, sol, la, si. Sự rung động của nó tủa ra bảy màu chánh và muôn màu phụ. Chỉ nên thần lực của nó thật phi thường!

Theo kinh Bhagavât Gita (VI, 34, 35) năm ngàn năm về trước ông Arjouna có miêu tả, một cách đáng khen, nỗi khó khăn của sự chế ngự cái trí trong cuộc đàm thoại bất hủ của ông với tôn sư Ông là Đức Sri Krishna.

Ông nói: “Bạch Tôn Sư, cái Đạo pháp Yoga mà Tôn Sư gọi là Đạo Quân Bình đó, con không thấy cái nền tảng nào ổn định cho Nó cả: vì luôn luôn có sự xáo trộn; cái trí hung hăng mạnh bạo và khó uốn nắn: bởi vì khi chế ngự nó thì ví như ngăn luồng gió vậy”.

Và đây là câu trả lời chơn chánh của Tôn Sư chỉ rõ con đường duy nhất đưa đến sự thành công mỹ mãn:

“Hỡi người tráng sĩ võ trang tinh thần kia ơi! Người nói đúng đó. Cái trí tuy khó uốn cong, nhưng có thể làm được, bằng sự cố gắng, bằng sự lãnh đạm và bằng sự liên tục”.

1.-Sự lãnh đạm:

Rõ ràng sự lãnh đạm thuộc về năng lực của dục vọng (Kama). Nó ảnh hưởng đến cái trí, và còn có thể chế ngự được thể này nữa.

Ta đã biết những mối liên quan giữa dục vọng với hạ trí, và ta cũng đã biết dục vọng luôn luôn tìm cách kích động hạ trí, nó cố gắng thúc đẩy hạ trí tìm sự vui thích và tránh né đau khổ.

Vậy, chỉ có cách chế ngự tình cảm, con người mới có thể ngăn chặn đặng chúng nó lôi cuốn hạ trí khỏi nhiệm vụ của nó mà thôi.

Nhà học giả nên suy nghĩ rằng: “Con người là một linh hồn thiêng liêng, có Ba Ngôi Báu của Trời, có trí khôn ngoan, lại để cho sinh vật (entité) bé tí, một sinh vật tình cảm hỗn loạn này dày xéo, là một điều sỉ nhục vô cùng! Và không ai có thể tưởng tượng được rằng: một tia sáng thiêng liêng, đội lớp con Người, lại bị chế ngự bởi loài Tinh Hoa Dục Vọng, nó không tiến hóa bằng loài kim thạch.

Có hai phương pháp chánh giúp ta đoạt đặng sự lãnh đạm để dùng nó làm phương châm định trí, ấy là:

- a).Phương pháp triết lý (méthode philosophique)
- b).Phương pháp tôn sùng (méthode dévotionelle)

a).Phương pháp triết lý.

Phương pháp này nhằm mục đích cải tạo và tăng cường thái độ con người đối với vạn vật, (thường có tính cách hấp dẫn và làm cho say mê), để chế ngự dục vọng hoàn toàn. Lúc đó, con người trở nên bình thản đối với ngoại vật và nội tâm.

Phương pháp đó dường như khó thực hiện cho người Tây Phương – vì họ thường tạo ra những điều khó giải mới. Nhưng nó dường như không mấy khó đối với những người Đông Phương.

Phương pháp triết lý này đã có giải trong quyển “Bhagavad Gita, 5,6” và nó được gọi là “Đạo Pháp Dứt Bỏ” hay là “Đạo Pháp Chủ Trị Bản Ngã”. Theo phương pháp đó, người hết còn giận, ghét, ham muốn nữa. Thát tình, lục dục đã nằm êm. Người cảm thấy: giác quan mình đều hoạt động trong giác thể hữu dụng. Người đặt mọi hành vi vào cái “Vĩnh Cửu” từ bỏ mọi sự ưa thích mọi vật trù mển ở đời. Người dùng tư tưởng mà dứt bỏ mọi kết quả của hành vi. Người kính mến tất cả: kẻ đạo cao, đức trọng cũng như người dốt nát ngu si. Người hết còn dính dấp với mọi sự vật ở đời, và lo tìm hạnh phúc ở tâm hồn, luôn luôn ung dung tự tại, lo mưu cầu hạnh phúc cho

nhơn sanh. Người lo lắng giúp đời vì lòng nhơn chớ chẳng phải vì tư lợi, nên không mong hưởng kết quả việc làm của mình. Tâm hồn người luôn luôn yên tĩnh: vì người không quan tâm đến sự nóng, lạnh, vui, buồn, tủi nhục, vinh quang và thăng trầm của thế sự ... Người coi tất cả mọi người bình đẳng như nhau và ngang hàng với nhau. Không vì kẻ thương mình mà mình trọng và không vì kẻ ghét mình mà mình khinh. Người không mong ước điều chi cả. Tâm người không thể rung động trước sự đau khổ hay vinh hoa của riêng mình. Tâm người nhập vào Tâm Đức Thượng Đế nên luôn luôn được bình thản. Người thấy Đức Thượng Đế ở trong tâm vạn vật và vạn vật ở trong tâm Ngài. Người được yên tĩnh và điều hòa hoàn toàn.

Ta phải tìm cách giảm bớt ưu tư và phiền não, về sau ta phải tiêu trừ chúng nó vì chúng nó thuộc về dục vọng. Làm việc hay luyện tập, nếu chẳng quá độ, thì không hại cho cái trí. Trái lại cái trí nhờ đó mà được phát triển thêm lên. Nhưng ta đừng quên rằng: các sự lo nghĩ, ưu phiền làm cho mệt trí. Nếu sự kiện này cứ mãi kéo dài trong một thời gian, thì sẽ đi đến sự hao tổn tinh thần và con người sẽ hóa ra nóng nảy và bạc nhược, không thể tính toán điều chi cho được yên tâm.

Ưu phiền tức là lập đi, lập lại mãi một thứ tư tưởng gần giống nhau, không đưa đến một mục đích nhất định nào cả. Đó là sự lập lại mãi những hình tư tưởng do hạ trí và óc tạo ra, chớ chẳng phải do tâm thức. Những hình tư tưởng này lại cưỡng chế tâm thức.

Người ưu phiền là người không tính xong bài toán đồ của mình. Y bất mãn. Sự nghĩ ngợi, sự lo sợ dồn ép y vào cảnh rối loạn. Nhơn đó, mà trí óc của y cứ tạo ra những hình tư tưởng rồi xóa bỏ chúng nó đi, và tạo lại chúng nó nữa. Sự việc mãi lập đi lập lại như thế. Y làm mệt trí y. Thay vì làm chủ cái trí, y lại nô lệ nó! Ngồi thử đổi ngược!

Sự ưu phiền phần lớn, là do nơi “tự động tính” (automatisme). Phương sách hảo hạng để dẹp bỏ “con kinh ưu phiền” (le canal du souci) là đào một con kinh khác, ngược chiều với nó. Việc này có thể thực hiện được bằng cách tham thiền về một tư tưởng thanh cao như: “Chơn Nhơn là Thanh tịnh, Chơn Nhơn là sức mạnh. Tôi là Chơn Nhơn, v.v...”. Hễ hành giả càng tham thiền tư tưởng đó, thì sự thanh tịnh mà y mong ước, sẽ nảy sanh ở lòng y; và không bao lâu, sức mạnh mà y chiêm mộ đó cũng sẽ đến với y.

Nơi đây, ta không kể những đức tánh khác hữu ích cho hành giả, nhờ sự tham thiền mang đến. Điều này sẽ nói ở chương “Tham Thiền”.

Những điều kể trên đây cho ta vài ý niệm về phương pháp triết lý. Phương pháp này có thể sửa đổi và áp dụng cho nhiều hạng người, tùy theo bẩm tính của họ.

Tuy nhiên, phương pháp đó, như ta đã biết – đối với phần đông là một con đường cực nhọc, đầy đầy khó khăn và trở ngại. Phương pháp thứ hai, ít cứng rắn hơn. Ấy là:

b).Phương pháp Tôn Sùng:

Theo phương pháp này, ta không rán tiêu diệt dục vọng, nghĩa là: tất cả cái gì thuộc về sự ham muốn, sự luyện ái - lại được lấy mãnh lực của chính dục vọng để chủ động cái trí. Đây là phương pháp tuyệt mỹ của nhà tôn sùng để nuôi dưỡng dục vọng dưới một hình thức cao siêu hơn, với một mức độ mà tất cả sự ham muốn khác đều mất cả ý vị và chúng nó không còn đủ sức để phá rối trí não nữa.

Người nào có lòng mộ đạo thì dễ làm điều này lắm. Người giữ đạo Phật, thì nhìn ảnh của Phật, người giữ đạo Chúa, thì nhìn ảnh của Chúa, v.v... Hễ cái trí vui mà nhớ đến Đức Phật hay Đức Chúa, thì các thứ tư tưởng khác không xâm nhập vào nó đặng; vì cái trí bị lôi cuốn mạnh về tượng ảnh đó mà thôi. Nếu nó có lãng xao một giây phút, thì nó cũng quay về.

Theo phương pháp tôn sùng, người mộ đạo có thể đoạt được một mức định trí rất cao.

Trong khi nhà tôn sùng định trí vào một hình ảnh của một vị giáo chủ thì người có tính triết lý hơn, có thể dùng một vấn đề hay một tư tưởng nào đó để làm đầu đề cho sự định trí; vì đối với người này, sự ích lợi trí não, sự ham muốn hiểu biết là những yếu tố giúp cho sự định trí vậy.

Đối với những người không phải là hạng tôn sùng chơn chánh, thì khó mà thực hiện sự định trí theo đường lối đó; nó phải được cải sửa cho thích nghi.

Phương sách định trí, theo lối tôn sùng, - nếu cải sửa rất dễ cho đa số người áp dụng, bởi vì người ta có thể định trí trong đời sống thường ngày .

2. Sự cố gắng liên tục.

Sự lao chao là bản tánh của chất thượng thanh khí thấp (là chất khí của hạ trí) và của loại tinh hoa; nên cần phải chế ngự nó.

Thật ra, loài tinh hoa hạ trí có một phần lớn trách nhiệm về những tư tưởng vô định của ta: bởi vì chúng nó xui giục ta tưởng từ vấn đề này sang vấn đề khác.

Nhưng ta biết rằng: chất thượng thanh khí thấp, cũng như các chất khí khác, đều phải qui phục luật tập quán. Cho nên nhờ luyện tập một cách liên tục, nó có thể trở nên một nô bộc ổn định (chớ không lao chao) dưới sự điều khiển của Chơn Ngã (Ego). Phương pháp đẹp tuyệt và mau chóng hơn hết để kèm chế tánh lao chao của cái trí là sự dùng mãnh lực của ý chí. Đó là điều chắc chắn thành công.

Dù theo phương pháp nào, ta cũng phải luôn luôn áp dụng một phần nào ý chí. Có nhiều người chỉ dùng ý lực để chế ngự cái trí. Có người lại muốn dùng ý lực hợp với triết lý, với sự tôn sùng - hoặc cách nào khác - để chủ trị nó. Ta nên nhớ rằng: sự mở mang ý lực không có giới hạn.

Có thể dùng tư tưởng để tạo ra cái vỏ bao bọc (coque) xung quanh mình, để ngăn cản không cho tư tưởng bên ngoài xâm nhập vào trí. Nhưng phương pháp này không được khuyến khích: bởi vì cái vỏ bao bọc ấy chỉ như cây gậy của người tàn tật mà thôi.

Trong việc tạo cái vỏ bọc đó, tốt hơn là ta nên dùng chất thượng thanh khí thấp. Bằng chẳng vậy, những tư tưởng thanh cao, tốt đẹp sẽ bị chặn ngang và không đến với ta đặng. Và đồng thời những tư tưởng cao quý mà chính ta gởi đến các vị Chơn Sư của ta cũng bị cản ngăn lại nữa.

b) Chướng ngại liên quan đến hạ trí .

1. Luân - xa (Châkra)
2. Xả gân
3. Xả tướng

1) Luân- Xa .

Luân xa nơi yết hầu có 16 cánh. Màu nó xanh, lộn chút màu bạc, chói như ánh sáng trắng rơi trên mặt nước chảy lóng lánh, trông tuyệt đẹp.

Nó tiếp tia sáng tím xanh do Luân xa lá lách đưa đến. Màu tím xanh này dường thể chia làm hai phần: phần xanh dợt đi xuyên qua yết hầu để nuôi dưỡng; còn phần xanh đậm và tím thì đi lên óc.

Sinh lực màu xanh dợt lên nuôi yết hầu. Chính tia sáng xanh dợt này làm cho tiếng nói của ca nhi được thâm trầm, uyển chuyển và tiếng nói của diễn giả được hùng hồn, thao thao bất tuyệt. Sinh lực màu xanh đậm đến nuôi hạ phần và trung phần cái óc. Còn sinh lực màu tím thì nuôi thượng phần cái óc; nó thấm nhuần 960 cánh ngoài của luân xa nơi đỉnh đầu. Sinh lực màu xanh có lộn vàng (do luân xa trái tim đưa đến) nuôi dưỡng những tư tưởng thường.

Những người khờ khạo có sinh lực màu vàng và màu tím xanh lại bị ngăn chặn gần hết, không lên đỉnh đầu được, thành thử họ không có những tư tưởng thanh cao.

Khi luân xa ở yết hầu (nó thuộc về thể vía) mà mở mang thì trong lúc thức, con người nghe đặng tiếng động ở cõi Trung giới, nghe đặng những lời khuyên răn, dạy bảo đủ thứ. Người ấy cũng có thể nghe âm nhạc, hay âm thanh tại cõi phách hay cõi vía nữa.

Tiếng Phạn gọi Luân xa Yết Hầu là “Visouddha”.

Vì lẽ luân xa đó liên hệ mật thiết với hình thức cao siêu của thánh giác, và quan năng chú ý của tư tưởng mà khoa học huyền bí cho nó là vô cùng quan trọng.

Bởi vậy, thuở xưa trong các Đạo Viện, người ta hay chú ý luyện luân xa yết hầu bằng cách khắc khe lời nói, và nghiêm chỉnh giữ giới “vọng ngữ”. Trong Đạo Viện Pythagore, người ta buộc sinh viên phải ở trong ban Thính Văn (Akoustikois ou Auditeurs) trong hai năm. Học sinh vô lớp chỉ được phép nghe rồi suy gẫm chứ không được phép nói, hoặc bàn cãi chi cả. Người ta nghiêm chỉnh cấm họ không được phiêu lưu bàn cãi những điều mới lạ, trước khi chưa hiểu thật rõ ràng những nguyên lý căn bản của nền triết học. Vì lẽ đó mà trong môn phái “Huyền bí của Mithra (Les Mystères de Mithra) người ta gọi lớp chót là lớp “con kết”: bởi vì các học sinh chỉ được phép lặp lại những điều họ nghe như những con sáo, con cưỡng vậy thôi.

2) Xả gân :

Trong lúc tập định trí, hành giả phải lưu ý đến sự giựt gân ở bắp thịt. Tỷ như tự nhiên ta nhú mày, nhăn mặt hay có mí mắt chớp lia, v.v... Một trạng thái căng thẳng như vậy, chẳng những làm mệt thêm thân thể mà còn làm trở ngại cho sự di chuyển của thần lực. Ngon đó, người học Đạo, trong lúc Tham Thiền, cũng như trong đời sống hằng ngày, nên chú ý đến xác thân của mình, và phải nghỉ “xả gân” (relâcher) trong chốc lát cũng đủ đem lại cho thân thể một sự nghỉ ngơi đáng kể.

Những người có được sức khỏe cường thịnh. dồi dào, nên đặc biệt lưu ý đến sự xả gân cho có hiệu lực. Có nhiều sách nói về đó, như quyển “Power through repose” do tác giả Annie Payson Call là có tiếng hơn hết.

Định trí như ta đã biết, không phải là kết quả của một sự rán sức của thể xác. Khi tinh thần hướng về một tư tưởng nào đó, thì nó chú định vào tư tưởng ấy rồi. Và cũng không phải là một sự cưỡng ép tinh thần vào một tư tưởng nào, mà là để cho tinh thần chú vào tư tưởng đó một cách yên tĩnh hoàn toàn. Con người phải có khả năng

dùng cái trí của mình như một dụng cụ. Nếu được như vậy, con người có thể xuất thân ra khỏi hạ trí.

a) Thực tập xả tưởng :

Kiểm soát tư tưởng, tập suy nghĩ, tập định trí suông cũng chưa đủ, ta còn phải tập Ngưng Dòng Tư Tưởng một cách hữu ý mới được. Cũng như vậy, thân thể, sau giờ làm việc, cần phải nghỉ ngơi để bồi bổ sức khỏe.

Vậy khi suy nghĩ xong rồi phải ngưng hẳn dòng tư tưởng, đừng để cho nó phập phều trôi giạt, khi thì chạm đến tâm thức, khi lại đang ra xa, giống như chiếc thuyền không lái và lắm lúc chạm phải đá hằn.

Thường thường, khi sử dụng một cơ máy rồi, người ta đâu có cho nó chạy hoài, làm cho nó hao mòn vô ích. Thì đối với cơ quan trí não cũng phải như thế mới được. Và lại, giá trị của cơ quan trí não thật là to lớn, nên đừng để cho nó chạy hoài một cách vô bổ và không mục đích.

Khi hành giả đã suy nghĩ một vấn đề nào đó xong rồi, thì phải ngưng ngay dòng tư tưởng. Nếu có tư tưởng nào khác hiện lên, thì y phải loại ra lập tức, bằng cách không nghĩ đến.

b). Tập để tâm không (faire le vide) :

Trong lúc tư tưởng vô liên liên trong trí, cái này tới cái kia, ta hãy xem chúng nó đến với một cách lãnh đạm hoàn toàn. Trong một thời gian ngắn ngủi, nếu không có cái chi làm sinh khí cho chúng nó nữa, thì chúng nó sẽ ngưng hẳn, và con người sẽ trở nên yên tĩnh hoàn toàn. Bây giờ, con người có thể giải tỏa được mọi thứ tư tưởng.

Điều này hết sức hữu ích cho sức khỏe của cái vía và cái trí. Đó là cách “tập để tâm không” có nghĩa là để cái tâm trống không, cái trí được yên tĩnh: vì tư tưởng bên ngoài không còn xâm nhập vào tâm nữa. Mỗi ngày ta nên tập để “Tâm không” vài lần; mỗi lần vài ba phút, thì sức lực sẽ hườn y như cũ và ta sẽ cảm thấy khỏe khoắn lắm.

Lại nữa, sự tập “để tâm không” có thể chữa bệnh mất ngủ. Nhiều người áp dụng nó rất hiệu lực.

c). Sự xả gân (relâchement) :

Cũng là một việc hữu ích cho sự định trí và cho sức khỏe. Xả gân nằm hay ngồi cũng được, miễn bắp thịt hoàn toàn nói dần và tư tưởng ngưng hoạt động.

Nằm: Nằm không gối, duỗi thẳng tay chơn, mắt nhắm lại, gương mặt bình thản, không nhúu chơn mày, không mím miệng, không nhăn trán. Đầu đó đều được an tĩnh, thông thả, thanh thoi. Đoạn không suy nghĩ gì nữa, tức là làm cho ngũ quan không hoạt động cùng một lượt với tư tưởng và tình cảm.

Tư tưởng hay tình cảm nào, dù tốt hay xấu, có xẹt vào đầu mình thì lập tức mình chặn lại. Rồi tâm yên lặng. Giữ như vậy chừng hai phút. Về sau, có thể lên đến 5, 10 phút hay lâu hơn nữa, tùy theo mức luyện tập.

Ngồi: Để tay chơn duỗi ra. Mắt nhắm nhẹ, mặt bình thản. Rồi để tâm không trong hai phút hoặc năm phút hay lâu hơn (cách giống như nằm).

Ta chớ nên quên rằng: Trung tâm của tư tưởng không phải là ở nơi óc, mà ở trong thể Hạ trí. Do đó, sự định trí liên hệ đến thể hạ trí nhiều hơn là óc xác thịt.

Sự định trí chẳng phải là một trạng thái thụ động, mà trái lại, nó là một trạng thái linh hoạt mãnh liệt, có qui tắc hẳn hoi. Điều rất quan trọng là nên biết rằng: điều khiển một tư tưởng khó hơn là điều khiển một tình cảm. Người ta thường in sâu trong trí rằng: không nên để cho tình cảm bộc lộ một cách tự do (vì như vậy kẻ khác sẽ thấy) chớ còn tư tưởng, thì họ luôn luôn cho phép diễn tiến theo sự ngông cuồng của nó, theo chiều hướng viển vông của trí tưởng tượng (vì không ai thấy được).

Khi con người bắt đầu tập chủ trị cái trí, thì lại bị chạm trán với những tập quán xưa của hạ trí mình. Cũng giống như vậy, tinh thần con người gom chung lại Tinh hoa cái vía (élémental du désir) và tinh hoa cái trí (élémental mental); Tinh hoa cái trí có thói quen đi theo con đường riêng của nó, và vượt từ vấn đề này sang vấn đề khác, tùy theo sở thích của nó.

Sự chống đối của con người trước Tinh Hoa hạ trí hơi khác với sự chống đối của con người trước Tinh hoa cái vía.

Tinh hoa hạ trí kém tiến hóa hơn Tinh hoa dục vọng, trong một thời gian hàng triệu năm, nên ít chú ý đến vật chất. Nó linh động hơn Tinh hoa dục vọng, nhưng kém mạnh mẽ và chính xác hơn. Vậy, theo bản chất, thì Tinh hoa Hạ trí dễ chế ngự, nhưng khó mà điều khiển. Do đó, muốn chế ngự một tư tưởng, ta tiêu phí ít sức lực hơn là chế ngự một dục vọng, nhưng ta phải dùng sức lực đó trong một thời gian lâu hơn.

Lại nữa, sức mạnh tinh thần ở tại cõi tinh thần (cao hơn cõi hạ trí); khi nó muốn kèm chế hạ trí thì nó dùng chất khí của nó điều khiển mà thôi (trong việc này nó chỉ cần có sự thực tập).

Trái lại, khi sức mạnh tinh thần muốn chế ngự Tinh hoa dục vọng, thì nó phải xuống tận cõi Trung giới, là một cõi rất xa với nó.

Những điều trên đây rất đòi quan trọng. Vậy ta nên tóm lại rằng: sự kiểm soát cái trí là một công việc dễ dàng hơn là sự kiểm soát tình cảm. Nhưng thường thường, ta lại bỏ qua một bên sự kiểm soát tình cảm, để lo đến sự kiểm soát hạ trí mà thôi. Vì lẽ đó mà sự chế ngự cái vía được cho là quá khó. Tuy nhiên, việc kiểm soát hoàn toàn xác thân lại còn khó khăn hơn: vì tinh thần phải xuống thêm một cõi thấp nữa, nó còn xa lạ hơn hai cõi kia nhiều.

Trong bao nhiêu kiếp luân hồi, ta chỉ có mục đích tập luyện sự kiểm soát này mà chưa thành công mỹ mãn. Vậy mới biết là khó khăn đến bậc nào? Nếu ta không rán sức kèm chế ba hạ thể của ta là Xác, Vía, Trí thì sự đau khổ của kiếp Luân Hồi, Sanh tử sẽ còn kéo dài nữa, mà biết bao giờ mới chấm dứt để bước qua bờ Giác?

Những điều trên đây khích lệ hành giả rất nhiều. Người nào am hiểu được chúng nó một cách rõ rệt, thì sẽ nhận thức được cái chơn lý này trong quyển “Tiếng Nói Vô Thình”. Ấy là: “Cõi trần mới quả là địa ngục thật sự mà thôi”.

Trong vài trường hợp, người ta có thể dùng tư tưởng để chữa một cái răng nhức. Tuy nhiên, chẳng khó khăn chi, nếu ta dùng thần lực của tư tưởng để chế ngự sự ngã lòng, sự giận hờn, tánh ganh tỵ hoặc bất cứ tánh xấu nào khác, hay để xua đuổi ra khỏi cái trí những tư tưởng thấp hèn, vô bổ và hướng chúng nó đến một vấn đề nào cao siêu hoặc để ngưng hẳn dòng tư tưởng bất hảo.

CÁCH NGỒI ĐỊNH TRÍ HAY CÁCH NGỒI THAM THIỀN .

Ở trước chúng ta đã nói về sự “xả gân”. Sự này rất cần kíp cho sự định trí và tham thiền, bởi vì:

1. Xác thân không bị bắt buộc rắng sức nên thần kinh không căng thẳng.
2. Trong lúc cái trí hoạt động, thì nó có thể không bị xác thân khuấy rầy bởi thiếu sự an thích do thần kinh và bắp thịt căng thẳng tạo nên.
3. Tư cách của xác thân liên quan đến mỗi cảm động. Tỷ như nằm liên quan đến trạng thái buồn ngủ, còn quỳ gối thì kêu gọi sự cầu nguyện.

Vậy, ta nên thận trọng khi chọn cách ngồi. Tuy nhiên, ở đây người ta không ngăn cản ai muốn nằm để định trí hay tham thiền, miễn đừng có khuynh hướng buồn ngủ. Cho nên người ta thận trọng trong sự chọn cách ngồi để thoát khỏi sự liên tưởng, liên cảm và liên xúc.

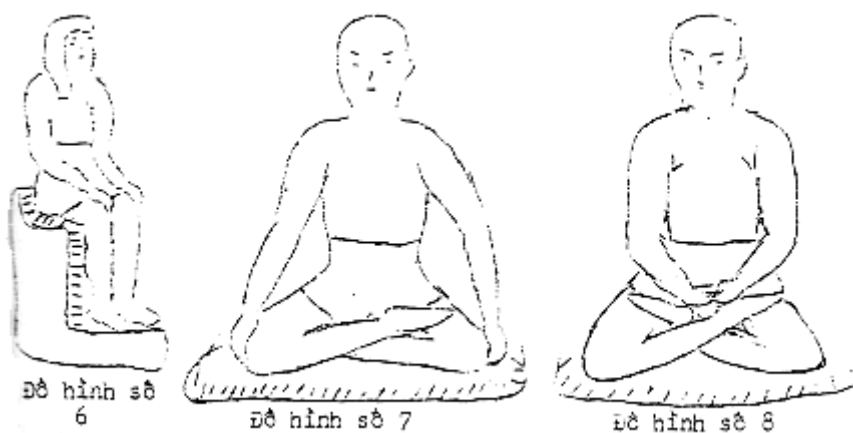
CÁCH NGỒI

Ta nên chọn cách ngồi cho thông thả. Bên Ấn Độ người ta có thói quen ngồi kiết dà nghĩa là ngồi xếp bằng, hai lòng bàn chân ngửa mặt lên hai bắp vế, xương sống ngay. Hai vai chỉ xương sống thành hình chữ thập. Đầu ngó ngay. Mắt nhắm lại. Đứng nhứ mày hay nhăn trán. Ngón tay xỏ rế. Hai ngón cái đung nhau. Hoặc giả để hai bàn tay trên hai đầu gối. Cách ngồi này rất khó. Người phương Tây ít ai làm được, nên họ ngồi bán dà, nghĩa là cũng ngồi xếp bằng, nhưng chỉ một lòng bàn chơn trở mặt lên mà thôi.

Có người ngồi thẳng lưng, ngón tay xỏ rế hoặc hai bàn tay để lên vế. Mắt nhắm lại, thông hai chơn để xuống đất. Điều kiện cần yếu là hoàn toàn xả gân, để cho thần lực lưu thông dễ dàng theo ba đường gân trong xương sống là: Ida bên tay trái, Pingala bên tay mặt, và Sushumna ở chính giữa.

Ta sẽ thấy chắc chắn xác thân không phải là vật dễ sai khiến đâu. Nó đôi khi sôi động và bức tức trước sự chống đối của giác quan dù không có nguyên nhân bất ổn nào đến quấy rầy. Ta chớ để tình trạng đó kéo dài. Xác thân ta phải là kẻ nô lệ ta. Hỏi ta có muốn làm chủ hay làm tớ? Ta phải đứng lên và nói với nó: “Ta muốn” chớ đừng nói: “Tôi mong chờ” mà phải nói “Ta muốn”. Nếu xác thân không sốt sắng và dễ khiến; thì ta phải tập nó. Ngày mai và mỗi ngày, ta nên tập xả gân, xả tưởng, tập thở và tập thể dục.

Trong một tháng ta sẽ thấy xác thân dễ khiến và ổn định hơn nhiều (Xin xem đồ hình số 6, 7 và số 8).



Đồ hình

Sự thành công tùy thuộc ở điều ta tìm và ở phương châm áp dụng. Nếu ta muốn thành công trong mọi việc, thì ý chí của ta phải đồng nhịp với Thiên Luật; bằng chẳng vậy thì điều ta muốn đó, dù để thỏa mãn xác thân, tình cảm hay lý trí, cũng không phải thuộc về loại chánh; và ý chí của ta chẳng phải là Ý Chí của Chơn Ngã. Ấy thế vì sự “muốn” của ta còn bị trói buộc bởi những khoái lạc của sự sống thấp kém và ta sẽ bị đưa đến những cái gì lạc thú của giác quan. Nhưng nếu ta nói: “Ta muốn có uy lực, ta muốn có tình thương; ta muốn có sự hiểu biết” thì tự nhiên ta biết rằng: ta phải chọn phương pháp đúng đắn để áp dụng. Nếu vì phách lối và hành diện mà ta muốn có được sự uy lực để hơn người, thì ta không tuân theo Định Luật của Trời, ta không theo Thiên Luật; như đó ta tỏ ra mình là nô lệ của sự phách lối. Nếu ta tìm tình thương của kẻ khác để cho họ thương ta, nói tốt ta, và kết bạn với ta, thì ta cũng lại đi nghịch với Thiên Luật nữa và ta cũng tỏ ra mình là nô lệ của sự phách lối. Và sự phách lối của ta, khi nó bị đòi hạ nhục, sẽ trở thành tánh ghen hờn, sự giận dữ, lòng ghét hận, sự sợ sệt; bây giờ lòng ta sẽ bị xẻ chia trăm mối tơ vò, ta sẽ bị bể tình dục nhận chìm, và không thể nào nói lên đăng câu: “Ta muốn”.

Bao giờ ta còn tìm sự thỏa mãn về giác quan hay sự lạc thú của xác thân, thì ta hãy còn là nô lệ cho chúng nó, và chắc chắn ta không thể nói lên “ý muốn” của ta đăng; rồi không bao lâu, ta sẽ bị những sự ham muốn, dục vọng rút tỉa, cũng như kẻ cùi đang bị vi trùng cắn xé, dày vò vậy. Rồi ta sẽ mất ăn, mất ngủ, không còn biết an tịnh và tráng kiện là gì? Vậy ta nên tập hoạt động một cách trật tự xuyên qua các hạ thể: xác, vía, trí nghĩa là xuyên qua hành vi, tình cảm và lý trí, đồng thời ta nên loại trừ mọi sự biếng nhác, lờ đờ, lẫn xăn, lộn xộn, khiến cho tâm hồn không được ổn định. Ta phải làm sao cho ba hạ thể được điều hòa, để chúng nó trở thành những khí cụ hoàn bị cho sự biểu dương của ý chí. Trong quyển kinh Yoga Ấn Độ xưa có nói rằng: Có bốn loại chương ngại ngăn chặn bước đường tiến hóa của con người. Ấy là :

1. Một tính tình vô tư lự.
2. Những đam\ - mê.
- 3 Một lý trí lộn xộn
4. Và sự gấn bó vào tất cả điều gì không đồng nhịp với Thiên Luật.

Một tính tình vô tư lự có nghĩa là một xác thân biếng nhác, thích nuông chiều, thích tự do, bạ đâu làm đấy, không chịu sự kiểm soát. Khi những dục vọng, những đam mê lấn lướt, thì các giác quan và mọi rung cảm đều loạn xạ. Một lý trí không rõ rệt ám chỉ một trạng thái bất nhất của cái trí thiếu kiểm soát. Muốn đem lại trật tự, điều hòa cho tất cả, thì phải làm sao? Trong mỗi trường hợp, đừng chú tâm tiêu diệt mà rán đem lại sự quân bình.

Thể dục có mục đích đem lại sự quân bình cho thể xác: vì nó đòi hỏi một đời sống chế định, cân phân; trong đó vật thực, nghỉ ngơi, thực tập phải cho có chừng, có mực. Sự chế ngự các điều thèm khát của xác thân, không làm cho mất sức, mà lại đem đến sự điều hòa và sức mạnh cho mọi cử động. Điều này đối với tình cảm và lý trí cũng y như vậy. Sức mạnh để chế ngự tình cảm và lý trí không làm suy nhược cái vía và cái trí, mà là trái lại.

Ta thử nhìn anh đạp xe xích lô thì ta thấy bắp chơn anh càng ngày càng trở nên to hơn và mạnh hơn. Mỗi ngày, ta rán nhín chút thời giờ tập thể thao, thì xác thân ta sẽ mạnh hơn, cũng y như người trí thức, phí thì giờ học hỏi, thì càng ngày càng thấy xa hiểu rộng hơn. Còn người tình cảm thì cũng y như thế. Nếu mỗi ngày y tập mở rộng tình thương, ráng ăn ở từ bi hỷ xả, thì càng ngày tình cảm của y trở nên thanh bai hơn và tốt đẹp hơn.

Ở đoạn sau, sẽ có nhiều bài thực tập nhằm mục đích đem lại điều hòa cho xác thân, và làm cho nó ổn định. Sự ổn định đây không phải ám chỉ một sự ơ hờ, một sự bất động mà nó có nghĩa là một sự cử động có nhịp nhàng, hay một sự vận hành mau lẹ. Đồng thời, sự chủ trị cái trí không phải có nghĩa là sự ngậy đại, khù khờ, mà nó ám chỉ sự tư tưởng đúng đắn, quân bình, một trí khôn mau lẹ và mạnh mẽ, và những ý niệm rõ ràng và linh động. Nó hoàn toàn trái nghịch với sự suy nghĩ hỗn loạn.

Ấy vậy, không có sự luyện tập buổi đầu đem lại sự ổn định xác thân, thì rất khó mà thực hiện được sự tự chủ ở cái trí.

NGUYÊN TẮC

Cái nguyên tắc chánh là: Xác thân phải được yên lặng; cái trí phải được lẹ làng. Người ta ở đời thường có thói quen dồn hết thần lực cái trí vào sự phục dịch xác thân hay vào cái gì liên hệ đến xác thân. Luồng tư tưởng tuôn chảy dễ dàng, và ý niệm sanh ra tới tấp, như khi người ta đọc một quyển sách. Sự thảo luận hóa ra dễ dàng, khi mỗi chận được người ta viết ra, hay khi đàm thoại với kẻ khác. Đánh một bàn cờ tướng, có trước mắt, con cờ thì dễ hơn là đánh cờ với mắt bị bịt. Thói quen với sự nhú mày, nhăn trán, mím miệng là thói quen suy nghĩ với sự trợ giúp của xác thân. Có đứa trẻ học bài làm vài cử động nhăn nhó ở mặt trông đến dị kỳ. Có đứa đang tập viết, le lưỡi uốn cong theo ngòi viết của nó.

Tất cả những cử động vô bổ đó phải được phế trừ, trước khi thực tập sự định trí. Ta nên nhớ rằng: thực tập định trí nhiều quá rất có hại cho xác thân; cho nên khi thấy năng đầu là ngưng lập tức. Về sau, khi hết nhức đầu thì tập từ từ, từ hai phút tới năm phút, rồi sáu phút, bảy phút, lâu lắm là 15 phút. Cái phẩm hay hơn cái lượng. Năm phút mà định trí đàng hoàng sẽ đưa đến sự thành công tốt đẹp. Còn 50 phút định trí, mà cái trí vờn vờ, thì chẳng những không đem lại kết quả gì khả quan, xứng đáng, còn làm cho trí khôn rối loạn và mệt nhọc.

Tóm lại, sự luyện tập phải được liên tục, yên tĩnh, an ổn và không để cho dục vọng phá khuấy. Ta nói: “Ta muốn” chẳng phải bằng lời nói suông mà phải kèm theo hành vi nữa. Nếu ta muốn có ánh sáng, thì ích chi mà cứ nói, đến “cây đèn”? Nếu người ta đau, thì ích chi mà cứ nói đến thuốc? Vậy ta hãy đứng lên đi lấy thuốc hay cây đèn mà dùng. Những báu vật giấu kín sẽ không hiện lên suông trước lời sai khiến “hiện lên” của ta đâu. Ta phải tìm chỗ nào chôn giấu chúng nó, rồi xới đất, moi đá và đào chúng nó lên.

Ta cứ luyện tập với tư cách ấy, thì lâu ngày ta sẽ thành công mỹ mãn: bởi vì ta không bám víu vào dục vọng nên ta không đi ra ngoài Thiên Luật. Trong Thánh Kinh có nói câu này: “Khi những hạ thể của Quý Vị hết còn là chủ nhơn của Quý Vị rồi, và khi Quý Vị không còn là nô lệ của xác thân và những cảm giác, thì Quý Vị sẽ không còn bám víu vào cái gì nữa, trừ phi Thiên Luật; và sống trong Thiên Luật”.

CÁCH ĐỊNH TRÍ

Nền tảng của sự định trí là sự chú ý vào những điều ta nghĩ hay ta làm trong ngày. Nhờ cố gắng luyện tập, lần lần hành giả thành công thu nhỏ phạm vi hoạt động của cái trí, cho đến khi định nó vào một vấn đề duy nhất mà thôi.

Người ta lựa chọn một tư tưởng hay một vật nào để định trí; rồi lần lần loại bỏ tất cả các điều gì khác ra khỏi cái trí, nghĩa là dứt bỏ cái lần sóng thuộc về những tư tưởng xa lạ đối với đề tài đã chọn.

Ban đầu hành giả cứ tập sự loại bỏ này, sau rồi, lựa chọn một đề tài nào mà mình hết sức thích thú, rồi đắm mình trong đó, cho đến mọi tư tưởng khác phải biến đi trong trí. Điều này chúng ta vẫn làm luôn trong đời sống hằng ngày mà không biết: như khi viết một lá thư, tính toán sổ sách, quyết định giải quyết một điều gì bằng trí. Cái trí phải tưởng một việc mà thôi; hết việc này sẽ sang qua việc khác. Dưới đây là những cách định trí thông thường.

1) Cách thứ nhất: Hành giả hãy lấy bất cứ một đồ vật nào như một cái đồng hồ, một cây viết, một đóa hoa hay một tờ giấy chậm, hoặc một lá cây, rồi ghi tất cả chi tiết về hình thể, cách cấu tạo, sự hữu ích của đồ vật. Hành giả còn kê khai đặc tính của nó nữa, v.v... Đó là cách luyện tập định trí rất thích thú. Nếu hành giả có thể lấy tư tưởng mà phân tách hay tổng hợp cái cách chế tạo hay phát triển của đồ vật, thì lại còn nhiều hứng thú hơn nữa.

2) Cách thứ nhì: Muốn dễ định trí ta tập nói lớn tiếng tất cả những tư tưởng hiện ra trong trí. Thí dụ: “Cái hoa này kếp, màu nó hường, mùi nó thơm, nó là loại hoa hường, lá nó xanh dợt, cây nó có gai, v.v...”. Nhờ nói lớn tiếng ta làm cho dòng tư tưởng chảy chậm lại, và ngăn cản không cho cái trí ra khỏi đề tài.

Theo cách này hành giả loại bỏ ra dễ dàng khỏi trí mình cái thế giới bên ngoài để đắm chìm trong cái thế giới bên trong. Khi y thành công, thì lúc đó y đã tương đối biết định trí tới một mức độ nào rồi.

3) Cách thứ ba: Đọc lớn một hàng chữ, rồi kiểm coi trong đó có bao nhiêu chữ; mỗi chữ có bao nhiêu nguyên âm, bao nhiêu phụ âm. Lập lại nhiều lần như vậy với nhiều câu liên tiếp khác nhau. Đọc lớn tiếng để giúp trí đừng xao lãng.

4) Cách thứ tư: Hót một nắm gạo rồi đếm coi có mấy hột. Lập lại nhiều lần như vậy. Đừng cho cái trí xao lãng.

5) Cách thứ năm: Đọc sách chậm chậm năm câu, rồi suy nghĩ coi tác giả muốn nói điều chi. Xong rồi, sẽ bắt qua năm câu kế khác. Cách này xem dường chậm lắm, nhưng kỳ thật nó mở trí mau lẹ. Rán luyện tập một thời gian, cái trí sẽ có thói quen suy nghĩ, về sau đọc giả am hiểu một cách lạ lùng nhanh chóng. Các em học sinh và sinh viên hằng ngày tập định trí mà không hay.

6) Cách thứ sáu: Ngồi xem tư tưởng vô trong óc mà không phản ứng gì cả. Một chập, thì chúng nó đi mất: bởi vì ta không để ý đến chúng nó; chúng nó không có đồ ăn, chúng nó buộc lòng phải ra đi.

7) Cách thứ bảy: Mỗi ngày chăm chú niệm nhiều lần một câu thần chú như “Aum Mani Padmé Hum” chẳng hạn (người Trung Hoa đọc “Án ma ni bát di hồng”). Câu này có nghĩa là: “Oh! Le Joyau dan le Lotus” Hay là “Je suis en Toi et Tu es en moi”. Dịch ra Việt ngữ là “Ôi! Báu vật trong hoa sen” hay là “Ngài ở trong lòng tôi và tôi ở trong lòng Ngài”. Nó có thần lực rất mạnh mẽ.

8) Cách thứ tám: Đếm từ 1 tới 50, rồi đếm ngược từ 50- 49- 48- v.v... trở xuống cho tới 1. Đếm đừng vấp, đừng lộn. Về sau, đếm lên 60, 70, 80, 90 rồi 100, 150, 200, 300, 400, 500. Mỗi lần cũng nhớ đếm ngược trở lại. Giữ trí đừng xao lãng. Ban đầu, đếm nghe tiếng. Về sau đếm thầm. Cách này rất hiệu quả.

9) Cách thứ 9: Định trí bằng suy gẫm liên tục. Tỷ như ở trường, thầy dạy ta rằng: ba góc của hình tam giác nào cũng bằng hai góc đứng. Chúng ta cần phải suy gẫm tại sao? Đó là một cách định trí.

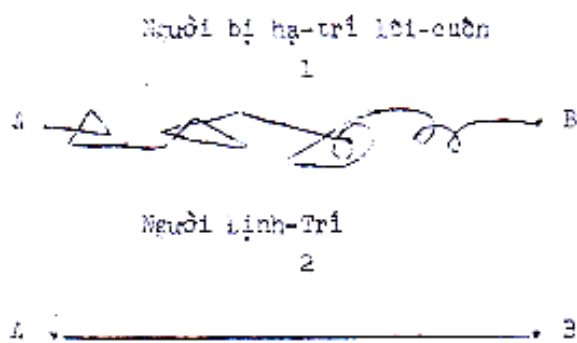
10) Cách thứ 10: Một hôm trời tối, ông bà Curie nhoáng thấy trong phòng thí nghiệm mình một tí ánh sáng lập lòe trên một cái đĩa nhỏ, mà nước trong đó đã bốc thành hơi. Hai vị ấy hô lên rằng: “Chắc chắn không phải là bụi mà lập lòe đặng”. Rồi hai người mới khởi sự suy nghĩ triền miên về đó. Nhờ vậy, mà chất radium đã được phát giác ra. Vậy định trí là bắt cái trí ở trong vấn đề không cho xao lãng để đi ngay đến mục đích (xem đồ hình số 9)

11) Cách thứ 11: Dòm quanh phòng. Lưu ý từ món ở đúng chỗ của nó. Nhắm mắt lại rồi nhớ tất cả chúng nó.

12) Cách thứ mười hai: Thăm nhớ con đường mà mình quen đi. Hồi nhớ lại quang cảnh hai bên đường và những người vật mà mình gặp trên đó, v.v...

13) Cách thứ mười ba: Trước khi ngủ, hồi nhớ lại từ giờ đi ngủ cho tới giờ thức giấc. Tỷ như đi ngủ 10 giờ tối, thì nhớ lại từ 9 giờ tới 10 giờ, mình đã làm, cảm và nghĩ điều gì. Rồi nhớ lại từ chi tiết, không cho xao lãng. Đoạn nhớ từ 8 giờ tới 9 giờ, từ 7 giờ tới 8 giờ. Từ 6 giờ tới 7 giờ, v.v... Nhớ như vậy cho tới giờ mình thức giấc buổi sớm mai. Khi mình đã thấy một cách tổng quát những hành vi tình cảm và tư tưởng của mình trong ngày rồi thì mình đi đến kết luận và lập nguyện, để tránh điều dữ, làm điều lành ở mai hậu. Cách này rất hữu ích vì nó kèm luôn sự sửa mình.

Tóm lại, khi cái trí được định rồi, thì nó đi thẳng một đường đến mục đích, chớ chẳng còn đi lòng vòng quanh quẩn trước khi đến đích nhắm.



(Đồ hình số 9)

Trong đồ hình số 9, nơi 1, ta thấy tư tưởng của người không biết định trí, bị lơi cuốn đi lòng vòng, trước khi tới đích nhắm là B.

Còn nơi 2, ta thấy tư tưởng của người Định trí, không đi vắn vơ, mà đến ngay chỗ nhắm là B.

ĐỊNH TRÍ VÀ THAM THIỀN THEO PHƯƠNG PHÁP THÔNG THIÊN HỌC



(Đồ hình THAM THIỀN)

Tham thiền là một yếu tố đặc biệt trong phương châm luyện mình và tinh lọc, nó là mục đích của kẻ chí nguyện. Tham thiền chẳng phải chỉ là một tư thế trí thức mà nó còn có mục đích đào luyện hạ trí để nó trở thành một khí cụ cho Thượng Trí và cho Chơn Nhơn.

Bác Sĩ ANNIE BESANT

Nhờ Tham Thiền mà Phàm nhơn mới thông đồng đặng với Chơn Nhơn.

Bác sĩ Taimni

Tự mình hãy thấp đuốc lên mà đi : (Lời Đức Phật Thích Ca)

“ Sự tiến triển của linh hồn, theo thường lệ rất là chậm chạp, giống như sự tiến hóa của xác thân. Nhưng nếu biết áp dụng sự tham thiền để đào đường linh hồn, thì sự phát triển rất lẹ làng, không thể tưởng tượng được. Đó chẳng phải là sự tiến hóa dục tốc đầu, mà là sự tiến hóa của đóa hoa đang nở, một quả trứng đang ấp thành con.

Nước gọn sóng bóng cây cắt đứt,
Ánh trắng mờ qua bức rèm mây,
Hễ làm nước đứng mây tan,
Tức thì vỡ trụ minh quang, rạng ngời.

CHƯƠNG THỨ BẢY

1.-ĐỊNH NGHĨA VỀ SỰ THAM THIỀN:

Trước khi nói về định nghĩa sự tham thiền, chúng ta hãy lắng nghe nhà thần nhãn hiện đại là ông Geoffrey Hodson thuật lại câu chuyện của các nhà Đạo sĩ nước Hy Lạp thời cổ, trong lúc các vị này tìm cách để đoạt sự giác ngộ bằng sự tham thiền. Ông nói rằng:

“Từ nghìn xưa, có người đã được thành công trên đường giác ngộ. Nếu ta đi ngược dòng lịch sử, trở về cổ Hy Lạp, hồi đời xưa thì ta sẽ tìm thấy có những nhà Đạo sĩ nước ấy đã trải qua con đường tham thiền để đi đến sự giác ngộ.

Đây là câu chuyện nói về nước Hy Lạp thời cổ. Hồi đời ấy, 600 năm trước Chúa Giáng Sinh, ở Hy Lạp có một nhà triết học gia tên là Thales, sống một nơi trong thành phố. Một ngày nọ có người hỏi ông 9 câu hỏi. Ông trả lời tất cả. Những câu hỏi và những câu trả lời đều được ghi giữ cho tới ngày nay. Đó là một điểm phúc cho chúng ta.

1)- Câu thứ nhất: mà người ta hỏi nhà triết học gia Thales như vậy”

“ Cái gì cũ nhứt trên đời ? “

-Đáp: Đức Thượng Đế là cũ nhứt trên đời, vì Ngài đã có tự bao giờ

2)- Hỏi: Cái gì đẹp nhứt trên đời?

-Đáp: Vũ Trụ là đẹp nhứt trên đời, bởi vì đó là công trình của Thượng Đế.

3)- Hỏi: Cái gì lớn nhứt trên đời?

- Đáp: Không gian là lớn nhứt trên đời, bởi vì không gian chứa đựng tất cả vạn vật.

4)- Hỏi: Cái gì là vững chắc nhứt, hơn hết thảy mọi vật?

- Đáp: Cái vững chắc nhứt và vẫn tồn tại nhứt là Hy Vọng, bởi vì hy vọng vẫn tồn tại mãi mãi, dầu cho đến sau khi người ta chết.

5)- Hỏi: Cái gì tốt hơn tất cả vạn vật?

- Đáp: Sự tự do là tốt hơn tất cả vạn vật, bởi vì nếu không có tự do thì không có gì tốt đẹp hết.

6)- Hỏi: Cái gì mau hơn tất cả mọi vật.

Đáp: Đó là tư tưởng, bởi vì trong khoảnh khắc đồng hồ, tư tưởng có thể vượt không gian để đi đến tận cùng trong vũ trụ.

7)- Hỏi: Cái gì mạnh hơn tất cả mọi vật?

- Đáp: Sự cần dùng mạnh hơn tất cả mọi vật, bởi vì sự cần dùng làm cho người ta có đủ can đảm để đối phó với tất cả mọi sự khó khăn ở đời.

8)- Hỏi: Cái gì là dễ nhất trên đời?

- Đáp: Cái dễ nhất trên đời là đem cho người khác những lời khuyên bảo.

9)- Hỏi: Cái gì là khó nhất trên đời ?

- Đáp: Tự biết mình là khó nhất trên đời.

Và lại, biết đặt cái bản ngã vô thường của mình, biết đặt cái Chơn Ngã trường tồn, vĩnh cửu của mình, và sự hiệp nhất cái bản ngã với cái Chơn Ngã cùng sự hiệp nhất mình với tất cả mọi loài, mọi vật là Mục Đích của sự Tham Thiền vậy.

ĐỊNH NGHĨA THAM THIỀN

Tham thiền có hai nghĩa: nghĩa cạn và nghĩa rộng.

Nghĩa cạn : Tham thiền có hai chữ ghép lại là Tham và Thiền.

THAM : Có nghĩa là chen, dự vào để cứu xét (tham cứu) để khảo nghiệm (Tham khảo, tham nghiệm), v.v...

THIỀN : Có nghĩa là yên lặng, lắng lòng để lìa xa các điều vọng niệm, những tư tưởng đảo điên, để dùng tư duy (tư tưởng) quan sát những luật ẩn vi trong vũ trụ và những quyền năng còn tiềm tàng trong con người, v.v...

Vậy, tham thiền là để tâm trí yên lặng hầu suy cứu tận tường những điều trên đây, hoặc tập trung tư tưởng để nghiên cứu kỹ lưỡng một vấn đề gì. Tỷ như suy nghĩ chính chắn về một bài luận văn nào để xem xét, phân tích minh bạch để thấy các khía cạnh, trong mọi hình thức, mọi liên quan, cũng gọi là tham thiền nữa.

Nghĩa rộng của sự Tham Thiền: Tham thiền là danh từ đạo lý thuần túy để chỉ nghĩa sự tập trung tư tưởng vào đường tinh thần để cho tia sáng thần minh có sẵn trong lòng người đọc xuất, đưa mình lên cõi thiêng liêng hầu nhập tâm cùng vũ trụ. Hay nói cách khác: tham thiền là tập trung tư tưởng vào một đối tượng, đặt phá tan bức màn bao phủ nó, để đạt đến sự sống bên trong của nó, rồi đem sự sống ấy mà phối hợp với sự sống của mình hầu hai sự sống đó hòa tan làm một dòng suối “đào nguyên” duy nhất có thể ban rải ân lành cho thế gian.

Từ cổ chí kim, các bậc hiền triết, các nhà tôn giáo trứ danh đều có tham thiền để thấu hiểu sự đời, lý Đạo, hầu cảm được một cách cao thượng và trực tiếp những tư tưởng siêu việt, đạo đức thâm sâu.

Phàm bí quyết của trời đất, hể nghiên ngẫm mãi rồi cũng có thể thấu triệt được lẽ phải, và giải quyết được nhiều bí ẩn.

Tham thiền cũng có nghĩa là cố gắng làm cho một phần nào của cái tâm thức siêu linh được thâm nhập vào cái tâm thức hồng trần – (là cái tâm thức của ta lúc ta thức) – để tạo ra con kinh giữa Chơn Nhơn và Phàm Nhơn hầu soi sáng Phàm Nhơn.

Người ta còn giải Tham Thiền như vậy: tham thiền là lắng lặng gẫm xét, dùng Tư Tưởng Thượng Trí để quán soi cho thấu tận nguồn gốc của mọi sự vật.

Nó cũng là một pháp môn tập trung tư tưởng để khám phá huyền linh của vũ trụ, và đồng thời điều ngự tâm viên, ý mã – (là cái tâm, cái trí vọng động lao xao như con ngựa, con vượn) – của mình trở thành tịch tịnh, an nhiên, không còn tự do phóng túng, tán loạn nữa.

Tham thiền cũng có nghĩa là quan sát mọi loài mọi vật trong thế gian và xuất thế gian bằng con mắt sáng suốt của trí lực, chớ chẳng phải nhận xét bằng nhục nhãn của phàm nhơn. Người tham thiền (gọi là tu thiền) quán xét với chơn tâm bình đẳng, vô tư trên công lý và chơn lý một cách minh triết vậy.

Cho nên tham thiền là một pháp môn “thâm thâm vi diệu pháp” chí cực, chí linh, tối vi, tối thắng. Người biết qua sự vi diệu của nó mà không thực hành thật là uổng vậy;

Bây giờ, ta hãy lần dò kinh điển để xem qua các bậc hiền triết giải nghĩa tham thiền như thế nào?

Bà Annie Besant, nguyên Chánh Hội Trưởng Hội Thông Thiên Học thế giới có cái nghĩa tham thiền như vậy.

“Người ta có thể nói rằng: “Tham thiền là phương pháp khoa học và xác định, để chinh đôn cùng mở mang các thể vía, trí bằng cách cố suy nghĩ và nhằm mục đích nhứt định”^[1].

Bà còn giải thêm rằng: Sở dĩ công việc ở các cõi cao chỉ thực hiện được là nhờ Chơn Nhơn bao phủ mình bằng một thể tinh vi (cấu tạo với chất khí của cảnh giới mà Nó đang hoạt động) vì lẽ: không có một sự sống nào biểu lộ được, nếu nó không có một hình thể tương xứng với cảnh ấy. Mục đích của sự tham thiền là tạo ra những hình thể đó, càng ngày càng tinh vi, đủ sức phát triển những năng lực của sự sống cứ mãi tăng cường”.

Ông J. J. Wedgwood, tác giả quyển “La méditation à l’usage des commencants” có giải nghĩa tham thiền như vậy:

“Tham thiền là sự rán sức đem vào tâm thức mình, lúc mình tỉnh táo (là lúc cái trí đang hoạt động như thường) một vài tri giác siêu linh và lấy lòng nhiệt vọng tạo ra

^[1] Nguyên văn: On peut dire que la méditation est la méthode définie e’scientifique d’organiser et de développer les corp astral et mantal d’une facon délibérée et avec un but défini.

Giải nghĩa: Nếu để hai thể vía, trí tự nhiên, thì theo thời gian chúng nó cũng sẽ phát triển vậy; nhưng rất chậm chạp. Song nếu biết cách tham thiền, thì chúng nó mở mang mau lẹ vô cùng.

một con kinh để rút cái ảnh hưởng của nguyên lý thiêng liêng (là Chơn Nhơn) có thể làm cho Phàm Tâm sáng tỏ”.^[1]

Bà Blavatsky^[2] có nói rằng: “Tham thiền là lòng hoài bão nồng nàn khó tả của tâm hồn hướng về cõi vô cùng, vô tận:

Ông Pythagore nói: “Tham thiền là một động cơ rất mạnh cho sự tiến bộ về đường tinh thần, tri thức và đạo lý.” Bởi những sức mạnh cao siêu, những ý nghĩa huyền diệu và những sự phát minh to tát về tinh thần cần phải được tưởng niệm đến luôn, nghiền ngẫm đến luôn. Và ta cần phải bình tĩnh để tham thiền, thì chúng nó mới có thể xuất hiện ra được.

Nhà tu, Đại Đức Swami Sivananda Sarasvati nói rằng: “Tham thiền là để dòng tâm thức thiêng liêng cứ mãi cuộn cuộn chảy xuống không ngừng. Cái dòng tâm thức này hướng về một hình thức hay một đề mục có tính cách cao thượng. Trong lúc tham thiền, những tư tưởng phàm tục, những dục tình đều phải tắt hẳn. Cái trí chỉ thấm nhuần những tư tưởng từ bi, bác ái và thanh cao. Tất cả tâm hồn đều tràn ngập ánh sáng vinh quang của Thượng Đế.

Theo Na Tiên Tỳ Kheo, thì tham thiền là làm cho thần định lại, để thông hiểu và đạt lý hầu diệt những điều xấu xa ô trược của lòng mình.

Thánh Alphonse de Ligore đã nói rằng: “Đạt được trung tâm an lạc của linh hồn là đến tận trung tâm ân huệ, nơi mà linh hồn được nhuần gội lòng Bác Ái của Chúa”.

Tham thiền là rón sức đem vào tâm thức hồng trần (nghĩa là tâm thức của con người trong trạng thái thức) một phần hiểu biết sáng suốt của tâm thức cao siêu, để tạo ra một con kinh, xuyên qua đó, ảnh hưởng của Chơn Nhơn có thể tuôn xuống cho phàm nhơn. Người ta cho đó là sự phóng tư tưởng đến một lý tưởng cao siêu, để khai quang cho tâm thức hồng trần, làm cho nó hưởng ứng đồng với cái lý tưởng cao siêu ấy.

Vậy nói một cách tổng quát: tham thiền là để dòng tư tưởng hướng về một đối tượng nào hay một đề mục nào cứ mãi tuôn tràn, miễn ta thành công trong việc định trí. Trong lúc tham thiền, ta phóng dòng tư tưởng như con tằm nhả tơ làm ra ổ kén, ta ở trong đó, để rồi khi chấm dứt tham thiền, ta trở thành con bướm.

II.- BÌNH LUẬN VỀ THAM THIỀN :

Khi học giả đã định trí khá giỏi rồi, thì có thể khởi tập tham thiền.

Trong đời sống hằng ngày của chúng ta lúc hoạt động hay suy nghĩ, chúng ta đều đi lẩn quẩn giữa hai cực đoan: ấy là “ra bên ngoài” và “rút vào bên trong”. Tại hai cực đoan ấy, chúng ta thấy mình sống nhiều hơn và linh hoạt nhiều hơn, bao giờ chúng ta chưa có đủ yếu tố để phối hiệp đôi đàng.

^[1] **Pháp văn:** La méditation consiste en l’effort de faire pénétrer dans la conscience à l’état de veille (c’est-à-dire dans l’intellect en son état normal d’activité,) quelque peu de la conscience hyperphysique de créer, par la ferveur de son aspiration, un canal à travers lequel l’influence du principe divin, qui est l’homme véritable, puisse illuminer la personnalité inférieure.

^[2] Bà Blavatsky và Đại Tá Olcott, là hai nhà đạo đức cao thâm, đã sáng lập Hội Thông Thiên Học thế giới ngày 17 tháng 11 năm 1875.

RA BÊN NGOÀI:

Tôi có thể nhìn một đóa hoa, khi tôi đi ngang qua. Tôi, vì bước lẹ, nên không thấy rõ những đặc điểm của nó; nhưng tôi biết đó là một đóa hoa. Tôi bèn dừng bước lại, nhìn kỹ và nói rằng:

“Hoa màu vàng. Màu vàng này thật đẹp, Đẹp làm sao ấy! Hình dáng đóa hoa xinh tuyệt diệu! Tai hoa xoay bên này, rồi xoay bên kia. Nhụy hoa lại lấm tấm vàng sậm. Mùi hoa lại nồng nàn, thơm dịu. Cuốn hoa, đài hoa, nhỏ nhỏ, xinh xinh. Cách sắp xếp của hoa thật tài tình tuyệt diệu! Chỉ có trời mới làm được mà thôi! Ôi Hoa! Ta thương mi lắm!

Thế là. Khi tôi dừng lại, tôi đã cho hoa cái gì của tôi rồi. Trong lúc đó, tôi với hoa đồng hóa với nhau. Chúng tôi quấn quít bên nhau; tư tưởng của chúng tôi thông đồng với nhau; chúng tôi cùng sống bên nhau; không có gì chia cách tôi và hoa được. Tôi đã trao sự sống của người tôi cho hoa; và tôi tin tưởng rằng: sự sống của hoa đã được tăng cường trong lòng tôi, mặc dầu mắt tôi không thấy được. Còn tôi, tôi thấy tôi vui vẻ thêm lên, tôi tin cậy nhiều hơn trước. Tôi muốn sống vui trong giờ phút ấy, và không muốn mất sự vui mừng đó, dù là một tí nào. Tôi xóa bỏ tất cả sự ưu phiền của thế gian để giữ mãi sự vui mừng tuyệt diệu này trong lòng tôi. Nhưng tôi không sợ mất cái giây phút thần tiên ấy đâu, và tôi cũng không cần sợ phải cho ra cái gì nữa; bởi vì càng cho ra, tôi càng thấy tôi sống mạnh hơn. Trong khi tôi cho “tôi”, cho “hoa”, tôi cảm thấy tôi thức tỉnh hơn và linh hoạt hơn trước.

Nhưng . . . dù sao đi nữa, sự chết chóc vẫn còn đó! Trái đất vẫn quay. Giờ phút vẫn lặng trôi. Và ngày cuối cùng cũng phải đến! . . . Đóa hoa mà ta thương yêu cho thế mấy cũng sẽ héo tàn! . . .

RÚT VÀO NÊN TRONG:

Nhưng sự sống của hoa không chết. Nó sẽ trở lại với lớp hình khác. Giờ phút êm đềm của hoa cho tôi cũng không chết! . . . Nơi góc an tịnh nhứt của nhà tôi, nơi yên lặng nhứt của tâm hồn tôi, sự kinh nghiệm vui đẹp ấy vẫn còn mãi còn hoài! Tôi gọi nó một lần nữa. Nó đến. Nhưng cái buổi vui êm đềm đó lại phai nhạt làm sao! Song có sao đâu. Tôi cố làm cho nó sống lại. Tôi tập trung tư tưởng. Mắt từ từ nhắm lại. Tôi rón rớn nhớ sự hiện diện của đóa hoa trong lòng tôi, trong cõi uyên thâm của tư tưởng tôi. Rồi tôi nói rằng! “Tôi đây nè; hỡi Tiểu Hoa Nhi! Tiểu Hoa Nhi ơi, hãy lại với tôi, ngự trong trí vắng lặng của tôi”. Rồi tôi tham thiền chung với hoa. Trong lúc tham thiền, tôi thấy đóa hoa vàng của tôi biến thành đóa “Hoa Thần”, kỳ công của Thượng Đế, đem Tình Thương và sự an ủi cho loài người. Tâm hồn tôi bỗng nhẹ nhàng, và tôi nói rằng: “Hỡi đóa “Hoa Thần” của Thượng Đế ơi! Tôi và Hoa tuy hai mà một. Chúng ta đồng thiêng liêng và cao quý như nhau. Chúng ta đồng có Thiên Trách như nhau”. Đến đây tôi thấy đóa hoa cười . . . và chúng tôi cùng thương nhau và cùng chìm trong an lạc . . .

Đó là một mẫu tham thiền; ở hai cực đoạn của đời sống, ai nấy đều sống như nhau, một đời sống rất tâm thương . . . Nhưng nhờ lấy cái của mình, cái mật thiết của lòng mình đưa ra để hiệp nhứt với cái mật thiết của lòng người khác, mà sự sống của mình trở thành dồi dào và linh hoạt hơn.

Ấy vậy, sự tham thiền đem đến cho ta nhiều sức sống, nhiều quyền năng để kinh nghiệm đời.

Sau khi tham thiền rồi, tôi có thể tìm lại đóa hoa vàng hồi nãy. Bây giờ, tôi thấy nó mật thiết với tôi hơn trước. Tôi cảm thấy nó chia sẻ với tôi, màu sắc, hình dáng và mùi hương của nó. Tôi cảm thấy nó với tôi là một, cũng như tôi và vạn vật là Một vậy.

Thế thì, ai còn dám nói tham thiền là không cảm và là chỉ tưởng tượng suông ?

CHƯƠNG THỨ TÁM

CẦN PHẢI THAM THIỀN

Cõi đời tràn ngập đau thương và khốn khổ. Con người sống trong dục vọng và ích kỷ triền miên, hằng ngày gây ra tội ác một cách vô tâm. “Khiến cho nước mắt chúng sanh chứa đầy bốn bể theo lời Phật nói.

Vì muốn tìm ra được phương thuốc cứu khổ, Đức Phật Thích Ca mới ra đi, bỏ hết những lạc thú, ở cung điện, gỡ cánh tay bám víu của người vợ hiền, cắt ngang tình yêu mãnh liệt của phụ vương và xa lìa đứa con thơ còn măng sữa! Ngài ra đi . . . rồi làm gì để đắc đạo?

-Ngài chỉ tham thiền nơi cõi Bồ Đề với thân tâm tự nhiên: “Dầu máu ta có khô, xương ta có mục, ta cũng không rời khỏi chỗ này, nếu ta chưa tìm ra được Đạo để cứu khổ cho chúng sanh” . . . Rồi từng đêm này sang đêm khác, Đức Phật Thích Ca ngồi tĩnh tọa, tham thiền, trong bóng tối, hào quang trên trán Ngài sáng rực, dưới vòm lá Bồ Đề. Sau sáu tháng công phu. Ngài thắng trận Chúa tể Kâma (là dục vọng) và quỷ Ngao Mạn (tượng trưng Hạ Trí) để đắc quả “ Túc mệnh mình “ trước nhưt. Ngài thấu suốt được tất cả khoảng đời quá khứ rất xa xưa của Ngài trong ba hạ giới, xuyên qua cái trí cao siêu. Trong kiếp này có tất cả bao nhiêu quả của những kiếp trước, Ngài thấy rõ ràng từng viên gạch và những công trình kiến trúc mà Ngài đã ra công xây dựng, để đến ngày rục rở hôm nay. Kế ít giờ sau, trong đêm ấy, Ngài chứng quả “Thiên-nhân-mình” thấy rõ tất cả bản thể của vũ trụ, từ thế giới này đến bao nhiêu thế giới khác. Ngài thấu suốt tất cả hàng tinh tú, cái này liên lạc với cái kia. Ngài nhận thấy cái Luật chung bất di bất dịch, âm thầm và mạnh mẽ, biến vạn vật trong vòng tròn, gồm bốn giai đoạn: Sanh, trụ, di, diệt. Cái luật ấy không có gì vượt qua đặng từ con vi trùng cho đến Đại Tinh Cầu trong vũ trụ. Rồi cũng trong đêm ấy, Ngài chứng quả “Lâu-tân-mình” rõ biết nguồn gốc của sự đau khổ đã bám víu vào chúng sanh, như bóng với hình. Con người, từ bản tâm sáng suốt, đi dần mãi vào cõi vô minh, vì dục vọng làm mù quáng, như bụi dây lên. Muốn cắt đứt sự đau khổ, phải diệt vô minh. Nhưng người ta không thể trừ vô minh, không thể sáng suốt được, khi còn nhiều dục vọng. Ôi, tham vọng! Ôi khát khao ! Không bao giờ thỏa mãn!

Nhờ tham thiền con người lần cởi “cổ xe đã buộc vào mình”, và khi xe bị rã bánh, người bị buộc được giải thoát, thấy mình vượt ra ngoài phạm vi nhỏ hẹp để nhìn toàn thể. Người ấy, không còn phụ thuộc với không gian, cho nên không phụ thuộc với thời gian, không riêng giữ cho một hình dáng, cho nên luôn luôn được vĩnh viễn.

Vậy tham thiền là con đường duy nhất đưa người đến sự trường sinh và phúc lạc.

Ta không thể thành công vĩ đại trong sự tham thiền. Nhưng người khôn ngoan nên dùng nó để đoạn những khúc mắc ích kỷ.

Kinh “Isha Upanishad 3^è mantra” nói rằng: “Người nào không chịu định trí và tham thiền quả là người sát hơn thực sự của linh hồn. Họ quả thật là những xác chết biết cử động. Họ là những người khổ sở và khốn nạn nhất!”

Người khôn ngoan dùng dao thép tham thiền để cắt đứt dục vọng và ngạo mạn. Về sau, sự minh triết tuyệt vời của Chơn Nhơn lộ dạng và sự sáng tỏ bên trong bộc lộ ra ngoài. Nhờ những dây nghiệp chướng bị đoạn lằn, đám mây mù đã tan. Vậy chúng ta hãy tham thiền. Nó là cái chìa khóa để mở rộng cửa Đạo, là cái thang bí ẩn, bắt từ đất chí trời, từ sự giả đến sự chơn, từ cõi tối tăm đến nơi sáng suốt, từ sự đau khổ đến chơn hạnh phúc, từ sự xáo trộn đến nơi yên tĩnh, từ sự dốt nát đến nơi hiểu biết, từ cõi tử đến cõi trường sanh bất tử.

Những vị đại hiền giả thời xưa, biết được Chơn Ngã, cảm được Thượng Đế trong lòng là nhờ biết suy nghĩ và tham thiền.

Cũng giống như xác thân cần vật thực, linh hồn của ta cũng đòi vật thực cho nó vậy. Vật thực ấy là sự tham thiền.

Khi vật thực không đến cho xác thân, thì ta thấy mình bị xáo trộn. Cũng y như vậy, linh hồn ta sẽ bị xáo trộn nếu ta bỏ lãng sự tham thiền hay một buổi cầu nguyện nào. Vật thực cho linh hồn là cần thiết hơn là vật thực cho xác thịt. Vậy ta hãy tham thiền và cầu nguyện.

Cái trí lấy hình dáng của vật mà nó biết. Nhà tôn sùng luôn luôn tham thiền về Đấng mà y tôn thờ. Cái trí của y luôn luôn lấy hình Ngài. Và khi y tham thiền được uyên thâm thì y đoạt đến sự tôn thờ tối thượng. Danh và hình của Đấng được tôn thờ sẽ tan mờ rồi tiêu mất. Người tôn thờ cảm thấy Ngài khắp cùng, ẩn tàng trong vạn vật.

Ta cần có một cái trí trong thanh. Nếu nó chưa giải thoát đặng dục vọng, sự lo lắng, những ảo ảnh, lòng tự kiêu, sự tham vọng, tánh luyến ái, sự ưa thích mùi vị, thì nó chưa thuần trong sạch, chưa trở thành thượng trí, nên nó không đến đặng xứ an lạc của toà nhà vĩnh cửu.

Người đam mê, ưa sắc dục, và ô trọc, biếng nhác không thể nào tham thiền đặng. Ai đã chủ trì một phần nào lời nói, có lý trí sáng suốt, ăn uống tiết độ, giảm bớt tham lam, ích kỷ, giận hờn, mới có thể tham thiền và mong tiến tới đại định được.

Ta không thể có một cái trí an ổn để tham thiền, khi ta còn bị xáo trộn và ngờ vực. Hễ cái trí xáo trộn, thì nó kéo luôn dục vọng để cho nó rối loạn lên. Vậy ta phải tinh lọc cái trí, kiểm soát tư tưởng trước khi tham thiền. Nếu ta để lửa và cây tươi gần bên thì nó không bén; nếu đó là một khúc cây khô, thì nó bắt cháy liền. Cũng giống y như vậy, người nào có cái trí không tinh lọc, thì nó không cháy trước lửa tham thiền. Y sẽ buồn ngủ và mơ mơ màng màng. Còn những người biết phụng sự đời, biết giữ giới có lòng nhơn từ, khoan dung, có lý trí tinh lọc, thì vừa ngồi thiền là đã nhập định ngay. Cái trí ví như khu vườn, như líp bông. Nếu tất cả đã dọn sẵn, có phân đàng hoàng và không cỏ xấu, thì ta sẽ có hoa quả tốt. Cái vườn trí của ta cũng vậy, nếu ta nhổ những gai dục vọng và phách lối, nếu ta tưới nó bằng những tư tưởng đẹp lành, thì nó sẽ mọc hoa giác ngộ. Vậy ta hãy tưới cái khu vườn trí của ta với sự tham thiền, với những tư tưởng siêu việt. Ta sẽ phải nhổ cỏ xấu: ấy là những tư tưởng không điều hòa và vô bổ. Nếu ta thấy hoa trên cây xoài, thì ta biết chắc chắn là ta sẽ có trái xoài. Cũng y như vậy, nếu ta có sự an tịnh trong lòng thì chắc chắn ta sẽ tham thiền có kết quả và thu hoạch đặng sự minh triết. Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Đó là định luật trong sự giữ gìn những tư tưởng tốt.

Trong khi ta dọn khu vườn sạch sẽ, thì chẳng những ta nhổ cỏ, nhổ gai trên mặt đất, mà còn đào xới đất để lấy mầm xấu, kéo về sau chúng nó lại mọc lên nữa. Cũng y như vậy, chẳng những ta diệt trừ các lươn sổng to của cái trí, mà còn tinh lọc tiềm thức của nó nữa, nên ta muốn đi lần đến đại định.

Vậy ta hãy chuẩn bị cái trí để tham thiền. Nhờ tham thiền ta sẽ rút được các bậc hiền giả, các vị chơn tu và các nhà được Điểm Đạo. Các vị này sẽ giúp ta rất nhiều.

Tham thiền là con đường chơn chánh và vương giả duy nhất để đoạt sự giải thoát. Nó chấm dứt tận gốc sự đau khổ, buồn rầu, phiền não. Sự tham thiền cho ta thấy cái viễn ảnh hiệp nhất của Phạm Nhơn và Chơn Nhơn. Nó là cái khí cầu của người chí nguyện dùng để phóng lên tận xứ an tịnh và phúc lạc. Nó là con đường đưa người chí nguyện đến Tâm Thức Thiêng Liêng, để được giải thoát hoàn toàn, không tham thiền thì không thể tiến hóa mau lẹ trên đường tinh thần được. Chính nó là con đò đưa qua bể ngạn.

Tham thiền đều đều, mở đường trực giác, ta sẽ tự giải thoát ta khỏi vòng trói buộc của hạ trí, và đoạt được sự phúc lạc miên tràng. Nó sẽ đưa linh hồn của nhà tu sĩ đến gần nguồn chí linh của vũ trụ. Sự ngờ vực tự nó biến tan, khi ta cố quyết đi trên đường tham thiền. Ta sẽ tự biết chỗ nào nên đặt chơn, và sẽ có một “Tiếng Nói Vô Thình” huyền bí dắt dẫn ta. Ta hãy lắng nghe sau?

Chơn lý là im lặng. Nó đơn giản và khiết bạch. Ta không thể nào đến chơn lý mà không suy nghĩ và không tham thiền. Hãy quan sát lại sự im lặng. Hãy tự biết mình. Hãy biết điều đó. Hãy chìm mình trong đó.

Tham thiền là một tự lực mạnh mẽ cho xác thân, mà cũng cho trí thức nữa. Sự rung động huyền linh thu thập tất cả tế bào của xác thịt, khiến cho các bệnh được tiêu trừ, cho nên người tham thiền ít đau vặt, ít tốn tiền thuốc. Những làn sóng mạnh mẽ và hòa hoãn nổi lên, trong lúc tham thiền, có một ảnh hưởng huyền linh cho thể trí, bộ thần kinh, các cơ quan và những tế bào của cái xác. Thần lực thiêng liêng chảy xuống, sẽ như dầu chảy từ bình này đến bình kia, không gây tiếng động, từ chơn Đức Sư Phụ đến con người.

Nếu ta có thể tham thiền trong nửa giờ, thì ta có thể đảm đương trách nhiệm một cách an tĩnh và dũng mãnh trong cuộc chiến đấu của đời sống trong vòng một tuần lễ. Bởi vì ta phải gần gũi và đụng chạm với nhiều trí óc khác nhau trong đời sống hằng ngày, ta sẽ gặp trong lúc tham thiền cái sức mạnh và sự an tĩnh; chúng nó sẽ làm cho bạn tránh được nhiều phiền phức và xáo trộn.

Nhà tu sĩ tham thiền đều đều có một từ điển rất là hấp dẫn. Những ai đến gần y sẽ bị ảnh hưởng của lời nói dịu dàng mà mạnh mẽ: bởi cặp mắt sáng ngời, màu da bóng láng, tư cách thanh nhã, sức tráng kiện, đức hạnh và bản tánh thiêng liêng của y. Cũng như một hột muối bỏ vào bình đầy nước, nó tan ra và hòa trong nước, mùi thơm hoa lài thấm nhuần không khí, thì hào quang của Sư Phụ thấm nhập trí óc của kẻ khác. Những người này sẽ thấy mình vui vẻ, an tĩnh và mạnh mẽ. Họ cảm hứng đáng lời của Sư Phụ và cái hạ trí của họ lần lên đến Thượng Trí, để rút nguồn minh triết đến thể gian. Vậy tham thiền mở cửa cái trí trước nhất; nó đưa đến trực giác và nhiều quyền năng khác nữa.

Vậy tham thiền là kẻ nghịch của Hạ trí. Nó làm cho Hạ trí héo mòn, rồi mất hẳn trong Thượng trí.

Khi nhà tham thiền không còn dùng Hạ trí nữa, thì y sẽ đi xa trên quả địa cầu không biết bao nhiêu dặm. Người không hiểu được sự huyền diệu của sự tham thiền, nên kết án y là ăn không, ngồi rồi trong hang trong động.

Ta bị ngoại giới lôi kéo, bị sự luyện ái vào ảo ảnh trì lại. Vậy ta hãy định trí nhớ Trời trong lòng ta. Ta hãy chìm sâu trong đó và ngâm mình trong đó.

Trong khi tham thiền, cái trí của ta chú vào một điểm tinh thần (là Trời), thì ta được cảm hứng. Ta sẽ làm thì giỏi, hoặc sẽ giải đáp được nhiều bài toán khó khăn của đời sống. Định trí tại một điểm tinh thần cao nhất làm ta lên cao thêm nữa, hơn nữa rồi đoạt tới Chơn Ngã.

Sự an tịnh và phúc lạc thực sự chỉ biểu lộ khi nào những cảm giác của tiềm thức đều bị bôi xóa và những dục vọng đều bị dứt tắt. Nếu ta chú ý đến Đức Thượng Đế, hay Đức Krishna hay Đức Phật trong năm phút, thì cái Thượng trí của ta sẽ thấm nhuần Ngài trong năm phút. Ta sẽ lấy quan năng minh triết của ta mà so sánh cái phúc lạc ấy, (là kết quả của sự tham thiền) với cái vui sướng của ngũ quan, thì ta sẽ thấy khác biệt cả triệu lần hơn.

Nếu một người chí nguyện ở tại Việt Nam tham thiền về Sư Phụ của y tại Hy Mã Lạp Sơn, thì sẽ có sự liên lạc rõ rệt giữa hai người. Sư Phụ phóng ra những làn rung động quyền năng, an tịnh, vui mừng và phúc lạc cho người chí nguyện, để trả lại tư tưởng lành của y. Nguồn tư tưởng tinh thần của Sư Phụ y gọi nhuần y, chảy đều đều xuống y, như dầu rót từ chai này đến chai khác. Người đệ tử tắm mình trong đó, nhiều hay ít, tùy theo đức tin của y. Y tham thiền nồng nàn đến Sư Phụ dù là trong chốc lát. Sư Phụ y sẽ cảm biết ngay; Ngài thấy có một luồng sáng cầu nguyện hay một mảnh tư tưởng thanh cao đến Ngài, làm tim Ngài rung động. Có một luồng từ điển chói sáng nổi tim người đệ tử với Sư Phụ y, tạo thành một sự rung động của tư tưởng, lướt qua bề Hạ trí. Hễ người đệ tử đó càng giống Sư Phụ, thì đường quang tuyến ấy càng to lớn và chiếu sáng phi thường. Đường quang tuyến ấy có nhiều danh hiệu khác nhau như: Ông từ điển dẫn lực, cây cầu nối Chơn Ngã với Phạm Ngã, hay con kinh dẫn lực từ các cõi trên xuống cõi trần. Con kinh ấy người ta gọi là Antahkarana.

Một ánh sáng tỏ rạng bừng lên, nó chấm dứt những tư tưởng nhỏ mọn, xấu xa của Hạ trí, khi Đạo sĩ đi đến nấc thang chót của sự tham thiền và đại định rồi. Và khi tất cả cận bả của hành vi, dục vọng và ngao mạn đã bị tiêu diệt rồi, thì y sẽ được giải thoát, có thể nội trong kiếp này.

Tham thiền hiến cho ta một mảnh lực tinh thần vĩ đại, một sự an tịnh vô biên và một sức sống mới. Nó là thuốc bổ hay nhứt cho cái trí. Người tham thiền mà còn hờn giận là y không tham thiền đúng theo phương pháp và bền dai; và trong sự luyện tập của y, có điều gì sai quấy.

Tham thiền mở mang những tư tưởng mạnh mẽ và thanh cao. Những hình tư tưởng của y được rõ ràng và hẳn định. Những tư tưởng tốt có một nền tảng vững chắc. Nhờ ý niệm rõ rệt, nên y chấm dứt mọi lầm lẫn.

Cũng như mùi thơm dịu thường phát ra nơi cây nhang, một sự rõ rệt thiêng liêng sẽ từ gương mặt người chí nguyện bốc ra vậy. Kẻ tham thiền, trong trường hợp đó, có gương mặt an tịnh, vui tươi, dễ mến, một tiếng nói dịu dàng và cặp mắt sáng rỡ. Vậy, tham thiền là đốt dần tánh xấu, và đưa dần đến sự hiểu biết tức thời.

Trong lúc tham thiền, ta gần gũi với tinh thần, với ánh sáng. Ta chấm dứt mọi ô trược. Ánh sáng này lan rộng ra, chùi rửa linh hồn. Cái kính phóng đại để trước mặt

trời; dưới tấm kính, để một cọng rơm; cọng rơm liền cháy. Cũng y như thế; nếu tâm ta hướng về Trời, hướng về ánh sáng của trong sạch, của tình thương, thì nó đốt cháy mọi sự xấu xa trước lửa Trời. Ánh sáng đem đến một nghị lực tăng cường, và một sự sung mãn đời đời.

Vậy, ta hãy tham thiền.

CHƯƠNG THỨ CHÍN

THAM THIỀN LÀ CẦN ÍCH.

Ai ai ở đời cũng cần phải tiến hóa; vì đó là luật chung của trời đất. Nếu ta biếng nhác, thì ta cứ mãi ở trong tình trạng cũ. Một ý muốn thoát qua, một sự ráng sức tạm thời không thể thay đổi dạng cái hiện trạng đã có tự bao giờ. Điều cần nhất là phải công phu, có nhiều can đảm và bền chí mới được. Sự nóng nải không đem lại cái lợi gì.

Một khi trí ta gom vào mục đích thiêng liêng, thì ta hết còn để ý đến sự ham muốn cảnh vật chất ngoài đời. Và chỉ có tham thiền mới đổi thay chí hướng phạm tục của ta dạng mà thôi. Người nào không thể định trí để tham thiền, thì không hiểu chi về Chơn Ngã cả. Người ấy không có ý chí nồng nàn để giải thoát cho mình và y không thể tìm được sự yên tĩnh và phúc lạc cho linh hồn. Làm sao có được mấy điều ấy, trong khi tâm trí bị xáo trộn và chứa đầy dục vọng?

Trước kia, tham thiền được xem là một sự diễn tiến của trí thức, hướng về tinh thần. Nhưng đó chỉ thực có một phần mà thôi, bởi vì tham thiền đem đến cái ảnh hưởng tốt đẹp phi thường. Tất cả năng lực căn bản của con người, đều được đưa đến mục đích thiêng liêng.

Ta thử nghĩ: nếu cái trí định lại và hoạt động có trật tự và qui tắc để giải quyết một chuyện gì ở đời thì nó còn đem lại kết quả tốt đẹp thay, huống chi là lúc nó hoàn toàn quay về cõi linh diệu của linh hồn?

Một khi trí ta gom vào mục đích thiêng liêng, thì ta hết còn để ý đến sự ham muốn cảnh vật chất bên ngoài. Và chỉ có tham thiền mới đổi thay chí hướng phạm nham của ta dạng mà thôi. Người nào không thể định trí để tham thiền, thì không hiểu chi về vũ trụ.

Linh hồn nào cũng cần phải hướng thượng mới tiến hóa được, và sự tiến hóa là luật của trời đất. Bây giờ ta không chịu đi tới, thì kiếp sau ta cũng phải tiến bước. Thà bây giờ ta siêng năng, thì có lợi hơn nhiều.

Bác sĩ Isnard - là nhà Thông Thiên Học và tín đồ Phật Giáo đã tử nạn tại Hà Tiên (Việt Nam). Ông là tác giả quyển “La Sagesse du Bouddha et la science du Bonheur” có nói rằng: “Phải ghi sự tham thiền vào chương trình để dạy nam nữ học sinh lớn nhỏ suy gẫm về luân lý và sự áp dụng của nó; như thế, tôi thấy là một cái sức mạnh giờ nổi hoàn cầu” (P.174).

Bậc đại hiền, nhờ tham thiền mà đoạn lòng dục vọng cùng tánh ngạo mạn như ta đã nói ở trước: vì tham thiền mới tìm được cái chìa khóa thần để đi đến cõi trời vô tận. Tham thiền rất hữu ích cho sự tiến triển của linh hồn; cũng như ăn uống là bổ ích cho vật chất. Người bận rộn thế nào cũng tìm được thì giờ để dùng bữa, để ngủ nghỉ và

ngiht ngoy; vì y biết rằng: “Nếu không làm mấy điều đó, thì xác thân sẽ mất sức, không làm việc gì được nữa”. Nhưng rủi thay, trong khi y lưu tâm đến sức khỏe của xác thân, y lại quên đi sức khỏe của linh hồn. Y không tìm thức ăn bổ dưỡng cho nó, rồi y lại phàn nàn tại sao tinh thần y không phát triển, hay phát triển quá chậm.

Tham thiền đem lại hiệu lực lớn lao. Nó kích thích bỏ cái dữ, tìm cái hay, bỏ sự đam mê vật chất, ràng buộc mình với cảnh phúc lạc thế gian, để sống một cuộc đời cao thượng, thiêng liêng và vĩnh cửu. Nó mở mang tầm đạo lý ở tận đáy lòng mình, để đưa mình đến gần Đức Thiêng Liêng cao cả. Rồi điển lực của Ngài sẽ thấm trọn lòng mình làm cho mình khoan khoái tấm lòng và tràn trề hy vọng.

Ông Roseberry gọi ông Cromwel là “nhà huyền bí thực tế” và cho rằng: “Ông là một mãnh lực lớn lao nhưt trần gian”.

Sự tập trung tư tưởng, năng lực đẹp bỏ ngoài tai mọi sự ồn ào bên ngoài, làm cho hiệu năng làm việc tăng gia trọng đại; lại thêm vào đó sự quả quyết, lòng tự chủ và tính an lạc.

Dưới đây là những kết quả chính đáng của tham thiền:

1)- Nhờ tham thiền mà mỗi bữa con người nhớ đến – ít nhưt một lần – những tư tưởng thanh cao và siêu việt. Tư tưởng của con người nhờ vậy mà được vượt lên khỏi những sự tầm thường, nhỏ mọn và thoát ra ngoài những mối ưu tư, phiền muộn của đời sống hằng ngày.

2)- Tham thiền tập cho con người nhớ đến mấy điều đó. Và như vậy, trong một thời gian, nó tạo ở hậu trường cái trí, một thứ tư tưởng cao siêu, mà trong lúc rảnh rỗi, con người hay nhớ đến.

3)- Tham thiền là phương pháp trau luyện cái vía và cái trí để tiếp đón thần lực từ cõi trên xuống. Nhờ thể vía và thể trí tráng kiện mà các thể cao hơn của con người mới được khỏe mạnh. Bởi vậy, việc cần yếu là phải tham thiền cho đều đều.

4)- Tham thiền có thể dùng để mở các đức tánh.

5)- Nó đưa tâm thức lên các cõi cao, để bắt đầu bao quát những việc cao siêu và vi diệu. Nhờ tham thiền con người có thể vươn mình lên tận Thượng Đế.

6)- Và cũng nhờ tham thiền, con người mới tiếp đón được ân huệ từ cõi cao xạ xuống.

7)- Tham thiền làm mở rộng con kinh Antahkarana nối liền Phàm Nhơn với Chơn Nhơn.

Tóm lại, tham thiền là bước đầu tiên dắt dẫn con người tu luyện tinh thần, trí tuệ. Nó là phương pháp chắc chắn để mở tâm linh, cùng xác thân tại cõi trần, và trí thức sinh hoạt một cách cao siêu. Nhưng không ai có thể nói đặng là phải tham thiền bao lâu. Đó là tùy ở tiền kiếp và công phu cùng sự cố gắng của người luyện Đạo.

Nhiều nhà sư trong lúc công phu, tung rải điển lành quyền rũ - một cách vô hình – những người lân cận dời bước trên đường chánh giác. Với giọng nói êm dịu, với cặp mắt sáng ngời, với làn da bóng láng, với gương mặt đức hạnh và phi phàm, các nhà sư cảm hóa người đời rất đắc lực. Hào quang của họ đi ngang suốt qua tâm hồn của kẻ khác, như một hột muối tan trong nước, như mùi hương lẩn trong không khí. Những người này không hiểu tại sao, tự nhiên mình lại được vui vẻ, an lành và tràn đầy dũng cảm.

Vậy một nhà sư, tham thiền trên đỉnh núi, giữa rừng hoang vu cũng giúp đặng người đời, như nhà diễn giả đức hạnh tại đô thành, sự suy rộng thanh cao của nhà tham

thiền rải ra muôn dặm như sự rung động của âm thanh, chuyển đi trong làn không khí, đem lại cho vạn ức người sự an tịnh và chí quật cường. Người đã đi đến độ ấy rồi, thì dầu ở cảnh trần ai đau khổ đang trói buộc mình, lòng cũng phơi phới, nhẹ tợ lông hồng, như chấp được cánh thần, ngao du trên không trung, tự do đi về với mây gió, và lâng lâng như ngọc không tì. Nợ tang bồng từ đây không còn bận gót chân của người lãng tử. Ôi! Hạnh phúc thay.

Người biết Đạo để tâm chuyên chú vào những việc cao siêu, thì vượt lên khỏi bản ngã của mình. Ý tạo ra một hình tư tưởng mạnh mẽ trên cõi Thượng Thiên. Thần lực ở cõi thiêng liêng, dùng nó làm con kinh để tỏa xuống cõi trần.

Nếu nhiều người hiệp lại làm những tư tưởng như vậy, thì con kinh dẫn lực này sẽ to lớn biết chừng nào; và nhóm người như thế sẽ là một Nguồn Ân cho xứ sở.

Nếu tư tưởng của họ hướng về sự đào luyện trí óc, thì chúng nó là nguyên nhân tạo tác nơi cõi hạ trí một mãnh lực dồi dào cho cõi Thượng Trí.

Nếu tư tưởng của họ hướng về sự đào luyện tâm hồn về mọi phương diện, thì chúng nó có thể tạo thành một con kinh cao thượng, xuyên qua đó, mãnh lực của cõi Bồ Đề tuôn xuống cõi Thượng Giới.

Ân huệ ở các cõi siêu linh có thể di chuyển xuống các cõi dưới bằng những con kinh này. Đời sinh hoạt và ánh sáng của Đức Thượng Đế hòa chan khắp vũ trụ của Ngài. Nhưng nếu có những đường vận hà đặc biệt như thế đó, thì ân huệ thiêng liêng sẽ lưu thông khắp cõi trần.

Một con kinh vận hà như vậy tạo ra một tư tưởng vị-tha, vong kỷ, bác ái, từ bi và cao thượng, làm trung gian cho ân huệ thiêng liêng.

Điều này làm cho ta thấy trách nhiệm thiêng liêng của Hội Thông Thiên Học là tạo nên một con kinh để chuyển di thần lực của Đức Thượng Đế xuống cõi trần. Bởi vì mỗi một Chi Bộ Thông Thiên Học là một trung tâm lực thu hút sự lưu ý của Đức Thầy Minh Triết cùng các môn đệ của Ngài. Lại nữa, những tư tưởng của các hội viên trong Chi Bộ - khi họ tham khảo và luận bàn Chơn Lý - có thể được Chơn Sư dùng vào việc ban rải thần lực cao siêu cho những người lân cận trong vùng.

Người hội viên Thông Thiên Học lấy làm thích thú mà nhớ đến lời quả quyết của Bà A. Besant như vậy: “Chơn Sư có nói, ai được thu nhận vào Hội Thông Thiên Học là đã dính liền với các Đấng Thiêng Liêng bằng một sợi dây sống bé tí (elle est reliée à Eux par un minuscule cordon de vie). Sợi dây liên lạc này là sợi dây từ điển nối liền Chơn Sư với người ấy. Và học giả có thể - nhờ sự cố gắng kiên trì, nhờ lòng tôn sùng và việc làm vong kỷ, vị tha - làm nở rộng sợi dây ấy, và tăng cường sức mạnh cho nó; như vậy cho tới chừng nào nó trở thành một làn sóng chói ngời, tốt đẹp vô cùng. Người ta có thể dùng nó để chuyển di một ân huệ từ một cõi cao hơn nữa cũng được.

Sự sống và ánh sáng thiêng liêng thâm nhập khắp cả vũ trụ; và thần lực tương xứng cho mỗi cõi đều hết sức bị hạn chế. Nhưng nếu có một con kinh đặc biệt chuẩn bị sẵn sàng cho nó, thì nó có thể xuống cõi thấp hơn và làm cho cõi đó được linh diệu.

Khi người ta tưởng hay cảm một cách hoàn toàn vị tha là người ta đang xây đắp cho con kinh này. Tánh ích kỷ hoạt động theo một đường cong đóng kín (une courbe fermée) và chỉ đáp ứng tại cõi của nó mà thôi. Trái lại, một tình cảm tuyệt đối vị tha là một năng lực bay bổng, nó vọt lên cao, chớ không quay quần trở lại. Nó tạo ra một ống

dẫn lực từ cõi trên xuống cõi trần. Điều này chỉ cho ta biết ý nghĩa linh ứng của lời cầu nguyện chơn thành.

Đối với người có thần nhãn, cái ống đó được thấy như một luồng trót xoay vần vĩ đại vô cùng, khó lòng dùng danh từ hồng trần để diễn tả nó được. Nhưng luồng thần lực, trong khi đi xuyên qua cái ống dẫn lực đó, lại đồng hóa với nó, nghĩa là lấy màu sắc của nó; vì vậy, người ta biết nó đã đi qua ống dẫn lực nào.

Nhờ tham thiền, cái vía và cái hạ trí của con người lần lần trở nên yên lặng và không còn hỗn loạn nữa. Chúng nó khởi sự biểu lộ sự trật tự và từ từ nẩy nở. Chúng nó tập đáp ứng với những làn rung động càng lúc càng mãnh mai, nhẹ nhàng hơn,

Mỗi lần cố gắng là mỗi lần làm giảm đi sự dày mịt của tấm màn chia cách con người với các cõi cao hơn. Những hình tư tưởng lần lần trở nên rõ rệt hơn, và thần lực, từ cõi cao tuôn xuống, càng lúc càng dồi dào thêm.

Người biết tham thiền rồi, thì không van vái, không khẩn cầu, mà chỉ thầm suy xét, nghĩ ngợi và cứ ngó vào nội tâm để luận đoán. Người trở nên can đảm và không ý lại thần quyền.

Nhưng ta nên biết rằng: Tham thiền suông không phải đủ, nếu không có một ý muốn nồng nàn để luyện mình cho trong sạch, cho có được cái nhiệt vọng giúp đời. Tuy nhiên tham thiền là một phương pháp rất cần thiết để tiến hóa.

Phần đông chúng ta cho cõi trần là cõi thật, còn những cảnh trên cao như Thượng Thiên, Bồ Đề là điều viễn vông, thuộc về trí tưởng tượng. Nhưng tham thiền sẽ đánh tan các điều ngờ vực ấy và làm cho con người cảm biết đặng một cách rõ ràng những cảnh thiêng liêng.

Nhờ tham thiền ta tập thấy, tập nghe và tập cảm những cõi mà xác thịt không trực tiếp biết đặng

Tham thiền giúp cho các chất khí mãnh mai, tốt đẹp được lần hồi rút vô trong các thể một cách dễ dàng. Nó thường đem những tình cảm cao siêu, có nguồn gốc tại Bồ Đề đến cho cái vía để cho nó phản chiếu ra. Nhưng muốn có sự thăng bằng và sự ổn định, con người phải đồng thời mở mang Hạ trí và Thượng trí mới được. Bằng chẳng vậy thì những tình cảm tốt sẽ xui con người bước vào đường lối lạc lăm, vì con người cần dùng năng lực điều khiển của trí hóa và của ý chí, cũng như sức quyết định của tình cảm.

Tham thiền làm cho phát triển những tư tưởng mạnh mẽ và sạch trong; cái trí được đào luyện càng ngày càng trở nên tinh vi.

Cũng như mùi thơm dịu của cây hương trầm, từ xa bay lại, người biết tham thiền tỏa ra một luồng từ điển sưởi ấm lòng những ai còn đang đau khổ.

Những vật hữu hình đều thuộc về cảnh giả. Mà tất cả sự giả đều phải tiêu tan trước sự hiểu biết. Mà cái gì đem đến sự hiểu biết? - Ấy là sự tham thiền.

Những người nào tham thiền đều thấy sức cảm xúc của mình được dồi dào hơn, trí thông minh của mình được sáng sủa hơn và ý chí của mình được rắn rỏi hơn.

Lắm khi người ta tự hỏi rằng: “Tại sao biết đặng ảnh hưởng thiêng liêng đó?”

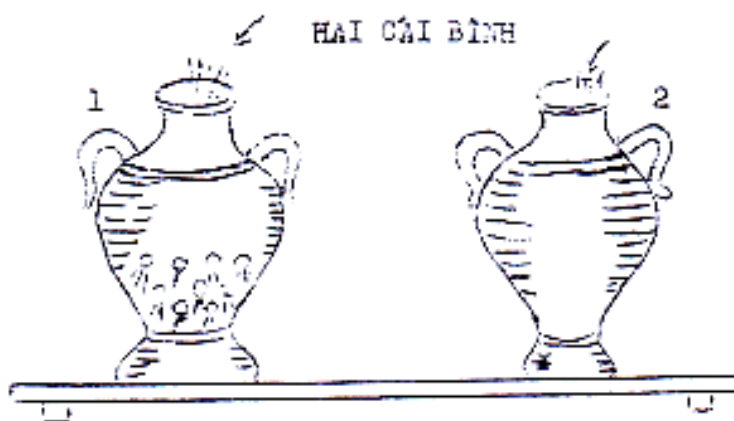
-Thật ra, khó mà miêu tả đặng: vì không thể lấy cái hữu hình để tượng trưng ra được cái vô hình. Nó là sự yên tịnh hoàn toàn, sự phúc lạc vô biên và sự thanh tịnh tuyệt đối.

Cái ảnh hưởng thiêng liêng phát hiện khi nào tình cảm và tư tưởng ngưng dòng hoạt động. Trực giác mới lần khai. Đó chỉ là điều mà người ta có thể nói ra đặng mà thôi. Nếu ta muốn biết rõ, thì phải tự mình thí nghiệm lấy.

Tóm lại, sự tham thiền đem đến cho con người một cái kết quả tinh thần hết sức lớn lao. Nó là cội phúc, là mầm giải thoát. Ta nên xây cất một cái thành trì tinh thần kiên cố, tạo một vầng hào quang sáng rõ để ngăn chống những cái cám dỗ thấp hèn bên trong và bên ngoài; chúng nó đang chực chờ xâm nhập lòng ta.

Vậy ta phải tham thiền.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI **HAI CÁI BÌNH VÀ HAI CÁI THANG**



(Đồ hình số 10)

Bình thứ nhất, tượng trưng con người thường nhơn. Bình có 3 mực độ:

- 1)- Mực độ vật chất
- 2)- Mực độ tình cảm, và
- 3)- Mực độ lý trí.

Mực độ vật chất của nó luôn luôn xao động, do sự kích thích của giác quan. Mực độ tình cảm của nó, thì có chút ít kiểm soát; nhưng một chút xúu xáo trộn nào bên ngoài cũng có thể làm mất quân bình, trong một thời gian lâu được. Mực độ lý trí thì gần như hỗn loạn: vì nó muốn bay nhảy đâu mặc tình. Đời sống nó không trật tự, phân minh.

Nước rút vào bình tượng trưng sự sống bên trong của người thường nhơn; nó chảy tuôn ra ngoài do vô số lỗ trống của bình.

Bình thứ hai tượng trưng con người đang tham thiền. Nhờ định trí, y bít các lỗ bình. Nước đổ vào trong luôn luôn tăng cường và làm cho đầy bình. Sự sống linh hoạt từ mức thấp đến mức cao lên tới miệng bình.

Nhơn đó ta chớ cho tham thiền một điều gì để an ổn ta trong cơn xáo trộn hay là để cho ta lánh đời. Mà phải nghĩ rằng: Tham thiền là phương châm đưa tâm thức lên từ bậc thấp đến bậc cao. Nhờ vậy, ta đứng trước cuộc đời với cái tâm thức lên cao đó. Sự sống ta được dồi dào và phong phú hơn trước.

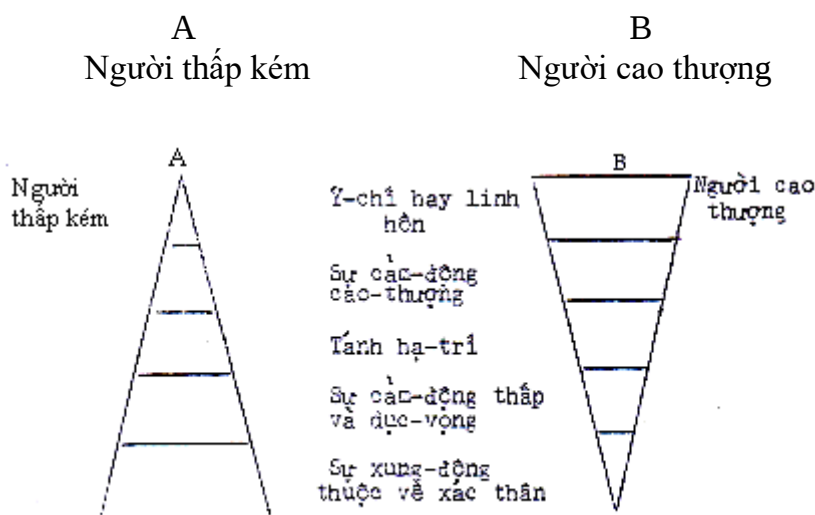
Trong đời sống thường ngày của ta, ta thấy có hai hạng người. Người thứ nhất có tâm thức eo hẹp, tối tăm, giống như ngọn nến, khi mờ, khi tỏ: vì bị cuộc trần lồi cuốn. Còn trái lại, hạng người thứ nhì, thì giống như vàng ánh sáng, càng bữa càng rạng tỏ hơn.

Sự khác biệt giữa hai hạng người đó là do sự tiến hóa không đồng đều.

Người hiểu và hành sự tham thiền là người tiến hóa khá nhiều rồi.

Vậy ta hãy tham thiền.

HAI CÁI THANG



(Đồ Hình số 11)

Đồ hình số 11 đây chỉ tỏ sự biến đổi của người thấp kém ra người cao thượng bằng sự tham thiền.

Hình A – Chỉ người kém mở mang. Ý có phần xác mạnh mẽ. Còn phần ý chí của ý lại bé nhỏ.

Hình B – Chỉ người tiến hóa cao. Tỷ lượng lại trái ngược với hình A. Phần xác thật lại yếu ớt; phần ý chí lại mở rộng ra.

Đó là nhờ ý tham thiền thường trực. Ý tập mở những đức tánh của tâm hồn. Phần nặng nề ô trược của cái vĩa và cái xác bị teo lại: vì thiếu sự dinh dưỡng.

Lúc con người trong thời kỳ dã man, ý có rất ít dục vọng.

Người dã man nhận lãnh các tiện nghi do tạo hóa đưa đến. Bởi ít có dục vọng, nên ý ít có dịp nỗ lực để linh động. Về sau, vì nhu cầu đời sống của ý trở nên phức tạp

hơn. Dục vọng của y mới trỗi dậy, rồi bỏ dần ra ngoài, càng bừa càng xa hơn. Bây giờ người đã man mới trở thành linh động; và dục vọng trong lòng y chiếm một chỗ quan trọng hơn. Bây giờ sự đòi hỏi ở xác thân bị sụt xuống hạng nhì. Dục vọng khiến y lựa chọn con đường nào để đạt mục đích của y dễ dàng hơn. Lý trí, lúc bấy giờ cũng làm theo đường lối của dục vọng. Nó là nô lệ của dục vọng

Nhưng về sau, dần theo sự tiến hóa, cái trí tăng cường sức mạnh. Nó có thêm sự quả quyết. Nó trở ngược cuộc diện, nghĩa là nó làm chủ lại dục vọng, và có khả năng kiểm soát và tuyển chọn dục vọng.

Dục vọng và sự cảm động thường xung đột trước khi lý trí đến phán xét. Lý trí nói: “Ta muốn cho ta cái này, chứ không phải cái kia”. Nhơn đó mà con người đang tập sống theo luật Trời.

Nhờ tham thiền, con người tự sửa lòng mình, dọn mình được thanh cao hơn. Đến một ngày kia, những đức tánh tốt trong lòng y tung bùng nổi dậy, còn những tánh xấu lẳng lặng nằm xuống, để rồi sẽ tiêu mòn – trong tương lai.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

BỘ ÓC VÀ XÁC THỊT

Người chí nguyện sơ đẳng phải hiểu sự tổ chức và sự tiến hóa của bộ óc: vì nó có một phần quan trọng trong sự thu thập chơn lý, lúc tâm thức hồng trần còn linh hoạt. Nếu biết cách thực hành và làm lâu bền, thì tham thiền từ từ biến đổi tình trạng của bộ óc; nó làm cho các tế bào hoạt động, và những làn rung động đáp ứng cũng tăng cường. Theo khoa học huyền môn, thì nguyên tử tiên hóa và sự tiến hóa của nó do sự xử dụng thúc đẩy của con người. Khi những tế bào bị sự tập trung tư tưởng thúc đẩy hoạt động, thì chúng nó tiên hóa và đưa ra một quyền năng: ấy là năng lực và minh triết của Thượng Trí.

Người tân hành giả phải thực hiện tham thiền một cách hết sức kỹ lưỡng và thận trọng. trong lúc y hăng hái, để cho trọn cả bộ óc của y bị bắt buộc luyện tập về ý niệm trừu tượng và về chơn lý tinh thần.

Ông Geoffrey Hodson có nói rằng: “Hơi mệt nhọc hoặc nặng đầu là một báo hiệu sự cố gắng đang đi lần đến chỗ lâm nguy; vì vậy, sự đau đầu có thể kéo dài”

Cái báo hiệu đó khiến cho hành giả phải thay đổi cách tham thiền hoặc nghỉ tham thiền. Y phải quan sát và thực nghiệm sự đau đơn ấy một cách kỹ lưỡng và cẩn thận. Nếu không có xảy ra một sự đau đớn nào hay một sự mệt nhọc gì là ám chỉ sự tham thiền không nguy hiểm.

Sự đào luyện bộ óc của nhà tân hành giả tinh thần phải được liên tục trên thực tế, trong lúc y tỉnh táo trong tâm thức hồng trần. Nếu vắng kiểm soát và suy gẫm quá nhiều về vật chất, thì sự diễn tiến của óc chẳng những bị chậm trễ, mà sự cố gắng tham thiền cũng sẽ vô bổ vì lẽ ảnh hưởng của nó đang đi vào con đường trái nghịch. Những làn rung động đáp ứng bị giảm bớt và sự tiến hóa của tế bào cũng bị ngưng trệ.

Bộ óc phải được xem như là một khí cụ tối mảnh mai và hết sức có giá trị, vì nó là kết quả của đời sống dưới thể gian. Nếu nó cứ mãi lu mờ, thì cần phải làm cho nó

sáng lại, bằng cách tham thiền, kiểm soát tư tưởng và dứt khoát những sự suy gẫm xấu xa. Mấy điều này cần phải được củng cố, bằng cách sống có trật tự, an lành và dùng những đồ ăn tinh khiết. Mọi vật thực bằng cá, thịt làm bản máu huyết và bộ óc: vì lẽ chúng nó có xu hướng làm thô đi những tư tưởng và tình cảm. Trái cây, rau cỏ và nhứt là những đồ ăn sống tinh lọc máu huyết, đem sinh khí cho xác thân và bộ óc.

Người chí nguyện rán sức tham thiền một cách thường trực và trang nghiêm, cần phải ngủ cho đầy đủ. Trong những giờ ngủ, cái óc lấy lại sức khỏe, sau khi cố gắng làm việc mệt nhọc trong ngày. Bởi vậy nên ngủ sớm là tốt nhứt. Cứ tiếp tục uống thuốc an thần hay kích thích bộ óc mệt nhọc để cho nó có thể làm việc lại, là một điều tai hại. Mỗi ngày, làm việc có trật tự và hệ thống, không cần phải uống mấy thứ thuốc đó.

Sự hoạt động phải hữu ích và có hệ thống: vì nó liên hệ trực tiếp với sự giác ngộ và những chơn lý. Sự hoạt động nào không đưa đến tôn chỉ đó phải khai trừ.

Hoàn cảnh đó là của tân hành giả, trước tiên nó tránh cho y những điều kiện trên. Nhưng về sau, khi y tiến hóa, thì nó sẽ đổi thay chiều hướng, và được dễ dàng chấp nhận.

Sự diễn tiến xem dường chậm chạp, nhưng trong người của hành giả có một chút thay đổi. Hoàn cảnh của mỗi người là toàn cả sự giáo dục đòi hỏi, để cho y tiến hóa. Người nào đã biết đặng sự cao quý của tinh thần và cứ mãi làm việc để phụng sự nó, thì sẽ thấy hoàn cảnh thay đổi một cách mau lẹ: tình trạng của đời sống sẽ phản chiếu trung thành sự thay đổi ở tâm hồn y.

Những lời dạy về bộ óc cũng sẽ áp dụng cho trọn cả xác thân; nó phải giữ gìn cho sạch sẽ bên trong cũng như bên ngoài. Giữa hoàn cảnh sạch trong, từ điển của nó được giữ gìn và tinh lọc, bằng cách tắm đều đều và thường xuyên. Áo quần của nó cũng phải thay đổi đều đều. Bàn tay và bàn chân của nó là những thành phần xác thân cảm nhiễm sự dơ bẩn từ điển bên ngoài nhiều nhứt. Chúng nó là những lỗ thông hơi, là những cửa vô và cửa ra của từ điển xác thân. Trong khi bắt tay kẻ khác hay giơ tay lên, thì một luồng từ điển ban ra một ân huệ. Nhà huyền môn chào hỏi phải thật tình vì nó biểu lộ một sự giúp đỡ tích cực. Chơn thật và tích cực là hai điểm chánh để hỗ trợ đời sống huyền môn.

Người ta xem bộ óc như đại vũ trụ, còn xác thân là tiểu vũ trụ: bởi vì trong mỗi tế bào của bộ óc, tâm thức đều có biểu lộ, và nghị lực đều có phát huy. Còn trong xác thân, sự sinh hoạt và kinh nghiệm của nó đều có phản chiếu trong bộ óc, xuyên qua giác quan. Sự dơ của xác thân cũng như sự dơ của tánh tình có thể kéo trì ảnh hưởng tiến hóa mau lẹ của bộ óc, và làm cho nó mất đi nhuệ khí.

Ấy vậy, cần phải lưu ý kỹ lưỡng sự sạch trong và khiết bạch cùng sức khỏe của xác thân. Điều hòa, nhịp nhàng, an tĩnh, cân đối và duyên dáng là những đức tánh mà nhà tân hành giả phải rán tạo cho xác thân mình.

Thế thì, bộ óc phải cho nhạy cảm, xác thân phải được đào luyện là chuẩn bị con đường cho tâm thức Chơn Nhơn xuống tâm thức hồng trần. Ánh sáng của sự hiểu biết cao thâm khởi sự rọi sáng chỗ tối tăm của hạ trí. Hạ trí sẽ vượt qua khỏi những đặc tánh của nó là: Sự phân tích, sự chỉ trích và tánh chia rẽ. Chúng nó sẽ được thay vào bằng những đức tánh này: một trí mở rộng, một sự xét đoán xây dựng và một sự hiệp nhứt hoàn toàn.

Sự thay đổi trong Hạ trí cũng là điều quan trọng, trong sự mở mang bộ óc: bởi vì tình trạng cả hai phản chiếu lại nhau. Bộ óc và trung tâm Hạ trí (trong thể trí) có thể được xem như là hai điểm vừa tiêu cực vừa tích cực của tâm thức phàm trần. Hễ thay đổi cái này, thì cái kia cũng thay đổi. Cái này tốt, thì cái kia cũng phải tốt, trong cơn điên khùng hay trong lúc sắp chết, thì sự sống của cái trí rất chủ quan và mất đi cái cực đoan tiêu cực.

Con đường đi đến sự khai minh của Thượng Trí là đi từ óc đến thể trí rồi lên lần đến tâm thức Chơn Nhơn, và từ tâm thức Chơn Nhơn đó, đi đến Ý chí tinh thần (Âtma) xuyên qua trực giác. Từ đó, trong vị Chơn Tiên, nó đi từ địa phận cá nhân đến vũ trụ, rồi vũ trụ đến căn khôn. Người sơ cơ cần phải có bốn phận đặt để cho mình một mức độ tâm thức hồng trần, cần phải tăng cường về cấp bậc và về sự bền lâu. Y phải có xác thân cường tráng và cái thể trí được tinh lọc. Y phải tập nâng cao cái trí của y lên mãi, lên mãi cho tới tận cõi Thượng Thiên, để có thói quen với lên mọi hoạt động trí thức cho đến mức độ Thượng Trí, hầu có thể chống cự được mọi xu hướng nô lệ hóa cái trí bằng sự riêng rẽ.

Tham thiền về những chơn lý vĩnh cửu sẽ không tự nó đưa đến sự thành công. Mà nó cần hỗ trợ bằng một sự thiết lập bền bỉ và tăng cường cái trí, giữa hai cuộc tham thiền. Tư cách của người sơ cơ ^[1] hướng về một hành vi tình cảm, sẽ phải do sự cố gắng của y định đoạt hoàn toàn. Phải nên tránh những tình cảm làm xáo trộn trí khôn và kích thích xác thân. Những tình cảm dồi dào, quảng đại hơn trong sự biểu lộ như: tình thương trong sạch, tính thiện cảm, lòng tôn sùng và những tình cảm đáp ứng với mỹ thuật phải được mở mang cho tới mức cao độ, nghĩa là khi chúng nó trở thành đời sống tình cảm mời thôi. Ý chí bắt chúng nó hoạt động, xuyên qua trí khôn.

Cũng trong việc thực hiện mấy điều này, bộ óc – với những thành phần của nó – đóng một vai tuồng quan trọng. Óc là nơi trú ngụ của linh hồn đầu thai làm Phàm Nhơn. Óc là đền thờ bên trong của xác thân. Tất cả tế bào của nó đều thấm nhuần trạng thái trí khôn của Chơn Ngã; mỗi tế phần (molécule) đều có chứa đựng thần lực của trí khôn. Các chìa khóa rung động của trí khôn là tư tưởng.

Hạch mũi và hạch tùng quả tuyền ở trong óc là những chánh điểm, xuyên qua đó, xảy ra sự biểu lộ trước tiên của con người. Từ những hạch đó, tâm thức tủa ra trọn cả óc những làn thần lực, chậm mau, nhiều ít, tùy theo bản tính của tư tưởng.

Đối với người thường nhơn, tùng quả tuyền hoạt động cho những tư tưởng cụ thể, nhưng đôi khi, nó hoạt động cho những tư tưởng trừu tượng. Còn hạch mũi, thì hoạt động cho tình cảm, nhưng đôi khi nó lan qua trực giác.

Đối với người tiên hóa, thì trực giác thông qua hạch mũi, xâm nhập vào trí khôn, rồi đi đến óc bằng con đường tùng quả tuyền (G. Hodson, quyển Meditation on the occult life. Page 12).

Sự mở mang tâm thức đi đôi với sự mở mang bộ óc, đặc biệt nhứt là nó gia tăng những làn rung động đáp ứng với hai hạch vừa nói trên. Tính tích cực và tính tiêu cực của hai cái hạch đó được tăng cường là nhờ sự thu và sự truyền của chúng nó. Nhơn đó, giữa hai hạch, có một từ trường (là sân trường của từ điện). Cái óc thật thứ ba bị

^[1] Là người mới đi tìm đạo.

dính vào từ trường đó, để hoàn tất sự biểu lộ Ba Ngôi của con người, xuyên qua bộ óc. Chơn Nhơn của người tiến hóa biểu lộ trong óc và xuyên qua óc, theo đường thấp mỗ ác và tam thất óc.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI

NHỮNG TRẠNG THÁI TINH THẦN

Ông Patanjali có trình bày năm trạng thái tinh thần rất hữu ích cho người thiền định. Chúng nó không phải chỉ thuộc về cõi Thượng Giới (là cõi Trí) mà đều có ở mỗi cõi, nhưng dưới một hình thức thích nghi. Ấy là :

1.-Kshipta : là tâm thức vờn vơ, giống như của con bướm. Nó luôn luôn bay từ vật này đến vật kia. Nó tương hợp với sự hoạt động ở tại cõi trần.

2.-Mudha : là tâm thức hỗn độn của cái vĩa. Trong đó con người bị tình cảm kích động. Nó tương hợp với sự hoạt động tại cõi trung giới.

3. Vikshipta : là trạng thái lo lắng về một ý tưởng nào đó. Con người còn có thể bị một ý tưởng ám ảnh. Nó tương hợp với sự hoạt động tại cõi Hạ Thiên. Lúc ấy, con người tập mở tánh phân biện (viveka), nó thuộc về phương diện hiểu biết của tâm thức.

4.-Ekagrata : là mục tiêu duy nhất. Trong trạng thái này, con người chỉ có một ý tưởng, chớ không còn bị ý tưởng ám ảnh nữa. Nó tương hợp với sự hoạt động tại cõi Thượng Thiên. Lúc bây giờ, con người phải tập tánh dứt bỏ (Vairagya) thuộc về phương diện hoạt động của tâm thức.

5.-Niruddha : là trạng thái tự chủ, nó vượt lên trên các ý niệm. Con người theo ý chí sáng suốt của mình. Trạng thái đó tương hợp với sự hoạt động tại cõi Bồ Đề. Lúc bấy giờ, con người phải tập mở tánh Shatsampatti, thuộc về trạng thái Ý Chí của tâm thức.

Khi con người đạt được sự tự chủ hoàn toàn và có khả năng điều khiển các sự hoạt động của trí não, thì lúc ấy, con người mới sẵn sàng bước qua giai đoạn cuối cùng là: Đại Định (Samadhi).

Đại Định có nghĩa là thu thập, là tập hợp các lực lượng tinh thần và xua đuổi mọi xao lãng. Nó có nghĩa là trầm tư, mặc tưởng. Ông Vyasa có nói: “Đạo pháp Yoga là cách thu hợp tinh thần lại. Đó là ý nghĩa nguyên thủy của “Đại Định”. Nhưng danh từ “Samadhi” thường được dùng để chỉ định trạng thái xuất thần, nó là cái kết quả dĩ nhiên của sự đại định toàn hảo.

Có hai thứ đại định :

1)- Samprajnata Samadhi: là đại định hữu tâm, là khi nào tâm thức hướng về những đồ vật bên ngoài.

2)- Asamprajnata Samadhi: là Đại định vô tâm thức, hay là tâm thức quay về nội tâm, để chuyển qua cái thể thanh hơn kể đó.

Về sau, chúng ta sẽ nói tiếp đoạn Đại Định này.

Bây giờ chúng ta hãy nhìn rõ tám bảng dưới đây, nó tóm tắt những điều vừa nói trên.

NHỮNG TRẠNG THÁI TINH THẦN

Số thứ	Trạng-thái tinh-thần	Đức-tánh phải có	Trạng-thái tâm-thức
tự	Phạn-ngữ : Việt-ngữ		
1	Kshipta : Tâm-thức : con bướm	-	-
2	Mudha : Hồn-dộn	-	-
3	Vikshipta : Lo-lắng	Phân-biệt (Viveka)	Hiếu-biết
4	Ekagrata : Mục-tiêu : duy-nhút	Vô-sở-dục (Vairagya)	Hoạt-động
5	Niruddha : Tự-chủ	6 đức-tánh của tinh-thần :(Shatsampatti) là : : 1) Sự tự-chủ trong tư- : tưởng và hành-động, : 2) Đức khoan-dung, : 3) An-phận, : 4) Lòng tin-cậy, : 5) Giữ quan-bình, : 6) Ý-muốn giải-thoát.	
6	Samadhi : Đại-Định	Kết-hợp tinh-thần đưa : đến trạng-thái xuất thần: :(la trance)	

Ngoài ra, người học Đạo cần hiểu rõ bốn trạng thái tinh-thần của Đạo pháp Yoga như sau:

- 1.- Jagrat : Là tâm thức lúc thức giấc.
- 2.- Svapna: Là tâm thức lúc chiêm bao linh động trong cái vía, nó có khả năng ghi chép những kinh nghiệm của nó vào óc xác thịt.
- 3.- Sushupti: Là tâm thức lúc ngủ mê, nghĩa là tâm thức linh động trong cái trí. Nó không có khả năng ghi chép những kinh nghiệm của nó vào óc xác thịt.
- 4.- Turiya: Là tâm thức lúc xuất thần, nó đi quá xa xác thịt, không đủ sức ghi nhớ điều chi vào óc xác thịt.

Đến đây, ta nên nhớ điều quan trọng này là: bốn trạng thái tinh thần đó cũng có ở mỗi cõi.

Bảng dưới đây nêu lên vài thí dụ của chúng nó, trong tâm thức hồng trần (dans la conscience physique) :

BỐN TRẠNG THÁI TÂM THỨC.

Thức tự	Danh-từ Phạn-ngữ	Danh-từ Việt-ngữ	Thí-dụ trong tâm-thức hồng-trần
1	Jagrat	Thức-tỉnh	Đọc một cuốn sách; Xem một đồng hồ
2	Svapna	Chiêm-bao	Hiểu ý-nghĩa câu; Tưởng-tượng cái vấn; đồng hồ
3	Sushupti	Ngủ mê	Chạm đến tĩnh-; Luận-niệm đồng hồ thần tác-gia; lý-tượng
4	Turiya	Khuất thần	Thâm-nhập vào; Kết quả quan-niệm tĩnh-thần của; trừu-tượng của thời tác-gia; gian

Hơn nữa những danh từ nói trên phải được dùng với ý nghĩa tương đối. Ấy vậy, đối với đa số người đời, Jagrat (hay là tâm thức lúc thức) là một phần của tâm thức chung, linh động trong óc và trong thần kinh hệ. Tâm thức đó, chính quả là tâm thức của cá tánh. Ta có thể tiêu biểu tâm thức chung này như là một bầu ánh sáng vĩ đại mà một đầu thì gắn vô óc. Cái đầu gắn vô óc đó là “tâm thức lúc thức giấc”

Nhưng khi tâm thức ấy được phát triển trên cõi Trung Giới và cái óc đủ sức đáp ứng với những làn rung động của tâm thức hồng trần, thì tâm thức cõi trung giới bắt đầu gia nhập vào tâm thức hồng trần. Bây giờ, chính tâm thức thể trí mới là tâm thức chiêm bao.

Cũng y như thế, khi tâm thức thể trí được mở mang, và óc hưởng ứng được với nó rồi, thì tâm thức hồng trần bao gồm thể Hạ trí. Và như vậy, cho đến khi tâm thức trên năm cõi đều được bao gồm trong tâm thức hồng trần.

Mở rộng tâm thức hồng trần này có nghĩa là làm phát triển những hạt nguyên tử của cái óc, vài bộ phận của nó và những phương tiện thông đồng giữa các tế bào.

Muốn cho tâm thức cái vía có thể gia nhập với tâm thức hồng trần, thì hạch mũi phải được phát triển và vòng dây khu ốc thứ tư (4ème spirille) của hạt nguyên tử căn bản hồng trần^[1] phải được hoàn toàn linh động.

Còn muốn cho tâm thức cái trí có thể gia nhập vào tâm thức hồng trần, thì hạch tùng quả tuyến phải được linh động và vòng dây khu ốc thứ năm (5ème spirille) của hạt nguyên tử căn bản hồng trần phải được linh động.

Bao giờ sự mở mang hai hạch tùng quả tuyến và hạch mũi nói trên chưa được thực hiện, thì tâm thức cái vía và cái trí không đủ sức biểu lộ qua óc, chúng nó vẫn còn là những hiện tượng siêu tinh thần mà thôi.

^[1] Xin xem quyển “Võ trụ và Con Người” nơi đoạn: “Những hạt nguyên tử căn bản hồng trần”.

Lại nữa nếu một người kia không có xác thân, thì tâm thức lúc thức giấc (sa conscience de veille) của y (Jagrat) là tâm thức cái vía. Như vậy, ta có thể định nghĩa danh từ Jagrat một cách tổng quát như sau :

Jagrat là một thành phần của tâm thức chung. Nó đang linh động trong một cái thể bên ngoài (Cái thể bên ngoài đây là cái thể vía).

Ta có thể xem Đại Định theo phương diện ấy. Vậy Đại Định là trạng thái tâm thức, trong đó, xác thân trở thành vô tri, vô giác, còn tinh thần thì hoàn toàn thức tỉnh, nó trở về óc xác thịt với những ký ức của những kinh nghiệm siêu hình.

Nếu một người kia xuất thân và linh động tại cõi Thượng Giới, thì Đại Định của y thuộc về cõi Thượng giới.

Vậy, người thực hành Đại Định có thể xuất ra khỏi xác thịt, để cho thể này thành ra vô tri, vô giác và duy trì tâm thức ở cõi giới nào mà y đã đạt đến được.

Đại Định cũng là một danh từ tương đối. Cho nên đối với một vị Chơn tiên, Đại Định khởi đầu ở cõi Niết Bàn, và từ đó vượt lên hai cõi siêu việt nữa là: Đại Niết Bàn và Tối Đại Niết Bàn.

Đôi khi danh từ Đại Định cũng được dùng để chỉ định tình trạng cao hơn tình trạng của con người có đủ sức thức tỉnh. Bởi thế, đối với người còn bán khai, thì y chỉ thức tỉnh tại cõi phàm trần, còn cõi Trung giới là Đại Định của y.

Theo định nghĩa này, con người, khi trở về thể thấp của mình, thì không thu thập một sự hiểu biết mới lạ nào cả. Sự Đại Định của y không được khuyến khích trong các phái Huyền Môn cao cả.

Ngủ và Đại Định là hai việc không mấy khác nhau. Ngủ là một hiện tượng thông thường, không ý nghĩa đặc biệt. Còn Đại Định là kết quả của ý chí điều luyện đã tác động. Nó tạo thành một quyền năng có giá trị vô lượng.

Những phương diện hồng trần như: thôi miên, thuốc men, sự nhìn chòng chọc vào một chấm đen trên nền trắng hay chăm chú nhìn chót mũi của mình, v.v...^[1] là thuộc về Đạo pháp Xác Thân (Hatha Yoga) để đi đến xuất thân. Chúng nó không bao giờ được áp dụng bên Chánh Đạo.

Người bị truyền thần khác biệt với người Đạo pháp Yoga. Người có thần nhãn nhìn vào, biết liền: Người bị truyền thần hay bị thôi miên – (mặc dù những nguyên lý của y đều được hiện tồn) – có thể Thượng Trí bị tê liệt, thể Bò Đề bị tách riêng ra khỏi Thượng Trí (do sự tê liệt đó) và thể vía hoàn toàn qui phục hạ trí và dục vọng.

Còn trái lại, nhà Đạo Pháp Yoga không có bốn nguyên lý thấp, chúng nó biến mất hoàn toàn, chỉ còn lại những làn rung động của Pranâ vừa đủ thấy được. Pranâ (là luồng sinh khí) này có màu sắc vàng và tím, có những làn vạch vàng, chạy từ đầu xuống chân.

^[1] Những cách nhìn chăm đen hay mặt trời, v.v... đều đem đến kết quả nguy hại là: bị mờ mắt, bị cận thị, v.v... Có người bị cận thị trầm trọng vì đó. Bên Chánh Đạo không bao giờ dùng chúng nó.

Người bị truyền thần hay bị thôi miên, trong lúc hồn trở về xác thân, không nhớ mình đã làm chuyện gì, sau khi xuất thần.

Còn trái lại, nhà luyện Đạo pháp Yoga thì nhớ tất cả.

CHƯƠNG MƯỜI BA

ĐỂ TIẾN LÊN ÁNH SÁNG.

Định luật cho rằng: “Không có sự sống nào phát hiện ra được, nếu nó không ở trong một hình thể thích nghi với những sự hoạt động cần thiết”. Và mục đích của sự tham thiền là tạo ra những hình thể càng ngày càng tinh vi, đủ sức phát biểu những năng lực của sự sống càng ngày càng tiên triển. Tham thiền là cố ý làm cho thể xác, thể vía và thể trí càng ngày càng trở nên trong sạch hơn, tinh tấn hơn.

Nếu không có sự tham thiền mỗi ngày, thì ba hạ thể này cũng theo thời gian mà tiến hóa lên, nhưng một cách chậm chạp. Tuy nhiên nếu biết cách tham thiền, đào luyện những sự đòi hỏi của xác thịt, những sự ham muốn của cái vía và những tư tưởng viển vông của cái trí, thì người ta sẽ đạt được kết quả tinh thần mau lẹ vô cùng. Cái kết quả tinh thần này, người thường nhơn phải tốn vô số kiếp mới mong chiếm được,

Vậy ta phải làm gì để thể hiện những kết quả khả quan ấy?

Chúng nó có thể rất lâu mới thấy được: vì tùy theo trình độ của hành giả, tùy theo công phu tham thiền của mấy kiếp trước, và tùy theo nghị lực và chân thành trong sự tham thiền ở kiếp này. Nhưng dù sao, hễ tham thiền đúng cách là có kết quả. Ta hãy tin nơi luật bất di bất dịch của Trời Đất.

Điều tối quan trọng hiện nay là: phải biết rõ những then chốt áp dụng trong sự tham thiền. Những then chốt đó như sau:

1.- Những làn rung động của ý thức Chơn Ngã .

Chơn Ngã có một ý thức thiêng liêng khác biệt với ý thức tầm thường của phàm ngã là xác, vía và trí. Ý chí của Chơn Ngã được phát sinh là do nơi tư tưởng tốt lành hay tình cảm thanh cao lay chuyển. Hễ cái Vía, cái Trí rung động tốt đẹp, thì chúng nó mới lay chuyển đặng ý thức thiêng liêng của Chơn ngã. Ta biết rằng: làn rung động của Chơn Ngã rất thanh cao và tốt đẹp, nếu nó không thích ứng với làn rung động của các hạ thể, thì nó tống làn này ra ngoài, và có chất khí xung quanh vô thể chỗ trống đó: vì có sự thích hợp. Chính nhờ vậy mà thể trí và thể vía được thay đổi và trở thành thanh cao hơn. Hễ ý thức của Chơn Ngã làm lay động đặng thể trí và thể vía, thì chúng nó được đổi ngay ra tốt.

Sự thất bại của sự tham thiền chẳng phải lỗi ở luật tâm lý, mà lỗi ở chỗ công phu của hành giả còn khuyết điểm.

Nếu hành giả bền chí và sản xuất những loại tư tưởng và tình cảm vô tư, vị tha, hy sinh và bác ái, thì y phóng ra những làn rung động tái tạo và kiến thiết. Bây giờ, thể trí và thể vía của y mới đẹp lành cho.

Vậy, chúng ta hãy bền chí và kiên nhẫn để đạt sự thành công: vì tái tạo và kiến thiết các hạ thể của chúng ta không phải là một việc làm hấp tấp và thành tựu ngay được.

2.- Sự tham thiền không chừng không đổi sẽ không đem lại kết quả nào cả.

Tham thiền nhiều năm mà gián đoạn, rồi tham thiền trở lại sẽ vô ích và không tiến tới một bước nào. Tham thiền một hai giờ trong ngày, rồi ngày mai lại nghỉ, không bằng tham thiền năm phút mỗi ngày mà đều đều. Thí dụ ta có một tư tưởng tốt, tư tưởng đó làm giảm bớt chất khí thô kệch trong thể trí đôi chút. Nếu ta cứ tiếp tục lập đi lập lại như thế đều đều, thì chung qui nó sẽ đuổi chất khí thô kệch của thể trí ra ngoài, và đồng thời nó làm cho thể này rút chất khí trong lành xung quanh vào thay thế chỗ trống. Nếu ta không kiên cố và chỉ lay chuyển những làn rung động tốt có vài lần, rồi không làm nữa. Bây giờ chất khí thô kệch kia sẽ trở lại chỗ cũ, nối liên lạc với chất khí xấu xung quanh. Rồi vài ngày sau, ta mới lập lại tư tưởng tốt, như thế công việc sẽ xảy ra như lần đầu. Và nếu cứ như vậy mãi, thì ví như công đã trảng xe cát biển Đông.

3. Hãy đương đầu với mọi nỗi khó khăn.

Cái khó khăn thứ nhứt đã thắng, thì cái khó khăn thứ nhì sẽ thắng theo. Nhờ công phu kiên cố, nhờ tánh lãnh đạm, ta tự thắng lần lần thể trí: vì Hạ trí quả thật không yên nghỉ phút nào, nó hung hăng mãnh liệt và khó mà chế phục được. Nhưng nhờ sự lập đi lập lại hằng ngày, không gián đoạn, mà ta từ từ thắng được Hạ trí. Ngoài ra, các điều trên đây, không còn có con đường nào khác hơn nữa. Phải bền gan chiến đấu ngày này sang ngày khác, bất kể sự khó khăn, lòng quả quyết, kiên nhẫn, chí cương cường, thành thật, can đảm vượt qua các trở ngại vì hoàn cảnh, Đó là những điều làm cho thắng được mọi trở ngại trên con đường tu tập.

Nhiều người cho rằng: trong lúc tham thiền, thân trí náo động hơn. Thực sự, chẳng phải nó náo động hơn, mà tại ta biết rõ sự náo động này. Tỷ như ta đứng trên địa cầu, nó mang ta đi trên không gian, nhưng ta không thấy được sự lưu chuyển này. Song nếu ta tách mình ra khỏi địa cầu và đứng yên một chỗ, trong lúc nó vận chuyển thì kết quả là ta rất kinh ngạc. Ngày nào ta còn bị cái trí lôi cuốn trong châu vi riêng biệt của nó, thì ngày đó, ta chưa nhận thức được sự vận chuyển này: nó kéo ta quay cuồng với nó, mà ta ngỡ rằng ta đang yên tịnh. . . . Ta đồng hóa với sự quay cuồng của cái trí. Nhưng khi ta tự tách mình ra khỏi cái trí, thì bây giờ ta sẽ nhận ra là ta bị điều khiển. . . . Lần đầu tiên, ta mới hiểu quyền lực của cái trí ta và sự ương ngạnh của nó. Nó chạy tứ tung. Chỗ nào cũng đến, trừ ra chỗ mà ta muốn nó phải đi. Nó giống như con ngựa rừng, cần phải hành hạ, roi vọt mới làm cho nó qui phục được. Mà làm cho nó qui phục rồi mới mong dùng nó vào một việc gì.

Vậy, trước khi tham thiền, ta phải cần định trí, để cho nó được thuần thuộc đi một phần nào, hầu nó chịu làm theo ý muốn của ta. Và khi mà ta chưa sai khiến được nó, thì sự tham thiền của ta chưa có hiệu lực. Nếu ta muốn thực hành theo Đạo pháp Yoga, thì ta phải tập cho quen những phương pháp xác định, nhắm vào những kết quả xác định.

Khi ta muốn tiến hóa mau, ta phải tự mình giúp mình sống một cách xứng đáng. Ta không thể có cách sống bừa bãi, độc ác và chia rẽ. Trái lại, ta phải luôn luôn mở tâm, để đời sống tinh thần được biểu lộ một cách sáng tỏ. Để thấu đáo điều này, ta phải tham thiền hằng ngày và đều đều, ta phải coi sự tham thiền là một sự cần thiết tối thượng và đem những tư tưởng tham thiền đó ra mà thực hành. Như thế, ta làm nảy nở

tâm thức, ta tạo sự liên lạc giữa Phàm nhơn và Chơn Nhơn xuyên qua bộ óc. Chúng ta sẽ cảm được các Đấng Thiêng Liêng và sẽ được các Ngài giúp đỡ.

Mỗi người chúng ta đều có hai đời sống: một đời sống vật chất thuộc về bản ngã và một đời sống tâm linh thuộc về linh hồn. Cả hai đều khác biệt nhau. Khi ta sống theo tâm linh, thì ta không còn sống theo phàm ngã, và ta tự thấy mình nhẹ nhàng phơi phới và dũng cảm hơn trước.

Sự tham thiền hằng ngày của ta sẽ giúp ta sống đầy đủ theo Chơn Ngã. Khi ta chủ trị được thể vía và thể trí khá hơn trước, thì ta tăng gia năng lực của luồng Hỏa Hậu (Kundalini) và các Luân xa (Chakras). Có thể ta khó thấy sự thay đổi bên ngoài, nhưng bên trong, thì sự kết quả lại rõ rệt hơn. Nhờ vậy mà con người của ta có nhiều khả năng trong mọi phương diện. Đó có phải là ta tiến lên đến Ánh Sáng chăng? .

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN

NHỮNG PHÁP MÔN YOGA

“Đường đi đến Trời nhiều như hơi thở trong người”.

SUFI SAYING

I.- NHIỀU HÌNH THỨC Yoga :

Hầu hết các tôn giáo đều chấp nhận sự tham thiền cho con đường đi đến Trời của họ. Nhưng vì văn hóa của nhiều nước khác nhau và vì sự tham thiền đòi hỏi một thời gian đáng kể, nên phương pháp áp dụng rất là dị biệt. Sự dị biệt này có thể phân loại, tùy bản tính và chuyên khoa của tôn giáo. Nó cũng điểm tô màu sắc cho mỗi loại tham thiền.

Chọn một phương pháp tham thiền chung cho mỗi tôn giáo không phải là một chuyện dễ làm: bởi vì những tín đồ của mỗi tôn giáo đều thuộc về những hạng người khác nhau, họ dùng những phương pháp phù hợp riêng rẽ của họ .

Người Ấn Độ giáo tin tưởng theo sáu điều triết học của họ. Họ có nhiều nhóm, mỗi nhóm có Sư Phụ riêng, và theo một phương diện nào của Chơn Lý. Họ có nhiều hình thức Yoga. Nhưng đa số tôn sùng Đức Sri Krishna, là Đấng mà họ kính yêu. Họ tham thiền về sự sanh của Ngài dưới thế gian: lúc Ngài là một đứa bé không ai giúp đỡ cho đến nhiều giai đoạn của kiếp sống khiến cho ta hiệp nhứt đặng với Ngài một cách huyền bí.

Phật giáo chọn môn tham thiền nào để giải phóng Chơn ngã khỏi sự ràng buộc của Phàm ngã, nghĩa là làm sao thoát khỏi vòng trói buộc của lục căn, lục trần. Tất cả điều này làm cho con người phải Luân hồi, sanh tử. Muốn được giải thoát, con người phải học hỏi, kinh nghiệm và hiểu biết các điều trên đây cùng những định luật thiêng liêng.

Phật giáo có một hệ thống tham thiền rất là hoàn bị về các định luật đó và những đức tánh cần phải mở mang cùng những tật xấu phải chừa. Người ta cũng tham thiền về sự chết và sự an lạc, cùng những cấp bậc thiêng liêng khác. v.v. . .

Nam tông và Bắc tông truyền dạy tham thiền khác nhau.

Tôn giáo Islam chính là một tôn giáo thuộc về tôn sùng. Nó cũng như Thiên Chúa Giáo. Nó tập trung xung quanh nó một vị Giáo chủ. Đó là con đường đầy cảm hứng cho người thích hoạt động và cho người thần bí (mystique). Nhóm người thần bí tôn sùng trong tôn giáo đó là nhóm Sufis.

Phần đông người Thiên Chúa Giáo thích cầu nguyện và đọc kinh nhiều hơn là lặng im để tham thiền. Tuy nhiên, cũng có vài nhóm, như Ái Hữu hội (Society of friends) không làm lễ, mà lại khuyên lon nhau lặng lặng để tham thiền. Một phương châm tham thiền của Thiên Chúa Giáo là khởi sự tưởng nhớ đến những giai đoạn trong đời sống của Đức Jésus Nazareth. Điều này căn cứ trên những chu kỳ của Chúa trong năm. Mục đích chánh của sự tham thiền bên Thiên Chúa Giáo là: dinh dưỡng những đức tánh và những mối cảm động xuyên qua đời sống của Chúa, một cách thần bí, để lòng mình giống với lòng Chúa

Có một sự phân biệt tổng quát giữa người thần bí (mystique) và người huyền bí (occultiste). Sự khác biệt này tự nhiên phải có trong tất cả tôn giáo, nhứt là trong những cấp bậc tinh thần gần đây.

Nhà thần bí có xu hướng đơn giản và trực tiếp trong sự tìm hiểu về những vấn đề tôn giáo. Phương châm của họ, xuyên qua lòng tôn sùng, là họ đưa tâm thức mình hiệp nhứt với sự Sống Duy Nhứt Lý Tưởng. Họ đồng hóa mình với sự sống lý tưởng đó.

Còn nhà Huyền Bí học là người tìm hiểu, một cách khoa học, những Định Luật thiên nhiên và vạn vật. Trong các định luật thiên nhiên này có những Định Luật ảnh hưởng đến tâm thức con người.

Đôi khi người ta nói rằng: “Nhà Huyền Bí khoan dung hơn nhà Thần bí. Nhà thần bí trình bày một cách rất hăng hái và hy sinh. Mỗi hạng đều có đức tánh riêng và có sự can đảm riêng của nó”.

Vậy hệ thống tham thiền sẽ thay đổi cho mỗi hạng người. Nhà huyền bí sẽ dùng phương châm cần học, cần phân tích. Còn nhà Thần bí, thì thích hiển dương việc làm của mình, muốn lấy bên trong của mình mà xét đoán. Họ ưa đại định hơn là tham thiền.

Nhà huyền bí, trong khi cố gắng trèo lên những nấc thang tâm thức của họ, lại rớt đi từ bước này sang bước kia, hiểu các giai đoạn diễn tiến mà họ đã trải qua. Trái lại, sự kinh nghiệm của nhà thần bí lại là một sự kinh nghiệm tức thời. Nhưng rốt cuộc rồi, mỗi bên này phải học bên kia mới được chu toàn.

II.- YOGA là gì ?

Yoga chẳng phải là một khoa rời rắm, mơ hồ, huyền bí. Nó cũng chẳng phải là cái gì siêu phàm. Trái lại, Yoga vẫn liên thuộc và đồng hóa nơi đời sống con người, và mỗi ngày chúng ta đều đã thực hành và đang thực hành mà không hay.

Vậy, Yoga là gì?

- Yoga do chữ Phạn Yog có nghĩa là Hiệp Nhứt. Danh từ Yoga có nghĩa là luyện đạo để hiệp nhứt Người và Trời, hay là để Hiệp nhứt Phàm ngã với Chơn ngã .

Vậy Yoga quả thật là một nghệ thuật bao gồm tất cả trạng thái của con người. Người học Yoga phải hiểu trọn vẹn về con người từ phần trọng trược cho chí phần thanh cao. Yoga chẳng phải chỉ là một khoa thuộc về trí thức trừu tượng, mà nó là một khoa thuộc về trí thức linh động cùng khắp con người của chúng ta.

Vậy muốn hành Yoga, thì trước tiên, phải hiểu những thể hữu hình và vô hình cùng những khả năng linh thánh của con người, để biết rõ con người là một đơn vị duy nhất của Trời, là một đơn vị bất khả chia ly, dù nó có nhiều phần tử phức tạp.

Linh hồn biểu lộ thiên tánh của nó xuyên qua các hạ thể, và người ta không thể tách biệt linh hồn với các hạ thể được, chỉ trừ khi con người lên tới cõi Thượng Thiên, bỏ lại, ba cõi dưới, mấy hạ thể này: xác, vía và trí. Vậy con người là một đơn vị duy nhất. Người học Yoga cần phải biết rõ điều này.

Danh từ Yoga không phải mới tìm gặp trong Triết học Ấn Độ như nhiều người lầm tưởng. Có người lại cho là Yoga do nhà Đạo sĩ Pantajali bày ra. Nhà Đạo Sĩ Pantajali vừa là nhà triết học vừa là nhà văn phạm hồi thế kỷ thứ II trước kỷ nguyên Chúa Giáng Sanh, Ông không phải là vị sáng lập Yoga. Trước thế kỷ thứ II đã có nhiều vị Đạo Sĩ Yoga Thiên Chúa, như: Tauler, Eckart, Henri Suso, Ruys Brook l'Admirable, St Francois d'Assise, St Jean de la Croix, Thérèse d' Avila, Thérèse Lisieux. Quyển "Imitation de Jésus Christ" do tác giả Thomas A. Kempis, là một bài luận về Yoga tuyệt diệu, thích hợp với những người Âu Châu.

Kinh Véda (Phệ Đà) cũng là Yoga. Trước Thiên Chúa giáo, Đức Phật Thích Ca cũng là một nhà Đạo sĩ Yoga. Khi Ngài chưa đắc Đạo, thì Ngài ở chung với năm anh em Kiều Trần Như, Ngài luyện Yoga theo môn Hatha Yoga. Về sau Ngài bỏ, mới bước qua Raja Yoga, ngày đêm tham thiền không dứt dưới cội Bồ Đề cho tới đắc quả Phật.

Yoga luôn luôn được thực hành nhưt là bên Phật giáo và Bà La Môn giáo.

III.- YOGA LÀ SỰ HIỂU BẾT: Ta đã nói ở trước, Yoga là một khoa Tâm lý Học hoàn hảo, nó áp dụng, cho con người, những luật liên hệ đến trí tuệ cùng các hạ thể, một cách hợp lý và bền dai.

Nếu ta hiểu đặng những định luật tiến hóa của trí tuệ và các hạ thể, thì ta sẽ hiểu đặng Yoga.

Nói về sự hiểu biết về con người thì xứ Ấn Độ là một cái kho tàng với bao nhiêu sách vở đặc biệt. Bên Đông Phương như Lão Tử, Trang Tử, Sri Aurobindo, Gandhi đều đã học và hành Yoga với bao nhiêu công phu và thì giờ. Nhờ đó, mới có nhiều sự phát minh tốt đẹp.

Quyển kinh Upanishads, đã dịch ra nhiều thứ tiếng, cũng nói về Yoga, ẩn dưới các biểu tượng, các ngụ ngôn của khoa nội giáo và ngoại giáo. Người ta còn gặp nhiều quyển sách gọi là "Tantras". Trong đấy có giảng về ảo thuật (Magie Blanche) và ma thuật (Magie noire) và nó có giảng về khoa thuật không chánh cũng không tà nữa. Lật sách ra, người ta thấy nhiều nghi thức của các môn thuật và những phương pháp áp dụng âm thanh để ảnh hưởng đến các hạ thể, xác, vía, trí và các thể cao: Thượng Trí, Bồ Đề và Tiên thể.

Cũng còn một quyển nhỏ nữa gọi là "Souttras de Pantajali". Sách chia làm ba phần, có kèm theo lời giảng lý của nhà Đạo sĩ Ấn Độ là Vyasa. Trong đó, có nhiều danh từ úp mở, người đọc sẽ bị dắt dẫn đến chỗ sai lầm. Nhà Đạo sĩ Vyasa chắc chắn kinh nghiệm nhiều về Yoga, nhưng không cắt nghĩa rõ rệt. Những điều này, nếu ai chuyên về giáo lý Thông Thiên Học thì sẽ rõ.

Quyển Upanishad ngắn, còn quyển Tantras quá dài, hàm chứa nhiều ý nghĩa chánh và tà, nên rất nguy hiểm cho đọc giả: vì trong đấy có nhiều danh từ ám chỉ

những cơ quan liên thuộc đến cái vía, trí, nếu hành theo phương pháp trong sách, thì sẽ bị bệnh thần kinh, khó chữa sau này. Đọc và hành theo “Tantras” mà không có thầy là một điều nguy hiểm vô cùng. Điều tai hại ấy thường xảy ra, khi tự mình nghiên cứu lấy. Mà ai sẽ là ông thầy đáng tin cậy của mình.

-Tức là vị nào đã đắc quả Yoga rồi mới được.

Ta đừng tin những ai tưởng rằng mình đã đắc quả rồi, nên đi truyền Yoga cho kẻ khác, thì sẽ gây tai hại cho họ không ít.

_ Vậy người đắc quả Yoga là người thế nào?

_ Tức là người đã mở rộng nhiều quan năng thiêng liêng như nhãn quang, huệ giác, trực giác và thần nhĩ, v.v...

Bà Bác sĩ Annie Besant là nhà đạo sĩ Yoga đại tài, Bà là người đã đắc Đạo Yoga rồi. Và có thuật rằng :

“Tôi thường thấy bên Ấn Độ, nhiều người đến nói với tôi như vậy: “Tôi đau trong ngực, tôi nóng trong mình như lửa đốt, mà uống nước hay xối nước cũng không hết, hoặc giả tôi đau cơ quan này hay cơ quan khác, xin Bà làm ơn chỉ cho tôi cách chữa trị. Tôi mới hỏi, vì căn do nào, thì hầu hết đều cho tôi biết là họ đã luyện theo cách thức chỉ trong sách Tantras. Rất khó mà chữa cho họ.

“Vậy tôi có lời khuyên các bạn chớ đọc quyển sách đó (tôi muốn nói là các bạn đừng đọc để thực hành theo. Nếu các bạn muốn đọc thì đọc để biết thôi). Sách Tantras hứng thú thật, nhưng đừng hành theo: vì e các bạn sẽ bị tổn thương đến tánh mạng”.

Như ta đã nói: Yoga là một khoa học, chớ chẳng phải một thực nghiệm tinh thần. Nó chẳng phải là một sự hy sinh hay là cách đọc tụng thần chú. Nhà Đạo sĩ Yoga có thể dùng câu kinh hay thần chú hay sự hy sinh. Nhưng mấy món đó chỉ là những phương tiện mà thôi: bởi vì Yoga là một khoa học, ai không thích khoa học thì không thích Yoga.

Yoga chẳng phải dành riêng cho các nhà sùng đạo, mà nó để cho người thích khoa học, muốn tìm biết sự vật: vì người khoa học không chịu đi trong bóng tối. Người ấy luôn luôn muốn thấy và muốn hiểu trong ánh sáng.

Con đường khoa học (đặc biệt cho người Yogi) và con đường hy sinh (đặc biệt cho người tu sĩ) khác nhau rất xa, dù cả hai đều dẫn người đến một mục đích: là sự giải thoát. Nhưng vì bản tính khác nhau, nên mỗi chúng ta tìm con đường nào thích hợp với mình.

Con đường tu thân có nhiều nẻo, con đường Yoga có nhiều ngành. Vậy ta hãy kể ra sau đây:

CÁC MÔN YOGA

CÁC MÔN YOGA	MỤC ĐÍCH	PHƯƠNG CHÂM	THỂ HOẠT ĐỘNG
Hatha Yoga hay là Yoga về xác thân	Mở mang và tinh luyện hoàn toàn thể xác	Tư thế: ngồi, nằm, thở	Xác thịt
Mantra Yoga hay là Yoga về thần chú	Mở những phép thần thông	Đọc thần chú Đọc kinh	Cải phách
Kundalini Yoga hay là Yoga về luồng hỏa hầu	Mở luân xa (Chakras)	Định trí và Tham thiền	Vía, Trí, Chơn nhơn và Bồ Đề
Samadhi Yoga hay là Yoga về Đại định	Xuất thân	Tham thiền	Bồ Đề
Dhyani Yoga hay là Yoga tham thiền	Chủ trị Tinh thần	Tham thiền	Chơn nhơn và Bồ Đề
Karma Yoga hay là Yoga Hành động	Hành động vô tư không mong tán thưởng	Hoàn toàn dứt bỏ	Atmā
Bhakti Yoga hay là Yoga Tôn sùng	Tôn sùng hay là Hiệp nhứt với Trời và Đức Mẹ	Lòng Tôn sùng	Vía và Bồ Đề
Jnana Yoga hay là Yoga về Minh triết và Bác ái	Toàn diện	Định trí	Hạ trí và Thượng trí
Raja Yoga hay là Yoga Tổng quát	Tổng quát	Tổng quát	Tổng quát

Chúng ta đã thấy có nhiều môn Yoga, nhưng bên Thông Thiên Học chỉ dùng có bốn môn mà thôi. Ấy là:

- 1)- Karma Yoga hay là Yoga Hành Động,
- 2)- Bhakti Yoga hay là Yoga Tôn Sùng,
- 3)- Jnana Yoga hay là Yoga Minh Triết và Bác Ái, và
- 4)- Raja Yoga hay là Yoga Chúa tể hoặc Yoga Tổng Quát.

Chúng tôi xin giải thích những đại cương của mỗi Yoga sau này. Ai tự thấy mình hợp với Yoga nào, thì xin tự áp dụng lấy.

IV.-KARMA YOGA hay là YOGA HÀNH ĐỘNG :

Karma là chữ Phạn có nghĩa là Hành Động. Làm bốn phận vì chưng bốn phận, chớ chẳng phải vì lợi lộc để được ban khen hay tán thưởng, hoặc không thất vọng, nếu chẳng thành công. Theo Pháp môn ấy, thì hành giả phải tự hy sinh, để mưu cầu hạnh phúc cho nhơn sinh một cách vị tha và Bác ái. Người phương Tây rất thích hợp với khoa này. Đức Jeesus là một tấm gương hy sinh, quên mình và thương người.

Bởi Karma yoga là con đường Hy sinh cho nên người nào đi trên đường đó, thì phải hoạt động để tạo tác một việc gì. Bản tánh của nhà Đạo sĩ Karma Yoga là phải bộc lộ năng lực mình bằng sự hoạt động cụ thể. Mục đích của y là rán làm cho khéo léo, và tập cho tất cả hạ thể (xác, vía, trí) phải theo ý chí của Chơn Nhơn. Sự tham thiền về môn đó là: đắm chìm trong công việc làm bằng tay chơn và chỉ chăm chú về đó.

Vả lại Karma Yoga dùng quyền năng của tính thiện cảm. Nó được trí khôn và tình cảm hỗ trợ. Nó kêu gọi quyền năng của sức mạnh, nhờ hiểu đặng lý tưởng của nhơn loại.

Nhờ hiệp tác với cơ trời, người đạo sĩ Karma Yoga áp dụng được ý chí thiêng liêng để giúp đời.

Bởi Karma có nghĩa là Hành Động hay Hành vi. Muốn cho tư tưởng trở thành chơn thật và quảng đại hơn, thì chung qui nó phải trở thành Hành Vi. Tư tưởng đó không được ứ đọng như nước ao tù. Bản tánh của nó là Chánh Tư duy, nên bao giờ nó cũng phải trở thành Chánh Hành Vi. Đó là Hành Vi điều hòa với Ý Chí của Trời. Bao giờ Hành vi chơn chánh thì cũng đưa đến Hạnh Phúc và Minh Triết. Có người có được Minh Triết là vì, trước kia, họ đã hành động đúng đường. Chính họ là những người tiến hóa về Chánh Tư Duy, là họ đã nhờ Chánh Hành Vi vậy. Chánh Hành Vi có hai mục đích.:

1)- Mục đích thứ nhứt là kích động cõi đời hữu hình này bằng cách đem đến sự văn minh đầu tiên.

2)- Mục đích thứ nhì là ảnh hưởng đến cõi vô hình bằng cách rút thần lực của nó để giúp đỡ cõi trần.

Hạng hành vi thứ nhứt đó là hạng hành vi cố gắng thực hiện, do phái Pythagore, Platon và nhiều nhà triết học Hy Lạp khác. Nhà triết học Hy Lạp không bao giờ là nhà trí thức tiêu cực. Đối với họ, nhà triết học là “Bạn Thân của sự Minh Triết”. Họ tự dinh dưỡng mình để tạo ra sự mỹ lệ và sự phúc lạc xung quanh họ.

Nhà học giả của mọi triết lý chơn chánh có cái trí thông thiên cơ, nhờ vậy, họ làm việc chán hưng rất dễ dàng.

Đạo viện Krotona (miền Nam nước Ý) do các đệ tử của ông Pythagore đề xướng – được nổi tiếng là nhờ Hành vi chơn chánh của họ. Họ tạo một đô thị lý tưởng cho mọi người triết lý gia, đặc biệt cho những người thuộc phái Pythagore biết áp dụng lý tưởng trong Đạo viện của họ. Nhưng họ chỉ thành công trong một thời gian ngắn: là vì đa số dân chúng không chịu nhúc nhích trước lý tưởng cao siêu của ông. Những vị đệ tử của ông Pythagore chỉ cho người đời một tấm gương Hành Vi chơn chánh – do tư tưởng chơn chánh gây nên.

Ngày nay, dùng trong trường hợp của các nhà cải cách xã hội không thiên về triết học, không theo ý chí thiêng liêng (bắt buộc phải theo) – nhưng hành vi của họ, tựu trung cũng tốt đẹp vậy. Nó phát sinh từ sự thiện cảm nồng nàn đối với những đau khổ của thế gian. Nhon quả của việc làm đó sẽ đưa họ, trong những kiếp sau, đến Đài Minh Triết thiêng liêng.

Cái mục đích thứ nhì của Hành vi Chơn Chánh là biểu lộ bằng mọi nghi lễ và thể thức cúng kiến. Nó có trách nhiệm rút thần lực ở cõi trên, để tuôn xuống đời sống con người. Những vị hành lễ tạo ra trong mỗi nghi lễ một cái cầu tạm thời, nối trời và đất. Họ cần có sự hỗ trợ của đám đông. Dù bản tánh nghi lễ là thế nào – mà mục đích của nó được chánh đáng, thì nó sẽ có sự giúp đỡ của các vị cứu trợ vô hình và các hàng ngũ Thiên Thần.

Đó là trường hợp của Nhóm Tam Điểm (Franc-Maconnerie) – nếu nó không hành chánh trị và không khai thác vì tư lợi. Nơi đây, mỗi người đoàn viên đều mong hiểu và theo dõi cuộc hành lễ, y thêm vào đó thần lực của lòng tôn sùng và sự hiểu biết của y. Y ráng cộng tác với kẻ khác để tạo một con kinh chuyển di thần lực của cõi vô hình xuống thế gian. Mỗi người đều góp một phần thần lực của mình vào cuộc lễ, dấu rằng có ông chủ lễ đang hành động vô tư. Khi nhà hành lễ không vì lợi ích riêng mình mà vì lợi ích chung, thì việc làm của y là việc làm chơn chánh.

Có vài người hành Karma yoga thấy mình tham thiên lâu không được nên gặt hái rất ít về đó. Sự cầu nguyện của họ là phụng sự. Sự tham thiên của họ là sự tính toán làm sao để làm việc một cách hữu hiệu theo ý riêng của họ. Tuy nhiên, họ phải nhớ rằng: việc làm gián đoạn và thiếu hiểu biết có thể làm hại hơn là làm lợi. Ráng quá sức không bằng làm thủng thẳng, từ từ mà đều đặn và khéo suy tính. Hành giả Karma Yoga tinh lọc hành vi bằng cách để một khắc đồng hồ buổi sáng về sự suy nghĩ việc làm lý tưởng trong ngày, việc làm ấy phải tràn đầy hy sinh.

Khi chưa tiến hóa, thì người đạo sĩ Karma Yoga là kẻ chiếm hữu, muốn làm bá chủ thế gian với tánh tình nóng nảy. Y thường dùng võ lực để thắng kẻ nghịch để chiếm hữu. Y là một nhà chiến sĩ lấy võ lực làm nền, y không nghĩ đến kẻ khác. Nhưng về sau, y tiến hóa hơn, y nhớ đến họ và ráng làm cho họ vui lòng. Sự thành công làm nở mặt y: vì chính y là kẻ tìm cái kết quả của công việc làm. Y vui trong chiến đấu. Y có tánh can cường, bênh vực kẻ cô đơn bị hiếp đáp. Dần dần, y không chiến đấu bằng võ lực nữa, mà y lại chiến đấu bằng lời nói và ngòi bút. Y thích đưa ra ánh sáng những cái gì mờ ám. Y dám đương đầu với kẻ nghịch, dù họ có mạnh hơn y cũng vậy. Y khát khao Chơn Lý. Nó phải đến với y như tiếng sấm ở bãi chiến trường, chớ chẳng phải như cây to để cho y ngồi núp bóng một cách an tịnh nơi gia đình của y đâu. Sự hành động của nhà đạo sĩ Karma Yoga cần phải có nhiều sự hy sinh một cách vui mừng và nồng nhiệt, chớ chẳng phải buồn rầu và bất đắc dĩ. Y hăng hái hy sinh cũng như y hăng hái chiếm hữu. Nếu phải bị kết án tử hình, thì y đến pháp trường oai nghi, lẫm liệt, đầu ngửng lên như để biểu thị sức mạnh chống lại kẻ nghịch lần cuối cùng. Dần dần, với thời gian, người đạo sĩ Karma Yoga tiến hóa hơn nữa, cho đến một ngày kia, hành vi y đã được lọc trong, và người ta chỉ cảm phục cái đức hy sinh vô bờ vô bến của y. Ấy là lúc y gần đắc quả.

Hành vi chơn chánh và vô tư của y sẽ đưa đến sự Hiệp Nhứt với Trời: vì bản tánh của nó là sự hy sinh: bởi vì hành vi không hy sinh không thể cột trái tim vào đồ vật. Sự hiệp nhứt chỉ đi theo con đường đó bằng cách ra sức không ngừng, để đem

chương trình nhỏ bé của mình mà qui phục thiên cơ, đem ý chí hèn mọn của mình mà nhập vào Thiên Ý.

Hy sinh không phải là một điều khổ mà là một sự vui. Nó là điểm chánh của đời sống của kẻ hoạt động chơn chánh theo Karma Yoga.

Vậy, ai là người đi trên đường Karma Yoga, nên tập đổi sự hoạt động ích kỷ ra sự hy sinh, và nhứt là đừng để ý đến cái kết quả của công việc đã làm, đồng thời nên ngó ngoái lại để quán tưởng những lỗi lầm của mình, hầu tránh ở tương lai. Bởi nhà đạo sĩ phải đi tới sự Minh Triết: vì Karma Yoga là sự khéo léo ở hành động.

Con đường Karma Yoga rất cực nhọc vì hy sinh là đau khổ, nhưng đau khổ đây là đau khổ của Phàm nhơn chứ chẳng phải của Chơn Nhơn. Đối với Chơn Nhơn thì hy sinh là một sự vui mừng, là một điều phúc lạc. . . .

Đó là con đường của Bà H. P. Blavatsky. Ông Subba Rao, Ông H.S. Olcott và Bà Annie Besant.

V.- PHÁP MÔN BHAKTI YOGA hay là YOGA TÔN SÙNG.

Pháp môn Bhakti Yoga bắt phải tập trung sức lực trong sự tôn sùng. Hành giả chú vào tình thương Đức Thượng Đế hay tình thương Sư Phụ hoặc một Đấng cao quý nào khác. Có thể dùng tất cả biểu tượng lễ nghi, tổ chức cúng kiến và tụng niệm, để đạt sự hiệp nhứt giữa mình và Đấng ấy. Những linh hồn đi trên đường tôn sùng có thể đã biết rằng: cái giá trị duy nhứt của cái Ngã là nó có thể hiến dâng cho Đấng mà nó tôn thờ.

Người Bhakti Yoga có thể là nhà hoạt động khéo léo. Tuy nhiên, đó không phải là một điều hoàn hảo thiết tha đời đời của y. Y phải tự quên mình trong sự tôn thờ Đấng mà y kính mến. Như vậy, y sẽ tìm được Nguồn Sống cần kíp để cho y sống. Đấng được tôn thờ sẽ được gọi bằng danh từ khác nhau như là: Đức Thượng Đế, Đức Phật, Đức Jésus Christ, Đức Ishvara, Đức Vishnou, Đức Krishna, Đức Allah và Đấng Chơn Sư K.H., v.v....

Nhưng trong thâm tâm của kẻ tôn thờ chỉ có một câu kinh mà Thánh Augustin diễn tả một cách ngộ nghĩnh như vậy: “Sự cầu nguyện của họ là Phụng Sự, và sự tham thiền của họ là tính toán để làm một việc hữu ích nào mà họ thích”. Tuy nhiên, họ nên nhớ rằng: việc làm không đều đặn và thiếu hiểu biết có thể làm hại hơn là làm lợi. Ráng quá sức không bằng việc làm ngay thẳng, từ từ mà đều đặn và khéo suy tính. Để một khắc đồng hồ suy nghĩ mỗi buổi sáng sẽ là một việc làm đều đặn và lý tưởng để tinh lọc và đề phụng sự.

Hành vi chỉ đưa đến sự Hiệp Nhứt là khi nào bản tánh của nó là hy sinh: bởi vì hành vi không hy sinh sẽ không thể gắn trái tim vào đồ vật. Sự hiệp nhứt chỉ đi theo con đường đó bằng cách nhìn nhận Cơ Trời và Thiên Ý, và bằng cách ra sức không ngừng để đem chương trình nhỏ bé của mình qui phục Thiên Cơ, đem ý chí nhỏ bé của mình mà nhập vào Thiên Ý.

Hy sinh không phải là điều khổ, mà là một sự vui. Nó là điểm chánh đời sống của kẻ hoạt động chơn chánh.

Nhà tôn sùng một đời sống tinh thần bên trong rất là linh động. Tất cả mọi ngoại vật, từ một đóa hoa xinh đẹp hay một nhạc điệu mê ly cho tới sự vĩ đại của vũ trụ, đều bị biến đổi trong tâm thức của người tôn sùng, để trở thành một sự cảm động nhẹ

nhàng, thanh bai, chảy đến Đấng Cao Cả mến yêu, như dòng nước nhỏ chảy vào biển cả

Nhưng sự thăng thiên của lòng tôn sùng không phải là đặc tánh đầu tiên của kẻ tôn sùng. Lúc ban sơ, nhà tôn sùng đeo dính Đấng mà y tôn thờ với những sự đòi hỏi ích kỷ. Nhưng dần dần y tiến lên từ từ. Y đi từ tình cảm thô đến tình cảm thanh, từ lòng tôn sùng vật nhỏ đến lòng tôn sùng vật lớn để rồi làm nhà Bhakti thực sự. Và khi y cho ra tất cả, y là người của Đấng Cao cả. Y trở thành nguồn Ân Huệ của Ngài, để ban phước cho thế gian là nơi y đang sống.

Nhà tôn sùng thực sự, dù căn cứ đời sống y trên sự tinh lọc tình cảm và trên trực giác, không cần phải thiếu đức khôn ngoan. Nói cách khác, nếu trí thức của y được sâu rộng, thì tâm hiểu biết của y càng thâm thẳm, cao siêu, rộng lớn, và lòng tôn sùng của y càng củng cố và vững chắc.

Những câu kinh đối với y sẽ từ từ trở thành một lòng hoài bão và một sự tham thiên, hơn là một sự van cầu.

Đời sống của Đấng mà y tôn thờ sẽ trở nên quan trọng đối với y hơn là những tín điều của tôn giáo y. Nếu y là người Thiên Chúa giáo, thì y tìm cách sống theo Chúa, làm theo Chúa, nghĩ theo Chúa và cảm theo Chúa để trở thành Chúa, do sự cố gắng nghiêm chỉnh và vững bền của y hầu thấm nhuần tinh thần và cử chỉ của Chúa. Điều này chuẩn bị cho y có được những “Bí ẩn của Chúa” để được Chúa điểm đạo cho: vì Chúa thuộc về Cung ^[1] thứ Sáu là Cung Tôn Sùng.

Chơn Sư Jésus bỏ xác tại Palestine. Sau Ngài trở thành Đại sư Râmâmjâchâyâ, là Đấng dịu dặt vô hình và bên trong của người Bhakti bên Ấn Độ hay ở xứ nào khác dưới địa cầu, Nhưng danh hiệu của Ngài được nhiều tôn giáo gọi, sẽ khác nhau. Nhưng Ngài là người đứng sau lưng những người Bhakti xứng đáng.

Nhà tôn sùng sẽ tìm đoạt tới Ánh Sáng thực sự của lòng mình. Ánh sáng này chỉ được thấy, khi ai có lòng trong sạch và nhơn từ, hiến mình cho Đấng cao cả mà mình tôn thờ, và đang dịu dặt nhơn loại trên đường lối yêu thương, vị tha và hy sinh. Điều này làm cho y có thể hiệp nhứt đặng với Trời và với tất cả mọi người, mọi vật. Khi linh hồn không có chút gì ham muốn – chỉ có một sự ham muốn duy nhứt là hiệp một với Ngài, - thì chừng ấy, sự sống thiêng liêng chảy vào và chiếm tràn đầy thân thể . . .

Trong cơn an tịnh, phục tòng hoàn toàn và trong sạch trước cơ Trời, Tiếng Nói bé nhỏ của linh hồn, Tiếng Nói của Chơn Sư mới nghe đặng . . .

Bởi Bhakti Yoga là con đường Tôn Sùng, nên nó hợp với người Phương Tây, họ luôn luôn hướng về Đấng cao quý của lòng họ, chẳng phải để được cao quý, mà để được giống như Ngài.

Có hai thứ Bhakti yoga :

- 1.- Thứ thụ động, và
- 2.- Thứ linh động

^[1] Cung đây là Rayon, là đặc tánh của mỗi người. Có 7 cung: Cung thứ nhứt thuộc về Ý Chí. Cung thứ hai thuộc về Bác Ái và Minh Triết, v.v...

Nhưng cả hai đều để lòng Tôn Sùng choán trọn cả tâm linh. Thứ thụ động đem lại sự hân hoan nhờ tham thiền. Còn thứ linh động, thì đem lại sự hân hoan nhờ giúp đời. Cả hai thứ yoga đều đưa sự sống vào quả tim hơn là khối óc. Họ sống với tình cảm hơn là lý trí. Họ tiến lên là nhờ trực giác, chứ không nhờ hoạt động, ý chí và trí óc. Người Bhakti Yoga tham thiền rất lâu. Họ cảm thấy mình sung sướng khi họ đưa tâm linh đến chơn Sư Phụ, đi xa khỏi quả đất đen tối này. Họ luôn luôn tưởng nhớ đến Sư Phụ và không bao giờ rời Ngài: vì đối với họ, Ngài là Đức Thượng Đế, và khi họ hòa với Ngài, tức là họ hòa với Đức Thượng Đế vậy

Đó là con đường của Đức Di Lặc sau này, và đó cũng là con đường của Đức Jésus.

VI.- PHÁP MÔN JNANA YOGA .:

Ở dưới trần, có một hạng linh hồn cảm hứng về lý tưởng ít hơn là sự hiệp nhất Chơn Ngã với Phạm ngã, họ chú trọng về sự tối thượng của định luật rất nhiều. Họ tìm hiểu với trí óc của họ sự diễn tiến của đời sống dưới cõi hữu hình và vô hình, hầu thích nghi tính tình của họ theo Định Luật. Đặc tánh của họ là: tìm hiểu, phân tích với sự vô tư. Một ý niệm hiểu biết trực tiếp về tri thức, một khuynh hướng về Khoa học và Triết học là ám chỉ linh hồn đi con đường Jnana Yoga, là con đường hiểu biết.

Đạo sĩ Jnana Yoga phải tìm sự hiểu biết quan trọng mới đáng. Y có thể tốn phí cả triệu năm để tìm sự hiểu biết tầm thường, song y không phải là nhà đạo sĩ Jnana Yoga. Nhà đạo sĩ Jnana Yoga phải là người thấy đặng Chơn Hiểu Biết và trực giác của y thấy đặng Định Luật của Chơn Vĩnh Cửu. Đó là những yếu tố của đời sống và sự tiến hóa. Biết đặng những điều trên đây là giải phóng đặng những quyền năng của tánh tình của hành giả, và rồi đức hạnh của y sẽ qui phục trước những định luật của Tạo Hóa.

Vả lại Đạo pháp Jnana Yoga này thực hiện đặng sự Minh Triết, nhờ hiểu đặng Nhơn sinh và vũ trụ cùng những định luật nói trên. Nhơn đó, hành giả có thể hiệp nhất với Đấng Thiêng Liêng. Đấng Thiêng Liêng ngự trong muôn loài vạn vật. Ta phải tự tìm lấy.

Một nhà Đạo sĩ Ấn Độ có nói rằng: “Trời là nước. Trời là ánh sáng của trăng, của mặt nhật. Trời là âm thanh trong không khí, là sức mạnh của người đờn ông, là tình yêu của người đờn bà, là hương của đất, là sự sống của muôn loài.”

Con đường Jnana Yoga là con đường Yoga của những người thích về Minh Triết và Bác ái. Họ muốn tìm tòi học hỏi. Họ là những học giả ưa lánh mình nơi chốn sơn lâm thanh vắng, đang phân tách và chiêm nghiệm. Họ là những nhà khoa học, triết học hay siêu hình học. Nhờ tham thiền, nhờ đào luyện, Hạ trí lần lần ảnh hưởng đến Thượng trí. Nhờ Thượng trí của họ hoạt động, nên mới có sự phát minh kỳ diệu. Đời sẽ nhờ ánh sáng của họ.

Khi chưa được tiến hóa các vị này rất khó khăn, nóng nảy và lạnh lùng. Khi họ tiến hóa rồi và thấy đặng bề thật của mọi vật, thì họ sẽ trở nên từ bi, và bác ái.

Người nào đi trên con đường đó thì có mục đích tinh lọc hạ trí cho tới chừng nào nó trở thành một tấm gương hoàn bị, không có một chút dấu vết nào có thể làm hoen ố và lu mờ tia sáng của chơn lý.

Đúng như lời ông Pythagore dạy: “Một cái trí sáng suốt là bản nhạc của Hóa Công (chorus of Divinité)”. Chơn lý bây giờ trở vào bên trong rồi bắn vọt ra ngoài. Trong khi chơn lý chảy vào lòng thiên hạ đang học hỏi, thì hành giả kích thích ánh sáng đó càng thêm tỏ rạng.

Đó là con đường của Chơn Sư Hilarion và của Ông C. W. Leadbeater đã đi.

VII.- RAJA YOGA HAY LÀ YOGA CHÚA TÊ:

Raja Yoga gọi là: Yoga Chúa Tể hay là Yoga Tổng Quát, vì danh từ Râja, theo Phạn ngữ có nghĩa là Hoàng Đế, là Chúa tể. Vậy Raja Yoga là Yoga tuyệt hảo. Nó tìm hiệp nhứt với Trời, với Đấng vĩnh cửu bằng những phương tiện trí thức (theo chiều sâu rộng của nó) bằng những phương tiện hành tình cảm (theo sự tinh luyện) và bằng những phương tiện hành vi của xác thịt (phải được tinh lọc). Nó gồm các phương châm: tập thở, định trí, tham thiền, học hỏi và thu hút sinh lực. Nó điều luyện những đức tính cao quý của trí tuệ, tình cảm và xác thân. Người hành giả đi từ Hạ trí đến Thượng trí, từ tình cảm đến trực giác, từ xác thân đến ý chí của Trời. Khi Đạo sĩ được thành công, thì đời sống của Chơn Ngã sẽ thay vào đời sống của bản ngã. Tâm thức cao của “Atma-Buddhi-Manas” sẽ thay vào tâm thức thấp của “Kama, Manas, Prâna”. Chùng ấy, Chơn Ngã chủ trị Phàm Ngã. Và bây giờ, trọn cả con người hóa thành phản ảnh của Trời.

Raja Yoga dùng những tư tưởng thanh cao tại cõi trần, như tánh tôn sùng, sự hy sinh và ba con đường Yoga khác là Jnana Yoga, Bhakti Yoga và Karma Yoga.

Bhakti Yoga và Karma Yoga tức là Minh Triết Tôn Sùng và Phụng Sự, Raja Yoga là một thứ Yoga hiệp nhứt Trời với Người, do sự mở mang ba hạ thể: Trí, Vía, Xác.

Raja Yoga là thành phần của giáo lý Ấn Độ giáo. Nó đi xuyên qua Ba Tư đến Arabie, và tạo ra phái Sufism. Nó nhuộm màu nhiều pháp môn khác. Nó là căn bản của những nguyên lý con người. Nhưng vì nó thuộc về môn phái riêng, nên nó vẫn đặc biệt là của người Ấn Độ Giáo.

Biết rằng: trong Trời Đất có một sự sống Duy Nhứt, và mục đích của mọi Yoga là hiệp nhứt Tiểu Ngã (là con người) với Đại Ngã (là Trời). Điều quan trọng ở đây là hành giả ráng thấy Đại Ngã trong vạn vật, và vạn vật trong Đại Ngã.

Chỉ cảm biết đặng Đại Ngã mới là sống tinh thần mà thôi. Cái tinh thần đó tự biểu lộ dưới trần gian bằng sự vô tư hoàn toàn, coi tất cả vạn vật là huynh đệ với nhau, không có chút gì chia rẽ. Hành giả phải chú ý vào đó mà đi, nếu y muốn tiến hóa

Trí khôn được mở mang là nhờ học hỏi, và nhứt là nhờ tham thiền. Nó phải được bền dai và quyết định. Cái Hạ trí phải được chủ trị, bằng chẳng vậy, Thượng trí khó lòng mà biểu lộ ra được.

Môn Raja Yoga bắt buộc mỗi ngày phải tham thiền và áp dụng sự tham thiền trong hành vi. Tình cảm phải nhờ sự tham thiền đào dưỡng, nó phải căn cứ vào sự học hỏi tỉ mỉ về nó, và những đức tánh liên hệ đến tình thượng.

Cái Hạ trí cũng phải được tinh lọc bằng những tư tưởng thanh bai. Cái thể xác cũng phải được tinh lọc và đào dưỡng bằng những sự ham muốn chơn chánh và bằng sự tôn sùng sâu đậm. Nên chủ trị xác thân bằng vật thực tinh khiết (nghĩa là phải ăn

chay trường), và bằng sự tiết độ để tạo nên sự nhạy cảm, hầu có thể tiếp nhận những lần rung động thanh cao. Mấy điều này là nhờ sự tham thiền đúng đắn và đều đều.

Trước nhứt, xác thân phải được dạy dỗ cho kỹ lưỡng, phải giữ gìn cho thật sạch sẽ, nhứt là ở đầu ngón tay và ngón chơn. Nó phải cho nhậm lạ, sẵn sàng nghe lời của Chơn Nhơn, bỏ tính biếng nhác, ù lì, chậm chạp, để tránh những sự xung động của cái vía.

Hành giả Raja Yoga phải tự dọn mình luôn luôn. Y phải chấp nhận một đời sống điều hòa, tiết độ. Y phải tham thiền nhiều lần càng tốt, trong ngày, hầu cho thân kinh bớt căng thẳng và dễ uốn nắn xác thân. Y phải tiết độ: đừng ăn ngủ quá nhiều hay quá ít. Y đừng làm cái chi quá lộ, nhưng phải giữ xác thân qui phục trước mạng lệnh của Ý Chí. Sự linh cảm sẽ đến dần dần với y, nó sẽ biến đổi tánh tình y, khiến cho y trở thành dững cảm và tin cậy. Sự ngờ vực không còn làm xáo trộn đời sống của y. Y được an-lạc: vì cái Ngã bên ngoài của y kêu gọi đặng cái Ngã bên trong của y. Và “Tiếng Nói Vô-Thình” trong lòng y sẽ cảm nhiệm đặng trí óc của y.

Quyển “Tiếng Nói Vô Thình” (La voix du Silence) do Huyền Âm lược dịch được trích ra vài đoạn sau đây:

Muốn nghe rõ Tiếng Nhiệm Màu,
Thiên Cơ phải nhớ lau lầu chớ sai

Đối với cảnh bề ngoài không nhiễm,
Soi trong tâm mà nghiệm từng ly,
Vọng tâm hề dấy một khi,
Muôn điều huyền vọng nổi đi từng bề.

Vì tâm vọng làm che bản thể,
Người tu hành phải chế cái tâm,
Đuổi theo tâm vọng là lầm,
Những điều trong mộng không cầm được lâu.

.....
Cõi nhân thế là trường buồn bã,
Qua chốn này tới chỗ quang minh,
Tới miền chí túy, chí linh,
Tới miền sáng suốt, anh minh vô ngần.

Con muốn hiểu chơn tâm huyền diệu,
Thời bắt đầu hãy hiểu thân con,
Thân con muốn hiểu vuông tròn,
Thì lòng nhơn ngã đừng còn mảy may.

Như chim nọ cao bay lừng lựng,
Nhẹ nhàng thay khi chúng vô sanh,
Tham thiền đúng chỗ mới mạnh,
Tức là trí huệ rành rành mở ra.

Không ham sống mới là thiệt sống,
Nhẹ sắc thân là nhẹ pháp Luân,
Con ơi trong cõi hồng trần,
Trăm phần ô trước, trăm phần tối tăm.

Còn hạ giới dễ lắm ma chướng,
Thấy bông hoa mà chuộng là nguy,
Chỉ miền Thượng giới quang huy,
Trí khôn sáng suốt không chi hiểm nghèo.

.....
Lòng Từ Bi là mầm giải thoát,
Bạc vô sanh là đạt Niết Bàn,
Cũng nhờ có một lòng Nhân,
Mà ra khỏi chỗ trầm luân đời đời.

Lòng ham muốn con ơi phải diệt,
Phải diệt sao cho tuyệt nọc đi,
Giữ gìn từng chút, từng ly,
Đừng cho sanh lại, hiểm nguy vô cùng.
Con phải diệt cái lòng ham sống,
Và cũng đừng mơ mộng đầu đầu,
Đừng mong sống chốn nhiệm màu,
Chi ly cảnh giả, mới vào cảnh Chơn,
Con chớ đừng giận hờn, quả báo,
Luật thiên nhiên, ai tạo nấy mang,
Chỉ đem bản ngã phá tan,
Vì rằng bản ngã là màn vô minh.

.....
Cây Bửu Thọ đương xuân nảy lá.
Đừng đợi cho gió ngả toi bời,
Lòng như xích tử thành thoi,
Mới là hiểu được những lời huyền vi.

Ánh Từ quang soi vì đệ tử,
Suốt sắc trần, những xử tối tăm,
Như vùng hồng nhựt dăm dăm,
Thấu soi những đám sơn lâm sùm sê.

Nhưng mà nếu xác kia chưa tịnh,
Lòng chưa trong như ánh kim cang,
Thời! Ôi! Cái ánh Từ Quang,
Cũng không soi đến tâm cang được nào.

Tiếng huyền bí, trên cao thanh thót,
Cũng không sao cho lọt vào tai,

Thấy nghe, nghe thấy, không hai,
Là khi đã bước được vài nấc thang.

Bưng tai mắt mà hằng thông suốt,
Là ngũ quan nhập một vào trong,
Lục căn sẽ bỏ không dùng,
Vì còn phân biệt, còn lòng ngã nhân.

Đối cảnh trần đã ly sắc tướng,
Mà cảnh tâm chớ vướng chút nào,
Quang minh thanh tịnh một màu,
Ấy là Thiên Định đã vào bậc trên,

Đến bậc ấy, tiến lên bậc nữa,
Thời không chia năng sở là gì,
Bây giờ không phải Tam Qui,
Chỉ qui Nhứt Thể, quang huy vô ngần.

Ấy là trong Chơn Thân (Corps causal) bất hoại,
Sẽ tiến lên vô, ngại, hoài hoài,
Ta cùng Bản Thể không hai,
Này ta, này thể, không ngoài, không trong.

Đến khi ấy, là không Ngũ Uẩn,
Còn gì mà ta nhận là ta,
Giọt mưa lộn với hải hà,
Linh quang nhập một, bao la vô cùng.

Chừng khi ấy, ai thông, ai chứng,
Âm thanh cùng ánh sáng không hai,
Bây giờ là hết chông gai,
Đạo màu Tứ Đế, một bài thốt ra.

Trước Đệ Tử, nay là Sư Phụ,
Thấy rõ ràng sự khổ là chi?
Nguyên nhân sự khổ là gì?
Diệt nguyên nhân ấy, phải đi ngã nào?

Bóng Bồ Đề, biết bao mát mẽ,
Thanh thoi đây, trí huệ cũng đây,
Ưu du tam muội làm thầy,
Ba ngàn thế giới, đó đây soi tường.

Con với ánh hào quang là một,
Là Bản Sư, là Phật Chí Tôn,

Con là Mục Đích của con,
Ước ao từ thuở, vương tròn từ đây.

Dù vũ trụ, vơi đầy, tang hải,
Tiếng kim cang, bất hoại đời đời,
Bao nhiêu, rút lại một Lời,
Là “Lời Không Tiếng” đó thời con ơi !

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM

THÁNH NGŨ AUM

Trước khi bước qua phần thực tập của sự tham thiền, ta nên biết rõ thánh ngữ Aum là thế nào. Là vì có thế, mỗi lúc bắt đầu tham thiền và sau khi xong, ta đều đọc lên thánh ngữ ấy. Ông Geoffrey Hodson, là một nhà Thông Thiên Học giả huyền môn, có nói rằng: “Thánh Ngữ Aum là danh hiệu của Đức Thượng Đế. Nó là sự thiêng liêng, có ba đặc tánh, nhưng vẫn là Duy Nhất. Nó là danh từ đầy đủ hơn hết”. Nó khởi sự đọc bằng chữ A (đọc ở trong họng) tiếp tục đọc bằng chữ U (đọc ở chính giữa miệng) và sau cùng đọc bằng chữ M (đọc ở ngoài môi). Ba chữ A – U – M là biểu hiệu Ba Ngôi hay Tam vị Nhất Thể (La Trinité) tỷ như Sat – Chit – Ananda. Chữ Aum luôn luôn nhắc lại sự Tam Nhất (triplicité) trong mọi vật. Nó là một tiếng huyền bí. Nó liên hệ đến Tam Thể Thượng (la triade Supérieure) hay là Chơn Nhơn của con người.

Ba chữ A – U – M mà đọc thành một âm thanh. Khi đọc A đầu tiên, ta nói lên Trạng Thái thứ nhất của Đức Thượng Đế, là Trạng Thái Sáng Tạo hay là Sức Mạnh Sáng Tạo. Chữ U kế tiếp tượng trưng Ngôi thứ nhì của Đức Thượng Đế với đặc tánh Bảo Tồn. Còn chữ M, sau cùng, tượng trưng Ngôi Thứ Ba của Đức Thượng Đế, tức là trạng thái Hủy Hoại. Ba ngôi này hay là A-U-M đúc kết lại tạo nên sự cấu thành, một cách hoàn toàn trong vũ trụ và con người. Vậy Thánh ngữ AUM tượng trưng cho Ba Ngôi của Đức Thượng Đế, được đọc thành Một Vần mà thôi. Nó có nghĩa là Ba kết hợp trong Một duy nhất.

Có điều quan trọng mà ta nên nhớ là đối với Đạo pháp Mantra yYoga (hay là Yoga thần chú), tư tưởng luôn luôn phải được gắn liền với Thánh Ngữ Aum, lúc ta đọc lên với sự hướng về Đức Thượng Đế, thì sức mạnh của ta sẽ được tăng cường một cách hùng hậu.

Khi ta đọc thánh ngữ, thì có thể xảy ra những kết quả gì?

- Rất nhiều kết quả. Chúng tôi xin kể dưới đây :

1)- Nếu nó được một vị đệ tử Chơn Tiên đạo hạnh cao siêu, xác, vía, trí được tinh khiết, thì chẳng những nó làm thức tỉnh các năng lực thấp ở trong không gian, giữa các hành tinh và trong chất khí của vũ trụ, mà nó còn làm phát triển Chơn Nhơn của người đọc nó nữa. Nếu nó được một thường nhơn đọc, một cách đúng đắn, thì nó sẽ tăng cường nền đạo đức của người ấy, nhất là giữa hai tiếng Aum, y tham thiền mãnh liệt về Chơn Nhơn ở bên trong y, và tập trung tư tưởng về sự vinh quang của nó.

Nhưng nếu rủi người đọc nó là kẻ vừa phạm một tội ác to lớn nào đó, thì nó sẽ rút xung quanh người những sinh vật hung ác và những năng lực xấu xa. Và ai có sự lo nghĩ, buồn rầu cũng không nên đọc nó, vì nó sẽ đem lại những ảnh hưởng bất hảo cho Chơn Nhơn. Điều này rất là tai hại! . . . Người học Đạo chơn thành nên đọc thánh ngữ Aum, trước khi ngủ và sau khi thức.

2)- Tâm thức của hành giả được nâng lên cao đến tâm thức của Chơn Ngã, tức là tạo sự thông thương giữa Phạm nhơn và Chơn nhơn. Sự thông thương này bắt nguồn từ những tế bào trong bộ óc. Vậy khi đọc thánh ngữ Aum, chúng ta tạo nên một con đường trong con người chúng ta, con đường đó thông đồng giữa Phạm nhơn và Chơn Nhơn. Nó cũng là con đường thông đồng giữa con người và Vũ Trụ. Nó cũng là con đường thông đồng giữa con người và Đức Thượng Đế. Vậy thánh ngữ Aum là một thánh ngữ rất huyền bí và linh diệu.

3)- Khi đọc thánh ngữ, chúng ta kêu gọi một sức mạnh vô biên của vũ trụ, nhưt là khi chúng ta ngâm nó một cách đúng đắn và nhiều lần.

4)- Bên Phương Đông những nhà đạo sĩ của phái Mantra Yoga luôn luôn đọc thánh ngữ Aum với bảy giọng khác nhau. Vị đạo sĩ hướng tư tưởng đến bảy cõi trong vũ trụ và tạo sự liên lạc giữa bảy thể của mình với bảy cõi ấy. Mỗi lần đọc thánh ngữ, nhà đạo sĩ nâng tâm thức của mình lần lần đến những cõi khác nhau. Và mỗi lần như vậy, vị ấy tạo trong tư tưởng của mình, trong tâm thức của mình sự hiệp nhưt với Tâm Thức Duy Nhưt.

5)- Vậy thì, trên phương diện đầu tiên, thánh ngữ Aum giúp cho hành giả thực hiện Chơn Nhơn xuyên qua bộ óc. Chúng ta có một sự trở ngại lớn lao là: tế bào trong óc của chúng ta rất là trọng trực, nặng nề và chậm chạp. Bộ óc của chúng ta rất là thô kịch nên khó cho chúng ta biểu lộ bản tánh thiêng liêng của chúng ta. Chúng ta có thể quả quyết rằng: chúng ta là Chơn Nhơn, và Chơn Nhơn là chúng ta, nhưng đó là một tư tưởng siêu nghiệm (transcendental), rất khó làm cho chúng ta quan niệm một cách rõ rệt được. Nhưng khi chúng ta thường đọc thánh ngữ này, thì chúng ta có thể thực hiện được Chơn Nhơn một cách dễ dàng hơn.

6)- Sự đọc thánh ngữ Aum giúp cho sự hòa hiệp giữa các thể của con người. Xác và vía có riêng cho chúng nó những ước vọng, những ham muốn, những sự xúc động và những sự hài lòng. Cái trí cũng như vậy. Nó có những ước vọng riêng tư. Thánh ngữ Aum có tác động hòa hiệp ba hạ thể của chúng ta là: xác, vía và trí. Nhờ sự hòa hiệp này mà tâm thức của Chơn Nhơn mới có thể dùng Phạm nhơn trong trạng thái mạnh mẽ nhưt và cao cả nhưt của nó.

7)- Sự đọc thánh ngữ Aum xô đẩy ra ngoài những điều gì không tốt đẹp ở hào quang của chúng ta.

8)- Thánh ngữ Aum là một thần chú của sự hòa bình và của sự an lạc. Nó làm thể chất của xác thân và hào quang của Phạm nhơn trở nên êm dịu và thanh tịnh. Bởi tánh chất của nó là hòa hợp, do đó, nó tạo nên sự hạnh phúc, yên lặng và hợp nhưt. Một vị chơn sư Yogui có nói rằng: khi con ong khởi sự bay đi tìm mật, thì nó gây ra tiếng động và sự xáo trộn. Nhưng khi nó đã tìm được nơi hút mật rồi, thì nó yên lặng trở lại. Đó cũng là tư cách của Phạm nhơn chúng ta. Khi nó tìm được chất mật rồi nghĩa là sự hạnh phúc tinh thần, thì nó trở nên yên lặng.

9)- Sự đọc thánh ngữ đem lại ảnh hưởng tốt có thể chữa bệnh được, nhưt là bệnh thần kinh và tâm lý: bởi vì khi chúng ta đọc thánh ngữ thường thường, thì chúng ta

làm những con kinh trong con người chúng ta trở nên sạch sẽ hơn vì chúng ta đã tạo ra những sự liên lạc rất là tốt đẹp.

Hiện nay chúng ta đang ở trong bóng tối của cõi trần, nên khó thấy được ánh sáng thiêng liêng huyền diệu của cõi trên. Có thể nói là chúng ta bị bao vây bởi sự ưu phiền trần tục hay đã trải qua rất nhiều sự đau khổ, nên chúng ta quên đi nhiều điều quan trọng thuộc về tâm linh và tinh thần. Nhưng nhờ thường đọc thánh ngữ Aum, chúng ta có thể chữa được “bệnh hay quên” đó: bởi vì sự đọc thánh ngữ sửa đổi những tế bào trong óc của chúng ta làm cho chúng nó trở nên nhạy cảm và có sự liên lạc với nhau. Những tế bào ấy cũng được thấm nhuần ánh sáng thiêng liêng của Đức Thượng Đế. Chúng ta cũng không nhớ tới sự kiện đó. Khi chúng ta tham thiền và ngâm thánh ngữ Aum một cách đúng đắn, thì những tế bào trong cơ thể của chúng ta sẽ lần lần thay đổi và những hạt nguyên tử của chúng ta cũng trở nên tốt đẹp. Chúng nó hiệp hòa với những sự rung động của Chơn Nhơn. Nhưng những điều này tùy thuộc ở tâm trạng của chúng ta là sự “Hoàn Toàn Vô Tư” ở mọi hành động, cảm xúc và tư tưởng.

10)- Một kết quả trọng đại của sự đọc thánh ngữ Aum là nó làm nảy nở những vòng khu ốc (les spirilles) của những hạt nguyên tử căn bản hồng trần (les atomes ultimes physiques). Chính những hạt nguyên tử căn bản hồng trần này rất là thô kệch và được cấu tạo bởi nhiều vòng khu ốc và nhiều đường dây khác nhau. Những vòng khu ốc đó quấn tròn theo vòng khu ốc. Chúng nó có nhiệm vụ đem lại cho bộ óc những sự rung động của tâm thức thiêng liêng. Mấy vòng khu ốc của hạt nguyên tử hồng trần đó đã quen với sự rung động thấp kém của cái xác, cái vía và cái trí. Nhưng trong chúng ta, có những người tiến hóa khá cao, họ có thể cảm biết được những tư tưởng trừu tượng và những điều liên hệ đến tâm thức của Chơn Nhơn. Đó là nhờ ở sự phát triển của vòng khu ốc. Hiện nay chúng ta đã có được bốn vòng khu ốc linh động. Những vòng khu ốc đó giúp chúng ta phương tiện giao thông và liên lạc với những thể cao khác nhau như Thể Bồ Đề và Thể Niết Bàn (mà người ta gọi là Kim Thể và Tiên Thể). Vậy chúng ta cần phải mở thêm ba vòng khu ốc nữa để liên lạc với cõi Thượng giới, Bồ Đề và Niết Bàn. Thế thì trong óc của chúng ta, có những hạt nguyên tử căn bản hồng trần cần phải tiến triển và nảy nở nhiều nữa, để có thể liên lạc với những cảnh giới cao hơn.

Sự tham thiền đều đặn và sự phát triển của những hạt nguyên tử căn bản hồng trần cùng sự đọc thánh ngữ Aum, làm cho chúng ta cảm được Chơn Nhơn của chúng ta. Nhơn đó, chúng ta cảm được chơn hạnh phúc trong con người thâm sâu nhất của chúng ta và đạt được sự liên lạc với các cảnh cao siêu. Nó làm bộ óc của chúng ta (là Phàm nhơn) được lần lần cảm biết được Chơn Nhơn. Nó cũng khởi sự cho chúng ta biết được, cảm được những sự cao siêu của cõi Bồ Đề và cõi Niết Bàn. Những vị nào đã thực hiện được như vậy, thì quả là những người tiến hóa cao trong hàng ngũ nhơn loại.

Hiện nay, dân tộc Việt Nam chúng ta ở trong giống dân thứ tư, và người Âu châu ở trong giống dân thứ năm với những đặc tánh riêng của nó. Nhưng Thông Thiên Học cho chúng ta biết được sự tốt đẹp của giống dân thứ sáu và thứ bảy. Những đặc tánh của những giống dân tương lai ấy, chúng ta sẽ đạt được trong những cuộc Tuần Hườn sắp tới ^[1].

^[1] Xin xem quyển “Võ trụ và con người: về khoản: Những cuộc “Tuần Hườn”.

11)- Khi chúng ta đọc thánh ngữ Aum và tham thiền đều đều, thì chúng ta kích động đến thần lực bên trong gọi là luồng Hỏa Hậu (Kundalini). Khi luồng Hỏa Hậu được kích động thì nó liền khởi sự con đường đi lên của nó. Nó tiến đến bộ óc, và ảnh hưởng cùng cấu kết lại bộ óc đó. Luồng Hỏa Hậu cũng sửa đổi lại những hạ thể trong Phàm ngã của chúng ta. Nhờ đó mà nhà đạo sĩ Yogui, trong lúc tham thiền, biết con người thực sự là thiêng liêng. Vị ấy kinh nghiệm được sự hạnh phúc tuyệt diệu và sự hợp nhứt trong Ánh Sáng thiêng liêng. Vị ấy cũng biết rằng: mình hợp nhứt với Đức Thượng Đế.

Người học Đạo, thực lòng tu luyện, nên đọc chữ Aum trước khi ngủ và sau khi thức. Y cũng đọc nó trước khi tham thiền và sau khi tham thiền.

Chữ “Aum” có liên hệ đến chữ “Amen” và câu thần chú “Om-Mani Padmé-Hum” mà người Trung Hoa đọc trại là “Ấn – Mani – Bát di Hồng”.

Đấng Chơn Sư của giống dân Touranien là giống dân phụ thứ tư đọc “Om – Mani” ngừng một chập, rồi mới đọc tiếp “Padmé – Hum”. Người Phương Tây dịch câu thần chú đó không đúng bằng lời cầu nguyện này “Ôi ! báu vật trong Hoa Sen”. Thật ra, nếu dịch từ chữ, thì “Om hay Aum” là danh từ hiển dâng cho Trời; còn “Padmé” là “Trong Hoa Sen”; sau cùng “Mani” là một thứ ngọc thạch quý giá. Vậy, theo ý nghĩa của danh từ, thì không có giải thích đúng với ý niệm thiêng liêng bên trong của nó.

Câu chú “Om Mani Padmé Hum” này là câu chú mạnh nhứt ở Phương Đông. Chẳng những mỗi vần của nó đều có một quyền năng huyền bí có khả năng tạo tác một kết quả hẳn hoi, mà khi đọc trọn câu, thì nó đem lại bảy kết quả riêng biệt với bảy ý nghĩa khác nhau. Bảy ý nghĩa và bảy kết quả này có hiệu lực nhiều hay ít là tùy theo cách đọc mau, chậm, dài, ngắn.

Vả lại, người học đạo nên nhớ rằng: Số là nền tảng của Hình Thể và Số điều khiển âm thanh (le nombre est la base de la forme et le nombre dirige le son) (Doctrine secrète : VI page 3) .

Vậy câu chú huyền bí “Om – Mani Padmé Hum “ cũng như thánh ngữ Aum, khi người ta hiểu đúng nghĩa và đọc đúng giọng, thì nó ám chỉ một sự liên quan bất diệt giữa con người và vũ trụ. Nó có nghĩa là: “Tôi ở trong Ngài và Ngài ở trong tôi”.

Những điều trên đây quả là những điều quan trọng đối với chúng ta là Người Thông Thiên Học. Vả lại, một ngày kia, chúng ta cần phải truyền bá Thông Thiên Học. Những tư tưởng Thông thiên Học mà chúng ta giảng dạy đây không phải là điều mà chúng ta đã học hỏi trong sách vở, nhưng phải là Những Điều mà chúng ta đã Kinh Nghiệm và đã Thực Nghiệm. Nhờ tham thiền mà chúng ta Kinh nghiệm và Thực nghiệm đấng Chơn Nhơn. Mà sự thực nghiệm Chơn nhơn hay là sự hòa mình với Đức Thượng Đế là giáo lý quan trọng nhứt trong Thông Thiên Học. Điều này chẳng phải do sự học hỏi của chúng ta, mà là điều chúng ta đã kinh nghiệm bằng cách tham thiền và thực hành theo sự tham thiền.

Khi thực hành tham thiền và đọc thánh ngữ Aum đúng phép, chúng ta lần lần trở nên nhạy cảm và trở thành những con kinh Ân Huệ cho thế gian.

Tóm lại, chúng ta nên đọc thường thường thánh ngữ Aum và tham thiền đều đều, như vậy chúng ta nâng cao tâm thức chúng ta. Không cần đọc thánh ngữ lớn

tiếng, mà phải ngâm nó với một âm thanh vừa đủ nghe, và một cách êm dịu, đồng thời trí chúng ta hướng đến Chơn Sư của chúng ta, và xuyên qua Ngài mà chúng ta cảm được Đấng Thiêng Liêng, Đấng Thượng Đế. Đó là một phần trong đời sống huyền bí của chúng ta, một đời sống đáng sống.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

PHẦN THỰC TẬP

TẬP SỬA CÁC TIỆN NGHI

“Hãy sửa tiện nghi để tham thiền,
“Coi chừng ý mã với tâm viên,
“Tìm ra Chơn lý, hườn Nguyên Bản,
“Thoát kiếp lai sinh mới diệu huyền !

I.- PHẢI THANH TÂM :

Ta đã nói ở trước: tham thiền là một điều quan trọng và tối cần cho đời sống tinh thần của chúng ta. Vậy chúng ta phải áp dụng các tiện nghi cho đúng đắn trước khi khởi sự. Bởi vì:

“Nhứt thất nhơn thân, vạn kiếp nan phùng,
“Nhứt thất tức thành, thiên khổ hậu,
“Tái hồi đầu dĩ, bá niên thân”.

Nghĩa là: “Thân này mất rồi, ngàn năm khó gặp. Một khi làm lỡ, ngàn đời ân hận. Vậy ta mau hồi đầu, kéo uống thân trăm năm” .

Trước khi khởi sự, ta phải tự hỏi lấy lòng: Ta có nên cương quyết tham thiền không? Nếu ta trả lời là: Nền, thì trước nhứt ta phải có thanh tâm nghĩa là cái tâm thật thanh tịnh, phải hết trần tâm, xa lìa ái dục, tâm đừng vướng bụi hồng. Nếu nói theo nhà Phật, thì phải: đoạn lục căn, trừ lục thức, dứt lục trần và diệt thất tình lục dục.

a) Đoạn lục căn là gì ?

- Là đoạn trừ sáu căn, ấy là:

- 1.- Nhân căn (căn về con mắt)
- 2.- Nhĩ căn (căn về lỗ tai)
- 3.- Tỷ căn (căn về lỗ mũi)
- 4.- Thiệt căn (căn về cái lưỡi)
- 5.- Thân căn (căn thuộc về xác thân)
- 6.- Ý căn (căn thuộc về ý muốn)

b) Trừ lục thức là gì?

- Là diệt trừ sáu thức do căn nhiễm trần mà biến sanh ra sáu thức, ấy là:

- 1) Thấy hay là nhãn thức,
- 2) Nghe hay là nhĩ thức,

- 3) Ngủ hay là tử thức,
- 4) Nêm hay là thiết thức,
- 5) Rờ hay là thân thức,
- 6) Tưởng hay là ý thức,

c) Dứt lục trần là gì ?

- Là lìa xa sáu trần, ấy là :

- 1.- Sắc trần,
- 2.- Thinh trần,
- 3.- Hương trần,
- 4.- Vị trần,
- 5.- Xúc trần,
- 6.- Pháp trần.

Mấy món này làm cho tâm trần xao xuyến.

d) Thất tình là gì ?

- Là hỉ, nộ, ái, lạc, ái, ố, dục, nghĩa là mừng, giận, buồn, vui, thương, ghét, muốn.

e) Lục dục là gì ?

- Là sáu điều ham muốn:

- 1) Mắt ưa sắc,
- 2) Tai ưa thính,
- 3) Mũi ưa mùi,
- 4) Lưỡi ưa vị,
- 5) Thân ưa sự mềm mại, êm ái,
- 6) Ý ưa các Pháp trần như: Danh, Lợi, Tài, Sắc, v.v...

Đó là những điều răn dạy các vị Tỳ kheo của nhà Phật, một cách tuyệt đối và quá nghiêm khắc: vì ai mà dứt được trần tâm, đoạn lìa lục căn, trừ lục thức, dứt lục trần và diệt được thất tình, lục dục thì người ấy đã đắc quả Chơn Tiên rồi, đâu cần phải tham thiền như chúng ta nữa. Chúng ta giữ cho được thanh tâm đây là giữ cho nó được trong sạch thanh cao một cách tương đối mà thôi, để đợi, trong một thời gian đăng đẳng, lúc ta thành một vị La Hán đi lần đến Chơn Tiên, thì chúng ta mới hoàn thành cho.

Vậy chúng ta phải rán dứt bỏ từ từ các điều xấu xa, phiền muộn do ý trần ràng buộc chúng ta, chúng ta cố gắng cởi bỏ lần lần những giận hờn, ganh ghét, ích kỷ và sân si, chúng ta còn để tâm dạy dỗ lý trí cho sạch trong đừng cho nó kiêu hãnh và xáo trộn.

Tóm lại, chúng ta làm sao cho tâm của chúng ta được an tịnh, sạch trong một phần nào là chúng ta khởi sự tham thiền được, chớ chẳng cần phải hoàn toàn trong sạch.

II.- PHẢI SẠCH SẼ:

Sự sạch sẽ là điều cần ích cho kẻ tu luyện vì những đồ vật chất quên bụi sẽ có từ điển rất xấu.

Đã gần đến giờ tham thiền, hành giả hãy tự xét lấy mình xem có hôi hám, nực nội, trỉn rít, ngứa ngáy chi chẳng. Nếu có, cần phải thay đổi, tắm giặt, rửa mặt, súc miệng và gội đầu.

Đừng hành thân hoại thể, mà cũng đừng cứng dưỡng thái quá. Và lại, xác thân rất giúp ích chúng ta tại cõi trần này. Nó là xác thân tứ đại, chúng ta nương lấy nó, như người mượn thuyền để qua bến. Khi qua được rồi, thì thuyền hóa ra vô dụng, ta phải bỏ nó lại cõi trần, để nó trở thành tro bụi.

Vậy, lúc ta tu, ta cần phải tắm rửa sạch sẽ, mỗi ngày, ít nhất một lần, đừng để bẩn nhơ, hôi hám, mất sự tinh tấn, kém vệ sinh, làm cho kém sức khỏe của xác thân. Người tu là người khử trừ, tồn thanh, nên nói:

Tôi sạch sẽ,
Tôi tươi trẻ,
Tôi mát mẻ,
Tôi vui vẻ,
Tôi mạnh khỏe.

Khi đầu có gàu, dơ, phải tắm gội hay cao gột. Chăn y, quần áo, mùng mền, chiếu gối có hôi dơ phải giặt rửa cho sạch sẽ. Móng tay, móng chơn là nơi điển lực ra vào, nên giữ cho sạch sẽ và cạo hót cho gọn. Đừng quá chải chuốt để ngăn lòng ham muốn của kẻ khác kéo lôi ta lần xa đạo đức.

Nay hành giả muốn thanh tâm, giữ lòng an tịnh, dứt các trần duyên, xa lìa vọng tưởng, thì cần phải trị mình cho nghiêm. Nên trì tai tham thiền mới có hiệu quả.

Nếu muốn mở mang định tĩnh thần và có thể trực tiếp với các cõi trên, thì ta nên giữ xác thân cho điều hòa, khỏe mạnh, rắn rỏi và tinh khiết.

Những người dùng thịt cá để dinh dưỡng xác thân, thì thu hút xung quanh họ những loài trùng ở cõi Trung Giới, hay là những loài trùng nhơn tạo xấu xa rất có hại cho đường tu luyện của ta. Ta hãy nghe lời giải của nhà đạo đức trừ danh là Ông C.W. Leadbeater nói về sự ăn chay như vậy: “Cái thói quen ăn thịt ma rất tai hại, những người không hiểu biết sẽ từ bỏ ngay cái thói quen ấy, nếu họ được thấy rõ sự thực. Những người ăn thịt ma này sẽ thu hút xung quanh họ các loài trùng Trung giới bắt hảo với miệng há to tằng hoạc giống với loài trùng bu xung quanh lò thịt để hút hơi máu tanh. Trước mắt nhà có thần nhãn, không có cái cảnh nào đáng ghê tởm và thảm thương cho bằng cái cảnh của một người đàn bà đẹp dễ (mà thật ra không đẹp dễ chút nào, bằng không, thì bà không đến chốn ấy) tới gần hàng thịt để quan sát các thầy ma; Bà này bị một đám trùng Trung Giới đủ hình, dị tướng bao vây giống như một giấc mộng gớm ghiếc; Bà không ngờ rằng: kẻ nào nhúng tay đẫm máu vào tội ác giết chóc này hay kẻ nào giúp tội ác này được thực hiện, thì một ngày kia sẽ nghe đặng Tiếng nói oai dũng của Đức Thượng Đế phán ra khi lập thành võ trụ như vậy: “Điều gì các con làm cho một sinh linh bé nhỏ của Ta là các con làm cho Ta đó”. (Le côté caché des choses, Tome II Page 12 par C.W. Leadbeater) .

Người thiền định phải lánh xa các thứ ô trược này. Nếu đi ngang qua chúng nó sẽ dính vào mình mà giục mình đi đường sai, mặc dầu mắt phàm không thấy được những loại trùng Trung Giới đó.

Những vật thực bằng cá thịt, tôm cua, v.v... có tánh chất kích thích những dục vọng đê hèn, những thú tánh tội lỗi. Bởi vậy, chúng nó không dùng để thiết lập một bộ thần kinh mạnh mẽ, mảnh mai được: vì chúng nó đang ở trong “thời kỳ đang tan rã và hư thối”. Còn đồ chay như giá, rau cải, trái cây, hột, v.v... là đang ở trong “thời kỳ phát triển” nên rất bổ dưỡng. Chúng nó có thể tạo nên một xác thân nhẹ nhàng, thanh bai và bền bỉ đặng. Ngoài ra chay lạt, ta còn phải giữ giới, thức hiem thân tâm, ngăn ngừa tội ác. Đã trì trai rồi cũng không đủ, nên kiêng cử á phiện, rượu, ma túy, trầu, thuốc hút, cùng các chất làm cho say sưa, nguy hại cho sức khỏe và tánh mạng mình.

III.- CHON CẢNH :

Đã nói tham thiền, thì bất cứ trong hoàn cảnh nào, trong trường hợp nào, tham thiền cũng được. Dù hành giả ngồi, nằm, đi, đứng, thức, ngủ, v.v...cũng đều tham thiền được hết.

Song đôi với các bậc sơ cơ, bước đầu tiên, cần phải mượn cảnh tạo tâm. Khi tâm được thanh tịnh rồi, thì tâm tạo trở lại cảnh, nên mới gọi là “vạn cảnh tùy tâm”. Khi tâm cảnh không còn phân biệt được nữa, thì sự tham thiền sẽ hóa thành siêu việt. Khi nước biển không thêm bớt, sông ngòi không lui sụt, sóng gió vẫn đồng đều, động tịnh không sai khác, thì tâm cảnh chẳng duyên tình, bỗng tánh được thuần chơn

Nhưng nay hành giả mới tập tễnh bước vào pháp thiền, tâm ý còn phàm duyên, vọng cảnh, nên cần phải chọn chỗ hạp cảnh, hạp duyên, hạp thời, hạp khí. Y phải cần có đầy đủ tiện nghi như: Pháp, Tài, Lữ, Địa nghĩa là y có Pháp là có người dạy tu. Y có Tài là tiền của, tài vật để tu. Y có Lữ là có bạn thiện hữu trí thức để an ủi. Y có Địa là y có khí hậu, phong thổ, chỗ ở phù hợp cho sự tu hành, y khỏi bị thú dữ, nước độc và người hung ác phá khuấy. Bên quán rượu, bên lầu xanh, nơi lò thịt đều không nên ngồi tham thiền. Bên công hầu, khanh tướng, đa phiến, đa dục cũng không nên ngồi. Nên chọn cảnh thanh vắng, yên tịnh và thanh bai. Như gặp chỗ nào xáo động ồn ào mà vạn bất đắc dĩ phải tham thiền, thì nên xây mặt vào vách, bế ngũ quan để mà công phu.

Khi ta tiến hóa trên đường tinh thần thì cõi đời xáo trộn không phù hợp cho sự tham thiền. Cái không khí ấy không đúng với tinh thần. Thân hữu của ta? Lúc ta tham thiền, họ là kẻ khuấy rối, họ làm cho ta lỉnh quỳnh, lo âu vì không biết làm sao có thì giờ đủ để tham thiền. Nợ đó ta nên tìm nơi tốt, tất nhiên mọi vật đều có bề mặt và cũng có bề trái: vì cõi trần là cõi tương đối không có nơi nào là tuyệt đối. Khi ta chọn lựa rồi, ta hãy dùng sự tham thiền của ta mà làm cho nó tốt đẹp thêm lên. Khi chỗ tham thiền không phải là lý tưởng, thì ta nên tạo nó ra lý tưởng, chớ đừng thay đổi nữa. Dời chỗ hoài không tốt. Chớ sánh chỗ này với chỗ kia mà ưu phiền. Mây (là ảo ảnh) xúi giục ta nhiều cách lắm. Ta hãy dùng sự phân biện và lý trí, chớ tin vào hạ trí và ngũ quan. Ta hãy bắt chúng nó ngừng đi. Hãy giữ mình trước những cám dỗ và thất vọng.

Ở miền sơn dã rất thích hợp cho sự tham thiền. Cảnh đẹp và ảnh hưởng tinh thần rất tốt.

PHÒNG THAM THIỀN :

Nếu có thể, nên dành riêng cho mình một căn phòng có khóa để tham thiền. Đừng cho người lạ vào để giữ cho nó được tinh khiết và linh thánh.

Sáng chiều, ta đốt hương trầm để khử trừ. Nơi phòng, ta để một cái bàn thờ nhỏ. Trên đó là thánh dung của Đức Phật hay của Đức Chúa hay của một Đấng nào mà ta tôn thờ. Trước bàn thờ, ta để một cái ghế để tham thiền. Trên vách, ta nên treo những bảng có viết những câu chơn ngôn Minh Triết, mà bất cứ ai đọc lên cũng kích động lòng tôn thờ. Ở khoảng giữa mấy câu chơn ngôn này, ta treo lên những hình ảnh của các vị đạo đức nổi tiếng, các vị siêu nhân quên mình độ chúng, để gợi lên ở lòng ta những tư tưởng, những màu sắc tươi, như màu vàng tươi, màu hường dợt, màu xanh da trời, màu tím hoa cà, màu lục đều có khuynh hướng nâng cao tinh thần và tình cảm của ta.

Khi tham thiền lúc ban ngày, thì hành giả nên cần ngồi dưới tàn cây, bóng mát nơi khoảng trống, lựa chỗ khô ráo, sạch sẽ, không có mùi bất khiết và cây lá xao động cùng tiếng ồn ào.

Hành giả phải ngồi được êm vững. Điều cốt yếu là trong lúc ngồi không gay cấn. Nên tránh chỗ tảng đá, gạch, bằng xi măng trắng, nắng nóng còn hơi xông lên, cùng những chỗ cát bụi xảm ướt có nhiều trùng độc.

Không nên tọa thiền trên chót đá quá cao, và chung quanh chỗ ngồi có hố sâu.

Tóm lại, trong lúc tọa thiền, hành giả phải giữ tâm như nhất, vững như Thái Sơn, cứng như kim cương, bền như đồng trụ. Tâm như đồng trụ. Tánh như hư không. Lòng như đại hải. Như thế, chẳng còn trần duyên, ngoại cảnh nào làm xao xuyến tâm hồn đang; chỉ nên, Phật, Thánh, Tiên tự nhiên sẽ hộ trì thân xác của mình. Nhon đó mà lòng mình được thanh tịnh, không còn lo sợ đến quỷ ma hay thú dữ phá khuấy mình.

Nhờ tập trung tư tưởng, nên có nhất tâm đại định, một niệm chẳng sanh, thường quang tịch chiếu, nhơn đó, hành giả đi càng sâu vào lý nhiệm mầu của Đạo.

Nên có thi rằng :

Người đời say đắm cảnh giàu sang,
Muôn khổ nghìn đau, thảm đoạn tràng,
Muốn nhẹ, Thông Thiên nên học hỏi,
Cầu thanh, Đạo Đức khá chu toàn,
Tham thiền, trì giới, xa chung đỉnh,
Hoán tướng, trau tâm, thẳng Niết Bàn,
Nên biết; “Vạn thù qui Nhứt Bản”,
Ngàn phương gom lại một Tình Thương.

THAM THIỀN TRONG HANG ĐỘNG :

Tham thiền trong hang động là một điều tốt nhất. Những vị đạo sĩ ưa làm. Họ tham thiền trong đây không dừng. Trong hang, động khí hậu điều hòa, lúc trời mát, khí nóng không vô được, lúc trời lạnh thì ở đó lại nóng. Tại đây, ta tham thiền rất tốt đẹp, vì đâu đâu cũng thanh tịnh. Thần lực tinh thần tuôn tràn. Không khí không có nhiễm trần và sự văn minh vật chất không len lỏi vào. Đó là những cái lợi của hang động.

Đời sống trong hang động không phù hợp với những người sơ cơ, với những người chưa xuất gia, với những người không có được sức khỏe cường tráng và họ ưa nhất sợ.

Hang động là để cho những nhà chí nguyện có sức lực mạnh mẽ, không biết sợ và giới chịu đựng. Những nhà xuất gia và những kẻ luyện phép huyền môn thì rất thích hang động. Những người chịu nổi gian nan khổ cực, có thể bị thiếu ăn thiếu mặc, hết ham muốn chung đỉnh của cuộc đời lại có thể tham thiền lâu trong đó.

Có vài người còn trẻ lòng non dạ, có xác thân yếu đuối, mới vừa có một tia sáng phân biệt, lợm lặt trong vài quyển sách, hay đã gặp một sự gì rắc rối ngã lòng, lật đật chạy đến hang động để tham thiền; lượng sóng bông bột của y sẽ sụt xuống mau lẹ, và họ sẽ đi từ chót vọt tuột xuống chơn núi vì sự bông bột quá mau lẹ. Họ sẽ thấy sống trong hang động là một điều quá khổ cực. Ít lâu sau, y rời bỏ chỗ đó.

Đời sống trong hang động không phải dành riêng cho mọi người. Nó có thể sẽ đem đến cho hành giả một thứ bệnh ngoài da và rét rừng.

Điều hay nhất là làm một cái động giả tạo trong khu vườn rộng rãi của mình. Những nhà chí nguyện chơn thành, ưa thích có một cái chòi ở nơi thanh vắng để tham thiền.

Song le, dưới trần này có một cái động đủ tiện nghi nhất và phi thường nhất là cái Động ở giữa lòng mình.

Cầu mong tất cả mọi người được sống với Chơn Tâm mình trong cái Động kỳ diệu và duy nhất ấy.

Thi rằng :

Một mình tu luyện giữa rừng sâu,
Động cả non cao, cảnh nhiệm màu,
Khuya sớm lạnh lùng, cơn gió rít,
Tuyết sương mài dũa, kiếp vô ưu,
Tối thì Nhập Định, du Tiên Cảnh,
Sáng lại Hòa Duyên, ở chợ sâu,
Quyết chí tu hành nơi cõi tịnh.
Cho thành Chánh Quả, độ năm châu.

Kinh Upanishad có nói nơi II, 10 rằng: “Người ta cần phải tham thiền và định trí trong một nơi bằng phẳng, không đá sỏi, không lửa, không gió, không bụi, không ẩm ướt, không ồn ào, xa các thứ tiếng động, nơi đó có phong cảnh xinh đẹp, vui nhìn có bóng mát, có hang đá, có suối trong. Các điều này giúp cho sự tham thiền”.

IV.- CÁCH NGỒI :

Trước khi tham thiền, hành giả cần phải sắp đặt, chuẩn bị trước vài mươi phút. Tất cả các công việc thường lệ như tiếp khách, đọc sách, viết bài, v. v . . . cần phải ngưng nghỉ, để tâm trí nhẹ nhàng, mới dễ bề tập trung tư tưởng.

Cách ngồi tham thiền rất quan trọng. Ta đã nói ở trước (xin xem hình số 6, 7, và 8) có ba cách ngồi: kiết dà, bán dà, và ngồi bỏ hai chơn xuống đất, để định trí. Nay tham thiền cũng ngồi y như vậy (xin xem bài Định Trí và cách ngồi)

Trong khi Nhập Định (sẽ nói ở sau), cần phải ngồi kiết dà bởi vì cách ấy rất là êm và vững chắc. Hành giả cần phải tập ngồi kiết dà cho quen để về sau Nhập Định mới được. Ngồi lưng và xương sống cho ngay, đầu ngay theo xương sống, mắt nhắm lại, lưng hai bàn chơn nằm trên vế, hai bàn tay bắt ấn tam muội (là xỏ rế 10 ngón tay

khít khao lại: hai ngón cái vừa đụng nhau. Ngón cái, ngón trỏ, ngón áp út tay mặt nằm trên. Ngón cái, ngón giữa, ngón út tay trái nằm trên, còn các ngón kia nằm phía dưới).

Nếu hành giả không bắt ấn tam muội thì để tay mặt nằm trong lòng tay trái nơi chính giữa hai bàn chơn. Hai cùi chỏ cặp sát bên hông. Ngồi kiết đà vững vàng không thể nghiêng ngã được.

Khi ngồi xong, lắc nhóm nhẹ nhàng thân trên, ngã mình về trước, về sau, và hai bên hông, xem có chi dính vướng chẳng. Kế nhắm mắt lại, không cho thấy cảnh bên ngoài. Miệng ngậm lại, hai hàm răng vừa khít nhau, cái lưỡi đưa lên, cặp sát theo nướu chơn hàm trên, vẫn để tự nhiên, chớ đừng uốn lưỡi co lên trên đốc giọng, mà buộc tâm vào đó, làm mất sự tự nhiên đi.

NGÀY GIỜ THAM THIỀN :

Từ 4 giờ rưỡi tới 6 giờ rưỡi là lúc thuận lợi cho sự tham thiền. Giờ đó, người ta gọi là: “Giờ Thượng Đế”. Sau một giấc ngủ khỏe khoắn, cái trí được yên ổn, vui tươi và thanh bạch, giống như tờ giấy trắng, giống như một vật gì còn nguyên trinh, chưa chứa đựng một dấu vết gì, do cái vía đưa đến, cho nên nó có thể uốn theo ý muốn của ta. Nhon đó trong lúc tham thiền, ta có thể dinh dưỡng nó với những ý tưởng thanh cao và thiêng liêng.

Lại nữa, giờ đó là giờ các vị Đại Đức, các người đệ tử Chơn Tiên, các vị Chơn Tiên đã khởi sự tại núi Hy Mã Lạp Sơn, tại đền chùa, tại hang động, núi rừng và Đạo viện, v.v. . . Các Ngài phóng ra những làn rung động thanh cao xuyên qua khắp cõi trong vũ trụ, nếu chúng nó gặp được làn tư tưởng tốt đẹp của chúng ta thì, vì “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” chúng nó sẽ hỗ trợ công lực tham thiền của chúng ta một cách đặc lực. Nếu ta không thừa cơ hội thuận tiện đó để tiến hóa, thì rất uổng vậy.

Giờ mặt trời lặn cũng thuận lợi cho sự tham thiền. “Giờ Thượng Đế” và giờ mặt trời lặn là hai giờ tốt nhất cho sự tham thiền. Giờ đứng bóng cũng khá tốt cho ta hướng về tâm linh.

Khi tới giờ Thượng Đế thì, nếu trời nực, ta nên dội nước tắm, bằng không, thì ta tắm bằng tư tưởng. Ta thấy mình ngồi trong bồn tắm, dùng tư tưởng dội thể xác cho thật sạch, cho thật tinh khiết, rồi tưởng linh hồn của mình cũng khiết bạch như xác thân. Đó là cách cải thân, tâm được tinh anh.

Tóm lại, điển lực tốt nhất để tham thiền là lúc mặt trời mọc, lúc đứng bóng và lúc mặt trời lặn. Mười lăm ngày đầu tháng (âm lịch) tức là mồng một cho đến rằm là lúc điển lực tốt. Hành giả có thể tính toán làm công việc gì hữu ích mà y thích. Từ rằm sắp lên ba mươi là lúc điển lực yếu. Làm việc nên cẩn thận nhiều hơn.

Xong rồi ta ngâm chữ “Aum” bảy lần rồi sẽ tham thiền.

ĐỌC KINH CẦU NGUYỆN :

Có nhiều người trước khi tham thiền, đọc Thánh ngữ Aum, rồi đọc kinh cầu nguyện.

Bài kinh cầu nguyện sau đây là bài kinh “Ân Huệ”. Nó thuộc về Cung Thứ Nhứt. Nó rất mau nhiệm. Người bị tà ám ảnh, nếu trọn lòng tin tưởng nên đọc bài kinh Ân Huệ này bốn lần một ngày (như Sáng, Trưa, Chiều và Tối) thì sẽ tỉnh ngay. Còn kẻ chí thành mà đọc đến thì sẽ tiếp được Ân Huệ ngay.

Người có thần nhãn thấy được tư tưởng của bài kinh ấy, nó có những làn hào quang với nhiều màu sắc sáng rực phi thường. Những màu sắc ấy là: màu vàng, màu xanh da trời, màu tím hoa cà và trội hơn hết là màu xanh của điện khí.

Đây là bài cầu nguyện : (Phải học thuộc lòng).

Aum : Cầu xin các Đấng Chơn Sư mà con rất mong mỗi được làm đệ tử, chỉ cho con thấy ánh sáng mà con đang tìm kiếm.

Cầu xin các Ngài lấy Lòng Từ Bi và Đức Minh Triết phù hộ con, cho con có được sự An-Lạc tuyệt vời, không thể tưởng tượng được. Nó đang ngự nơi Tâm của những người sống trong Tâm của Đấng Vô Thủy, Vô Chung, Trường Tồn bất diệt.

Có một năng lực phục sinh vạn vật, nó đang sống và tác động nơi tâm của những kẻ biết rằng: Vạn vật là **Một**.

Cầu xin sự An Lạc đó ở nơi Tâm con.

Cầu xin năng lực đó nâng đỡ con lên cho tới Đấng Duy Nhất được phép ĐIỂM Đạo hiện ra và cho con thấy chói rạng Ngôi Sao của Ngài: “Aum”.

Còn một câu Chơn Ngôn nữa rất hay, có người đọc nó, sau khi bắt ba thẻ: xác, vía, trí yên lặng. Câu kinh đó như vậy:

(bằng Pháp văn)

Aum! Plus radieux que le soleil,

Plus pur que la neige,

Plus subtil que l'éther,

Tel est l'esprit qui se trouve dans mon coeur. Je suis cet Esprit; cet Esprit est moi. (đọc 3 lần).

(bằng Việt ngữ)

Chói hơn Nhứt tinh,

Trong hơn Băng tuyết,

Nhẹ hơn Dĩ thái,

Đó là Chơn Ngã ở giữa lòng tôi,

Tôi là Chơn Ngã. Chơn Ngã là tôi.

THỜI GIAN THAM THIỀN\

Giá trị tham thiền không mấy gì thuộc ở thời gian. Một người kia tham thiền một giờ mà trí óc vồn vơ không bằng kẻ tham thiền 5 phút mà định trí đàng hoàng. Vậy ban đầu ta tập tham thiền chừng 2 phút, sau lên lần tới 5 phút . . . 10 phút . . . 15 phút . . . 20 phút . . . 25 phút . . . 30 phút . . . 1 giờ .

Trong thời gian ngắn ngủi đó mà ráng tham thiền có phương pháp, đúng đắn sẽ đem đến kết quả mỹ mãn.

HẠN CHẾ NGOẠI CẢNH VÀ NỘI TÂM

Người tham thiền cần phải giữ gìn sức khỏe cho được đầy đủ, không nên làm việc quá sức lực, không nên trèo cao, chạy nhảy quá mức, hay làm việc gì tháo động cơ thể - có khả năng làm hơi thở hào hển, và hành giả không giữ được mực quân bình của hơi thở. Hành giả không nên tụng kinh, hay đọc sách lớn tiếng quá, làm hao tổn thần khí.

Chẳng được tranh luận, bàn cãi hơn thua cao thấp, dấy khởi niệm tà, cùng sự buồn giận, thù oán, ganh ghét, tỵ hiềm. Những chuyện ấy đều là chướng đạo.

Vậy để hạn chế ngoại cảnh, điều hòa thể xác, giữ mực quân bình cho nội tâm, không thái quá, không bất cập, hành giả phải lưu ý đến hành vi, tình cảm và lý trí. Thân không cho lười biếng; làm việc gì cũng đừng rảnh quá sức. Tâm không quá lo nghĩ ham muốn và có nhiều vọng ước minh mông. Trí đừng cho loạn tưởng. Hãy bắt nó làm việc để kèm giữ nó cho đúng đường.

SỒ TỨC

Để giữ vững cái Vía và cái Trí khỏi sự loạn vọng và loạn tưởng ta nên làm như thế này:

Bắt đầu nhắm mắt lại, ngồi ngay ngắn và nói rằng:

Tôi hít khí trời tốt vô phổi cho đầy.

Tôi đếm thầm chậm (1 – 2 – 3 – 4 – 5) (hít vô và thở ra 10 lần)

Tôi thở hết khí trời trong phổi ra mà không đếm.

Tôi hít khí trời tốt vô phổi cho đầy.

Tôi đếm thầm lẹ (1 – 2 – 3 – 4 – 5) (hít vô và thở ra 10 lần)

Tôi thở hết khí trời trong phổi ra mà không đếm.

Đến đây, thở như thường. Hơi thở phải chậm chậm, đều đều, đừng hào hển. Khi đếm xong 20 lần hơi thở, trí bắt đầu định lại, tâm thần hòa hườn, êm dịu và sẵn sàng tham thiền.

LỜI DẪN : Phải hít khí trời tốt vào đầy phổi, để đuổi khí trời xấu, rồi đếm chậm từ 1 cho tới 5. Đoạn thở ra cho hết sạch khí trời trong phổi mà không đếm. Đoạn đếm 1. Cứ lập lại như vậy một lần nữa, Đếm 2. Đủ 10 lần như vậy, rồi tập hít vô khí trời tốt cho đầy phổi, rồi đếm lẹ từ 1 cho tới 5, kế thở ra cho hết khí trời xấu mà không đếm. Đếm 1. Cứ lập lại như vậy một lần nữa. Đếm 2. Đủ 10 lần rồi thôi.

ĐỀ PHÒNG : Lúc tham thiền, nếu thấy trong xương sống nóng rần, nhứt là gần xương mông, thì phải ngưng liền. Đó là biểu hiệu luồng hỏa hậu (Kundalini) khởi sự bò lên. Nếu không có Chơn Sư dắt dẫn là đi đến chỗ nguy hiểm. Hễ luồng hỏa hậu đi đến đâu là đốt tánh xấu đến đó. Nếu không ai dắt nó đi trúng đường, nó trở xuống bộ sanh dục, khiến cho con người trở nên dâm đảng cuồng loạn .

Vậy phải ngưng tham thiền ngay đặng sửa tánh xấu. Trong một tuần ngồi nghỉ đó, hành giả bèn khởi sự tham thiền lại. Nếu còn nóng rần, thì hãy dứt luôn, và lo thiết lập tánh tình cho đàng hoàng hơn trước.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

PHẦN THỰC TẬP THAM THIỀN

TỔNG QUÁT

Ta đã nói ở trước: tham thiền ^[1] là một yếu tố đặc biệt trong sự luyện mình và tinh lọc thân, tâm, trí cho tinh khiết. Nó là mục đích của kẻ chí nguyện.

Tham thiền chẳng phải chỉ là một tư thế trí thức. Nó có mục đích đào luyện Hạ trí để trở thành một khí cụ cho Thượng Trí và cho Chơn Nhơn.

Có người tham thiền khó khăn và gặt ít kết quả. Tuy nhiên, nếu ai không tham thiền chút nào, thì Chơn Nhơn khó lòng tìm đặng con đường xuống Phàm ngã để dạy dỗ, bởi vì con đường ấy bị tánh xấu bít lại rồi; Khi Phàm nhơn còn mù mờ, ngờ vực và căng thẳng, thì quyền năng của Chơn Nhơn bị chặn đứng vì những lượng sóng của tình dục.

Bước vào huyền môn, hành giả phải tự quyết dùng mắt của Chơn Nhơn mà nhìn vạn vật, rồi hoạt động theo ý muốn của Chơn Nhơn, chớ chẳng phải theo cái thấy của Phàm nhơn.

Ta cũng đã nói ở trước, muốn có kết quả mỹ mãn, thì ta hãy quên đi thể sự nhơn tình lối 20 phút trước khi khởi sự tham thiền hầu nhớ đến điều thanh cao, tốt đẹp. Điều này rất cần ích, vì tâm hồn sẽ thoát vòng cương tỏa của đời sống tầm thường để hòa mình với Chơn Nhơn.

Điều thứ hai, ta nên đọc những sách tốt, nói về đạo lý nghìn đời, về sự Minh Triết Thiêng Liêng. Đó là để ta dọn mình tham thiền một cách hữu hiệu.

Sau khi đọc xong, ta hãy để chúng nó rơi sáng lại ta, ta hãy tự hỏi coi ta có thêm sự hiểu biết gì về đạo lý không? Nếu ta còn lúng túng, thì ta giở quyển sách ấy lại, để xem cho rõ ràng chỗ nào ta chưa lãnh hội đủ. Sự này làm cho trí óc ta càng thêm rõ rệt.

Nhiều người tham thiền với nhiều đề tài khác nhau. Nơi đây ta không chú giải chúng nó. Tôn chỉ của ta là giải thích cách tham thiền theo những đề tài khác nhau, để giúp những người sơ cơ mà không nguy hiểm.

Có nhiều thứ tham thiền. Ấy là :

- 1/ Tham thiền về đồ vật,
- 2/ Tham thiền để sửa tánh (như tình Bác Ai).
- 3/ Tham thiền về sự an lạc.

^[1] Thật ra, tham thiền thì đem lại kết quả là hành giả phải sống với sự tham thiền, nghĩa là đem ý niệm tham thiền ra áp dụng trong hành vi hằng ngày (Xem đoạn sau)

- 4/ Tham thiền về lòng tôn sùng.
- 5/ Tham thiền để mở Thượng Trí.
- 6/ Tham thiền để mở rộng Tâm Thức.
- 7/ Tham thiền để được tự chủ.
- 8/ Tham thiền để thấu đến Chơn Nhơn.
- 9/ Tham thiền để giữ im lặng.
- 10/ Tham thiền tại tim.
- 11/ Tham thiền để thấu đến Chơn Thân.
- 12/ Tham thiền bằng thần chú.
- 13/ Đại Định. v.v. . . . và v. v. . . .

PHẦN THỰC TẬP

1) Tham thiền về đồ vật:

Một cục đá cuội. Khi tập định trí khá rồi, ta sẽ tập tham thiền về đồ vật. Sự tham thiền cụ thể này rất cần cho những ai chưa thực tập tham thiền.

Ta hãy ngồi kiết dà hay bán dà cho nghiêm chỉnh rồi tham thiền về cục đá cuội từ Vũng Tàu mang về. Ta nhìn kỹ nó rồi ta tự hỏi rằng:

VẤN : Tôi có món gì đây?

ĐÁP : Một cục đá cuội.

VẤN : Hình dáng nó thế nào? Màu sắc làm sao?

ĐÁP : Hình dáng tròn dài. Màu nâu. Có nhiều thứ đá cuội hình dáng tròn, xéo, v.v. . . .

VẤN : Nó nặng hay nhẹ? Cái gì làm thành ra nó?

ĐÁP : Nó nặng. Nó làm bằng chất khoáng thạch. Nếu để nó cheo meo, nó có thể rớt xuống đất và đập ngay vào chơn ta.

VẤN : Có mấy thứ đá cuội.

ĐÁP : Có nhiều thứ, thứ trắng ngà, thứ đỏ, thứ nâu, thứ đen, thứ vàng, thứ vàng pha trắng, pha đen. Có thứ đá cuội lớn, nhỏ, nhỏ tí, hình dáng khác nhau.

VẤN : Do đâu sanh ra đá cuội?

ĐÁP : Do đá trong núi dựa mé biển mưa gió làm lăn ra biển. Nước biển đánh ngày này qua ngày nọ, năm này qua năm kia, làm cho mòn mấy khía nhọn, cục đá hóa ra láng lẩy, trơn lu. Ngày nay sóng biển đánh nó lên bờ, ta lượm để trên bàn viết đây.

VẤN : Đá cuội còn dùng vào đâu?

ĐÁP : Người ta lượm nó dần sách, dần cửa, làm hòn non bộ. Người ta lựa thứ nhỏ, đồng hạng, trét xi măng dính nhau để làm khuôn hình. Có thứ người ta sơn màu rất đẹp.

VẤN : Nếu tôi là cục đá cuội thì thế nào?

(Đoạn này tôi nhắm mắt lại)

ĐÁP : Nếu tôi cảm thấy tâm thức tôi ở trong đá cuội, thì tôi hòa tan trong nó; tôi cảm thấy tôi là đá; tôi hiểu đời sống của đá là thế nào? Nó thực nghiệm làm sao? Nó nóng, lạnh làm sao? Khi ai ném quăng hay đập đánh nó, thì xảy ra điều gì? Tôi thấy tôi là đá, tôi bèn có cảm tình với tất cả cái gì bằng đá. Tôi để ý tới đá. Tôi thương mến đá. Đá rất cần cho đời sống hiện hữu của ta. Nhờ đá, ta làm đường, làm cầu, làm nhà v.v. . . Đá rất ích lợi.

Khi ta đã rán hết sức làm mấy điều đó, thì tôi biết cục đá cuội này nhiều hơn trước; tôi biết giá trị nó đối với các vật khác là thế nào? Tình cảm tôi dồi dào hơn trước.

Sự tham thiền đầy đủ về hình dáng, màu sắc, đặc tánh, công dụng và ích lợi của cục đá cuội này sẽ đưa ta đến sự mỹ lệ thực tế nhiều hơn ta đã biết. Nó còn đưa ta đến nhiều hiểu biết mới lạ, mà trước kia, ta không để ý.

Trong khi tham thiền về đá cuội, ta không nhớ đến những đồ vật khác. Ta cứ tham thiền về những vật cụ thể trong một thời gian một tháng, rồi sau ta sẽ khởi sự tham thiền một cách trừu tượng (nghĩa là không dùng đồ cụ thể).

2/ Tham thiền về con bò cái :

Đây là câu chuyện của Ông Swami Sivananda Sarasvati nói trong quyển “La Pratique de la Méditation” như vậy: “Krishna Charya là một cậu bé ước vọng sự Minh Triết; cậu ở tại Omkârâshrama, trên mé thánh giang Narmada. Một ngày kia, cậu đến gặp Ông Râma Acharya và cầu xin ông dạy về tham thiền. Ông Râma Acharya mới nói rằng: “Ồ con Krishna Acharya ơi, con hãy tham thiền về Đức Krishna lúc Ngài ngồi xếp bằng, tay cầm ống sáo, ở giữa mặt trời trong lòng con. Vậy con hãy đọc câu thần chú của Ngài như vậy: “Aum! Namô Bhagâvato Vâsudevâyâ”. Và cậu Krishna Chaitanya trả lời rằng: “Lạy Sư Phụ, đầu con cứng quá, con không thể nói đặng điều đó. Nó khó quá! Câu Chú đó quả là dài quá. Lạy Sư Phụ, xin Ngài dạy cho con cách khác”.

Ông Râma Acharya bèn nói với cậu rằng: “Hỡi Krishna Chaitanya, con chớ sợ. Ta sẽ dạy con cách tiện hơn. Này, để ý: “Con để cái tượng nhỏ bằng đồng của Đức Krishna trước mặt con. Con ngồi kiết dà, rồi nhìn trân cái tượng đó, chớ không dòm cái chi khác”. Và Krishna Chaitanya trả lời rằng: “Lạy Sư Phụ! Điều đó còn khó nữa! Ngồi kiết dà, con làm không đặng đâu, vì con đau căng, đau bắp vế lắm; và nếu con nhớ đến sự đau đớn của con, con không tham thiền đặng, con không thể chú ý đến Đức Thượng Đế đặng. Con phải ngồi êm và nhìn kỹ từng thành phần của pho tượng, vậy con làm không được đâu. Lạy Sư Phụ, xin Ngài dạy con điều gì dễ hơn”.

Ông Râma Acharya bèn nói với cậu rằng: “Hỡi Chaitanya ơi! Con hãy để trước mặt con tấm hình của cha con bằng cách nào mà con thấy dễ. Đoạn con nhìn vào đó một chập rồi tham thiền” .

Cậu Krishna Chaitanya phản đối rằng : “Lạy Sư Phụ, lạy Đấng che chở của con. Điều này rất khó cho con: bởi vì cha con làm cho con sợ. Cha con là một người đàn ông đáng tôn, người đánh con đau lắm! Chỉ nhớ đến ông là con phát rung lên rồi, hai ống căng con không còn chớ con đặng nữa. Kính lạy Sư Phụ, con cầu xin Sư Phụ chỉ cho con cách tham thiền nào dễ hơn, con sẽ làm theo liền”. Ông Râma Acharya bèn nói rằng: “Này Ớ Krishna, vậy con nói cho ta biết con ưa thích cái gì nhứt?”. Cậu trai trẻ này mới trả lời rằng: “Lạy Sư Phụ! Con có nuôi một con bò cái ở nhà; nó cho con sữa tươi, sữa chua và bơ. Trong đời, con chỉ thương có một mình nó. Con chỉ nghĩ, nhớ đến nó luôn”.

Ông Râma Acharya mới khuyên cậu rằng: “Hỡi Krishna, bây giờ con hãy vô trong phòng này, đóng cửa lại rồi ở trong đó. Con hãy ngồi trong một góc, suy nghĩ và tham thiền về con bò cái của con đi, và con chỉ nhớ một mình nó mà thôi. Vậy, con hãy làm như thế ngay”.

Bây giờ, cậu bé Krishna Chaitanya lấy làm thích thú và hoàn toàn thỏa mãn. Cậu đi vô phòng với một tinh thần vui vẻ và tin cậy. Cậu theo từ chữ lời dặn của Sư Phụ. Cậu tham thiền nồng nhiệt về con bò cái của cậu. Cậu quên ăn, quên ngủ, trong ba ngày liền như vậy. Cậu không còn biết đến xác thân cùng những người xung quanh của cậu. Cậu thâm nhập vào hình thể con bò một cách nồng nàn mãnh liệt. Tới ngày thứ ba, Ông Rama Acharya mới đi nhẹ đến gần phòng, để biết qua trạng thái của Krishna. Ông thấy cậu đắm chìm trong sự tham thiền của cậu. Sư Phụ cậu kêu cậu nhẹ nhàng rằng: “Ồ Krishna! Con cảm thấy thế nào? Vậy con hãy lại đây ăn một chút đi?”. – Lay Sư Phụ, con rất cảm ơn Sư Phụ, con đang tham thiền; và bây giờ con ra khỏi phòng không được nữa: con rất mập, hai cái sừng đã mọc trên trán con, và làm sao con ra được khỏi cái cửa hẹp này? Con rất thương con bò cái của con và con đã trở thành nó rồi!”.

Và Ông Rama Acharya phát giác rằng: Hạ trí của Krishan đã đến mức bất động và cậu có thể thực hành Đại Định được (Contemplation ou Samâdhi).

Ông bèn nói với cậu rằng : “Hỡi Krishna, con không phải là con bò cái. Con hãy đổi đầu đề tham thiền đi. Con hãy quên hình thể con bò ấy đi và phải tham thiền về tinh hoa của nó là “Sat – Chit – Ananda”. Nghĩa là bản tánh chơn thật của nó.

Cậu Krishna Chaitanya thay đổi đầu đề tham thiền theo lời chỉ dạy của Sư Phụ cậu và cậu đoạt được sự hiệp nhất hoàn toàn với Chơn Ngã của cậu. Đó là tôn chỉ của đời sống.

Câu chuyện kể trên đây chỉ cho ta thấy rằng: đề tài tham thiền nào thích hợp nhất với hành giả, thì hạ trí dễ định và tham thiền dễ thành công.

3/ Tham thiền về con mèo :

Tham thiền một đồ vật là sự tham thiền cụ thể; rất thích hợp với người sơ cơ. Tuy nhiên, mỗi một con vật hay một món đồ đều có một điều gì xứng đáng cho ta biết và cho ta cảm thấy mình đồng nhịp với nó. Tỷ như ta tham thiền về con mèo chẳng hạn. Ta nói: “Miu! Miu! lại đây”. Con mèo vá của ta từ từ đến bên ta. Ta để nó nằm xuống, hai mắt vàng của nó ngó ta triều mến.

Ta tự hỏi rồi tự trả lời .

VẤN : Màu sắc thế nào?

ĐÁP : Màu trắng, có vá đen và vàng. Trên đầu có một vá vàng lớn ở trán, hai bên mặt nó có hai cái vá đen nhỏ. Trên lưng nó có một vá vàng, gần đuôi nó có một vá đen và vàng, sau đuôi có một vá đen nhỏ. Bốn cẳng nó trắng, bụng nó trắng.

VẤN : Hình dáng nó thế nào?

ĐÁP : Nó dài, đi thướt tha, Khi cao hứng nó đập đuôi kêu ngao ngao êm dịu. Nó đi thật nhẹ nhàng. Bốn cẳng như lót nhung.

VẤN : Đặc tánh nó?

ĐÁP : Bình thường nó rất dịu dàng và dễ thương. Nhưng khi nó nổi giận, nó giương móng lên, mặt nhăn, râu ngay ra, trong rất dữ tợn và dễ sợ. Người nào mà nó không ưa, lại rờ nó, thì nó cào lẹ liền, giựt tay không lịp, máu phải rướm lên. Nó rất an tĩnh, khi nó rình mồi. Và lúc nó đi coi oai vệ như những nhà quý phái. Lúc nó muốn mình vuốt ve, thì lại cọ sát bên chơn mình hay nhảy vào lòng mình.

Sau khi suy gẫm theo những đường lối trên về con mèo, tôi còn có thêm những câu hỏi về tình cảm của nó trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Và một lần nữa, tôi tự

hòa tan trong con mèo và tắm mình trong tâm thức cùng kinh nghiệm của nó. (Tới đây, tôi nhắm mắt lại). Bây giờ, tôi nếm được sự nhạy cảm, sự xinh đẹp cùng sự an tĩnh và xao động của nó . . . Và bởi tôi đã nhập tâm vào con mèo; tôi biết nó nhiều hơn trước, xuyên qua tình thương. Tôi biết nó đang đói bụng, và đang thêm một ly sữa. Tôi biết nó tính rình một con chim đang đáp xuống sân. Tôi sẽ tập hoạt động một cách khéo léo như con mèo. Tôi sẽ phải cảm biết làm sao rờ rẫm đồ vật, làm sao di chuyển dịu dàng oai vệ và điều hòa như con mèo. Tôi sẽ muốn làm khéo léo nhiều chuyện khác nữa, trong lúc tôi tham thiền về con mèo. Tỷ như trong lúc tôi trèo cây, tôi phải kỹ lưỡng (giữ gìn đừng để té) và nhẹ nhàng, uyển chuyển như con mèo.

Tóm lại, trong lúc tôi tham thiền về một đồ vật hay về con mèo, tôi cảm thấy tình cảm và thể xác của tôi đều tiến bộ; tư tưởng của tôi trở thành quảng đại hơn. Tham thiền một cách cụ thể như thế đó lối một tháng, thì sang qua tham thiền trừu tượng.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM

THAM THIỀN VỀ NHỮNG ĐIỀU TRỪU TƯỢNG

PHẦN THỰC TẬP (Tiếp theo)

THAM THIỀN ĐỂ SỬA TÁNH.

I.- TỔNG QUÁT :

Tham thiền về một đức tánh là một việc làm đơn giản. Trước nhứt, ta hãy cụ thể hóa đức tánh ấy, rồi ta tưởng tượng nó đang linh động. Mỗi một đức tánh vẽ ra nhiều bảng hình (tableaux) rồi so sánh những bảng hình ấy. Ráng tìm dạng cái gì linh hoạt, cái gì chánh đáng của đức tánh mà ta tham thiền. Ta chớ thỏa mãn do những bảng hình của đức tánh vẽ ra, dù chúng nó đang linh hoạt trước mắt ta. Ta hãy ngừng, xem chúng nó trong trạng thái linh động; đoạn ta tự biến hóa ta thành nhơn vật trong bảng hình đó. Ta là nhơn vật chánh của bảng hình; ta bèn suy gẫm và cảm động. Ta thấy ta phải làm sao để giữ vững lập trường của ta nghĩa là một người hiện thân của đức tánh, trong một hoàn cảnh nào. Kế đó, ta tự thấy ta là khán giả hiện thân của đức tánh. Ở mọi hoàn cảnh, khán giả ấy phải làm gì, phải nghĩ gì, phải cảm gì, để thực hiện đức tánh. Ta thấy đức tánh trên được áp dụng một cách mỹ mãn trong nhiều trường hợp khác nhau . Và trong mỗi trường hợp ta thấy ta hoàn toàn thắng cuộc . Ta liền nhớ đến Sư Phụ ta, ta thấy Ngài là hiện thân của đức tánh đó. Tâm của ta nhập vào Tâm của Ngài; và từ đó, ta chói rạng ra, như mặt trời bao trùm thế gian rạng ngời rực rỡ.

Đời sống lý tưởng của ta là linh động điều hòa, trật tự, nhơn ái và hiền lành. Cả mấy đức tánh đó phải cùng đi chung với nhau, và những tội lỗi liên đới với chúng nó là sự biếng nhác, tánh ích kỷ, sự bất công bình và lòng độc ác. Khi có điều chi không

tốt xảy đến, thì hãy tìm một tội trong bốn tội ấy mà thôi. Chính tội ác làm di hại đức tánh. Không có sự ác trong con người; chỉ có sự thiếu đức tánh mà thôi.

Ta nên lưu ý độc giả về điểm này: chẳng phải mục đích của ta là tạo nên một thói quen đức hạnh cho tư tưởng, mà là làm sao đạt được đức hạnh ấy trong đầu óc và tâm hồn của ta, cho đến nỗi nó chìm trong tiềm thức của ta, khi ta quên nó. Như đó, nó đã trở thành “ngẫu sinh” nghĩa là tự nhiên phát sinh không cần đến ý chí của ta điều khiển. Đó cũng giống như sự lưu ý đến xác thân, xuyên qua nhiều cách vận động thích nghi, khiến cho nó có sự cân đối trong bắp thịt, có trật tự, điều hòa trong hơi thở, trong sự ăn, ngủ, nói, đứng, ngồi và đi. Các cơ quan của xác thân đều có trách nhiệm làm cho công việc trôi chảy một cách khéo léo. Cái giá trị chân chánh của sự tham thiền là làm cho ta có thể mong mỏi và nhận lãnh những cảm ứng, thuộc về cõi cao và làm việc một cách khéo léo tại cõi trần. Đó là nhờ ta có một xác thân cường tráng, thanh bai và một trí óc tốt đẹp, mới có thể hoàn tất được.

Đức hạnh có thật với ta là khi nào nó trở thành tiềm thức. Vậy, cốt yếu của sự tham thiền sửa tánh là làm sao cho đức hạnh trở thành tiềm thức. Ta muốn được hiền lành từ bi, bác ái, nhưng khó mà thành như thế được, vì những đức hạnh đó thuộc về Hạ trí, chớ chưa thuộc về Thượng Trí; muốn cho nó thuộc về Thượng Trí, ta phải đem nó ra mà kinh nghiệm để nó hóa thành tiềm thức. Khi những đức tánh quân tử của ta đã hóa ra tiềm thức, thì ta mới là kẻ quân tử thực sự mà thôi.

Vậy ta hãy tham thiền để sửa tánh. Ta nên chọn một tháng, một đức tánh, rồi tập luyện nó trong lúc tham thiền, và đem nó ra mà thực hành trong ngày.

Dưới đây là 12 đức tánh trọng yếu để tham thiền trọn năm. Hành giả muốn lựa tánh tốt nào khác thế vào cũng được,

- 1/ Tháng giêng : Tham thiền về : Lòng Tự tin
- 2/ Tháng Hai : Tham thiền về : Tánh Can đảm
- 3/ Tháng Ba : Tham thiền về : Sự Nhã nhận
- 4/ Tháng Tư : Tham thiền về : Tình Bác Ái
- 5/ Tháng Năm : Tham thiền về : Dạ Từ Bi
- 6/ Tháng Sáu : Tham thiền về : Sự Hy sinh
- 7/ Tháng Bảy : Tham thiền về : Tánh Thanh Khiết
- 8/ Tháng Tám : Tham thiền về : Tánh Thiện Cảm
- 9/ Tháng Chín : Tham thiền về : Tánh Khoan Dung
- 10/ Tháng Mười : Tham thiền về : Lòng Kiên Nhẫn
- 11/ Tháng Mười một : Tham thiền về : Sự Điều Hòa
- 12/ Tháng Mười Hai : Tham thiền về : Sự An Lạc.

Tuy đức tánh có cả trăm, cả ngàn thứ, nhưng nếu ta lựa những đức tánh chánh như Hy sinh, Bác ái và An lạc v.v. . . thì chúng nó bao gồm biết bao là đức tánh phụ như Khoan dung, Lễ độ, Từ ái, Kiên nhẫn, Ôn hòa, Vui vẻ, Từ bi và Thiện Cảm, v.v. . . Ba đức tánh là: Hy sinh, Bác ái và An lạc là trái nghịch với tam độc của nhà Phật là : Tham, Sân, Si.

Tỷ như ta đã lựa xong tánh Bác ái để tham thiền thì ta phải tập trung tư tưởng vào đấy, rồi quan sát nó đủ mọi phương diện: a) Về Lời nói; b) Về Hành vi; c) Về Sự ham muốn, d) Về Tư tưởng. Tức là ta vẽ nhiều bảng hình của Bác ái. Đoạn ta xem coi ta là bác ái hóa thân, thì sẽ xảy ra điều gì lúc ta đi, đứng, nằm, ngồi, cảm, nghĩ v.v. . .

Trong đời sống thường ngày, ta coi đức tánh bác ái ấy có biểu lộ bằng cách nào; nó có ảnh hưởng gì đến lời nói, tư tưởng và việc làm của ta không? Nếu ta có đức tánh đó, một cách toàn vẹn, thì tư cách của ta thế nào, đối với những người xung quanh đây tánh xấu ?

Trong khi tham thiền về tánh bác ái, ta sẽ biểu lộ, thường xuyên, một trạng thái tinh thần chứa chan tình yêu mến vị tha qua lời nói, tư tưởng, cảm xúc và hành động, đối với bất cứ một người nào. Nhờ vậy mà ta tập tánh tốt dần dần. Biết rằng: trọn kiếp ta cũng chưa tập xong một tánh tốt; nhưng nhờ tập, mà tánh xấu từ từ “teo” lại và tánh tốt từ từ nảy nở. Nếu ta không ráng sức đào luyện gì cả, thì tánh xấu tự do mọc lên như cỏ dại, đến đổi chừng ta muốn nhổ, thì bao nhiêu là khó khăn! Bởi luật Trời bắt buộc mỗi người phải đi đến chỗ toàn thiện, nên mỗi người, tự nhiên, phải nhổ cho sạch cỏ xấu của mình.

Tánh xấu cũng như đầu con Giao Long (Hydre). Hễ chặt đầu này thì đầu khác lại mọc lên. Nhơn đó, khi ta bắt tay sửa đổi tánh xấu ra tánh tốt, thì ta phải kiên nhẫn.

Vài tháng tập luyện chí công, ta sẽ thấy kết quả mỹ mãn, và đời sống của ta sẽ bắt đầu thay đổi chiều hướng một cách kỳ diệu. Ta hãy nghe lời bất hủ của nhà triết lý gia Plotin nói như vậy: “Người hãy rút vào nội tâm và nhìn xem. Nếu người chưa tự thấy người đủ lịch lãm, thì hãy làm như nhà điêu khắc đang tiện cho xong hình tượng: y đục chỗ này, đẽo chỗ kia; y vạch mỏng đường này, cạo gọt đường khác, cho tới chừng nào hình tượng trở nên tuyệt mỹ mới thôi. Vậy, người hãy làm giống y như người đó. Người hãy gọt, đẽo cái gì dư, lòi ra, tiện cho hết đường cong; nơi nào còn tối tăm, thì người đưa ánh sáng vào. Chung qui, người hãy làm việc cách nào, mà toàn phần thân thể của người chói lòa mỹ lệ. Người chớ ngưng tay cạo, gọt hình tượng, trước khi nó chưa biểu lộ đặng cái ánh sáng của đức tánh huyền linh và người chưa chắc chiếm được sự hoàn thiện cuối cùng nơi Thánh Điện”.

Tham thiền sửa tánh làm nảy nở đức tốt trong lòng hành giả. Thánh Kinh xưa của Ấn Độ giáo có nói rằng: “Cái gì mà con người suy gẫm, thì con người sẽ trở thành cái đó: vì vậy, người hãy nhớ đến Đức Thượng Đế, để trở thành Ngài”.

Lại nữa, ta thường dùng trí tưởng tượng trong khi tham thiền, đó là điều cần thiết trong đạo pháp Yoga. Nếu ta tưởng tượng mình có tánh tốt nào đó, tức là ta đang đi nửa đường đến sự thực hiện nó. Nếu ta tưởng tượng mình dứt bỏ một tánh xấu nào đó, tức là ta đã thoát ly được phần nửa tánh xấu đó. Trí tưởng tượng, nếu được điều luyện, sẽ trở nên một khí cụ mãnh liệt, giúp con người diệt đặng phần nửa sự khổ não và những tánh xấu.

Bên chánh đạo không dạy cho con người ăn năn, hối tiếc: vì sự làm đó khiến cho con người nhớ đến những sự lỗi lầm của mình, và khuyến khích, nuôi dưỡng chúng nó. Điều này tạo ra một tấm vách ngăn cản các ảnh hưởng thiêng liêng. Tốt hơn là ta nên quên đi những lầm lỗi xưa; đoạn ta định trí nhớ đến các đức tánh đối chiếu với chúng nó. Sự thành công trên đường tinh thần chẳng phải do sự chống chọi mãnh liệt với Phàm nhơn, mà phần lớn là do sự trau dồi đức hạnh, mở rộng dần tầm hiểu biết, và có được sự an lạc trước những điều cao siêu.

Khi con người có đủ sức kinh nghiệm và tiến hóa rồi, thì ân huệ và sự vui vẻ, trước đời sống thiêng liêng, sẽ tràn đầy và tuông rải ra bên ngoài cho những người xung quanh được hưởng. Trước sức mạnh của thần lực thiêng liêng, các tánh xấu sẽ phai mờ. Chúng nó sẽ không còn đủ sức thu hút và hấp dẫn nữa! . . .

Một vị giáo chủ trứ danh có nói rằng: “Cách ăn năn, hối hận tội lỗi của mình hay hơn hết là Tin Cây và Can đảm nhìn thẳng tương lai với đầy quả quyết là đừng tái phạm tội lỗi ấy nữa”.

Vậy muốn không nhiễm tánh xấu, thì đừng tưởng tới nó, đừng nhớ tới nó, đừng nghĩ tới nó, đừng nói tới nó, tức là đừng cho nó nhập vào trí ta. Nếu rui nó nhập vào rồi, thì phải lập tức đuổi nó ra, bằng cách tưởng tới đức tánh đối chiếu với nó. Chỉ có phương pháp này là hay hơn hết để diệt trừ những tánh hư, tật xấu.

Điều cốt yếu là ta phải nhớ rằng: công việc đầu tiên của Chơn Nhơn là chiêm nghiệm đúng đắn và minh xác sự vật. Giá trị của tư tưởng, một phần lớn, là tùy theo cách quan sát kỹ lưỡng ấy. Nếu sự quan sát không được chu đáo, thì mới sai lầm đầu tiên sẽ lôi kéo theo một tràng sai lầm khác không thể sửa đổi dễ dàng được nữa! Đó mới là điều nguy hiểm!

Tóm lại, muốn sửa đổi một tánh xấu ra tánh tốt, thì ta nên xem xét kỹ lưỡng tánh tốt đó, rồi ta tập trung tư tưởng vào, để tìm hiểu các phương diện tự nhiên và bí ẩn của nó. Sự cố gắng của hành giả sẽ giúp y soi sáng, trong tinh thần, cái gì còn u ám. Y sẽ hiểu tinh ý cùng giá trị của nó. Y cũng nên biết vai tuồng của nó trong thiên nhiên và trong sự liên hệ với cuộc tiến hóa cá nhân. Hành giả cũng nên đặt nó trong mọi phương diện. Y ráng tập trung tư tưởng ngày đêm về nó, để biết nó nhiều hơn. Cái đức tánh đó, một khi đã thâm hiểu rồi, phải đem nó ra mà thực hành hằng ngày. Đó là sự tham thiền thực hành. Sự này sẽ dần dần tạo nên một con kinh nói liền Phàm Nhơn và Chơn Nhơn, hầu thần lực thiêng liêng tỏa rải ra. Đức tánh đó liên quan đến quan năng hiểu biết và trực giác. Tỷ như ta chọn “Chơn Lý” là đức tánh tham thiền, ta xem nó dưới mọi hình thức. Lần lần nó phát sinh ra những quan năng tinh thần khác: ta có sự hiểu biết bên trong (bằng Thượng Trí) và sự trực giác. Nhơn đó, ta sẽ không bị một sự ám muội nào lôi cuốn đặng ta.

Nếu hành giả tham thiền về lòng Từ Bi, thì bất cứ lúc nào cũng nên nhậm lệ thừa lấy cơ hội giúp đỡ, tỏ thiện cảm và lòng yêu thương. Bây giờ, ánh sáng Từ Bi sẽ khởi sự chói lòa Phàm ngã cùng rọi sáng đồ vật và những người xung quanh.

Đối với mọi đức tánh, ta đều làm giống như vậy. Tham thiền mà không thực hành, thì không mang đến kết quả gì. Vậy, tham thiền và thực hành phải đi đôi một cách nghiêm chỉnh, ngày này qua ngày kia, tháng này qua tháng nọ; bởi vì không có sự cương quyết ấy, ta làm sao sửa đổi đặng tánh tình, hầu bước lên đường Minh Triết Thiêng Liêng? Và lại, nếu ta không tập được đức hạnh, thì ta sẽ không thể đi đường Chánh Đạo đặng. Và mỗi bước tiến của ta là đưa ta đến gần miệng hố hiểm nguy, khi ta không cố gắng trau mình cho toàn thiện.

PHẦN THỰC TẬP THAM THIỀN (Tiếp theo)

BỐN ĐIỀU CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI THAM THIỀN

*
* * *

Có bốn điều chuẩn bị trước khi tham thiền :

- 1/ Làm cho xác thân thích nghi.
- 2/ Bắt ba hạ thể yên lặng.
- 3/ Làm điều hòa hơi thở : số tức
- 4/ Đọc Thánh ngữ “AUM”

1/ Điều thứ nhất :

Làm cho xác thân thích nghi với sự tham thiền nghĩa là chọn cách ngồi bán dả hay kiết dả (đã chỉ ở trước) rồi diệt trừ các chương ngại. Áo quần phải rộng rãi và sạch sẽ. Tất cả sở chương ngứa ngái và buồn ngủ, nhức tê, mỏi mệt v.v... hãy lãng quên, đừng niệm tưởng,, không lưu ý đến, mà an tâm chú vào đề mục tham thiền đã chọn. Muốn ngăn ngừa mấy chương ngại ấy, thì trước khi tĩnh tọa, hành giả phải vận chuyển điều hòa cơ thể. Nếu sợ con gù bò vào tai, thì lấy bông gòn nhét nhẹ vào, đừng nhét chặt quá lũng bưng lỗ tai, ngồi rất khó chịu. Nếu có chi răng rít, thì nên nói rộng ra, để cơ thể được thoải mái. Chỗ ngồi tham thiền phải cho êm ái, mát mẻ, thanh tịnh và an nhàn.

Lúc tham thiền, ta phải cần quên thân xác, đừng tưởng đến nó mà phải vọng cảnh loạn tâm.

2/ Điều thứ hai : Bắt ba hạ thể yên lặng

Xác thân: Xác thân là khí cụ của linh hồn. Ta bắt nó yên lặng được. Ta tưởng tượng mình là Chơn Nhơn, đứng ngoài xác thân. Rồi nói với nó như vậy: “Hỡi xác thân, mi nên nghe lời ta mà yên lặng, để cho ta làm việc. Ta rất cảm ơn mi.

Đoạn ta nhìn từ hai bàn chơn rồi nói: Hai bàn chơn yên lặng. Hai bắp chuối yên lặng. Hai bắp vế yên lặng. Cái bụng yên lặng. Những cơ quan trong bụng yên lặng. Những cơ quan trong ngực yên lặng (Yên lặng đây có nghĩa là không xáo trộn). Đầu, cổ, mặt đều yên lặng.

Tóm lại, toàn thân, từ ngón chơn đến đỉnh đầu, đều hoàn toàn yên lặng.

Thể Vía: Thể Vía là một cái thể tình cảm. Nó vô hình, nó có màu sắc tốt đẹp hay u tối tùy sự tiến hóa của con người. Nó thâm nhập vào khắp xác thân và lộ ra ngoài lối 3,4 phân: ấy là hào quang cái vía. Hào quang cái vía này rộng hẹp là tùy ở sự tiến hóa của ta.

Đoạn ta tưởng thấy cái vía của ta có những màu sắc tốt đẹp như màu tím hoa cà, màu vàng tươi, màu xanh da trời, màu hường v.v... Đoạn ta dùng ý chí bắt nó yên lặng; tức nhiên tình cảm của nó cũng yên lặng theo.

Ta bắt phần cái vía rút vô xác thân yên lặng. Ta bắt phần cái vía ló ra ngoài xác thân yên lặng. Như vậy, toàn thể cái vía đều yên lặng và tình cảm không còn hoạt động nữa.

Thẻ Trí : Thẻ Trí là cái thẻ của tư tưởng. Nó là cái cầu nối liền Chơn Nhơn với Phàm nhơn. Nó thâm nhập khắp cùng thể xác và thể Vía. Nó còn ló ra ngoài thể Vía 3-4 phân: ấy là hào quang thẻ Trí. Hào quang này hẹp, rộng tùy sự tiến hóa của con người. Màu sắc của nó tựa tựa như màu sắc của thẻ vía, nhưng tốt đẹp hơn nhiều.

Ta dùng ý chí bắt nó yên lặng. Ta nói: ta bắt cái trí rút vô xác thân yên lặng. Ta bắt cái trí ló ra ngoài xác thân yên lặng. Như vậy, toàn thể cái trí đều yên lặng. Như thế, tư tưởng không còn hoạt động nữa.

Tới đây toàn thể Phàm nhơn đều yên lặng .

3/ Điều thứ ba: Làm điều hòa hơi thở: Sở tức

Xin xem bài : sở tức ở trang 153 .

Khi ngồi ngay xương sống rồi, thì hơi thở tự nhiên điều hòa, chậm chạp và rất trật tự. Ngừng thở vô trật tự có hại. Tỷ như muốn ngừng thở, thì phải ngừng giữa lúc phổi đầy khí trời, nghĩa là sau khi hít vô; chớ đừng ngừng thở sau khi thở ra, lúc nửa phổi còn khí trời. Rán sức ngừng thở là điều nguy hiểm.

Sự tập trung tư tưởng tác động đến sự thở. Điều này lưu ý ta rằng: muốn tập trung tư tưởng bằng cách ngừng thở là một điều tai hại và trái nghịch với Trường Râja Yoga .

Theo pháp môn Râja Yoga, người ta ngồi ngay, xếp bằng thường thường dưới đất, để giúp xác thân cân bằng.

4/ Điều thứ tư : Đọc thánh ngữ “AUM”.

Ta đọc Thánh ngữ “AUM” ba lần. Mỗi lần đọc xong, ta tưởng lòng bác ái của ta bao trùm vũ trụ.

Đến đây ta bắt đầu tham thiền.

Người sùng tín có thể tùy ý đọc Kinh Cầu Nguyên này .

Kinh đọc trước khi tham thiền .

KINH CẦU NGUYÊN

Cầu xin cho con biết đặng Đấng Cao Cả ngự trong lòng con và ở ngoài con!

Cầu xin sự Minh Triết vĩnh cửu khai sáng trí huệ con!

Cầu xin Tinh Thần Chơn Lý tinh lọc tâm lòng con!

Cầu xin Định Luật Cao Cả dắt dẫn mọi lời nói, mọi việc làm, mọi tình cảm và mọi tư tưởng của con.

Đọc “AUM” ba lần .

KHỞI SỰ THAM THIỀN

THAM THIỀN VỀ TÌNH BÁC ÁI

Trước khi tham thiền ta hãy thi hành xong “Bốn điều chuẩn bị” ở trước.

Đoạn ta bắt đầu quan sát tánh Bác Ái, và đặt câu hỏi, rồi tự trả lời, một cách chú ý, không xao lãng.

Vấn – Thế nào là Bác Ái?

Đáp : Bác Ái là tình thương vô tư. Nó bao la, vô bờ, vô bến; nó ôm choàng cả đất lẫn trời, và bao trùm vạn vật làm một. Nó thấm nhuần kẻ dữ cũng như người lành. Nó siết chặt vào lòng nó: người khôn cũng như kẻ dại, người đẹp cũng như kẻ xấu, người cao cũng như kẻ thấp. Nó vượt lên chí trời cao, rồi tủa xuống mặt đất . . . Nó lan tràn khắp nơi, khắp chốn. Nó chứa đựng trong lòng nó những tiếng rên than nức nở của người đời, những lời thô bỉ cộc cằn nhất cũng như tiếng êm dịu thiết tha của chúng sanh. Nó gom tất cả sự dữ, lành, sự oán, ghét, điều hung tợn, xấu xa vào lòng nó, rồi nó nhồi nắn lại, đoạn nó rưới vào đó sự sống, để tạo thành ‘Những Nguồn Ân’ mà ban rải cho kẻ trần gian, hầu mọi người đều được an lạc.

Có Bác ái, mới có Từ bi, lòng Nhơn đức và tánh Thiện cảm. Có Bác ái, mới Hy sinh và bỏ đặt lòng Ích kỷ .

Bác Ái tốt đẹp như thế đó, để gì ta có đặt?

Một khi ta nhận định rằng: con người là Điểm Linh Quang của Đức Thượng Đế thì tất cả chúng ta đều có những đức tánh thiêng liêng như Ngài. Tỷ như Ngài là Cây Me, ta là Hột Me. Hột Me, một ngày kia, có đủ điều kiện sinh tồn, sẽ hóa thành cây me. Ngày nay những đức tánh thiêng liêng của ta còn trong trạng thái mầm mống chúng nó đang chờ những điều kiện thuận tiện để nảy nở trong nhiều khía cạnh. Tỷ như :

a/ Bác ái nảy nở ở nội tâm ta bằng sự suy gẫm về tình thương bao la của trời đất đối với con người thật vô biên. Đức Thượng Đế sai khiến các Thiên Thần dìu dắt con người Nhập Thế cho chí lúc Xuất Thế để trở về Nguồn Cội Thiêng Liêng: các Ngài nom theo từng bước một của con người. Các Ngài dùng Định Luật Thiêng Liêng như Luân Hồi và Quả Báo để đưa con người qua Bể Ngạn, hầu đến chốn An Lạc trường tồn. Trời cùng Hệ Thống Thần Minh của Ngài lo từng người như lo đưa con một của mình. Tuy mình thấy bơ vơ, lạc lõng giữa chợ đời, chớ Bàn Tay Vô Hình không bỏ rơi mình bao giờ đâu. Cho chí “cái chơn con bò chết” cũng được Thiên Thần nắn cho! Đó là về phần cụ thể. Còn về phần tinh thần, thì lại được săn sóc kỹ càng, do các bậc giáo chủ, các bậc Đàn Anh của nhân loại, đang hy sanh vì lòng bác ái, để đem chơn lý giúp người trên đường tiến hóa.

b/ Bác Ái nảy nở trong lời nói .

Lời nói là một động lực. Nó có hình dạng, đi kích động những người xung quanh. Ta tập mở rộng tình Bác ái, thì ta phải thốt ra những lời có nhơn, có nghĩa, chứa chan lòng thương yêu vô tư; đừng môi miếng là giả dối.

Vấn : Nếu ta muốn thương một người có sắc diện dữ dằn thì phải làm sao?

Đáp : Đừng nhìn gương mặt họ, mà nhìn vào tâm họ. Tự nhiên ta thấy nó chói sáng (bằng cách tưởng tượng) bởi vì tâm của người nào cũng chói ánh Bô Đề cả. Ta thấy màu vàng Bô Đề của trái tim họ xẹt ra chói ngời như mặt nhật của buổi bình

minh, dịu dàng mà không gay gắt. Ta thấy mặt nhật của y đồng tính với mặt nhật của Tâm ta; ta liền thương mến y ngay. Khi lòng ta rung động, vì tình thương thật sự, thì lời nói của ta sẽ được nhuần bác ái, từ bi.

Vấn : Nếu người ấy có nặng lời với ta, thì ta làm gì?

Đáp : Thì ta cứ nhìn vào trái tim y, và tưởng nó sáng lòa, chứa đầy nhựa sống, đang rần sức tuôn tràn xuyên qua cái lớp bọc tối tăm của các hạ thể y. Bây giờ, ta sẽ thương y và ta sẽ không nở nặng lời lại với y. Ta giữ chữ làm thinh và âm thầm ban rải ân huệ cho y.

c/ Bác Ái nảy nở trong hành vi .

Bác ái thật sự phải biểu lộ bằng hành vi. Nếu Bác ái không đi đôi với hành vi, thì không đem đến kết quả. Nó là thứ Bác ái ngoài đầu môi, chót lưỡi .

Vấn : Mà Hành vi cách nào để tỏ lòng bác ái?

Đáp : Mọi việc làm đều hướng về người, chớ đừng hướng về mình. Hãy để hạnh phúc người trên hạnh phúc mình .

Tỷ như :

a) Ăn uống :-Ta nên nói rằng: ta ăn, uống đây để nuôi dưỡng xác thịt cho tráng kiện, hầu làm việc hữu ích giúp đời. Ta sống đây là nhờ ăn uống.

Vấn : Mà ta sống đây để làm gì?

Đáp : Để báo ân cho những người đã giúp ta khôn lớn và tiến hóa. Dù có người giúp ích ta nhiều như cha mẹ, ông bà v.v..., có người giúp ích ta ít; nhưng gẫm ra, tất cả mọi người dưới thế gian đều có công đối với ta, đối với đời sống tiện nghi và văn hóa của ta. Vậy ta phải tỏ lòng thương yêu, huynh đệ với tất cả bằng những cử chỉ của người quân tử.

b) Lời nói – Lời nói của ta phải chứa chan sự nhơn từ, sự chân thật và lòng từ tâm. Nó còn phải hữu ích nữa. Nếu thiếu một trong bốn đức tánh đó, thì thà ngậm miệng còn hơn.

c) Cử chỉ - Tránh mọi cử chỉ bạo động. Người bác ái bao giờ cũng có những cử chỉ dịu dàng, dễ thương và ôn hòa. Một nụ cười chứa đựng một tình thương; một cái phớt tay nói lên cái thiện cảm và sự chớ che.

d) Hoàn cảnh – Bất cứ trong hoàn cảnh éo le cho thế mấy đi nữa, người bác ái thà chịu thiệt thòi cho mình, hơn làm thiệt thòi cho kẻ khác. Luôn luôn tự rước cái khổ đau về cho mình và để cái sung sướng cho người khác. Những cái khổ đau đó không làm cho người bác ái đau khổ đâu: vì người ấy đã biết luật trời, y lấy cái khổ biến thành cái vui. Y thấy được cái vui bên trong của cái khổ, khiến cho cái khổ mất đi vẻ u buồn của nó.

Vấn : Thường thường người ta lấy tiền làm việc bác ái. Còn tôi không tiền, tôi làm sao cứu giúp người hoạn nạn?

Đáp : Tục ngữ có câu “Một miếng khi đói bằng một gói khi no” ta có ít thì giúp ít; ta có nhiều thì giúp nhiều. Điều quan trọng là ở tấm lòng muốn giúp cùng không. Cách ngôn Pháp có nói rằng: “Vật cho không bằng cách cho”. Vả lại, một cử chỉ nhỏ mọn như khéo mắt, làn môi, nụ cười cũng đủ chứng tỏ cái gì bên trong của mình rồi.

e) Tư tưởng bác ái :

- Cả ngày cứ suy nghĩ về bác ái và cách đem nó ra mà thực hành ngoài đời. Tư tưởng là một động lực mạnh. Chính nó thúc đẩy hành vi.

Khi ta đã quan sát tình bác ái đủ mọi phương diện rồi thì ta ngưng ngay dòng tư tưởng và thấy Sư Phụ ta chứa chan tình Bác Ái bất diệt, còn ta quả là hiện thân của Nó. Lòng Ta và lòng Sư Phụ nhập Một, tình bác ái càng thêm rộng rãi. Nó tỏa rải hồng ân cho mọi người, mọi vật; nó lan tràn ra năm châu, bốn bể, làm sưởi ấm mọi lòng cô đơn hay sung sướng. Ta cảm thấy ta thương tất cả mọi người, dữ lành, ngu dốt, khôn ngoan v.v... cũng đều ở trong lòng ta.

Đoạn ta lắng lặng để Tâm Không, lối 1 – 2 phút cho đức tánh bác ái ấy có đủ thời giờ thấm nhuần tâm ta. (Điều này rất quan trọng).

Xong rồi, ta xả thiền từ từ.

Ta đọc Thánh ngữ AUM rồi ban ân huệ cho thể Trí, thể Vía và thể Xác của ta được khỏe khoắn, chúng nó hoàn toàn vâng lời ta. Đoạn ta từ từ mở mắt

Tham thiền được kết quả là khi nào xong, ta thấy lòng ta nhẹ nhàng, phơi phới; tâm từ ta thêm phần sáng sủa. Con người của ta đã được biến đổi thanh cao hơn.

Khi tham thiền về Đức Bác Ái lâu ngày ta sẽ lần lần mang đến đời sống hàng ngày của ta một trạng thái Bồ Đề khiến cho tâm ta trở nên hiền lương và từ ái. Lại nữa, ta không thể nào chịu làm điều hung ác bao giờ. Đó là kết quả mỹ mãn của sự tham thiền.

Thi rằng :

Hồi gió thoảng, dịu dàng trong đêm lạnh,
Hồi muôn sao nhấp nháy nét yêu kiều,
Vội hoa kia đang xào úa, quạnh hiu,
Người bác ái rủ lòng thương xót lạ.

Dưới nguyệt khuyết, trùng đề ^[1] miền sơn dã,
Những tàu cau, gió thổi xạt xào bay,
Cảm thương ai, đơn chiếc, cảnh lạc loài,
Người bác ái, hai tay, ôm vào dạ.

Dem hơi ảm sưởi lòng trong sương giá,
Mặc cho ai là bạn với tư thù,
Lấy tình thương dứt tất hận ngàn thu,
Khoan khoái bước trong tương lai sáng lạn.

Người bác ái, sống không buồn, không chán,
Vì trần ai không gán đặt cân đai,
Chẳng mơ hồ như những áng mây bay,
Không khóc hận như Tần Nương cung điện.

Người bác ái hòa mình cùng bốn biển,

^[1] Trùng đề là trùng kêu.

Để cùng ai kết chặt mối Tình trong,
Không chia ly xanh, đỏ, trắng, vàng, hồng,
Chỉ có biết một Con Đường Vô Thi.

Người bác ái sống ngoài vòng ích kỷ,
Trong thời gian lại với chốn không gian,
Cứ mãi đưa hồn lên tận Niết Bàn,
Để chan chứa một trời đầy thương mến.

Tóm lại đối với Tình Bác Ái, sự diễn tiến tham thiền là thế. Còn đối với các Đức tánh khác như Tính Can Đảm, Tính Lễ Độ v. v ... , thì sự diễn tiến cũng tương tự như vậy.

2 - THAM THIỀN VỀ SỰ AN LẠC .

Trước khi tham thiền về một đề tài nào, ta cũng phải thi hành theo đúng “Bốn qui tắc chuẩn bị tham thiền” đã nói ở trên.

a) Ta bắt đầu giải nghĩa về sự An Lạc .

Vấn : An Lạc là gì?

Đáp : An Lạc là sự an ổn, là sự yên tĩnh lẫn vui mừng.

Ta rần cảm được an lạc bằng cách nói rằng:

Tôi là sự an lạc.

Sự an lạc là tôi, tôi là sự an lạc,

Sự an lạc bao xung quanh tôi,

Sự an lạc che chở và phù hộ tôi,

Sự an lạc ở trong lòng tôi,

Sự an lạc là của tôi.

(Mỗi câu ngừng 15 giây, để tâm không, cho thấm)

b) Tạo hình ảnh của sự an lạc .

Tập trung tư tưởng để tạo hình ảnh cho thật mạnh. Ta thấy mình ở nhà ra ngoài đường, đang làm việc trong sở hay đang nghỉ ngơi. Ta luôn luôn rải sự an lạc. Hào quang ta chứa tràn sự an lạc. Nó bao trùm mọi người, mọi vật xung quanh ta. Ta thấy, bằng sự tưởng tượng. Sư Phụ của ta là hiện thân của sự An Lạc. Ngài chói sáng hào quang dịu dịu, ban hồng ân cho tràn thế.

Vấn : Nếu tôi ra ngoài đường, ở giữa chợ đời, làm sao tôi giữ được sự an lạc?

Đáp : An Lạc đây là an lạc bên trong.

Nó đến với ta bất cứ lúc nào cũng được. Ta gặp ai, ta cũng lấy sự an lạc riêng của ta mà bao trùm họ, rồi ta thấy họ tràn đầy an lạc, họ phóng ra những tư tưởng an lạc.

Ta thấy tất cả mọi vật đều an lạc, và sự an lạc bao trùm mọi vật.

Ta cứ giữ cái hình ảnh an lạc đó cho mạnh ở trong trí ta, hầu nó có thể tái hiện bất cứ lúc nào.

Vấn : Nếu đứng giữa đám đông, thì ta làm sao?

Đáp : Tưởng tượng mình đứng giữa đám đông, thì thường thường ta thấy mất trật tự. Nhưng ta đừng để ý đến sự mất trật tự đó, mà ta lại bao bọc những người xung quanh ta bằng sự an lạc của ta. Sự an lạc ấy đi xuyên qua họ, biểu lộ ra ngoài bằng tư tưởng, việc làm và lời nói của họ đối với muôn loài xung quanh họ.

Ta tưởng tượng ta được bao bọc bằng sự an lạc ở giữa đám đông. Ta thấy mình đứng yên lặng trong an lạc và hoàn toàn an lạc.

Ta nhớ luôn luôn trong trí cái hình ảnh này; là ta và mọi người đều được bao bọc bằng sự an lạc. Ta thấy sự an lạc chảy dài trên mình ta và trên mình họ. Ta chia sẻ cái gì của ta cho họ.

Tất cả điều này, hành giả phải tưởng tượng, phải cảm biết và phải tri thức mới được. Nó phải được tưởng thấy khắp cùng, phải thấy nó ở trong vạn vật, trong toàn cõi vũ trụ.

Không ai chịu trách nhiệm về lời nói hay việc làm của kẻ khác. Điều mà người ta phải cảm, phải nghĩ, phải thấy là sự an lạc ở trong họ và ở ngoài họ, dù họ biết cùng không. Sự an lạc đó do Trời mà có.

Làm như thế, người ta chuẩn bị cho sự tham thiền về an lạc được dễ dàng hơn: bởi vì nhờ đó, người ta đào luyện sự chú ý đúng đắn và sự định trí về sự an lạc.

KẾ HOẠCH THAM THIỀN VỀ SỰ AN LẠC.

Có một kế hoạch đã vẽ ra để tóm tắt những lời của ông Samana Malinda, người Gia Nã Đại, là kẻ tham thiền trong rừng sâu. Nó rất hữu ích và cần phải theo dõi từng ly, từng tí. Điều cần yếu là đừng xao lãng để chủ định vào một đề tài thôi.

Dưới đây là bài tham thiền khái lược của ông.

1/ - Đọc : AUM MANI PADMÉ HUM ba lần

Nghĩa là : Tôi ở trong lòng Ngài,

Ngài ở trong lòng tôi.

2/ - Nhắm mắt lại. Tập thở 10 lần chậm, 10 lần mau (xem nơi tương sở tức số 153)

Xong rồi thở như thường.

Đoạn nhớ tới tánh an lạc. Nói:

Tôi là sự an lạc

Sự an lạc là tôi

Tôi an toàn trong an lạc

Sự an lạc che chở tôi

Sự an lạc nâng đỡ tôi

Sự an lạc ở trong người tôi

Sự an lạc thuộc về tôi

(Mỗi câu ngừng 15 giây để tưởng cho thấm)

3/ - Nhớ đến sự an lạc cho muôn loài . Nói :

Sự an lạc đến cho mọi loài

Sự an lạc do mọi người tỏa ra

Sự an lạc này thấm nhập trọn cả người tôi

Tôi tràn đầy sự an lạc

Tôi chìm lặng trong an lạc

(Mỗi câu ngừng 15 giây cho thấm)

4/ - Tạo hình ảnh của chính mình tràn đầy an lạc :

- Tại nhà mình có :

a/ Đầy tư tưởng an lạc.

b/ Đầy tình cảm an lạc

c/ Đầy lời nói an lạc

d/ Đầy hành vi an lạc

(Mỗi câu ngừng 15 giây để thấm nhuần sự an lạc)

Ngưng dòng tư tưởng. Để tâm không 15 giây.

- Ở ngoài đường hay ở sở làm :

a/ Có tư tưởng an lạc

b/ Có tình cảm an lạc

c/ Có lời nói an lạc

(Mỗi câu ngừng 15 giây để thấm nhuần sự an lạc)

Ngưng dòng tư tưởng

Để tâm không 15 giây.

5/ Nhớ đến sự an lạc

Nói :

Tôi đã thấu nhập sự an lạc

Tôi đã tràn đầy sự an lạc

Tôi chìm lặng trong an lạc

(Mỗi câu ngừng 15 giây để thấm nhuần sự an lạc)

6/ Nguyện cầu an lạc :

a/ Cho mọi sinh linh

b/ Cho toàn xứ Việt Nam.

c/ Cho khắp năm châu bốn bể!

d/ Túa rải ra từ mọi loài!

7/ Thực hiện An lạc . Nói :

a/ Sự phụ tôi là an lạc

b/ Tôi là an lạc

c/ Sự an lạc bao bọc tôi

d/ Tôi an toàn trong an lạc

e/ Sự an lạc che chở tôi

f/ Sự an lạc nâng đỡ tôi

g/ Sự an lạc ở trong lòng tôi

h/ Sự an lạc này là của trời đất

i/ Túc nhiên nó là của tôi

(Ngừng 15 giây để tâm không)

8/ Xả thiền :

Lấy ý chí của Chơn Ngã ban ân huệ xuống cho thể trí, thể vía, thể xác được hoàn toàn an lạc .

9/ Đọc Thánh Ngữ : “AUM”

3 - THAM THIỀN VỀ SỰ TỰ TÍN

Thực hành xong bốn điều chuẩn bị trước khi tham thiền đã giải ở trên; ta bắt đầu quan sát đức TỰ TÍN. Ta tự hỏi rồi tự trả lời:

Vấn : Đức tự tín là gì?

Đáp : Đức tự tín là một đức tánh rất cần kíp cho kẻ nào đặt chơn trên đường Đạo. Nó là cái đức tự biết mình, tự biết khả năng mình và yếu điểm của mình. Người tự tín có thể biết rõ dĩ vãng và một chút tương lai của mình. Người ấy mạnh dạn bước tới trên đường tiến hóa với sự tin cậy ở Luật Chí Công của Trời đất. Người như thế ấy không bao giờ biết sợ. Người đệ tử sợ sệt, ngờ vực, tuyệt nhiên khó bước vào cửa Đạo. Y sẽ vô cùng thất vọng (dù trong một ngàn kiếp) : vì y không thể thành công đặng. Có câu chơn ngôn rằng: “Phải dám liều mạng sống mới đoạt đặng sự trường sanh”. Sự phong phú tinh thần không thể chiếm đặng mà không có sự quen mình? Nhà đạo sĩ, nếu không tự tín, sẽ không thành công. Nếu ta nhút nhát, không biết lượng sức mình, không thấy rõ luật Trời, thì chuyện chi cũng không dám làm. Người tự tín, còn hơn người can đảm một bậc: là y đã có hiểu biết, đã có kinh nghiệm. Y có được kết quả của việc làm của y và ý chí biết đặng một chút tương lai của y. Y không có gì để ngờ vực cả. Thế, y là người vừa hiểu biết vừa can đảm.

Vấn : Vậy ngờ vực là gì?

Đáp : Ngờ vực là không vững chắc bước đi của mình, lòng hằng lo âu sợ sệt, ngờ trước, ngờ sau. Người đệ tử mất tự tín tự hỏi có Trời không và phương châm hành Đạo của mình có đúng không? Sự thiếu đức tin ấy là một chướng ngại nguy hiểm trên đường tinh thần.

Khi ta có nhiều ngờ vực là bước ta chậm đi. Ngờ vực thuộc về ảo ảnh (Mayaa). Mà ảo ảnh rất có quyền lực và rất bí ẩn. Nó làm cho con người lạc bước và đem đến sự xáo trộn tâm hồn.

Vấn : Nếu người đệ tử bị sự ngờ vực xâm chiếm, mất sự tự tín thì phải làm sao?

Đáp : Hãy đến bên chơn Sư Phụ hay các Bậc Đàn Anh, ngồi trong hào quang của họ một thời gian. Rồi y hỏi họ về sự ngờ vực của y bằng cách đàm thoại. Thường các vị sơ cơ, mới bước chơn vào đường Đạo hay mong đoạt được vài quyền năng tinh thần. Nhưng, điều này sẽ không bao giờ xảy ra cho họ được, hơn đó họ ngã lòng cho đến nỗi họ bỏ luôn việc hành Đạo của họ. Họ tưởng tượng thần lực thiêng liêng ở tận cốt tủy, nơi chót xương sống (Kundalini) sẽ khởi sự đi lên trong vòng sáu tháng công phu, rồi họ có những phép thần thông như: thần nhãn, thiên nhãn, thần nhĩ hoặc bay lên không trung, đi trên mặt nước hay nhiều chuyện dị kỳ khác nữa.

Còn một cách trừ ngờ vực là tinh lọc thể trí. Điều này phải cần có một thời gian khá lâu. Đó là một điều rất khó. Chớ ngã lòng, sau khi luyện tập trong vài tháng hay vài năm.

Vấn : Nếu ta tinh lọc cái trí trong vài tháng, ta sẽ có kết quả gì chẳng.

Đáp : Tự nhiên là có kết quả: Vì đó là Luật Bất Di Bất Dịch của Trời đất. Không có cái chi là mất cả.

Ta không thể phát giác đặng một chút phát triển ở ta, sau vài tháng tập luyện: Vì ta không có đủ sự tinh vi, sự trong sạch.

Vấn : Vậy ta phải làm sao để phát giác ra được cái kết quả này?

Đáp : Ta nên tiếp tục luyện tập cách tham thiền về 12 đức tánh cho tới tột độ. Ta phải tin thật sự hiện diện của Trời trong muôn loài. Ta cần phải tin ở kết quả của sự thực tập tinh thần theo Chơn Sư đã dạy. Muốn biết tất cả điều bí ẩn đó, ta nên đọc sách Đạo Lý tìm hiểu Sự Minh Triết Thiêng Liêng xuyên qua các thời đại (La Sagesse Antique của Bác sĩ Annie Besant) v.v....

Ta phải tự nói một cách nghiêm chỉnh rằng : “Tôi muốn biết được Trời nội trong kiếp này, hay là tôi chết”

Ta phải cương quyết mới phá tan sự ngờ vực được: vì nó là một mối trở ngại lớn lao nhất của kẻ tu hành.

Vấn : Tóm lại, ta phải làm sao để tự tín.

Đáp : Ta phải lân cận với kẻ hiền học chơn lý, học Thông Thiên Học, tập phân biện và lý luận ... Sự ngờ vực luôn luôn nhận chìm người đệ tử. Vậy phải lấy đức Tự Tín đè đầu nó, phải dùng gương trí huệ của sự hiểu biết mà diệt trừ nó, khi nó ngóc cổ lên: bởi vì nó là kẻ thù của ta. Ta hãy lấy tánh phân biện và sự hiểu biết đạo lý mà chống lại nó. Ta chớ lo âu về sự ngờ vực của ta. Mà lo trau tâm, sửa tánh bằng cách tham thiền đều đều và đúng phép. Đó là cách xua đuổi sự ngờ vực hữu hiệu và huyền linh.

Quyển “Dưới Chơn Thầy” có nói rằng: “Con phải có lòng tin cậy Chơn Sư, mà con cũng phải tự tin con nữa. Nếu con thấy Ngài rồi, thì dầu dầu thai mấy kiếp đi nữa, con cũng hết lòng tin cậy Ngài luôn. Như con chưa thấy Ngài, thì ít nữa, con cũng phải tưởng tượng Ngài và hằng tin cậy nơi Ngài, bằng không, Ngài không thể giúp con được đâu. Nếu không hết lòng tin cậy, thì từ ái và thần lực không hề truyền sang qua hết được. Con phải tự tín nữa. Con nói rằng: con biết con lắm, nên con chắc ý con. Nhưng nếu đó là tính tình của con, thì con chưa tự biết con đâu. Con chỉ biết cái vỏ ở ngoài thường vấy bùn lắm, Còn con, thật sự là một Điểm Linh Quang của Đức Thượng Đế.

. . . Đức Thượng Đế pháp lực vô biên ở trong mình con. Vì có đó, nếu con thật có chí khí, thì không có chuyện chi con làm không được”

Đến đây ta thấy ta là sự Tự Tín.

Ta tự nói chậm chậm rằng :

Tôi là sự tự tín.

Sự tự tín bao trùm lấy tôi.

Tôi tự tin ở Sư Phụ tôi,

Tôi tự tin ở Luật Trời,

Tôi chìm lặng trong sự Tự Tín.

(Mỗi câu ngừng 15 giây để cho thấm)

Ngưng dòng tư tưởng một phút để tâm không.

Đoạn thấy ta tự tín ở nơi nhà, ở ngoài đường, ở trong sở . v . v . . .

Ta thấy hào quang tự tín của từ Sư Phụ ta chiếu ra bao trùm lấy ta, để che chở ta. Ta tự thấy ta quả thật là sự tự tín. Nó sẽ giúp ta đi trên đường Đạo.

Niệm Thánh ngữ AUM.

Xả Thiền từ từ.

4 – THAM THIỀN VỀ LÒNG TÔN SÙNG

Lời nói đầu :

Nhiều người có đặc tánh tôn sùng. Họ ưa thích tham thiền về con người lý tưởng hơn là những đức tánh riêng rẽ. Đôi khi họ chọn thần tượng là những Đấng mà người ta tôn thờ như Đức Chúa hay Đức Phật v.v... hoặc một nhân vật lịch sử, có gương mặt hiền từ, phúc hậu. Ở đây, người tôn sùng muốn Thần Tượng của mình có đủ những đức tánh mà mình ưa thích, để cho mình có thể đồng hóa.

Sự tôn thờ thiếu hiểu biết và hăng hái sẽ không mang đến kết quả gì xứng đáng. Sự ích lợi của cách tham thiền đó cũng giống như sự ích lợi của một em bé gái chơi búp bê. Em bé ấy không bao giờ quên rằng: con búp bê là một đồ vật, chứ không phải là một đứa con nít bằng xương, bằng thịt. Tuy nhiên, nếu nó khôn ngoan và hăng hái hơn thì nó đồng hóa với con búp bê, tưởng tượng con búp bê là đứa con nít thật, là đứa con ruột thịt của nó, nó để cho tình cảm người mẹ nảy nở một cách vô tình. Đó là một việc làm hữu ích.

Đối với nhà tôn sùng cũng vậy. Ngày này qua ngày nọ, dòng tư tưởng thanh cao của y đưa đến Đấng mà y tôn thờ; rồi một cơ hội bất ngờ nào đó, y chợt thấy lòng mình dào dạt tình thương cao thượng, trí mình minh mông, vô bờ, vô bến, y bèn thâm hiểu vạn vật một cách đúng đắn và sâu xa hơn. Ấy bởi vì sự tham thiền về lòng tôn sùng đó sẽ đưa tư tưởng ta từ cõi thấp đến cõi cao; từ chốn thâm sâu đến Đấng mà nó tham thiền, đến các Đại Trí Huệ và các Đại Từ Bi.

Biết rằng sự mâu nhiệm và giá trị của phương châm tham thiền về sự tôn sùng, nên người Ấn Độ mới miêu tả một loạt đức tánh của Đấng được tôn thờ đó. Tuy nhiên, điều này cũng nguy hiểm nữa: vì người ta cứ tự do lập đi lập lại những lời đạo đức suông, rồi lâu ngày hóa như cái máy, họ không biểu lộ ra hành vi hằng ngày, hoặc giả không chút gì rung cảm trước chúng nó. Họ chỉ lập đi, lập lại suông những lời hoặc những câu có ý nghĩa kia, không ích lợi gì cả, nó chỉ tạo một sự thôi miên cho lý trí và đạo đức mà thôi. Vậy nên nghiền ngẫm một đức tính nào mà ta biết có ở trong Đấng mà ta tôn thờ, tỷ như đức Bác Ái ta thấy ở trong Đức Phật, đức Hy Sinh ta thấy ở trong Đức Chúa v.v..., rồi ta rán thấy nó biểu lộ trong vạn vật. Ban đầu, ta thấy có một dây câu hỏi liên quan đến đề tài, dùng để kích động tư tưởng. Khi vấn đề đã được rõ rệt và suy gẫm kỹ lưỡng, trong mọi phương diện rồi, thì ta rán thấy nó biểu lộ trong vạn vật. Những câu hỏi ấy như vậy: “Tại sao Đấng được tôn thờ lại có đức tánh đó? Ngài biểu lộ nó dưới thế gian bằng cách nào? Và với ai? Khi nào Ngài biểu lộ nó? v.v...”

Có một bài rất hay nói về sự tôn sùng rút trong sách Ấn Độ mà chúng tôi rán dịch ra đây.

Nhờ trí tưởng tượng, nhà sùng giả có thể rút mình ra khỏi cảnh nghèo đói của căn phòng dơ bẩn đó, tự bao bọc lấy mình bằng một bầu không khí xinh tươi và an tịnh. Bấy giờ y vui vẻ mà tham thiền về thần tượng yêu qui của y.

Bài ấy như thế này :

“Hãy để cho y tìm gặp giữa lòng y một cái bể Cam Lò,

“Trong đó có một cái Cù Lao xinh đẹp chứa chan đầy châu báu.

“Ở nơi đây, cát là vàng chói sáng, và nhấp nhোáng những đồ nữ trang vô giá,

“Có những cây xinh đẹp trồng thành hàng, trở muôn nghìn hoa thơm,

“ Và bên trong Cù Lao, có nhiều bụi cây rậm rạp,
“ Có cây cao, cây thấp, có những dây leo,
“ Tất cả đều tỏa một mùi hương ngào ngạt,
“ Người nào muốn nếm sự êm dịu của đất trời,
“ Thì hãy tưởng tượng, nơi đó, có một cây Thần vô giá,
“ Nó vô cùng xinh đẹp, lòng thông nơi mỗi nhánh những hoa, những trái đủ màu, đủ cỡ, lóng lánh như ngọc kim cương.
“ Người ta dạy rằng: “Hoa biết chết, mà không biết buồn”
“ Trong khi đó con ong kêu vo ve, con tu hú lại gáy.
“ Bấy giờ dưới Bóng Mát của Cây Thần,
“ Một đèn thờ bằng Hồng Ngọc chói lòa,
“ Và kẻ nào tìm sẽ gặp,
“ Trên Ngai cao quý,
“ Đáng mà y tôn thờ quý mến tự thuở nào!
“ Ta hãy để y sống với Ngài,
“ Trong hình dáng đó, với những biểu lộ đó.

Người Thiên Chúa Giáo thường chọn Đức Chúa Jésus làm thần tượng. Người Phật giáo thường chọn Đức Thích Ca làm thần tượng, Ngài ngồi xếp bằng trên tòa sen với muôn sắc hào quang. Người Ấn Độ giáo thì có nhiều hình tượng để lựa chọn như: Shiva và Vísnu, như Parvati, Lakshmi và Savaswati. Người ta thường dùng những biểu tượng (như tượng hay hình) để tham thiền các Đấng này. Tỷ như nhà Đạo sĩ tham thiền liên hệ đến trung tâm cuống họng, thì lại nhớ đến Đức Savaswati. Ngài có màu sắc trắng như tuyết, mặc áo da hổ. Ngài có 5 mặt, mỗi mặt có 3 con mắt. Ngài có 10 bửu bối. Mỗi bửu bối là biểu tượng quyền năng của Ngài, nó tượng trưng bằng mỗi khí cụ như: cây chĩa ba, cây đao, cây gươm, lưới đồng sét, một con rắn, một cái chuông, một cây chĩa, một sóng mũi và một vẫy tay, đánh tan sự sợ sệt. Bên Việt Nam ta cũng có Phật Chuẩn Đề có 18 tay, mỗi tay cầm một bửu bối, mỗi bửu bối là một biểu tượng quyền năng của Ngài.

PHẦN THỰC TẬP

Chọn một Đấng mà ta tôn thờ, như Đấng Chơn Sư KH hay Đức Phật hoặc Đức Chúa v.v... Rồi ta nhớ đến hào quang tốt đẹp của Ngài đang bao trùm ta. Tỷ như hào quang Đức Phật trong hình lễ Vesak thì như vậy (từ trong ra ngoài) màu vàng sậm Bồ Đề, màu trắng xanh có pha tia sáng dợt, màu xanh dợt có pha tia sáng, màu vàng tươi có pha tia sáng, màu hường dợt có pha tia sáng, màu trắng xanh có pha tia sáng, màu cam có pha tia sáng. Ngoài sáu vòng màu đó, còn vô số tia màu khác tỏa ra muôn dặm bao trùm quả địa cầu.

Đoạn ta tưởng tượng hình dáng của Đấng mà ta tôn thờ đó. Để trí cuộn tràn không ngừng về Ngài, Nhơn đó ta nhập tâm vào Ngài. Điều này đánh thức luôn luôn tình cảm thanh bai và vị tha của ta.

Tỷ như Chơn Sư của ta là Đức Đế Quân K.H. Hiện nay còn giữ xác của người Bà La Môn xứ Cachemire. Nhưng sắc mặt cũng sáng rõ như phần đông người Anh Cát Lợi. Tóc của Ngài để phát phơ và đôi mắt màu xanh, đầy tràn sự an lạc và tình bác ái, da của Ngài trắng hồng, tóc và râu của Ngài màu đen dợt lấp lánh ánh vàng khi có mặt

trời chiếu vào. Gương mặt của Ngài khó tả ra cho đúng, vì nét của nó thay đổi liên khi Ngài nở nụ cười. Sóng mũi đẹp đẽ tuyệt diệu, như chạm như trổ. Đôi mắt lớn to, màu trong xanh lạ thường ^[1]

Vấn : Ta thấy Ngài ở đâu?

Đáp : Ta thấy Ngài (ở nơi nào tùy mình muốn) ở tại ngôi vườn kỳ lạ có trăm hoa đua nở, từng lớp, từng bông hoa đủ màu đủ thứ. Có suối chảy, có nước vôi, có cây đủ thứ, với nhánh cây lòng thông những trái bằng trân châu mã não, kim cương, ngọc thạch v.v... Trên hoa có các tiên nữ diễm lệ, dịu dàng nhảy múa giữa tiếng tiêu thiên nhạc trổi. Chơn Sư ngồi trên ghế bằng vàng nạm ngọc ngà đủ thứ thật là đẹp xinh. Hào quang của Ngài dường tượng như hào quang Phật tỏa rải khắp nơi.

Ta quỳ dưới chân Ngài và nói rằng :

Hỡi Đấng quý nhất của lòng tôi mến!
Vội tắt thành, tôi quỳ dưới chơn Ngài,
Để núp con đông tổ cõi trần ai,
Và được tắm trong hào quang linh diệu.

Trước ánh sáng huy hoàng trong muôn điệu
Lòng tôi phẳng lặng như nước hồ thu,
Thấy tâm can, qua những đám sương mù,
Dem chí cả lo tu nền đức hạnh.

Hỡi Đấng Thiêng Liêng, toàn Tri, toàn Thắng!
Ngự ở lòng tôi cùng với muôn loài,
Đượm vẻ Xuân, huyền diệu mãi không phai,
Cho sắc đẹp càng thêm tươi thắm lạ.

Người nói với tôi: “Ngài trên tất cả!”
Và dẹt ra huyền ảo, nét mơ tiên,
Trong thánh kinh cùng đỉnh, miếu chùa chiền,
Để nhơn loại hình dung hồn tạo vật.

Nhưng ôi hỡi! Hình kia nào có thật,
Mãi đổi thay như dòng nước, áng mây,
Như bóng trắng, rọi khắp Đông Tây,
Buông rèm ngọc, ẩn mình sau kẻ lá.

^[1] Tiền kiếp của Ngài là Đức Pythagore. Hồi lấy xác Pythagore, thì Ngài mới được chứng quả La Hán mà thôi. Bỏ xác phàm, Ngài đầu thai lại lần chót lấy xác của người Bà La Môn tên là Kouthoumi ở xứ Cachemire. Kiếp ấy Ngài được thành Tiên, và vẫn giữ xác đó cho đến ngày nay. Ngài chứng quả Đế Quân, xác phàm vẫn như thế mãi không già. Tác Ngài luôn luôn độ 45 tuổi.

Trong vài thế kỷ, Ngài sẽ kế vị Đức Bồ Tát Di Lặc, sẽ cầm cây Pháp Lệnh và sẽ lãnh nhiệm vụ Chương Giáo Thế Gian với chức Bồ Tát của giống dân chánh thứ sáu.

(Trích trong quyển “Les Maitres et le Sentier” : Les corps physiques de Maitres)

Ôi ! Ngài hỡi! Tôi tìm Ngài đâu tá?
Có phải chẳng đào xới tận thâm tâm?
Rút bỏ đi, những tật xấu lỗi lầm,
Cho đục tánh lạnh chìm trong cõi tịnh!

Chỉ những lúc hồn tôi đầy tươi tỉnh,
Như trăm hoa hương sắc nét thanh kỳ,
Lòng không vương mối hận, sầu, đấm, si,
Thì mới cảm động tình Ngài vô bến!

Hỡi Đáng quý nhất của lòng tôi mến,
Vội tắt thành, tôi quì dưới chơn Ngài,
Để núp cơn đông tố cõi trần ai,
Và được tắm trong hào quang Linh Diệu!

Vấn : Làm sao hồn bé bỏng của tôi cảm động Hồn Ngài?

Đáp Tôi thấy tôi nằm trong lòng Ngài và Ngài ngự ở lòng tôi. Aum Mani Padmé Hum! Hai chúng tôi tuy hai mà một. Bồ Đề của Ngài là Bồ Đề của tôi. Minh Triết của Ngài là Minh Triết của tôi. Ý chí Thiêng liêng của Ngài là ý chí của tôi. Ngài muốn gì là tôi muốn nấy. Tôi nghe hơi thở của tôi cũng như tôi nghe hơi thở của Ngài. Tóm lại, Ngài choán trọn thân hình bé bỏng của tôi từ đầu chí chơn. Tôi thấy bằng cái thấy của Ngài, tôi nghe bằng cái nghe của Ngài; tôi nghĩ bằng cái nghĩ của Ngài, tôi rõ bằng cái rõ của Ngài !

Vấn : Ngài muốn gì?

Đáp : Ngài muốn tôi quên mình độ chúng, lấy từ tâm mà làm tấm bia che chở chúng sanh: vì lòng của Ngài chứa đầy bác ái. Nó ôm choàng vạn vật vào lòng nó. Ngài đã lấy lòng từ bi mà thương tôi, tôi cũng lấy lòng từ bi mà thương người. Ngài đã cho tôi tình thương bao la như bể cả , thì tôi cũng phải lấy tình thương đó mà che chở chúng sanh, thương yêu tất cả mọi người dù là ngu dốt hay khôn ngoan, giàu sang hay nghèo đói, hung dữ hay thánh hiền, xấu xa hay lịch lãm, dù người ấy là kẻ thù của tôi muôn thuở. Tình thương vô tư của ta chiếu rạng ngời như mặt nhật; nhờ lòng bác ái của Sư Phụ giúp cho nó dang ra xa, xa mãi mãi cho đến đổi nó bao trùm cả vũ trụ, nó đi từ kim thạch, thảo mộc, thú cầm cho chí con người. Nó thương yêu và răn giúp đỡ mọi sinh linh. Lòng Từ Bi của tôi luôn luôn rộng mở để đón tiếp một sinh linh nào! . . .

Sự Minh Triết của tôi được sự Minh Triết của Sư Phụ giúp sức nên càng rạng rỡ, tuyệt vời. Nó hiểu tất cả và biết tất cả. Nó hiểu từ con vi trùng li ti cho chí Đại Tinh Cầu trong vũ trụ. Nó hiểu từng hạt bụi phát phơ trong làn gió cho chí dây Ngân Hà trong không gian. Nó hiểu hết: là vì nó không bị cánh trần vương vẩn, không bị hạ trí buộc ràng. Nó như đôi cánh cứng rắn của con chim Đại bàng bay xuyên qua chín tầng mây bạc. Nó là Thượng Trí! Nó đã phá vỡ chiếc cầu Huyền Linh Antahkarana (để nối Chơn Nhơn với Phàm nhơn) để mang trực giác đến cho loài người.

Ý chí thiêng liêng của Sư Phụ giúp cho ý chí của ta được thêm dũng mãnh. Nó giúp ta càng ngày càng cường tráng và can đảm hơn để thi hành nhiệm vụ của Ngài giao phó.

Vấn : Ngài giao phó gì?

Đáp : Ngài giao phó cho ta Hội Thông Thiên Học là một công trình vĩ đại của Ngài ở thế gian. Tuy Ngài đã có nhiều người phụng sự một cách vô tư cho Hội ấy, nhưng còn ta, ta phải góp công vào vì ta là một phần tử tốt trong võ trụ. Hội Thông Thiên Học chỉ rõ cơ trời, gom toàn cả sinh linh vào vòng huynh đệ. Nó còn chỉ cho các hội viên cách đến Đài Minh Triết Thiêng Liêng. Nay ta gọi là ta thương Ngài, thì công việc của Ngài là công việc của ta. Ta phải thay tay Ngài mà thực hiện Thiên Cơ dưới thế gian.

Vấn : Tôi làm gì được với bàn tay Phàm ngã yếu mềm của tôi?

Đáp : Đừng quên rằng: ta là con Đức Thượng Đế và là một vị Thượng Đế ở tương lai: Hễ ta có ý chí tốt, thì ta sẽ thành công. Ban đầu ta thành công nhỏ, sau ta thành công lớn. Ta hãy rán làm theo ý Trời, thì Trời sẽ giúp ta. Khi Ba Ngôi “Atmā, Bouddhi, Manas” của Ngài đã linh hoạt trong ta, thì hào quang của ta sẽ diệu viển. Ta thấy lòng ta nhẹ nhàng, phơi phới, ta rạng ngời như ánh sáng lúc bình minh, sẵn sàng làm việc và thương yêu. Đoạn ta thấy ta thăng lên cao hơn cõi Niết Bàn để nhập với Chơn Thần. Từ đây ta càng chiếu diệu lâu lâu hơn nữa. Hào quang ta muôn sắc tựa như hào quang của Phật (đã nói ở trước) .

(Tới đây ta ngừng hai phút, để tâm không cho thám)

Đoạn ta trở xuống ban ân huệ cho Chơn Nhơn, ban ân huệ cho cái trí, cái vía và cái xác. Cầu chúc cho ba hạ thể được cường tráng và tinh anh hơn trước.

Ta thấy cái trí ta lấp lánh hào quang. Nó định lại và đang chủ trị cái vía. Lúc bấy giờ, cái vía của ta rạng rỡ, màu sắc phân minh và điều hòa, sẵn sàng hy sinh, từ bi và bác ái.

Dưới hồng ân của Chơn Nhơn, cái xác ta thêm cường tráng, trăm bệnh đều tiêu trừ, sức khỏe dồi dào, sẵn sàng phụng sự cho bất cứ việc nào hữu ích cho thế gian. Ta lâu lâu là một vị Chơn Nhơn đầy đủ uy lực.

(Để tâm không một phút)

Đến đây ta đọc Thánh Ngữ “AUM” .

Đoạn ta xả thiền từ từ .

THAM THIÊN ĐỂ MỞ THƯỢNG TRÍ

Sau khi thực hành xong bốn điểm chuẩn bị tham thiên, ta để tâm không hai phút. Không tưởng tới cái chi cả. Hễ có tư tưởng nào vô trí, thì lập tức đuổi ra ngay. Đoạn ta thấy mình nhẹ nhàng, an lạc trong cảnh tịnh tuyệt vời. Ấy là cảnh Thượng trí (là cảnh Thượng Thiên) lấp lánh hào quang muôn sắc, thay đổi liên liên.

Thấy mình quì gối trước Đấng mà mình tôn sùng. Hào quang muôn sắc của Sư phụ bao khắp con người của mình. Hào quang chói sáng tốt đẹp của mình nhập một với hào quang rực rỡ của Ngài. Ngài để tay trên đầu mình với nụ cười khả ái. Mình thấy từ tâm của Ngài phóng ra một luồng ánh sáng chói rực, đi thẳng tới tâm mình làm thành một con kinh linh diệu, bên trong nó có một luồng sống (un courant de vie), từ trên các cõi cao như Niết Bàn và Bồ Đề, tuôn xuống ào ào, nhập một với sự sống ở tâm mình làm thành một mãnh lực vô biên; mãnh lực này sẽ là một Nguồn Ân cho nhơn loại, nó bắt nguồn từ cõi Niết Bàn tuôn xuống Hồng Trần.

Tâm của Sư Phụ và của mình nối liền với nhau và cùng chung một nhịp. Luồng ánh sáng đi từ tâm Sư Phụ đến tâm mình có ba tia sáng đặc biệt; chúng nó thuộc về Ba Ngôi . Ấy là “Atma - Bouddhi – Manas” .

Tia Atma thuộc về ý chí thiêng liêng. Nó đi xuyên qua tâm mình, khiến mình càng vững mạnh trên đường tinh thần. Cái ý chí thiêng liêng tạo tác này ở trong tâm mình, giúp mình tạo tác và xây dựng vị tha, mà còn xẹt ra khỏi xác thân để giúp những người xung quanh mình mở ý chí tạo tác vị tha. Nó nâng đỡ ý chí của mình trên đường tinh thần diệu viển.

TIA SÁNG BOUDDHI HAY BỒ ĐỀ :

Nó thuộc về Bồ Đề Tâm. Mục đích của nó là mở lòng Bác Ái của mình. Mình thấy nó xẹt ra khỏi tâm mình rồi bao trùm những người gần, xa mình, những người ở trong nhà với mình, ở cùng xóm giềng mình, đô thị mình, xứ mình, các quốc gia lân cận và khắp bầu thế giới. Nó đem tình thương áp ủ những kẻ khốn nàn hay tội lỗi, nó cũng vuốt ve những người phúc lạc và khuyên họ chia sẻ niềm vui cho kẻ cô đơn bạc phước. Nó bao trùm muôn loài vạn vật trên trái đất này .

TIA SÁNG MANAS :

Nó thuộc về Thượng Trí. Nó khiến cho Hạ Trí yên lặng lại và để một mình Thượng Trí hoạt động mà thôi. Nhờ tia sáng Minh Triết của Sư Phụ mà sự Minh Triết của mình tăng trưởng lạ kỳ. Nó làm cho mình thấy đặng vạn vật duy nhất, người và Trời là một, con Đường Đạo huy hoàng cùng những cõi hữu hình và vô hình. Nó giúp mình thấy đặng những định luật Thiêng Liêng, những nguyên nhân và cội rễ của Luân Hồi và Quả Báo. Nó cũng cho ta biết, bao giờ những định luật này chấm dứt.

Rán tưởng tượng thấy luồng ánh sáng nối liền tâm Sư Phụ mình với tâm mình càng lúc càng tươi tốt thêm lên, càng rộng lớn thêm lên.

(Đoạn để tâm trống không trong 2 phút).

Nguyên làm tay sai cho Sư Phụ để phụng sự cơ trời.

Cầu nguyện cho bá tánh được, an cư, lạc nghiệp, thấy luật Trời và thuận với lòng Trời. Cầu nguyện cho nước Việt Nam yêu mến mau được Thái Bình, nhơn dân Hạnh Phúc. Đọc AUM và đọc Aum Mani Padmé Hum (đọc Aum kéo dài, Hum kéo dài). Đoạn xả thiền từ từ . . .

5- THAM THIỀN ĐỂ MỞ RỘNG TÂM THỨC :

LỜI NÓI ĐẦU : Người học Đạo phải tìm cách nâng cao tư tưởng, ưa ngắm nhìn những cảnh thiên nhiên hùng vĩ bao la của vũ trụ, như: lúc trăng lên, khi mặt trời mọc, lúc mặt trời lặn. Y thường trông mây bay giữa vòm trời trong xanh như đúc bằng ngọc thạch. Y thích ngồi giữa cảnh bể rừng, nơi sườn núi với lưng đèo, để tìm lại thanh bình trong vũ trụ. Y lắng lắng hòa mình cùng thiên nhiên, và cảm thấy bên trong của từ nguyên tử li ti cho đến đại tinh cầu trong không gian vô tận. Tất cả đều có ẩn tàng một sức mạnh thiên nhiên bất di, bất dịch. Y biết đặng sự huy hoàng của cõi hồng trần với

muôn loài vạn vật đang linh động và đang tiến hóa ngày đêm, không ngừng, không nghỉ.

Người học đạo thành tâm, đem ý nguyện cao thượng và tư tưởng thanh bai lên các cõi trên, cho đến tận Đức Ngọc Đế, đoạn tượng tượng vũ trụ nằm trong Tâm Thức của Ngài. Nhờ sự sống của Ngài mà vạn vật mới linh động và tiến hóa.

PHẦN THỰC TẬP

Thực hành “bốn điểm chuẩn bị tham thiền” xong, hành giả bắt đầu:

1/- Đem tư tưởng hướng đến Quân Tiên Hội hay Đại Đoàn Chương Giáo (Gouvernement intérieur) là các Đấng Cao Cả cai trị một cách vô hình. Các Ngài cùng hệ thống thần linh của các Ngài luôn luôn ở gần chúng ta, để giúp chúng ta mau tiến hóa.

2/- Đề tâm của ta nhập vào Tâm của các Ngài, cũng như Tâm của các Ngài nhập vào Tâm của Đức Thượng Đế vậy.

3/- Tượng tượng hào quang của mình (màu sắc giống như màu sắc hào quang của Đức Phật đã nói ở trước), cứ dần dần mở rộng ra mãi. Tượng tượng nó nối liền với hào quang các vị đệ tử Chơn Sư và Chơn Sư, rồi bao trùm muôn loài vạn vật dưới trần gian.

4/- Nâng cao tư tưởng lên nữa, lên nữa cho chí Đức Ngọc Đế. Hào quang của Ngài bao trùm quả địa cầu trong đó có ta.

5/- Đoạn tượng thấy mỗi hành vi, mỗi nguyện vọng, mỗi tư tưởng của ta đều thuộc về Ngài. Trí nhớ của ta cũng thuộc về trí nhớ của Ngài.

6/- Lúc đó, ta có thể tượng đến vài đức tánh nào mà ta xem như biểu hiện của Đức Thượng Đế trong vũ trụ của Ngài, tỷ như sự Công Bình, sự Mỹ Lệ và Lòng Bác Ái là những đức tánh thiêng liêng.

Sự công bình của Đức Thượng Đế biểu lộ trong những Luật Bất di, Bất dịch của Hóa Công, như luật bảo tồn năng lực, luật phản ứng, luật tương đối, luật điều hòa, luật cảm ứng, v.v... Ta tưởng đến sự Công Bình của Luật Nhơn Quả. Ta biết đó là những kết quả không thể tránh được, bởi những hành vi, những ham muốn cùng những tư tưởng do mình tạo ra. Ta tưởng đến mối liên hệ Nhơn Quả đã lôi cuốn ta xuống cõi trần, để trả vay, vay trả không thôi.

7/- Kế đó, ta tưởng đến sự Mỹ lệ thiên nhiên của Tạo Hóa. Ngài làm cho mùa xuân trăm hoa đua nở, cây cỏ xinh tươi. Ngài sắp đặt cho các ngôi tinh tú vận chuyển trên không trung một cách tuyệt mỹ phi thường. Ngài sanh hóa đủ hạng người, nắn đúc những mỹ nhân “nước đổ nghiêng thành”. Ngài tạo ra bao nhiêu loại phi cầm, thảo thú, côn trùng, thảo mộc và kim thạch. Mỗi thứ có nhiều loại đặc biệt, xem không mỏi mắt. Tại Hải ngư học viện Nha Trang, ta thấy có nhiều thứ cá xinh đẹp phi thường, khiến cho người hướng đạo du khách phải buộc miệng la lên rằng : “Ôi! Trời! Con cá này, tôi xem nó cả trăm lần rồi, mà tôi mãi còn mê nó”. Quả thật, con cá tuyệt đẹp. Nó bằng một ngón tay, mà hình như cả một bầu trời mỹ lệ đều gom vào nó! . . . Minh xanh, đuôi trắng như thế, có lấm tấm những nốt xanh, nó lội đi như tiên nữ múa nghệ thường. Đầu miệng nó có viền một lần đỏ. Mắt nó thật là khéo vẽ : có viền một lần xanh như lông mi. Minh nó điểm nốt đỏ nho nhỏ. Cái đẹp của nó không bút mực phàm nào tả cho nổi!

Tạo hóa là mỹ lệ, Ngài đã khéo đem sự mỹ lệ để vào tất cả mọi loài, tỷ như con sâu, cái kiến. Ta đã thấy có một con sâu đẹp để phi thường. Ta hãy xem muôn thứ bướm, mỗi con có vẻ đẹp riêng của nó, nhìn hoài không chán. Ôi! sự mỹ lệ của Hóa công nói sao cho cùng.

8/- Rồi ta tưởng đến lòng Đại Từ, Đại Bi của Đức Thượng Đế thật là vô tận. Ngài thương yêu tất cả muôn loài, vạn vật. Tình thương của Ngài bao quát cả càn khôn vũ trụ. Vì lòng Bác Ái vô tận, Ngài biểu lộ để lập thành vũ trụ, và hóa sinh hằng hà sa số hình hài khác nhau. Mỗi hình hài ấy, dù cực nhỏ như siêu vi trùng, như vi trùng cũng đều có Điểm Linh Quang của Ngài. Ngài còn lo bảo tồn dạy dỗ một cách thiết tha, từ ái cho chúng nó tiến hóa đến bậc tận thiện, tận mỹ, hầu có thể nhập vào Đời Sống thiêng liêng duy nhất của Ngài: vì ngài là tất cả và tất cả là Ngài.

9/- Đoạn ta đem tư tưởng ban ân huệ cho trần gian rồi đọc Thánh ngữ AUM.

10/- Từ từ xả thiền.

6- THAM THIỀN ĐỂ ĐƯỢC TỰ CHỦ

Ta cũng thực hành “Bốn điều chuẩn bị tham thiền” xong, ta mới bắt đầu.

1.- Xem xét xác thân rồi nói rằng: “Ta là Chơn Nhơn trường tồn, bất diệt. Ta là con Đức Thượng Đế. Ta vô cùng trong sạch. Nhưng ta phải nương nhờ cái xác thân thô kịch này để học hỏi và kinh nghiệm ở cõi trần. Ta phải dinh dưỡng nó một cách tinh khiết. Thức ăn vật uống phải cho thanh bai. Ta không nên ăn những sinh vật bò, bay, máy, cựa. Ta không nên uống rượu, hút thuốc, ăn trầu và hút ma túy. Ta đừng thức khuya làm hao tổn thần lực. Ta phải săn sóc nó cho tráng kiện, giữ đúng phép vệ sinh, hầu có thể dùng nó lâu dài. Ta săn sóc xác thân cũng như ta săn sóc một con ngựa của ta cỡi, để đi đường xa vậy. Ta nuôi nó để giúp đỡ ta, chớ chẳng phải để ta làm nô lệ nó, chịu theo ý muốn bất thường của nó. Xác thân chỉ là cái áo của ta mặc trong lúc ta ở cõi trần. Khi ta từ giả cõi đời, ta bỏ nó lại, nó sẽ tiêu ra tro bụi.

Mỗi kiếp Luân Hồi, ta dùng một cái xác mới, lúc là nam, khi là nữ, chẳng khác nào ta thay cái áo cũ, rách bằng một cái áo mới, thích hợp với sự tiến hóa của ta. Khi xem xét xác thân rồi, ta để qua một bên.

2.- Ta đem tâm ta nhập vô thể vía của ta. Thể vía nhập vô xác thân và lộ ra ngoài xác thân một chút. Nó là cái thể tình cảm và ham muốn. Nó liên quan với thể Bò Đề đầy Bác Ái. Nó ưa những việc quấy quá và ích kỷ. Ta hãy nói với nó như vậy: “Xưa kia mi cần phải ích kỷ, giận hờn, gây gổ, tham lam, sân hận để tiến hóa. Bây giờ ta là chủ mi. Ta ra lệnh cho mi phải hiền hòa, từ bi, bác ái, hy sinh, vui vẻ, an lạc và thái bình. Ta buộc mi phải thuận cơ trời. Ta ra lệnh mi phải tuân theo; vì mi là cái khí cụ để cho ta dùng. Vậy, từ đây mi phải lễ độ, nhơn từ, mền Đạo, biết hy sinh và phải có thiện cảm với tất cả mọi người.

3.- Khi xem xét thể vía xong rồi, ta để nó qua một bên, và đem tâm chú vào thể trí là một cái thể nhập vào xác thịt và thể vía mà còn lộ ra khỏi thể vía một chút. Ta biết cái trí hay lao chao, thích sang từ vấn đề này đến vấn đề khác. Nó khó cảm khó giữ. Nó như gió. Nhưng nơi đây ta là chủ, ta lấy quyền người chủ mà bắt nó phải theo tư tưởng cao thượng của ta. Ta tập nó phải định. Ta tập nó vô tư và cứ mãi nghe lời ta dạy.

4.- Xong rồi, ta cũng để cái Hạ trí qua một bên và nhập vào Thượng Trí tại cõi Thượng Thiên. Nơi đây, ta nói rằng: “ Ta là Chơn Nhơn, là con người thiêng liêng. Ba hạ thể xác, vía, trí là Phàm nhơn, là những lớp y phục của ta mặc. Chúng nó là khí cụ cho Chơn Nhơn dùng để hoạt động trong ba cõi dưới là Phàm trần, Trung giới và Hạ Thiên đó thôi. Ta là chủ của chúng nó, chúng nó phải nghe lời ta dạy.

5.- Bây giờ ta thấy ta là Chơn Nhơn, hào quang ta tựa như hào quang của Phật bao trùm khắp nơi khắp chốn, ban rải hồng ân cho mọi người. Ta thật là an lạc và thanh tịnh. Ta vô cùng tốt đẹp không thể tả.

6.- Ngưng dòng tư tưởng trong 2 phút. Để tâm không, chẳng tưởng gì cả, ể tư tưởng nào khác vô ta, thì ta lập tức đuổi ngay ra.

7.- Bây giờ, ta tưởng mình trở về ba hạ giới. Ta thấy ta nhập vào Hạ trí. Ta tưởng tượng nó tốt đẹp hơn trước. Nó tựa hào quang tươi sáng hơn trước. Ta ban rải hồng ân cho nó, để nó được thanh tịnh, ổn định, từ tốn và an lạc .

8.- Ta bèn nhập vào cái vía . Ta tưởng tượng thần lực của cái vía phóng ra tứ phía. Lòng từ bi, bác ái của ta lan tràn ra như nước bể, bao la vô tận! Nó đi tới đâu làm cho người nở nụ cười tới đó.

9.- Đoạn ta nhập vào xác thân, ta tưởng tượng nó khỏe mạnh, thanh khiết, và cường tráng. Nó là khí cụ đắc lực, giúp ta làm tròn mục đích con người dưới thế gian. Từ đây, ta hoàn toàn làm chủ ba hạ thể của ta.

10.- Đọc Thánh ngữ AUM .

11.- Xả thiền từ từ .

7.- THAM THIỀN ĐỂ THẤU ĐẾN CHƠN NHƠN

Sau khi thực hành xong “Bốn điều chuẩn bị tham thiền” rồi ta khởi sự :

1/- Dòm mỗi thành phần của xác thân, rồi nói: “Mấy ngón chơn của tôi hoàn toàn im lặng . Hai bàn chơn tôi, hai mắt cá tôi hoàn toàn im lặng. Hai ống chơn của tôi, hai đầu gối của tôi hoàn toàn im lặng, hoàn toàn thoải mái, Hai cái đùi của tôi hoàn toàn im lặng. Dạ dưới và bụng của tôi an ổn, thoải mái, điều hòa và im lặng. Ngực cổ của tôi cũng hoàn toàn im lặng. Hai cánh tay trong, hai cùi chỏ và hai cánh tay ngoài, cùng hai bàn tay của tôi hoàn toàn im lặng. Đầu của tôi cũng hoàn toàn thoải mái, điều hòa và im lặng . . .

Khi trọn cả xác thân ta đã hoàn toàn im lặng rồi, thì ta mới nói với nó rằng: “Ta là Chơn Nhơn trường tồn bất diệt, ta là chủ của mi. Ta có bổn phận giữ gìn mi mạnh khỏe, tinh khiết. Ta không cho mi thỏa lòng tham muốn của mi như: đòi đi chơi, ăn uống vô độ, dùng nhục thực không vệ sinh và trái với luật Trời . Kể từ hôm nay, ta bắt mi ăn chay, bỏ rượu thịt và hút thuốc. Hôm nay, mi phải qui phục ta như là chủ mi, còn mi là tớ vẫn là tớ .

2/- Định trí vào cái vía .

Đem tâm thức để vào cái vía bằng sự tưởng tượng. Cái vía nằm trọn trong xác thân mà còn lộ ra ngoài nữa. Màu sắc nó rực rỡ sáng chói: có năm màu nổi bật là màu vàng, màu tím, màu xanh hoa cà, màu hường dợt và màu xanh lá cây^[1] . Ta nói với nó

^[1] Có người cho rằng: “Khi mình chết, mình ở trong cái vía, và nếu cái vía lớn hơn xác thịt, thì té ra, ở trên Trung giới ắt mình sẽ to lớn như ông chằn?” – Nói như thế, chỉ đúng có một phần mà thôi: là vì xác thân dầu mất đi, nhưng sự thu hút tế bào của cái vía cũng vẫn còn hoạt

rằng: “Ta là Chơn Nhơn, tức ta là chủ mi. Từ rày, mi phải qui phục trước mạng linh của ta. Ta không cho mi ích kỷ, xấu xa, hung ác, ham muốn, đòi hỏi thỏa mãn dục vọng và tham, sân, si, để mi tiến hóa theo đường đi xuống của mi. Không! Không! Thời kỳ xấu xa đó đã qua rồi. Nay ta bắt mi thuần nét lại, ta không chịu theo thất tình, lục dục của mi, theo sự ích kỷ của mi, mà trái lại, ta bắt mi phải vong kỷ, vị tha, hy sinh những cái ham muốn nhỏ mọn, để đi lần đến chỗ giải thoát của ta. Ta biết mi là một con thú bất kham. Nhưng đứng trước ánh sáng của minh triết, mi đành cúi đầu chịu phép sai khiến của chủ người, tức là ta đây vậy .

3/- Định trí vào cái trí .

Đoạn ta đem tâm thức để vào cái trí. Lấy trí tưởng tượng nhìn vào nó. Ta thấy nó nằm trong xác thịt, cái vía và lộ ra ngoài cái vía nhiều ít tùy theo sự tiến hóa của con người (nếu người tiến hóa nhiều thì nó lớn, còn tiến hóa ít thì nó nhỏ, tuy nhỏ, chó cũng lộ ra ngoài cái vía một chút .

Cái trí rung động mau lẹ phi thường. Hễ người càng tiến hóa cao thì nó càng rung động mau lẹ hơn. Nó chiếu lấp lánh nhiều màu sắc vô cùng tốt đẹp. Sự xinh đẹp đó, còn được tăng thêm một cách kỳ diệu, khi trí huệ được áp dụng trong những vấn đề cao siêu nhứt (tỷ như trong lúc tham thiền).

Ta nói với nó rằng: “Ta là Chơn Nhơn. Ta là chủ mi. Từ rày mi hãy định lại, không được vẩn vơ. Mi phải chú vào một vấn đề mà ta đang tham thiền đây. Ta biết mi hay chia rẽ, ưa phách lối và tự tôn, tự đại. Ta không cho phép mi như vậy nữa. Mi phải khiêm tốn, đại đồng, hòa mình cùng thiên hạ, vì vạn vật đồng nhứt thể, v.v...

4/- Chú tâm vào Thượng Trí :

Cách chú tâm này thấu đến Chơn Nhơn, vì Chơn Nhơn ngụ trong Thượng Trí.

Tưởng tượng ta đứng bên ngoài dòm vào Thượng Trí. Ta thấy nó hình bầu dục, lấp lánh màu sắc như ốc xà cừ, tốt đẹp vô song. Nó không có một màu nào xấu cả. Nó rất linh động và rung rẩy sự sống nồng nhiệt. Nó là một bầu tròn sáng rực. Những làn rung động mạnh mẽ của nó đưa lên mặt bầu tròn ấy một ngọn sóng chói lòa, màu sắc thay đổi liên liên. Chúng nó sáng diệu, cho đến nỗi không ai diễn tả được. Bên trong bầu lửa sống đó là Chơn Nhơn đang ngự trị vô cùng oai dũng, từ bi và bác ái.

Ta nói rằng: “Vị Chơn Nhơn linh diệu đó mới thật là ta! Ta là con của Đức Thượng Đế. Ta có rất nhiều đức tánh thiêng liêng. Sở dĩ hồi nào tới giờ, ta không biểu lộ chúng nó được tại cõi trần là vì ta để cho ba hạ thể xác, vía, trí che lấp đi. Nay ta lấy quyền làm chủ, vệt đám mây mù Phàm ngã, để cho Chơn Nhơn tỏ lộ ra với đủ đức tánh thiêng liêng và huy hoàng của nó. Ta phải chói lòa mãi mãi. Ta phải biểu lộ sự hy sinh, lòng bác ái, tính vị tha, tình thiện cảm. Lòng ta phải hòa tan cùng lòng vạn vật, vì ta cùng vạn vật vốn đồng tính, đồng chất với nhau. Chánh ngôn có nói rằng: “Tất cả đồng chung một gốc mà ra”. Vả lại, tại cõi Thượng Trí không có cái chi là xấu cả. Mọi vật, mọi người đều tốt. Nếu người ít tiến hóa, thì tốt ít, còn người tiến hóa nhiều, thì tốt nhiều. Những tánh tham sân si thuộc về thất tình lục dục của thể vía, và những tánh chia rẽ, phách lối v.v... thuộc về hạ trí và cái vía (kama-manas) thì rút cục lại và hóa ra tiêu cực, chúng nó không sanh hoạt được trên cõi Thượng Thiên. Nhơn đó, mà những làn rung động của Thượng Trí đều thanh bại và linh diệu, chúng nó đồng hóa

động như thường, cho đến cái khuôn xác thịt vẫn được cái vía giữ y nguyên do luật hấp dẫn (loi d’attraction). Vì vậy, mà trên Trung giới mình mới nhìn được người mình thương.

với nhau một cách tự nhiên và hết sức dễ dàng. Vì vậy trên cõi Thượng Thiên, sự hiệp nhất là lẽ thường. Ta thấy ta hiệp nhất với người khác, ta đồng hóa với họ, ta ở trong tâm họ và họ ở trong tâm ta. Ta còn ở được trong Tâm Đức Thượng Đế, và Ngài ở trong Tâm ta. Ta hiệp nhất được với Ngài. Ta hưởng được sự an lạc vô biên của Ngài. Ta sống trong cảnh Thanh Bình, Hạnh phúc của trời đất .

Rồi ta nhìn lại thế gian đang rên siết, đau thương, ta rán hết sức đem sự An Tĩnh này mà đổ tuôn cho người trần thế. Ta phải hy sinh ngày giờ, sức lực hoặc tiền của giúp cho họ nếm được cái cảnh cực lạc tinh thần như ta vậy. Ta đã biết, nên ta giúp cho người biết, vì chỉ có sự Minh Triết đem lại cho người Hạnh Phúc thật sự mà thôi. Mà giáo lý Thông Thiên Học là Minh Triết. Vậy ta phải học nó cho thông, rồi rán đem nó ra mà truyền bá cho người. Ta biết rằng: “Sự tiến hóa của ta là tùy ở công ta giúp đời tiến hóa nhiều hay ít”.

5/- Đến đây ta ngưng dòng tư tưởng, để chìm mình trong an tịnh trống không, chừng hai phút.

6/- Đoạn ta đi lần xuống Hạ Trí, đem ân huệ từ cõi Thượng Thiên ban xuống cho nó, để nó càng thêm ổn định, có trật tự hơn và được vững mạnh hơn.

7/- Kế đó, ta lần xuống thấp hơn. Ta gặp cõi Trung Giới. Nơi đây có cái vía của ta. Ta lấy thần lực của cõi Thượng Giới ban ân huệ xuống cho nó được thanh bai tốt đẹp hơn và tất cả tánh xấu của nó sẽ hóa ra tánh tốt, tử như tánh hay giận hờn hóa ra tánh vui vẻ và khoan dung, tánh ích kỷ hóa ra lòng vị tha v. v . . .

Ta thấy dưới những giọt mưa ân huệ của ta vừa ban đến, cái vía ta hoàn toàn dễ dạy, dễ khiến, nó qui phục trước mạng lệnh của Chơn Nhơn.

8/- Đoạn ta xuống thấp hơn nữa. Ta về cõi phàm trần. Ta đi ngay lại cái xác ta. Ta ban ân huệ cho nó được tráng kiện và tinh khiết, để nó có được ý chí dồi dào hầu làm một cái khí cụ đặc lực cho ta giúp đời, làm tròn nhiệm vụ con người dưới thế gian.

9/- Đọc thánh ngữ AUM .

10/- Từ từ xả thiền.

8. - THAM THIỀN ĐỂ GIỮ IM LẶNG

Lời nói đầu :

Cách tham thiền này đem đến nhiều kết quả tinh thần, làm êm dịu những tánh hỗn loạn, vô trật tự của ba hạ thể, nó còn giúp người thu thập thần lực của Chơn Nhơn, cùng của các cõi cao hơn. Nhưng muốn thực hiện được cách tham thiền này, phải tập định trí cho nhiều mới được.

Sau khi thực hành xong “Bốn điều chuẩn bị tham thiền” đã nói ở trước ta bắt đầu :

1/- Ngồi cho thoải mái, đừng cho cái chi vướng da thịt. Trán chớ nhăn. Mắt nhắm lại một cách thông thả. Ngồi ngay, xương sống thẳng.

2/- Nhìn vào cái thể xác từ chi tiết, rồi ra lệnh bắt nó im lại (không dùng trí tưởng tượng để nói gì cả) .

3/- Nhìn vào cái vía. Thấy màu sắc nó không phân minh và những làn rung động của nó còn lộn xộn. Ta bắt nó im lại nghĩa là màu sắc sắp đặt cho có trật tự, những làn rung động phải lệ làng, mạnh mẽ và phân minh. Ta thấy nó sắp xếp lại và có trật tự rõ ràng. Nó tốt đẹp lại.

4/- Nhìn vào cái trí, ta thấy nó lao chao, lộn xộn. Ta bắt nó im lại, không cho nó suy nghĩ gì cả. Nó sẵn sàng tập trung tư tưởng.

5/- Khi đầu đầy đã ổn định và im phăng phắc rồi, ta lên cõi Thượng Thiên, nó hoàn toàn rục rờ. Thật là một cảnh thần tiên kỳ lạ! Thượng Trí muôn màu lấp lánh. Ở giữa có một vị Chơn Nhơn ngự trị như một vị Thiên Thần, quyền phép và tài đức vô song. Đó là con Người Thật, là Chơn Nhơn của ta vậy. Từ tâm của Chơn Nhơn, ta thấy Hào quang tỏa rải ra ngoài.

6/- Ta cứ ở trong trạng thái an lạc này. Tâm ta yên lặng, không tính, không suy đến gì cả. Tâm ta trống không, dịu dịu, tự toại trong hai phút .

Nếu tập suông sẽ thì Nhơn Ngã giúp Phạm ngã trong nhiều phương diện tinh thần, ân huệ của các cõi thiêng liêng sẽ tuôn xuống. Chùng ấy trực giác sẽ hoàng khai.

7/- Đọc Thánh ngữ AUM .

8/- Từ từ xả thiền .

9.- THAM THIÊN TẠI TIM

Lời nói đầu

. Trong giới Thông Thiên Học có một phương pháp tham thiên đặc biệt được gọi là “Tham thiên tại tim”. Ta chớ hiểu lầm phương pháp đó là việc xử dụng trái tim như một dụng cụ để tham thiên. Chúng ta nên nhận định rõ rệt rằng: cách tham thiên đó là tham thiên xuyên qua một trung tâm lực vô hình, ở ngoài trái tim vài phân

Sở dĩ chúng ta không tham thiên bằng trái tim là vì hành động đó phương hại đến sự tuần hoàn khí huyết trong cơ thể và di hại đến thần kinh hệ.

Trong thân thể con người, nhất là tại cái phách, có nhiều trung tâm lực vô hình để tiếp nhận và phân phát sanh lực, thần lực .

Ở đề tài này, ta đề cập đến trung tâm lực nơi trái tim. Trung tâm lực (chakra) này có hình dáng một đóa hoa sen 12 cánh đồng đều, màu vàng tươi, sáng chói. Vị trí của nó không nằm trong trái tim, mà ở ngoài trái tim, cách xa da ngực lối vài phân. Cuống của trung tâm lực này dính vào tủy xương sống, ở sau trái tim.

Thực tập :

Sau khi thực hành “Bốn điều chuẩn bị tham thiên” đã nói ở trước ta bắt đầu:

1/- Tưởng tượng nơi trung tâm lực đó hình ảnh của Chơn Sư ta một cách rõ rệt. Ngài biểu lộ đức Bác Ái và sự Minh Triết, có thể nơi đó ta hình dung con Người Thật của ta cũng được

Tham Thiên đây là cương quyết thực hiện Minh Triết và Bác Ái. Thể hiện Minh Triết là sống theo sự tiến hóa tinh thần mà huyền bí học đã miêu tả.

Thể hiện Bác Ái là rời bỏ lối sống theo tình cảm: vui, buồn, ưa, ghét, để mở rộng tình thương và bình thản trước mọi vật, mọi người.

2/- Nhìn rõ rệt Đức Sư Phụ tại tim. Quì dưới Chơn Ngài. Hào quang của Ngài muôn màu chiếu diệu vào tâm của mình và muôn loài xung quanh mình. Tất cả đều thấm nhuần sự Minh Triết và tình Bác Ái của Ngài.

Ngài là hiện thân của chúng nó. Ta là Ngài, Ngài là ta. Vậy ta là hiện thân của Minh Triết và Bác Ái. Ta cũng chiếu diệu như Ngài! Đọc “Aum Mani Padmé Hum!” Rồi tưởng tượng Ngài ở trong ta và ta ở trong Ngài.

3/- Để tâm không hai phút .

4/- Đọc thánh ngữ AUM .

5/- Từ từ xả thiền .

Lời dẫn :

Tham thiền cách đó nâng cao tâm thức mau. Nhớ đừng tham thiền trong trái tim. Về sau sẽ bị đau tim .

Ông C. W. Leadbeater quả quyết rằng: “Tham thiền tại ngoài trái tim đó với hình ảnh rõ rệt của một Đấng Chơn Sư Minh Triết và Bác Ái thì hành giả sẽ tạo được sự liên lạc tâm linh với vị Sư Phụ của mình.

Sự thực hành đúng đắn, đàng hoàng và đều đều, sẽ giúp hành giả chân thành trở nên cộng tác viên với Ngài tại cõi trần này.

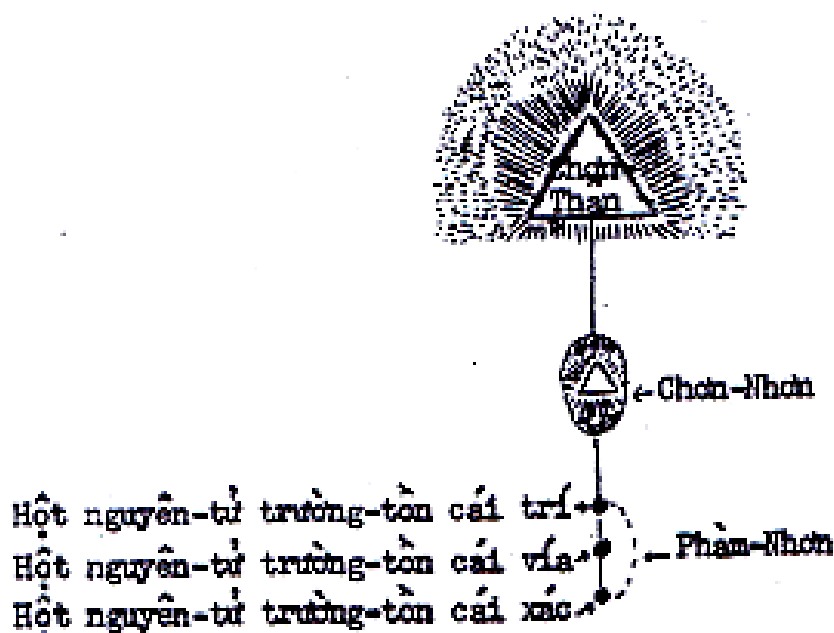
Một nhà huyền bí học khác trứ danh nữa là bác sĩ Annie Besant có thuật lại sự kinh nghiệm của bà, lúc bà tham thiền tại tim. Bà nhìn thấy nơi Luân Xa (là trung tâm lực) trái tim (cách da hai phân) Sư Phụ của bà. Lúc ấy tâm thức của bà được nâng lên cao. Bà hòa mình trong hào quang của Sư Phụ và thấy mình quì dưới Chơn Ngài .

Theo nhiều huynh trưởng Thông Thiên học thì tham thiền tại tim là sống hằng ngày với sự suy tư, hành động và cảm kích phù hợp với Minh Triết và Bác Ái. Đó là cách sống kết hợp giữa trí và tâm. Đúng là kết quả thực tế của sự Tham thiền .

10 - THAM THIỀN ĐỂ THẤU ĐẾN CHƠN THẦN

Lời nói đầu :

Ta hãy nhìn vào đồ hình số 12 này :

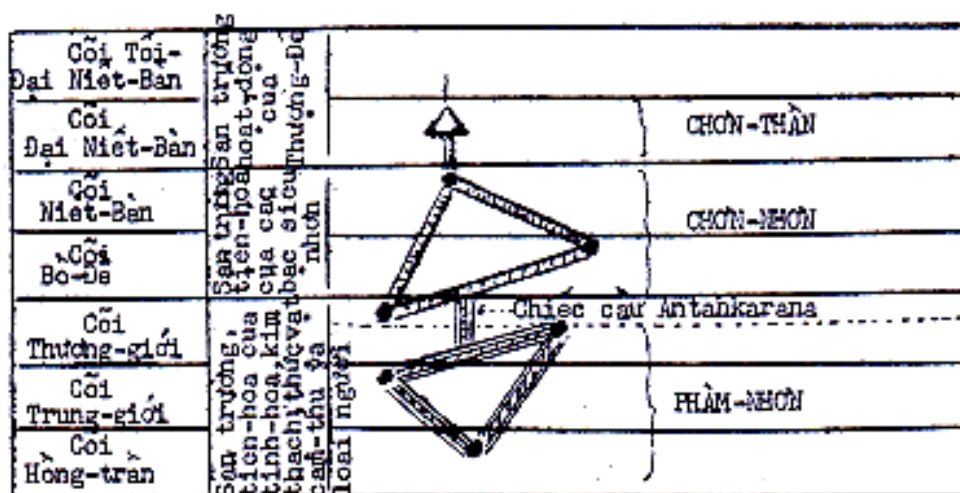


(Đồ hình số 12)

Ta thấy trong đồ hình: Chơn Thần, Chơn Nhơn và Phàm nhơn. Hình tam giác tượng trưng Chơn Thần chói lòa ánh hào quang muôn trượng, còn Chơn Nhơn cũng chói lòa vậy, nhưng rất thua Chơn Thần, còn Phàm nhơn, gồm ba hạt nguyên tử trường tồn ở ba hạ giới là: Hạ Thiên, Trung giới và Hồng trần, ta thấy nó chói lu mờ. Trong đồ hình số 13 ta thấy Phàm nhơn nối liền với Chơn Nhơn bằng một gạch nối, một con kinh hay một cái cầu mà ta gọi là Antahkarana. Hay nói cách khác Antahkarana nối liền Thượng Trí và Hạ Trí khi nào Hạ Trí được trong sạch, không bị dục tình bám víu.

Khi Chơn Nhơn và Phàm Nhơn hoàn toàn hiệp nhứt, thì con kinh Antahkarana sẽ không còn nữa, vì nó đã hết hữu ích rồi, và Chơn Nhơn có thể tác động trực tiếp với Phàm Nhơn khi nó đã sạch trong. Người nào không đào luyện mình, thì không dùng được chiếc cầu đó, và Chơn Nhơn không thông đồng được với Phàm Nhơn. Biết được điều này ta rán sức hoạt động theo đạo lý để đồng nhịp với Chơn Nhơn. Muốn vậy, ta phải tham thiền. Chơn Nhơn và Phàm nhơn khác nhau ở trong hoạt động chứ chẳng phải ở trong tánh chất. Chơn Nhơn biểu lộ trong ba cõi cao: ấy là Niết Bàn, Bồ Đề và Thượng Thiên. Còn Phàm nhơn biểu lộ trong ba cõi thấp: ấy là Hạ Thiên, Trung giới và Hồng trần. Phàm Nhơn là phản ảnh của Chơn Nhơn một cách bất toàn. Thượng Trí hay sự Minh Triết rọi xuống Hạ Trí, Bồ Đề rọi xuống thể Vía, Tinh Thần Atmâ (là ý chí của trời) rọi xuống cõi Hồng Trần. Chúng ta xin lập lại rằng: Chơn Nhơn và Phàm Nhơn đều nối nhau do Antahkarana, giống một sợi chỉ bạc để nối lên sự trong sạch của nó (xin xem đồ hình số 13). Người nào không tham thiền và không hề đào luyện mình, thì không hề dùng được chiếc cầu linh thánh đó; và Phàm Nhơn với Chơn Nhơn không thông đồng được một cách trực tiếp. Ở người tiến hóa cao - như các vị được Điểm Đạo, luồng sóng từ Chơn Thần tuôn xuống Phàm nhơn ào ạt xuyên qua cái cầu này. Biết được sự quan trọng đó người học giả huyền môn phải tự dọn mình trong sạch để tham thiền; bởi vì sự tham thiền là phương châm hay nhất để lưu ý Chơn Nhơn. Và xuyên qua Chơn Nhơn, lưu ý Chơn Thần.

CHIẾC CẦU ANTAHKARANA



(Đồ hình số 13)

Giải nghĩa đồ hình :

Chiếc cầu Antahkarana nối liền Chơn Nhơn và Phạm Nhơn. Bà Blavatsky gọi nó là cái gạch nối, là một con kinh hay một cái cầu để nối liền Thượng Trí và Hạ trí, lúc con người đầu thai. Con kinh đó có thể hiệp nhất Thượng Trí và Hạ Trí là khi nào Hạ Trí được trong sạch, không bị dục tình và ích kỷ bám víu. Khi Chơn Nhơn và Phạm Nhơn đã hoàn toàn hiệp nhất rồi, thì con kinh Antahkarana đó sẽ biến mất.

Nhưng trong khi đem sự tham thiền ra thực hành, học giả nhớ đừng làm xáo trộn Chơn Nhơn trong công việc cao siêu của nó. Sự tham thiền chắc chắn có một ảnh hưởng tinh thần và hữu hiệu đến Chơn Nhơn và Chơn Thần, mặc dầu dưới cõi trần ta không thấy kết quả là bao nhiêu.

Thực hành tham thiền mỗi ngày và sưu tầm những chuyện tinh thần, trong lúc sanh tiền, là một điều trọng đại cho đời sống của Chơn Nhơn. Bởi vì tham thiền một cách có ý thức sẽ khai thông con kinh Antahkarana và giữ nó được luôn luôn rộng mở. Người thường nhơn không lưu ý gì đến chuyện tinh thần, nên con kinh Antahkarana xem dường bị bít lối. Thỉnh thoảng có xảy ra vài chuyện tinh thần khai thông nó: như là “một sự quy y” hay “một lễ Nhập Môn” v. v . . .

Đối với người tiến hóa, thần lực chảy ào ào trong con kinh Antahkarana ngày đêm không ngớt. Mà hễ Chơn Nhơn tiến hóa thì tức nhiên Chơn Thần cũng tiến hóa nữa .

Vậy ta rán đào luyện Phạm Nhơn để nó biểu lộ Chơn Nhơn. Nhưng nếu nói “biểu lộ trọn vẹn Chơn Nhơn” thì không thể đặng: vì dẫu một vị cao cả nào dưới trần cũng không thể biểu lộ Chơn Nhơn một cách đúng đắn được.

Tóm lại, tham thiền thấu đến Chơn Thần là điều rất khó: vì ta phải tập mở cái cầu Antahkarana cho khá rộng mới được. Đây là cách tham thiền .

PHẦN THỰC TẬP :

Trước khi khởi sự tham thiên, ta hãy thi hành bốn điều chuẩn bị đã nói ở trước, đoạn ta xuất thần yên lặng trong một phút. Ta thấy ta ra khỏi xác. Ta nhìn lại xác thân, vía và trí, rồi xem lại ta là một vị Chơn Thần, con của Đức Thượng Đế, túa rải hào quang muôn sắc, lấp lánh, rạng ngời. Ta thấy thần lực của Chơn Thần ban xuống cho xác phàm. Đoạn ta nói với cái xác như vậy :

1/- Ở này cái xác, mi là con ngựa của ta cỡi, là một khí cụ cho ta dùng. Ta cảm ơn mi lắm, nhưng không vì đó, mà ta để cho mi sai khiến ta. Mi phải phục tùng ta: vì ta là chủ và mi là tớ. Vậy thái độ của ta đối với mi thế nào?

Ta không được bắt mi làm việc quá sức, mà cũng không nuông chiều mi, để mi trở thành biếng nhác. Ta cho mi có tiết độ, dinh dưỡng mi trong vệ sinh: để chất khí của mi túa ra trở thành nguồn ân cho kẻ khác .

Ta ban ân huệ cho xác ta một lần nữa .

2/- Ta cũng đứng chỗ cũ, nhìn vào cái vía. Ta thấy trên đầu nó màu vàng tươi và màu tím hoa cà, phía vai màu xanh da trời, kế đó màu hường dợt, sau chót ở phần dưới hai ống chơn là màu xanh lá cây. Ta thấy màu sắc hỗn loạn không được phân minh lắm. Ta bèn đưa tay ban thần lực cho nó, tức thì màu sắc nó đành rành, sự rung động nó mau lẹ hơn. Ta bèn nói: “Cái vía, trước kia mi được quyền ích kỷ, tham, sân, si, ghen ghét, giận hờn v.v... Đó là con đường đi xuống của mi, mi phải chiếm đoạt để tiến hóa. Nay mi tiến hóa đã tới đỉnh rồi, mi không được phép tiếp tục nữa, bằng không sẽ nguy cho tương lai ta. Vậy mi phải từ bỏ tất cả cái gì mà mi đã chiếm hữu đó để trở thành vô tư, bác ái, khoan dung và hy sinh v.v... “Cái vía dù tốt cách mấy, cũng không phải là ta. Nó muốn tiến hóa theo ý nó: là chiếm đoạt . Còn ta, ta muốn tiến hóa theo ý ta: là dứt bỏ . Nó đi xuống tận cùng cõi trần. Còn ta, ta đi lên Đức Thượng Đế là Cha ta. Hai đường khác nhau một trời, một vực. Sở dĩ ta có nó là vì ta nhờ nó mà hoạt động tại cõi Trung Giới, để thu thập những điều kinh nghiệm tại cõi đó, cũng như ta đã nhờ cái xác để kinh nghiệm tại cõi trần vậy. Kinh nghiệm xong (trong một kiếp) ta sẽ bỏ các hạ thể lại mà đi lên cõi Thượng Giới, Bấy giờ chúng nó sẽ tan rã ra tro bụi, và chỉ lưu lại các hạt nguyên tử trường tồn để gây các hạ thể mới khác ở kiếp kế đó. Ta không nên nghe lời cái vía nữa. Ta nói với nó rằng: “Ta ra lệnh là mi phải nghe. Nay ta ban ân cho mi, để mi sẵn sàng tuân theo mạng lệnh của ta”.

3/- Ta ở vị trí cũ nghĩa là ở ngoài cái vía. Ta nhìn vào cái Hạ Trí. Ta thấy màu sắc nó tựa như màu sắc cái vía. Ta ban ân huệ cho nó. Tức thời, màu sắc xinh tươi hơn và ranh giới phân minh hơn. Đoạn ta nói: “Này cái Trí, thuở xưa kia, xưa kia, mi được quyền tự tôn, tự đại. Mi được quyền bám víu vào cái vía để bày mưu sâu, kế độc và xao lãng luôn luôn. Nay mi đã tiến hóa khá nhiều rồi, mi phải nghe ta, mà quày đầu trở lại. Con đường của mi là con đường đi xuống. Còn con đường của ta là con đường đi lên. Hai con đường đối chiếu với nhau. Nếu ta nghe mi là ta đi xuống. Nay ta tiến hóa rồi mi phải nghe ta. Ta biết, nếu ta cương quyết, thì mi phải nghe ta. Nay ta sẵn sóc mi bằng những sự hiểu biết mà ta lượm lặt ngoài đời. Khi sự hiểu biết đó đem đến cho mi những kinh nghiệm tốt đẹp, thì chúng nó sẽ là của ta thật sự. Tất cả điều kinh nghiệm tốt đẹp, đều hóa thành quan năng của ta ở kiếp sau. Chúng nó sẽ còn mãi của ta. Còn những kinh nghiệm ích kỷ xấu xa là những kinh nghiệm vô thường. Nó sẽ tiêu mất, sau một thời gian,

Nhớ điều này, ta rán làm chủ cái trí để cho nó càng ngày càng ổn định, càng vô tư, càng thanh thoát và càng sáng tỏ. Cái trí như thế đó sẽ trở thành tốt đẹp vô song. Nó sẽ không còn khác biệt với Thượng Trí nữa. Nó sẽ chỉ hành theo Minh Trí và Bác Ái, để lộ đức tánh của Chơn Nhơn, lâu lâu bất diệt . . . Ta ban ân huệ cho nó .

4/- Đoạn ta thấy ba hạ thể của ta im lặng và thật tốt đẹp phi thường. Ta từ giả chúng nó nhập vào Thượng Trí, và ngự trong Chơn Nhơn. Nơi đây ta quả là Chơn Nhơn, ta là một vị Thiên Thần, hào quang chói lọi, không bút mực nào tả nổi. Chơn Nhơn không màng nghĩ đến sự khổ cực của kiếp trần. Nó chỉ thu thập những cái hay, cái đẹp của Phàm nhơn đưa đến mà thôi. Đó chẳng phải là Chơn Nhơn ích kỷ, mà vì những sự ưu tư phiền muộn thế gian có những sự rung động thô鄙 không phù hợp với nó, nên không thể lên cao được. Thành ra Chơn Nhơn tự nhiên bất nhiễm trần. Ta là Chơn Nhơn ở trong Thượng Trí hiện giờ. Ta vô cùng an lạc, vô cùng tự tại vô cùng thanh thoát! Ta tiếp tục chiếu ngời lấp lánh muôn trượng hào quang. Ta ban ân huệ cho Phàm Nhơn.

5/- Ta để tâm không hai phút.

6/- Đoạn ta thấy lên cõi Đại Niết Bàn, nhập vào Chơn Thần (La Monade) .

Từ đây ta chói sáng hơn, đẹp đẽ hơn, hào quang ta dài hơn muôn dặm, màu sắc lâu lâu . . . (xem đồ hình số 12). Ta thật là An Lạc! Ta thật là Thanh Tịnh! Ta ẵm sàng ban ân huệ cho mọi linh hồn, thương tất cả muôn loài vạn vật! Lòng thương bác ái của ta bao trùm vũ trụ. Ta ở trong lòng Đức Thượng Đế.

7/- Để tâm không hai phút.

Đừng tưởng đừng nghĩ gì cả.

8/- Bây giờ ta đứng từ cõi Chơn Thần và cõi Đại Niết Bàn ban ân huệ xuống cho Chơn Nhơn. Điện lực từ cõi Tối Đại Niết Bàn xuống tới Chơn Nhơn ào ạt làm cho Chơn Nhơn sáng tỏ hơn, Thượng Trí xinh tươi hơn. Đoạn ta ban ân huệ cho Hạ Trí, cái vía và cái xác. Mỗi hạ thể thấm nhuần từ điện thiêng liêng của các cõi cao trở nên cường tráng. Nếu xác thân có bệnh chỗ nào, ta dùng ý chí đem luồng điện đó đến chỗ đau, đuổi khí xấu đi, làm cho đỡ bệnh. Nếu ý chí mạnh, bệnh có thể hết liền.

9/- Đọc Thánh Ngữ AUM.

10/- Từ từ xả thiền .

11.- THAM THIỀN RẤT HIỆU QUẢ ĐỂ MỞ Ý CHÍ BỒ ĐỀ VÀ THƯỢNG TRÍ

(Đặc biệt cho sự điều khiển một nhóm người. Thời gian từ 20 phút đến 30 phút)

Bốn điều kiện trước đã giữ xong, đoạn ta bắt đầu :

1/- Thấy mình xuất ra khỏi ba thể Trí, Vía, Xác . Rồi dòm lại chúng nó. Thấy mình sáng rực hào quang, vô cùng thanh bai, vô cùng tốt đẹp, muôn màu nhấp nháy, như ngọc rắc vàng gieo, như vàng thái dương buổi trời mai, tủa đầy tia sáng.

2/- Để tâm không : (Faire le vide) trong hai phút. Không tưởng cái chi cả. Hễ có tư tưởng nào vô, thì lập tức đuổi ra ngay.

3/- Đọc 7 lần câu chơn ngôn:

“ Chối hơn nhứt tinh,
“ Trong hơn băng tuyết,
“ Thanh hơn dĩ thái,
“ Ấy là Chơn Ngã. Chơn Ngã ẩn trong lòng tôi.
“ Tôi là Chơn Ngã. Chơn Ngã là tôi”.

Đọc mỗi chữ chậm chậm và tưởng thật mạnh là mình như thế đó. Nhớ định trí cho nhiều. Đừng để xao lãng một chút nào.

4/- Để tâm không trong hai phút.

5/- Thấy mình quì gối trước Sư Phụ: (Đức Chúa hay Đức Phật hay Đấng mà mình tôn thờ)

Hào quang muôn sắc của Sư Phụ bao khắp con người của mình. Hào quang chói sáng của mình nhập một với hào quang rực rỡ của Sư Phụ. Sư Phụ để tay lên đầu mình, với nụ cười khả ái. Mình thấy từ tâm của Sư Phụ phóng ra một luồng hào quang sáng rực đến thẳng tâm mình, làm thành một con kinh chói ngời.

Tâm Sư phụ và tâm mình nối liền với nhau. Chúng nó cùng chung một nhịp. Luồng hào quang đi từ Tâm Sư Phụ tới tâm mình có ba tia sáng đặc biệt: ấy là Atma-Buddhi-Manas hay là Ý Chí – Bồ Đề và Thượng Trí. Tia Atma thuộc về ý lực. Nó đi xuyên qua tâm mình làm nẩy nở ý chí mình, khiến cho mình đứng mãnh trên đường tinh thần. Cái ý chí này ở trong tâm mình giúp mình rồi, mà còn xẹt ra khỏi mình để giúp những người xung quanh nở ý chí của họ nữa. Nó nâng đỡ ý chí của mình, của những người xung quanh mình, những người trong nhà, trong nước, rồi lan ra cùng khắp thế giới.

Tia Buddhi thuộc về Bồ Đề Tâm. Nó làm mở lòng Bác Ái của mình. Mình thấy tia ấy màu vàng xẹt ra khỏi tâm mình nở lớn ra, bao trùm những người gần mình, những người ở trong nhà mình, xóm giềng mình, đô thị mình, cả nước mình, và khắp thế giới. Nó đem tình thương vị tha bao trùm những người cùng khổ, những người hạnh phúc hay tội lỗi. Nó thương yêu tất cả người thương mình, người ghét mình, người xem mình như xa lạ. Nó đem tình Bác Ái bao trùm trọn cả xứ Việt Nam lan ra những xứ lân cận, rồi lan dần ra khắp thế giới. Nó bao trùm vạn vật muôn loài trên trái đất này.

Tia Manas thuộc về Thượng Trí. Nó khiến cho Hạ Trí yên lặng lại, chỉ để cho Thượng Trí hoạt động mà thôi. Nhờ tia sáng Manas của Sư Phụ mở sự minh triết của mình, làm cho mình thấy đặng vạn vật duy nhất, cùng chung một gốc mà ra, thấy đặng sự Hiệp Nhất của Trời, sự huy hoàng của con Đường Đạo, của những cảnh hữu hình và vô hình, thấy đặng nguyên nhân, cội rễ của Luân Hồi và Quả Báo, thấy đặng sự vinh quang của kiếp sống dưới trần.

6/- Mình thấy luồng hào quang : nối liền tâm Sư Phụ và tâm mình càng lúc càng tươi sáng thêm, càng rộng lớn thêm, càng tươi tốt thêm lên .

7/- Để tâm không trong 2 phút .

8/- Mình nhứt định làm tay sai cho Sư Phụ để phụng sự Cơ Trời .

Nguyện cầu cho xứ Việt Nam mau thoát khỏi chiến tranh để đi đến cảnh thanh bình thật sự! Nguyện cầu cho bá tánh an cư lạc nghiệp thoát khỏi cảnh lầm than của chiến cuộc.

Nguyện cầu cho ai nấy đều sống với Chơn Ngã mình và dứt đi những cái xấu của Phàm ngã, hầu đời sống được thanh cao và mỹ lệ! tiêu trừ các quả báo xấu xa!

9/- Đọc thánh ngữ AUM

Và đọc “AUM Mani Padmé Hum”

Aum Mani Padmé Hum có nghĩa là “Tôi ở trong lòng Ngài và Ngài ở trong lòng tôi”

Đọc “Aum Mani Padmes Hum” như vậy: Đọc Aum Mani ngừng một chút, rồi sẽ đọc Padmé Hum kéo dài. Aum kéo dài, Hum kéo dài .

10/- Từ từ xả thiền .

TOÁT YẾU MỘT PHƯƠNG PHÁP THAM THIỀN
Do Ông Geoffrey Hodson

ĐIỀU KIỆN CẦN YẾU :

1. Phải đều đều hằng ngày, tốt hơn là làm đúng giờ nhất định .

2. Ngồi nơi vắng vẻ : Bị quấy rầy trong khi nhập định là rất nguy hiểm .

3. Ngồi đúng phép : Liên hoa tọa bộ (kiết dà); hoặc ngồi trên ghế xương sống thẳng, thân thể yên lặng, hơi thở đều và chậm .

4. Tự kỷ ám thị :

a/- Tôi không phải xác thân. Tôi là Chơn Ngã (1/2 phút)

b/- Tôi không phải tình cảm. Tôi là Chơn Ngã (1/2 phút)

c/- Tôi không phải cái trí. Tôi là Chơn Ngã (1/2 phút)

d/- Tôi là Phật tánh hay Chơn Nhơn (1 phút)

Bất diệt (đưa tâm thức lên cõi Bồ Đề (1 phút)

Trường tồn (đưa tâm thức lên cõi Niết Bàn (1 phút)

Chói rạng ánh sáng thiêng liêng (1 phút)

Tôi là cái Chơn Ngã chói rạng đó, cái Chơn Ngã chính

là tôi (một hồi lâu)

Cái Ngã của tôi là Một với cái Ngã của muôn loài . . . (một hồi lâu)

Tôi là cái Ngã của vạn vật, cái Ngã đó chính là Tôi . . (một hồi lâu)

5-Kết thúc : Gom ý thức về cái Trí, sáng rõ đầy linh giác (30 giây)

Gom về cái Vía (30 giây)

Chói rạng ánh sáng thiêng liêng (30 giây)

Gom về cái xác thân trở nên mạnh mẽ, đầy ý chí
đầy sinh lực và yên lặng (1 phút)

6/- Bắt tay vào công việc của ngày hôm đó.

Đến trưa : Nhớ lại những lời tự kỷ ám thị (d)

Trước khi đi ngủ : Kiểm điểm lại ngày đã qua, nhứt quyết sửa đổi những lỗi lầm ./.

12 – THAM THIỀN BẰNG THẦN CHÚ

Lời nói đầu :

Thần chú là một tràng âm thanh do một nhà huyền môn nào đó sắp đặt một cách đặc biệt để tạo ra những kết quả nhất định. Những âm thanh ấy được lập đi lập lại luôn luôn, với một tiết điệu giống y, khiến cho những làn rung động của các hạ thể vận chuyển tương phù (là đồng nhịp với nhau). Vậy thần chú là một phương pháp máy móc, làm ngưng dứt một vài thứ rung động nào đó, hoặc làm hoạt động lại những thứ rung động mà mình ưa thích.

Công hiệu của nó tùy theo trạng thái truyền âm. Hễ thần chú càng được lập lại nhiều lần, công hiệu của nó càng thêm mãnh liệt. Như đó, mà hình tư tưởng trong các giáo đường càng ngày càng rõ rệt và công hiệu.

Người ta cứ lập đi lập lại câu chú chớ không cần đếm bao nhiêu lần. Ở Ấn Độ, người ta áp dụng phương pháp này rất nhiều. Nhà sùng Đạo chuyên tâm vào Đức Shri Krishna chẳng hạn. Người ta đọc câu chú nhiều lần và cứ đọc mãi như vậy. Trong lúc đó, ý nghĩa cao siêu của câu chú được suy nghiệm kỹ lưỡng. Nhờ vậy, con người tiếp xúc được với Đấng Đại Giác. Ông Ernest Wood có nói trong quyển Concentration của ông nơi trang 123 như vậy: “Tôi vừa mới đọc trong Upanishad lời khuyên rằng: “Có 16 âm tự thần chú (Mantra) cần phải lập đi lập lại 35 triệu lần!” Rồi nhà bình luận mới làm một bài toán. Kết cuộc là: phải lập đi lập lại trong 20 năm, mà mỗi ngày phải đọc 5.000 lần hay 8 lần trong một phút, mà mỗi ngày phải để 10 giờ làm công chuyện ấy.” Không nên đi đến mức quá lộ như vậy.

Bên Ấn Độ người ta cũng đọc thần chú ít lâu trong ngày, để cố ý giữ cho cái trí đừng xao lãng. Và nhờ lập đi lập lại, có nhịp nhàng nó ảnh hưởng tốt đến xác thịt .

Xin lưu ý :

Nhiều người tham thiền một lượt về một vấn đề chung (nhất là bằng những câu thần chú) – đem lại kết quả khả quan hơn là tham thiền riêng rẽ: vì nhiều người tạo ra trong chất khí của ba cõi dưới một luồng từ điển mãnh liệt. Nếu hành giả thành công tập trung tư tưởng, thì y sẽ không bị hoàn cảnh quấy rầy .

PHẦN THỰC TẬP

Sau khi thực tập “Bốn điều chuẩn bị tham thiền” đã nói ở trước ta bắt đầu :

1/- Chọn câu thần chú nào hợp với ta và ta hiểu rõ ý nghĩa. Tỷ như câu “Aum ! Mani Padmé Hum” .

2/- Đoạn ta ngâm lớn lên. Vừa ngâm, vừa tưởng đến ý nghĩa của nó. Tỷ như vừa ngâm “Aum ! Mani Padmé Hum”, ta vừa tưởng rằng : “Tôi ở trong lòng Ngài! Ngài ở trong lòng tôi”

3/- Sau đó, tôi nói rằng: “Tôi là Chơn Nhơn con của Đức Thượng Đế. Tâm tôi nhập với tâm Ngài. Tâm tôi cũng nhập”.

Nói rồi, tôi tưởng tâm mình sáng rõ như mặt nhật, chói ra những làn hào quang trước mặt, sau lưng, hai bên trong trên đầu, dưới chơn, bao trùm khắp năm châu bốn bể . (Ta phải thuộc bản đồ thế giới) Thời gian tưởng tượng lối 1 phút .

4/- Ngâm lớn câu thần chú như trước.

5/- Tưởng tượng như ở điểm 3 .

Cứ như thế lập đi lập lại bao nhiêu lần cũng được. (Thời gian mỗi 30 phút) .

6/- Đọc thanh ngữ AUM .

7/- Từ từ xả thiền .

13 - ĐẠI ĐỊNH . (Samâdhi)

Lời nói đầu .

Ta biết rằng: Tham thiền phải đi sau Định trí và Đại định phải đi sau tham thiền.

Đại định là trạng thái của kẻ được giải thoát hiện sinh (le libéré vivant). Người ấy sống tại cõi trần mà lòng đã được giải thoát sự trần.

Người ta cắt nghĩa đại định như thế này:

Tỷ như tham thiền về lòng Từ Bi. Ta gom tất cả tư tưởng về nó. Đừng để cho ý niệm nào khác xen vào. Phải có một chiều hướng tư tưởng duy nhất mà thôi. Có thể có nhiều ý niệm khác liên hệ đến đề tài. Nhưng ta không cần biết chúng nó. Ta hãy làm giảm bớt số lượng, để rồi chỉ còn có một ý niệm chánh mà thôi. Và khi cái ý niệm duy nhất đó – (tới phiên nó)- tan rã và tiêu đi, thì ta đã đến Đại Định. Khi mất tất cả ý niệm, thì cái trí giống như tờ giấy trắng. Đó là trạng thái trống không của nhà Yogi Patanjali nói trong Raja Yoga.

Đoạn ta vượt khỏi cái trạng thái “trống không” để nhập vào Đức Thượng Đế yên lặng, đem Ánh Sáng và Quyền Năng cho trí tuệ cá nhân. Và chỉ chừng ấy, ta mới đoạt được Samadhi, là mức cuối cùng của đời sống, là sự hiệp nhất trong An lạc với Đấng Chí Tôn .

Đại định được thực hiện là nhờ chủ trị đăng ngũ quan và lòng không ham muốn. Mà muốn tiêu diệt đăng mọi ham muốn, thì phải có ý niệm nồng nàn được giải thoát và chỉ có tư tưởng hướng về trời . . .

Tóm lại, trong lúc Đại Định, cái trí phải “trống không”. Nhưng trong lúc cái trí “trống không” là lúc nó linh động, tỷ như con diều đang lơ lửng trên không, cánh xòe mà không đập. Ta tưởng nó nghỉ ngơi, thả hồn theo chiều gió. Nhưng thật ra nó còn hoạt động nhiều hơn là khi nó cử động với hai cái cánh của nó: vì nó đang nỗ lực, gom sức, để giữ sự thăng bằng. Trạng thái trống không đây là tích cực. Còn trạng thái xuất thần, mê mẩn của đồng cốt là tiêu cực .

Người đại định có thể xua đuổi một ảnh hưởng nào xấu bên ngoài đến ám ảnh mình. Còn người đồng cốt, thì y theo tất cả ảnh hưởng tốt hay xấu từ bên ngoài đưa đến.

Người đại định đã chủ trị đăng cái trí một phần lớn, y muốn tưởng thì tưởng, không muốn tưởng thì thôi, chứ cái trí y không bao giờ xao động một cách vô ích .

PHẦN THỰC TẬP

Thực hành “Bốn điều chuẩn bị tham thiền” xong, thì bắt đầu :

Cách thứ nhất :

Dùng sức tưởng tượng tạo ra trong trí hình của một Đấng nào mà ta tôn thờ như: Đức Chúa, Đức Phật, Đức Chơn Sư, rồi đem tâm mình nhập vào Tâm Ngài, đoạn trụ vào đó để mà chiêm ngưỡng ngây ngất nghĩa là không còn tưởng cái chi ngoài việc đó. Ta để tâm trống không lâu chừng nào hay chừng nấy .

Cách thứ nhì :

Khi tham thiền về một đức tánh nào xong, ta tưởng tượng Đức Phật hay Đức Chúa, hay Chơn Sư ta là hiện thân của đức tánh ấy. Đoạn ta nằm trong lòng Ngài mà không tưởng, không nghĩ gì cả. Lâu chừng nào hay chừng nấy .

3/- Đọc Thánh ngữ AUM .

4/- Từ từ xả thiền .

Xin lưu ý :

Những lời trên đây là những lời dạy của các vị Huynh Trưởng Thông Thiên Học về khoa “Định Trí và Tham Thiền”. Nếu ta vừa tham thiền, vừa thực hành theo những điều ta tham thiền, thì một ngày kia, ta sẽ có diễm phúc được Chơn Sư thân nhận làm đệ tử. Ngài sẽ chỉ cho ta cách tham thiền nào hợp với sự tiến hóa của ta.

Những cách dạy định trí và tham thiền trên đây sẽ thay đổi tùy theo giai đoạn tiến hóa của hành giả. Chúng nó giống như những tấm bảng chỉ đường cho kẻ lữ hành đừng đi lạc bước mà gặp nhiều hiểm nguy.

Chỉ có thể thôi. Vả lại, tuy có nhiều phương thế tham thiền đã chỉ sẵn, nhưng ta nên chọn cách tham thiền nào phù hợp với tánh tình ta, với phương tiện ta và với sự tiến hóa riêng của ta. Muôn người muôn cách. Nhưng chỉ có cách của riêng ta là hay nhất.

(Chung kết phần tham thiền)

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN

SAU KHI CHẾT

Cõi Trời thứ Năm hay là Cảnh thứ Năm của cõi THƯỢNG GIỚI .

Ta đã học đời sống bên kia cửa tử tại cõi Trung Giới và Cõi Hạ Thiên. Nay ta học đời sống bên kia cửa tử tại cõi Thượng Thiên. Ta đã biết rằng cõi Thượng Giới chia làm 2 cõi :

1/- Cõi Hạ Thiên và

2/- Cõi Thượng Thiên .

Cõi Hạ Thiên có bốn cảnh. Cõi Thượng Thiên có ba cảnh. Nay ta bắt đầu học cảnh thứ năm của cõi Thượng Giới nghĩa là cảnh thứ ba của cõi Thượng Thiên. Ta sẽ tìm biết đời sống của vong linh sinh hoạt trong Thượng trí tại cõi Thượng Thiên. Sự khác biệt rất rõ rệt giữa hai cõi Thượng Thiên và Hạ Thiên.

Cõi Hạ Thiên là cõi hình thể.

Cõi Thượng Thiên là cõi Trừu Tượng

Hai cõi rất khác biệt cho đến đôi linh hồn phải tự bao bọc mình bằng hai thể đặc biệt khác nhau mới sinh hoạt ở hai nơi đáng.

Ta đã học trong quyển “Minh Triết Cổ Thời” về mục đích của cõi Hạ Thiên (là Dévakhan hay Thiên Đàng) và sự lợi ích của nó. Nay ta không trở lại nữa. Trong đó, ta cũng đã giải nghĩa tại sao cõi Thiên Đàng rất cần kíp cho đa số người. Chỉ những người tiến hóa đặc biệt mới tự bỏ cõi Thiên Đàng để đi đầu thai liên tiếp, khỏi mất thời giờ hưởng thụ sự khoái lạc của non Bông, nước Nhược .

Trên cõi Hạ Thiên, vật thể chiếm phần quan trọng hơn: chính vật thể làm cho lưu ý nhất, tâm thức khó lòng biểu lộ xuyên qua hình thể được. Nhưng trên cõi tinh thần (Thượng Thiên) sự sống lại dồi dào và chiếm ưu điểm, hình thể chỉ biểu lộ khi cần.

Các cõi dưới gặp phải điều khó khăn là chúng nó làm cho tinh thần biểu lộ xuyên qua hình thể .

Trái lại, cõi tinh thần cũng gặp phải điều khó khăn là nó phải giữ đừng tạo một hình thể cho sự sống đang tung bùng. Chỉ trên đường giới tuyến ngăn cách Hạ Thiên và Thượng Thiên, mà tâm thức mới hết phiêu dạt theo chiều hướng của Hạ Trí và của dục vọng, và chính nơi đây, nó mới tự nhiên chiếu diệu. Trên cõi tinh thần này, cái biểu tượng “Ngọn Lửa Thiêng” áp dụng rất đúng cho linh hồn. Còn trái lại, tại các cõi dưới, người ta dùng biểu tượng “một vật đang cháy” để ám chỉ tâm thức, như thế, đúng hơn. Trên cõi Tinh Thần (vô sắc tướng) vật chất bị bỏ lơ cho sự sống mặc tình uốn nắn từng chập, từng hồi. Một vong linh thay đổi hình dạng theo mỗi tư tưởng của y. Hình thể là khí cụ cho sự sống, chứ không phải là cái biểu lộ của chính sự sống. Hình thể biến đổi liên liên theo sự sống. Điều này chẳng những đúng với cõi Thượng Thiên mà còn đúng với cõi Bồ Đề và Niết Bàn nữa.

Dù đời sống tại cõi Thiên Đàng minh quang rực rỡ, nó cũng tới ngày chấm dứt. Cái thể Trí (Hạ Trí) tới phiên nó phải tan rã, cũng như các Hạ thể khác (vía, phách) phải tan rã vậy. Bấy giờ đời sống con người khởi sự trong Thượng Trí (hay Chơn Thân). Trong khi sanh hoạt tại cõi Thiên Đàng, bản ngã vẫn còn tồn tại, và chỉ khi nào tâm thức hoàn toàn rút về Chơn Thân, thì bản ngã mới nhập về Chơn Nhơn. Con người - từ khi đầu thai xuống trần, bấy giờ - lần thứ nhất – mới biết mình là Chơn Nhơn (Ego) thật sự, là Chơn Nhơn vĩnh cửu.

Trong Chơn Thân, linh hồn ở tại “nhà thật” của nó, và xung quanh nó, mọi vách tường đều đổ vỡ ^[1].

Đa số người đời chỉ biết mù mờ về sự cao cả vinh diệu này, họ lơ là, lãnh đạm và mơ mộng, họ như người ngủ mê vừa chợt tỉnh, nên còn mơ màng màng. Nhưng dù họ thấy cách nào đi nữa, những cái thấy của họ cũng đều đúng cả. Đó là điều đặc biệt.

Đối với người thường nhơn, đời sống tinh thần bị bỏ lơ, không ai lưu ý, vì trong trường hợp đó, Chơn Nhơn chưa tiến hóa cho tới mức luôn luôn tỉnh thức trong Chơn Thân để dạy dỗ phàm nhơn.

^[1] Vách đây là tượng trưng cho ảo ảnh.

Những linh hồn chậm trễ (bán khai) không bao giờ lên cõi Thượng Thiên với một tâm thức linh hoạt. Những linh hồn khá tiến hóa, thì cảm biết được một vài cảnh thấp của cõi Thượng Thiên.

Những linh hồn tiến hóa về tinh thần, thì họ hoàn toàn phỉ chí trong vinh quang.

Tuy nhiên, dù tâm thức có mở mang nhiều hay ít, mọi người đều phải lên cõi Thượng Thiên để được đầu thai. Dầu theo sự tiến hóa, linh hồn từ từ biết dạng sự thực của cõi ấy. Chẳng những linh hồn tri thức được mình một cách thực sự hơn, mà thời gian của y trên đây cũng được kéo dài thêm: bởi vì tâm thức y từ từ thăng lên cao một cách chắc chắn.

Người kém tiến hóa có thể vô tri giác trên cõi Thượng Thiên trong hai, ba ngày đầu. Còn đối với người tiến hóa về tinh thần, thì họ hưởng nhiều năm sự vinh quang kỳ diệu của đời sống Chơn Ngã.

Đời sống trên Thượng Giới lâu hay mau là tùy thuộc ba yếu tố chánh đại này:

- 1/- Chơn Nhơn thuộc về loại nào?
- 2/- Cách chuyển kiếp thú làm người của Chơn Nhơn.
- 3/- Kiếp sanh tiền dưới thế gian dài hay ngắn?

Những điều này đã giải trong quyển “Võ Trụ và Con Người” do tác giả Nguyễn văn Huân và Nguyễn Thị Hai. Nơi đây chúng ta không cần nhắc đến.

Dẫu rằng: chúng ta đã biết được những nhược điểm của mỗi kiếp luân hồi tại cõi trần, để hiểu tỷ lệ trong “kết chung” chúng ta còn phải đi sâu vào sự sống ở các cõi cao hơn nữa. Đó là một điểm cần phải nhắc đi nhắc lại: bởi vì đa số người đời, còn bị giác quan kiềm chế quá nhiều, cho đến nỗi họ chỉ thấy cõi vật chất này là điều thật sự duy nhất mà thôi, còn những gì gần kề với sự thật (tỷ như linh hồn) thì họ xem như xa vời, khó hiểu và ảo mộng!

Biết rằng cõi Trung giới là cõi mà ta cho là cõi mộng, là ảo ảnh. Nhưng nó là một bước đi đến sự thật. Cái thấy rõ rệt và am hiểu của người trần thế đâu bằng cái thấy của người tại cõi Trung giới, nó còn rõ rệt hơn và đáng tin cậy hơn. Đó là sự so sánh giác quan xác thịt với giác quan cái vía. Bởi thế nên thời gian sống trên các cõi cao phải dài hơn là thời gian sống tại cõi trần. Và nếu người ta biết lợi dụng một cách đúng đắn, thì mỗi phút sống tại cõi trần sẽ đem đến một kết quả hết sức tốt đẹp.

Trên đường tiến hóa của nhơn loại, có một nguyên lý căn bản tinh thần cho con người sau khi bỏ xác. Nguyên lý ấy như thế này:

“Hễ sự sống trên các bậc thấp của cõi Trung Giới và Thượng Giới bị rút ngắn thì sự sống tinh thần lại được kéo dài và trở nên cao qui hơn”.

Sau cùng, đến một khi kia, tâm thức Phạm ngã và Chơn Ngã hợp nhất, nghĩa là Chơn Ngã và Phạm Ngã kết hợp với nhau làm một, không chia lìa với nhau được nữa. Lúc bấy giờ con người không thể núp kín được dưới đám mây tư tưởng của y, và y không thể lấy cái nhỏ mà cho là “tất cả” được. Y biết dạng những quyền năng của đời sống hiển dăng. Và đây là lần thứ nhất, y khởi sống một đời sống thực sự. Nhưng giờ phút mà y đoạt tới tột đỉnh như thế, thì y đã hiến mình cho Đạo rồi và y hoàn toàn tự đảm nhiệm lấy sự tiến hóa mai hậu của mình.

Chỉ khi nào tâm thức hoàn toàn rút khỏi ba hạ thể (xác, vía, trí) rồi và gom vào Chơn Ngã, thì chừng đó nó mới biết dạng kết quả của kiếp luân hồi vừa qua. Bấy giờ người ta mới phát giác ra những đức tánh nào đã đoạt được trong vòng một kiếp. Và

cũng trong lúc đó, người ta thoáng nhìn qua được trọn vẹn kiếp sống của mình. Trong một lúc Chon Nhơn – (với sự thấy rõ rệt của tâm thức) – thoáng biết đặng kết quả của kiếp sống dưới thế gian vừa qua và một phần kiếp sẽ tới, lúc y phải đầu thai lại.

Cái thoáng nhìn của Chon Nhơn đây không cho y biết được kiếp lai sinh của y như thế nào, mà y chỉ biết một cách mơ hồ và tổng quát nhất. Y có thể thấy được mục đích chánh đại của kiếp lai sanh, và những bước tiến của y ở tương lai mà người ta mong chờ cho y đạt được. Nhưng cái thấy của Chon Nhơn lúc bấy giờ có mục đích tối cần là: dạy dỗ y, chỉ cho y thấy những hậu quả việc làm đã qua của y trong kiếp sống vừa rồi. Đó là cơ hội để cho y luyện mình về sau.

Trước hết, Chon Ngã ít biết lợi dụng cơ hội tốt đó: vì y chưa tính trọn, nên không thâm nhập được tất cả những gì xảy đến co y, với những hồ tương vô cùng phức tạp. Nhưng lần lần y xét đoán khá hơn và sau cùng y có được ký ức của sự thấy thoáng qua những kiếp trước, rồi y so sánh chúng nó, và tự trừ liệu những bước tiến ở tương lai. Lại nữa, y hy sanh một phần thì giờ để sắp xếp lại sự sống đến với y. Tâm thức y tiếp tục nẩy nở và y sống một cách đúng đắn tại các cảnh cao của cõi Thượng Giới, khi y có thể đến đó được.

---***---

CẢNH TRỜI THỨ NĂM CỦA CÖI THƯỢNG GIỚI **hay là** **CẢNH TRỜI THỨ NĂM**

(tiếp theo)

Cảnh này là cảnh thấp nhất của cõi Thượng Thiên. Nó là cõi vô sắc tướng (Arupa). Đó cũng là cảnh đông đúc sinh linh nhiều nhất, nhiều hơn các cõi, cái khu mà ta đã biết: bởi vì nơi đây có gần trọn đủ 60 ngàn triệu linh hồn đang đi trên đường tiến hóa hiện hữu – thật ra, trừ phi một thiểu số linh hồn có thể sinh hoạt trên cảnh thứ nhì và thứ nhất của cõi Thượng Thiên.

Như ta đã biết, mỗi linh hồn được biểu lộ dưới hình thức hình bầu dục (ovoide) Trước tiên hình bầu dục này là một cái bọc, như bọc bằng da, thật mỏng (pellicule) không màu sắc chi cả. Nhưng dần theo sự tiến hóa của Chon Nhơn, nó khởi có một chút màu như móng trời chói sáng, giống như bột xà bông hay ốc xà cừ. Màu sắc loang loáng thay đổi ở trên mặt giống như bột nước do cây nước phun lên dưới ánh mặt trời.

Những linh hồn còn có xác thịt dưới thế gian được phân biệt dễ dàng với những linh hồn đã bỏ xác, do sự rung động bên ngoài của cái bọc Chon Thân.

Đa số linh hồn, còn giữ hay bỏ xác, đều ở trong tình trạng mơ mộng và bán tri thức. Những linh hồn hoàn toàn tri thức, thì chiếu rạng. Họ nổi bật giữa đám đông ít sáng rõ hơn họ; họ như những ngôi sao vĩ đại ở giữa trời đêm. Giữa những linh hồn sáng rõ ví tựa vì tinh tú ấy với những linh hồn bán tri thức chói mập mờ hơn, còn có nhiều hạng linh hồn khác, đủ màu, đủ loại. Mỗi linh hồn biểu lộ sự tiến hóa thực sự của mình.

Đa số linh hồn chưa có tâm thức nảy nở đầy đủ, nên không hiểu nổi mục đích của những định luật tiến hóa đang trói buộc họ. Họ tìm sự luân hồi, để tuân theo sự thúc đẩy của Ý Chí Vô Trục và của “Tanhâ” (là sự khao khát mù mờ để được biểu lộ) . Họ muốn tìm một chốn nào để được cảm giác và để được tri thức là mình sống. Thoạt tiên, những linh hồn này không cảm động những làn rung động mau lẹ và sắc bén của chất khí quá thanh tại cõi của họ (là cõi Thượng Thiên) vì chỉ có những sự lay chuyển thô鄙, mạnh bạo và chậm chạp của chất hồng trần là kích động được họ mà thôi. Chỉ tại cõi Hồng Trần, các linh hồn ấy mới thấy mình sống. Vì vậy, người ta mới giải đáp lòng ham muốn nồng nàn để được đầu thai lại tại cõi trần. Sự ham muốn này đồng nhịp với luật tiến hóa. Họ chỉ nhờ những cảm giác bên ngoài để được nảy nở mà thôi. Họ bị chúng nó kích động từ từ. Và ở bước đầu, chỉ tại cõi trần họ mới tiếp nhận được chúng nó. Dần dần, quyền năng kích động đó tăng cường, trước hết, nó ứng đáp được với những làn rung động thanh bai hơn của cõi trần, và về sau, nó từ từ đáp ứng được với những làn rung động của cõi Trung Giới. Về sau, cái vĩa của họ, từ hồi nào tới giờ, chỉ là cái cầu để di chuyển những tình cảm cho Chơn Nhơn, nay từ từ trở thành một khí cụ đặc biệt cho họ dùng. Bây giờ, tâm thức họ chú vào sự xúc động hơn là sự cảm giác thuần vật lý.

Đến mức tiến cao hơn và cũng trong tình trạng cũ (nghĩa là tập kích thích trước sự đụng chạm bên ngoài) các Chơn Nhơn gom tâm thức lại và tập trung tại thể trí, để sống đồng nhịp với những hình ảnh trí thức tự tạo ra, và cũng để lấy trí thức cai quản tình cảm.

Đến mức tiến hóa cao hơn nữa, tâm thức tập trung vào Chơn Thân (tức là Thượng Trí). Nơi đây, Chơn Nhơn mới cảm được sự sống thật sự của mình một cách mãnh liệt. Trong giai đoạn tiến hóa này, linh hồn vượt lên khỏi cảnh của nó và đến tận cảnh cao kế đó (cảnh thứ hai của cõi Thượng Thiên) và đời sống dưới trần từ đây hết còn ảnh hưởng tới họ nữa. Nhưng hiện nay, ta nói về đa số linh hồn ít tiến hóa, họ dò dẫm, và giương tay ra trước bề tình thần giống như con rêu con sứa đang lay chuyển. Đó là những linh hồn còn dính lứu với cõi trần một cách thấp kém. Họ quên rằng, Phàm ngã là những tên biệt phái đem lại họ vật thực và sức mạnh. Phàm ngã không thấy gì cả, nó không thấy dĩ vãng và cũng không thấy tương lai: bởi vì nó chưa tri thức được chính cõi của nó. Tuy nhiên, vì lẽ nó chồng chất dần dần những kinh nghiệm, và đồng hóa chúng nó, nên nó tự biết được hành vi nào xấu và hành vi nào tốt. Nó biểu lộ sự biết ấy một cách bất toàn trong phàm tâm của nó. Dần dần, trên nấc thang tiến hóa, tri thức của nó được rõ rệt hơn, và trở thành động lực hướng dẫn tánh hạnh nó tại cõi trần.

Nhờ những cái thoáng nhìn rõ rệt của tâm thức, mà ta đã nói ở trước, những Chơn Nhơn tiến hóa nhiều lại được mở mang thêm tại đây. Họ có thể lo việc nghiên cứu về dĩ vãng của họ. Họ tìm nguyên nhân của nó và hồi cố lại những bài học đã qua, nhơn đó sự xung động của họ được hẳn định rõ ràng, và nó trở thành trong tâm thức phàm trần một cái xác tín vững chắc, một cái trực giác bất đề kháng, trong kiếp lai sinh.

Không cần lập lại nữa rằng, những hình tư tưởng của hạ trí (Rupa) không lên tới cõi Thượng Thiên được. Nơi đây mọi ảo ảnh đều biên tan, và mỗi Chơn Nhơn đều biết cái gì liên quan đến nó. Chơn Nhơn hiện lên như một vị Hoàng Đế, như một Đấng

Bất Tử, xuyên qua kiếp này sang kiếp khác, không làm mất đi những mối liên hệ đến đời sống thực sự của y.

Trên cảnh thứ ba của cõi Thượng Thiên (hay là cảnh thứ năm của cõi Thượng Giới) cũng có Chơn Thân của vài con thú mới thoát kiếp thú làm người. Thật ra chúng nó hết làm thú vật rồi, mà giờ đây chúng nó là những người, nhưng còn trên nấc đầu của thang tiến hóa, với cái Chơn Thân nhuộm một tí màu sắc.

Khi thú vật được thành người rồi, thì nó rút vào Chơn Thân của nó để chờ cơ hội đầu thai làm người, (tức là người thượng cổ). Ở trong Chơn Thân, dường thể nó không có chút gì tri thức đến ngoại cảnh, và sống trong an lạc tuyệt vời. Nó nếm được sự an tịnh và lạc thú. Trong lòng nó có xảy ra một cái gì khoáng đại mà nó khó lòng biết được nguyên nhân. Dù sao mặc lòng, nó đã nếm được tất cả sự an lạc mà nó có thể có được trong hiện tại.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI

CẢNH TRỜI THỨ SAU hay là

CẢNH THỨ NHÌ CỦA CÔI THƯỢNG GIỚI

Tại cảnh Trời thứ năm có nô nức sinh linh. Nay chúng ta bước qua cảnh Trời thứ sáu – thừa thốt hơn, tỷ như chúng ta đi từ Đô Thành đến thôn quê vậy. Trong hiện tình tiến hóa của con người chỉ có một số thật ít linh hồn bước đến đó mà thôi.

Họ có thể quan sát với một mức độ nào – cái dĩ vãng của họ, họ biết được phương pháp và mục đích của sự tiến hóa. Họ cũng biết rằng, họ đang bị bắt buộc phải hoàn thành sự tiến hóa của chính họ. Họ hiểu được những giai đoạn của kiếp Nhơn sanh tại cõi trần. Họ biết được đời sống bên kia cửa tử. Và rút lại, họ hiểu rằng: Họ còn đang sống trong những hạ thế. (nếu họ còn sanh tiền)

Chơn Nhơn ngụ tại cảnh thứ nhì của cõi Thượng Giới (hay là tại cảnh Trời thứ sáu) xem Phàm ngã dính liền với y như là thành phần của y, nên y rán dặt dìu, bằng cách áp dụng sự hiểu biết đã qua như là một kho báu kinh nghiệm. Y rút trong đó sự xác tín rõ rệt về điều lành, điều dữ, cùng những định luật cho hạnh kiểm của Phàm Nhơn y đang sinh hoạt tại cõi trần. Nhờ vậy mà y phóng ra trong tâm phàm ngã những chỉ thị để dạy dỗ. Nhơn đó, người ta mới nói: linh hồn kiểm soát và điều khiển hành vi của phàm Nhơn.

Ở đoạn đầu của đời sống trên cảnh Trời thứ sáu, Chơn Nhơn có thể khó lòng mà làm cho Phàm Nhơn hiểu được ý mình một cách hợp lý cùng những nền tảng của định luật bắt buộc phải tuân theo. Nhưng có điều mà Chơn Nhơn làm được cho Phàm Nhơn là: tạo cho Phàm Nhơn có một cái cảm giác là: những ý niệm về bác ái, những đức hạnh như sự chơn thật, tính công bình, lòng ngay thẳng v.v.... đều là nền tảng tinh thần .

Những nguyên lý này đã được ấn tượng vào mỗi sợi thịt của phàm ngã hết sức mãnh liệt cho đến đời, khi gặp phải hoàn cảnh nào, hay gặp phải sự cám dỗ nào, nó cũng không thể đi nghịch được: bởi vì những nguyên lý đó chính là đời sống của Chơn Ngã .

Tuy nhiên, dù Chơn Nhơn có thành công trong sự điều khiển những hạ thể đi nữa, thì y cũng chỉ biết bản tánh và hành vi của chúng nó một cách mơ hồ và bất toàn mà thôi. Y chỉ biết mập mờ những cõi thấp, y hiểu nguyên tắc của chúng nó rõ hơn là chi tiết. Và một phần sự tiến hóa của y là: phải ý thức liên lạc trực tiếp càng bữa càng gần, với phàm ngã của y, phàm ngã đó đại diện cho y một cách quá bất toàn tại cõi trần này. Y phải cảm ứng nó.

Chỉ những người khát khao sự tiến hóa về tinh thần mới sống tại cõi Trời thứ sáu này được mà thôi, nhơn đó, họ có khả năng tiếp nhận ảnh hưởng của những cõi cao hơn. Cõi Trời thứ sáu này và những cõi cao hơn đó được thông đồng với nhau càng ngày càng thêm chặt chẽ, giữa đôi đàng, có một lượng sống (tinh thần) mạnh mẽ lưu chảy xuyên qua. Nhờ vậy mà tư tưởng trở nên rõ rệt và dễ thấu suốt hơn, dù là với những linh hồn ít tiến hóa hơn cũng vậy: kết quả là họ có một khuynh hướng về khái niệm triết lý và trừu tượng.

Còn đối với những linh hồn tiến hóa cao hơn, thì cái thấy này lại còn quảng đại hơn: nó bao gồm dĩ vãng, biết đặng nguyên nhân và hậu quả của hành vi đã qua. Sự thấy, biết này sẽ đi vào vĩnh cửu, đề hóa thành minh triết muôn đời.

Những linh hồn (Egos), đã bỏ xác rồi mà sống được tại cõi Trời thứ sáu đó, thì họ có cơ hội hết sức thuận tiện để tiến hóa: bởi vì có những linh hồn tiến hóa cao, nơi đó dạy dỗ họ, vả lại họ được thông đồng trực tiếp với Sư Phụ họ. Người ta không còn dạy họ bằng hình ảnh tư tưởng nữa, mà dạy họ bằng ánh sáng tuyệt vời, lời phàm khó tả, khiến cho tinh hoa của tư tưởng vọt bắn lên như ngôi sao xẹt, để đi từ Chơn Ngã này đến Chơn Ngã khác. Sự liên quan giữa những ý niệm này biểu lộ bằng các làn sóng nhẹ nhàng, do ngôi sao ở trung tâm điểm phóng ra. Nơi đây, tư tưởng giống như ngọn đèn để trong phòng: nó soi sáng mọi vật không cần phải miêu tả chúng nó.

Tại cảnh Trời thứ sáu này, người ta mới thấy đặng cái đức quý vô giá của tinh thần thiêng liêng đang tạo tác. Linh hồn tại đó có thể học hỏi, nghiên cứu về những nghi hình (archetypes) ^[1] của vạn vật đang tiến hóa dần dần tại các cõi thấp. Y có thể giải đáp mọi bài toán đồ khó khăn liên hệ đến hành vi của những nghi hình ấy. Y có thể thấy đặng một phần sự thiện trong cái mà mắt phàm cho là xấu. Nói một cách tổng quát, tại cảnh Trời thứ sáu đó, những hiện tượng lấy lại được cái tỷ lệ thực sự của chúng nó, và con người phát giác đặng sự đúng đắn của con đường thiêng liêng liên hệ đến sự tiến hóa của các cõi thấp.

^[1] Nghi hình hay mô hình là hình kiểu mẫu

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI MỐT

CẢNH TRỜI THỨ BẢY hay là

CẢNH THỨ NHẤT CỦA CÔI THƯỢNG GIỚI

Cảnh này là cảnh vinh quang nhất của các cảnh Trời. Trên đó cũng có rất ít linh hồn tiến hóa rất cao. Họ đại diện cho nhơn loại của ta. Họ là những Đức Thầy Minh Triết và Từ Bi, những vị được Điểm Đạo và những người đệ tử Chơn Tiên. Một trong những bức thơ đầu tiên của Chơn Sư, có viết rằng: “Trừ phi một vị đã được Điểm Đạo rồi, thì không ai hiểu nổi tình trạng của loài tinh hoa thứ nhứt và thứ nhì của côi Thượng Thiên và Hạ Thiên. Vậy không thể dùng lời phàm mà diễn tả ra đặng”.

Không có một lời nào có thể nói lên đặng sự tốt đẹp ở hình thể, màu sắc và âm thanh tại côi Thượng Thiên được: bởi vì lời phàm không thể giải thích đặng sự vinh quang sáng lạn của cảnh Trời .

Khi đến cảnh Trời thứ bảy, chúng ta liên lạc lần đầu tiên với một côi Huyền Không (Plan Cosmique) do chiều rộng của nó. Trên cảnh đó, có một Đấng mà lời phàm tả không nổi. Vậy, vì nhu cầu hiện hữu, ta nên đi qua một bên những “Vị” thuộc về “Nhân vật Huyền Không” (êtres du domaine cosmique), chúng ta chỉ nói đến nhân vật đặc biệt sống trên côi Thượng giới của dãy Hành Tinh của ta đây mà thôi.

Những vị nào lên được cảnh Trời thứ bảy là những người đã hoàn tất được sự tiến hóa của cái trí rồi, nhơn đó, xuyên qua họ, người ta thấy đặng những gì cao thượng sáng chói trong cái tâm thường thấp kém. Đối với họ, tấm màn ảo ảnh của phàm ngã đã được vén lên. Họ hiểu và biết rằng: họ không phải là bản ngã thấp hèn, họ chỉ dùng nó như là một khí cụ mà thôi.

Đối với những người kém tiến hóa hơn, thì cái bản ngã thấp hèn ấy còn có khả năng làm xáo trộn, nhưng không bao giờ rơi vào sự lầm lạc là: “lầm lộn bản ngã với kẻ dùng bản ngã”. Cái lỗi này không còn vướng vào họ đặng; vì họ tri thức chẳng phải từ ngày này tới ngày kia, mà từ kiếp này đến kiếp khác, vì vậy những kiếp đã qua là một hiện tại vĩnh cửu: linh hồn xem dĩ vãng (các kiếp đã qua) như là một kiếp duy nhất, chớ chẳng phải kiếp này kế tiếp kiếp kia.

Trên cảnh Trời thứ bảy đó, Chơn Nhơn tri thức đặng cảnh Trời của mình đang ở và cảnh Trời thấp hơn. Nếu họ tiếp được tư tưởng thiêng liêng của bạn bè, thì họ biết cách lợi dụng.

Ở trên cảnh thứ ba của côi Thượng Giới và chỉ đến một phần thấp của cảnh thứ nhì. Chơn Nhơn vẫn tri thức được các cảnh thấp một cách lơ mờ. Nhưng khi y đến được cảnh Trời thứ nhì rồi, thì sự thấy của y trở thành quảng đại một cách lạ lùng.

Giờ đây, y hoạt động trong Chơn Thân, dưới ánh huy hoàng của cảnh Trời cao hơn. Tri thức của y trở thành linh hoạt tức khắc. y có thể dùng ý chí phóng ra một luồng thần lực mới khi y muốn dùng để dạy dỗ ai.

Chính tại cảnh thứ nhất của cõi Thượng Giới, mà phần nhiều ảnh hưởng của các Đức Thầy Minh Triết đến với thế gian. Các Ngài dắt dìu sự tiến hóa của người trần bằng cách ảnh hưởng Chơn Nhơn (Ego) của họ ^[1], bằng cách ban cho họ nghị lực và cảm ứng để đốc suất sự tiến bộ tinh thần và để soi tỏ trí khôn cùng tình lọc tình cảm của họ.

Chính tại cảnh này, mà thiên tài tìm ra cảm hứng, và cũng tại đây, sự cố gắng làm việc thiện tiếp được lời an ủi. Dường như tia sáng mặt trời tủa rải ra từ một trung tâm điểm, để hơ ấm muôn loài vạn vật xung quanh, các Đức Thầy Minh Triết (Les Maitres de la Sagesse) (là bậc huynh trưởng của dân tộc) ban rải cho mọi người ánh sáng và sự sống mà các Ngài có nhiệm vụ phát ra. Mỗi người tiếp nhận tùy khả năng mình, rồi đồng hóa với nó và nhờ nó mà tiến lên. Cái vinh quang của cõi Trời ấy là cái vinh quang trong phụng sự. Những người nào đã đi mút đường tiến hóa về trí rồi, thì giống như các “nguồn suối” tủa rải thần lực cho những kẻ còn đang trèo lên dốc. Trên ba cảnh cao của cõi Thượng Giới có những vị Thiên Thần vô sắc tướng (nghĩa là hình thể thay đổi liên liên, theo tư tưởng chứ không có cái nào là trụ cở). Các vị Thiên Thần ấy không có hình thể nào dày và nặng hơn Chơn Thân. Cách sống của các Ngài rất khác biệt với cách sống của chúng ta, nên khó lấy lời phàm mà diễn tả ra đặng.

Những Thiên Thần vô sắc tướng ấy (les Dévas Arupa) có nhiệm vụ cai trị các giống dân và các quốc gia.

Trên những cảnh vô sắc tướng của cõi Thượng giới còn có một số ít người ý thức, họ vốn là những người “phù thủy” của thời xưa. Họ hiểu biết về sự “hợp nhứt”, tuệ giác của họ cũng được mở mang. Nay họ biết, họ đã lầm đường, lạc lối. Họ hiểu rằng, không ai có thể ngăn được bước tiến của nhân sinh. Họ bị luật Quả Báo khuất phục họ, bắt họ phải làm theo đường lối nghịch (nghĩa là theo đường lối ly tán) (dans le sens de la désagrégation). Họ làm việc theo đường lối ly tán chứ trong thâm tâm của họ không phải như vậy, thí dụ họ đưa thần lực đến chống với một số người cần phải được mạnh mẽ để thắng trận tinh thần. Trường hợp này đã được bà Marie Coralli nêu lên trong quyển “Sự ưu phiền của quỷ Satan” (The Sorrows of Satan). Trong quyển sách đó nói quỷ Satan chống đối với người, nhưng khi nó thất bại thì nó lại vui mừng. Khi người tiến hóa về tinh thần, chiến thắng đặng nó, thì nó lại hớn hờ trong lòng. Trong sách Purânas Ấn Độ, cũng có nói về điểm này. Có vài trường hợp, một người kia đoạt đến mức cao xa của sự Minh Triết. Y phải đầu thai lại để trả một phần quả báo do y làm dưới hình thức “chống đối điều thiện”. Quả Báo bắt buộc y phải gom vào mình tất cả mãnh lực ác rải rác dưới thế gian để đem thủ tiêu.

Nhiều tôn giáo đã trình bày ý niệm trên đây một cách khác hơn.

^[1] Các Đức Thầy Minh Triết thường giúp người thế gian bằng cách ban rải thần lực cho Chơn Ngã hơn là giúp đỡ Phàm nhơn (xác, vía, trí).

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI HAI

TRISHNA HAY LÀ Ý MUỐN ĐẦU THAI

Nguyên nhân sự đầu thai

Ta đã học qua bản tánh cùng nhiệm vụ sinh trưởng và mở mang của Chơn Thân ta (corps causal), đó là ta đã học về phần sắc tướng của Chơn Nhơn. Bây giờ, ta phải hiểu rõ hơn về chính Chơn Nhơn, nghĩa là một phần tử tri thức và tác động.

Chính nơi chương này, ta sẽ học Chơn Nhơn trong sự liên lạc của nó với những Phàm nhơn: tóm lại, ta sẽ học về phần tinh thần của sự luân hồi.

Bài học của ta sẽ chia làm hai phần :

1)- Phần thứ nhất, ta sẽ học về Trishna (là sự khao khát xui giục Chơn Nhơn đi đầu thai) .

2)- Phần thứ hai, ta sẽ học về sắc tướng của sự Luân Hồi, nghĩa là cách Luân Hồi.

Về sau, ta sẽ quan sát đến những trạng thái của Chơn Nhơn đối với Phàm nhơn của nó. Đoạn ta sẽ học về Chơn Nhơn trên cõi của chính nó. Rồi lại ta sẽ học, tùy theo phương tiện của ta, về sự liên lạc giữa Chơn Nhơn và Chơn Thân (la Monade) .

Cái nguyên nhân chánh đáng và cái nguyên thủy của sự đầu thai là Ý Chí của Càn Khôn (Voilonté Cosmique). Chính nó ảnh hưởng Chơn Nhơn, khiến cho Chơn Nhơn nảy sanh ý muốn tự biểu lộ (tức là tự đầu thai). Tuân theo ý chí này, Chơn Nhơn mới xuống các cõi dưới. Cái ý muốn tự biểu lộ đó lấy tên là “Trishna” nói theo Phạn ngữ (sanskrit). Còn nói theo Phạn ngữ (Pali) thì ý muốn đó là “Tanhâ”. Chính nó là cái “khát vọng” mù quáng để tự biểu lộ, là cái ý muốn tìm một khu vực nào đó để cho Chơn Nhơn có thể tự biểu lộ và có thể thu nhận những cảm giác và những sự đụng chạm từ bên ngoài đưa đến, chúng nó là những nguyên nhân duy nhất làm cho Chơn Nhơn sống một cách ý thức và tự cảm biết mình sống.

Danh từ “muốn sống” đây không phải hiểu theo ý nghĩa tầm thường, mà phải hiểu “nó” là một sự biểu lộ hoàn toàn, một ý muốn có một tâm thức trọn vẹn, có khả năng rung động trong tất cả khu vực của mọi cảnh. Điều này khiến cho Chơn Nhơn cảm thấy mình có thiện cảm hoàn toàn với vạn vật.

Như ta đã thấy ở sau, Chơn Nhơn không có một tâm thức đầy đủ ở chính cõi của nó, và như vậy, nó có một cái cảm tưởng vô cùng vui vẻ, một sự khát vọng để được thực hiện cái gì quảng đại hơn trong đời sống. Chính sự khát vọng này của Chơn Nhơn là nguyên nhân sự đòi hỏi, tại trần gian, một đời sống trọn vẹn hơn.

Không có một sự áp lực nào bên ngoài thúc dục con người phải luân hồi, điều gì đến với con người là do con người muốn. Nếu con người không muốn trở lại trần, thì sẽ không trở lại. Nhưng bao giờ trong lòng y còn ước vọng một điều gì ở đời (mà đời có thể hiện cho y), thì y muốn đầu thai trở lại trần. Vậy, Chơn nhơn không bị thúc dục đầu thai xuống cõi trần phiền não này, mà nó bị sự khát sống của nó, lôi kéo nó xuống thế gian .

Ta hãy tìm một sự so sánh trong xác thân. Khi người ta đã ăn uống và đã đồng hóa xong rồi, thì lại đòi ăn nữa vì xác thân đòi, nó cần có vật thực mới lạ. Không ai bắt

con người ăn: con người tự tìm kiếm vật thực mà ăn lấy vì đói. Cũng y như thế, con người hết sức muốn luân hồi khi y còn bất toàn, khi y chưa đồng hóa với tất cả cái gì do đời hiến cho y. Khi y chưa tận hưởng đáng cuộc đời và vẫn còn muốn một điều gì ở thế gian.

Phải hiểu Trishnâ như là một trong nhiều con đường, do đó mà định luật thay đổi của vũ trụ tự biểu lộ. Trong triết lý huyền môn, người ta nhìn nhận cái định luật thay đổi này là sự phát lộ và sự tiêu tan của vũ trụ, là ngày và đêm của Bramâ, là hơi thở ra và hơi thở vào của Đại Khí.

Vì lẽ đó, người Ấn Độ tự cho Thần Dục Vọng như là sự xung động để đi đến sự biểu lộ. Trong kinh Rig Veda (X, 129) có nói Kama là nhơn cách hóa của sự xung động ấy, nó điều dắt và thúc dục sự sanh hóa. Chính cái cử động đầu tiên thúc dục Đức Duy Nhất, sanh hóa, sau khi Ngài biểu lộ cái nguyên lý thuần trừu tượng. Kama là dục vọng, nó vốn là sự cần thiết của một đời sống tình cảm, một đời sống cảm giác, linh mẫn, một đời sống xáo trộn và đam mê.

Khi trí tuệ gần gũi với sự khao khát dục vọng này, thì sự cẩn thận trước nhất của nó là tăng cường nhiệt độ. Quyền Doctrine Secrète (III, 202) có nói rằng: “Nó dùng cái tinh ba của chính nó để tăng cường Kâma”. Vậy Kâma, đối với con người cũng như đối với càn khôn, là cái nguyên nhân đầu tiên của Luân hồi. Và bởi sự khát vọng đó tự đổi ra dục vọng, và dục vọng trói buộc Nhà Tư Tưởng xuống cõi trần. Nó liên tục dắt y trở lại bằng nhiều lần sanh tử. Những Kinh Thánh Ấn Độ Giáo và Phật Giáo đều trung đầy bằng có về cái chơn lý này.

Bao giờ sự thực hiện Trời chưa đạt được, thì luôn luôn vẫn còn Trishnâ! Khi một người kia đã đồng hóa với tất cả cái gì mà y thu hoạch được và đã biến nó ra thành phần của y, thì lúc bấy giờ Trishnâ hiện lên và xui y tìm những cảm giác mới lạ khác. Trước nhất, Trishnâ dùng để ám chỉ sự khao khát những cảm giác bên ngoài. Tuy nhiên, còn có một sự khao khát nữa, một sự khao khát mãnh liệt diễn tả trong câu: “Linh hồn tôi khao khát Trời. Phải, nó khao khát một ông Trời linh động”. Đó là sự khao khát của một phần tử tìm đơn vị. Ta hãy tưởng tượng một phần tử tách rời đơn vị - (mà nó không bao giờ chia ly trọn vẹn được, luôn luôn có một sức co rút đưa nó trở về đơn vị). Tinh thần là thiêng liêng. Không bao giờ nó được thỏa mãn vĩnh cửu khi nó ở xa Trời: chính sự bất mãn đó, chính cái dục vọng tìm tòi đó là nguyên nhân của Trishnâ, là nguyên thủy rút con người ra khỏi cảnh Thiên Đàng (Devakhan) và ra khỏi hoàn cảnh nào cho tới khi mục đích của con người được đoạt mới thôi.

Một người kia có khả năng đoạt được một sự Giải Thoát thấp (nghĩa là một sự giải thoát đầu thai tạm thời). Tỷ như bên Ấn Độ, có vài nhà Đạo sĩ Yogis, họ là những vị trong các người ít tiến hóa ở Ấn Độ, họ dùng ý chí bóp nghẹt mọi ham muốn về cõi đời đặc biệt của họ. Họ tự nói rằng: cõi đời là ảo mộng, và người ta chịu đau khổ để sống nó, là không ích lợi gì, nhứt là khi họ bị khổ sở hay bị thất vọng. Bấy giờ, họ tự cường chế dưới hình thức dứt bỏ (Vairâgya) mà người ta gọi theo danh từ chuyên môn là “Đàn Lửa Vairâgya”. Sự dứt bỏ này đưa cho họ đến một sự Giải Thoát Từ Phần chớ chẳng phải một sự Giải Thoát Tron Ven.

Theo Kinh Upanishads, thì con người sanh xuống thế gian nhằm nơi nào mà dục vọng y đưa đến. Vậy, nếu y bóp nghẹt dục vọng trong lòng y, y không muốn cái gì có ở thế gian thì y quay mặt chẳng nhìn. Y sẽ vào chôn (Laka) bất thường, và trong đó y sẽ ở một thời gian rất lâu. Những chôn đó có rất nhiều, thường thường, chúng nó liên

hệ đến sự cúng quải Thánh thần một cách dị kỳ, họ mài miệt trong những cuộc tham thiền đặc biệt. Một người kia có thể đến đó và sống một thời gian vô cùng. Đối với những ai chuyên tâm tham thiền, thì dục vọng luôn luôn đưa đến để tái tham thiền. Như đó họ ở trong cõi hạ trí, nơi mà dục vọng đưa họ đến.

Mặc dầu những người này tránh khỏi những mối ưu khổ của cuộc đời, nhưng về sau hoặc họ trở lại cõi trần này (nếu nó còn tồn tại) hoặc trong cõi đời giống như thế để tiếp tục bước đường tiến hóa mà trước kia họ đã bỏ dở. Vậy những mối ưu phiền kia chỉ để lại khi khác. Đường thế áp dụng phương cách đó không ích lợi gì.

Chính vì con người có thể “tiêu diệt” được dục vọng, nên các nhà Giáo chủ Huyền Môn xưng tụng sự biến thể của nó. Cái gì đã chết sẽ tái sanh, cái gì đã bị thay đổi sẽ bị biến thể mãi mãi. Một người kia, tiến hóa rất thấp, bóp ép dục vọng, làm tiêu diệt, một lần, mọi khả năng tiến hóa cao: vì y không còn có cái gì nữa để biến đổi. Trong đời sống hiện giờ của y, dục vọng đã mất, như đó, y tạm thời không còn có đời sống cao thượng của sự xúc động và của trí tuệ nữa.

Sự dứt bỏ sai quấy (le faux vairâgya) là một cự lực trước những chuyện thấp hèn, chúng nó sanh ra bởi sự ưu phiền hay thất vọng. Sự lãnh đạm thật sự trước những chuyện thấp hèn, do ý muốn có một đời sống cao thượng, thì lại khác.

Trong quyển “Tiếng Nói Vô Thình” có nói rằng: “Linh hồn cần có “những điểm” thu hút lên cõi cao. Khi con người bóp nghẹt sự ham muốn, thì y chỉ thoát được hương vị của mùi đời trong một thời gian mà thôi, hương vị này vẫn còn tồn tại trong tiềm thức, và một ngày kia, nó sẽ hiện lên”.

Nếu một người kia đã giết chết sự ham muốn, thì y là kẻ tầm thường, y không có những đức tánh tri thức hay đạo đức đặc biệt nào, như chúng ta đã nói, y ở xa cõi trần này, trong trạng thái hạnh phúc tương đối, nhưng vô dụng với y và với kẻ khác.

Lại nữa, nếu y đi sâu vào Đường Đạo, y có thể đoạt đến một trạng thái tham thiền, và những quan năng trí thức của y có được một giá trị lớn lao. Có thể y ảnh hưởng được cõi đời dù là vô ý thức, như đó, y tham dự vào “Đại Luân Sanh Lực” của Trí Tuệ và Tinh Thần, mà các Đức Chơn Sư dùng để giúp đời. Đó là chúng tôi muốn nói đến “Cái kho Thần Lực Tinh Thần” mà các Vị Phật Từ Bi (Les Nirmânakayas) đã hỗ trợ.

Vậy một người như thế đó, chứa chan vọng ước phụng sự, sẽ đến một thế giới mà y có thể giúp đỡ được. Cái thế giới này sẽ ngang với Cõi Thượng Thiên. Y ở đó trong nhiều thế kỷ để ban rải những luồng tư tưởng thu đậm lại để giúp đồng loại và để hỗ trợ Cái Kho Tinh Thần mạnh mẽ này.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BA

NHỮNG HỘT NGUYÊN TỬ TRƯỜNG TỒN và CÁCH THỨC ĐẦU THAI

--- o O o ---

Trong quyển “Võ Trụ và Con Người” có giải rằng, sau khi bỏ xác, Chơn Nhơn từ từ rút lần lên các cõi cao cho tới lúc nó chỉ còn một cái thể duy nhất là Chơn Thân hay Thượng Trí. Trong lúc lâm chung đường Sutratma (kim quang tuyến) kéo theo sinh lực (prâna) đi từ bàn chơn lên đến trái tim, bao xung quanh hột nguyên tử trường tồn cái xác. Hột nguyên tử này đi từ con kinh Sushumna-nâdi (là con kinh nối liền trái tim với não thất thứ ba) lên đến đầu và thẳng đến não thất thứ ba. Đoạn, đường Kim Quang Tuyến cuốn tròn vện hột nguyên tử trường tồn từ từ lên chỗ giáp mí của lư đỉnh cốt và hậu chẩm cốt, để xuất ra khỏi xác. Bây giờ xác thân mới thật là chết.

Dần theo sự rút bỏ các hạ thể của Chơn Nhơn, những hột nguyên tử trường tồn của (cái xác, cái vía và cái trí) đều ở trong trạng thái ngây ngủ. Chúng nó ngây ngủ một cách yên lành trong Chơn Thân – trong khi con người chỉ còn có một cái thể - (là Chơn Thân) – thì con người có trong cái thể ấy những hột nguyên tử trường tồn của cái xác, cái vía, và một phần tử trường tồn cái trí hay là đơn vị cái trí (unité mentale) như người ta thường nói. Ba hột nguyên tử trường tồn được bọc trong một cái lưới bằng chất Bồ Đề. Chúng nó giống như hạt nhân, chói sáng của Chơn Thân. Cái “Nhân” ấy là cái “lưu tồn” của ba hạ thể: xác, vía, trí của kiếp vừa qua. Khi con người còn sống có đủ các hạ thể, thì những hột nguyên tử trường tồn đều chói sáng để chứng tỏ sự linh động của chúng nó. Và khi mỗi hạ thể chết, thì hột nguyên tử trường tồn của thể đó ở trong tình trạng mơ màng, và rút vào Chơn Thân. Trong lúc các hột nguyên tử trường tồn còn đang nửa thức, nửa ngủ, thì luồng sinh lực bình thường của những vòng khu ốc ^[1] giảm bớt để trở thành chậm chạp và sút kém trong thời gian ngơi nghỉ đó. Trong đồ hình số 12 nơi Chơn Thân ta thấy có ba hột nguyên tử trường tồn của ba hạ thể, chúng nó đang mơ màng, đối với người ít tiến hóa.

Đọc giả nên biết rằng: ba hột nguyên tử trường tồn phải được dinh dưỡng trong Chơn Thân: bởi vì người tiến hóa phải làm chủ trọn cả bảy cõi trong vũ trụ, và những hột nguyên tử trường tồn là con kinh duy nhất – (dù chúng nó còn bất toàn) – để nối liền Tam Thể Thượng (la triade supérieure) hay Chơn Nhơn với các hạ thể của chúng nó. Nếu người ta có thể tự nảy nở được mà không cần đến ba hột nguyên tử trường tồn, thì có thể trở thành một Đại Thiên Thần đầy vinh quang trên các cõi cao, nhưng trên mấy cõi dưới, sẽ hoàn toàn vô dụng vì mất cả quan năng cảm xúc, hiểu biết và

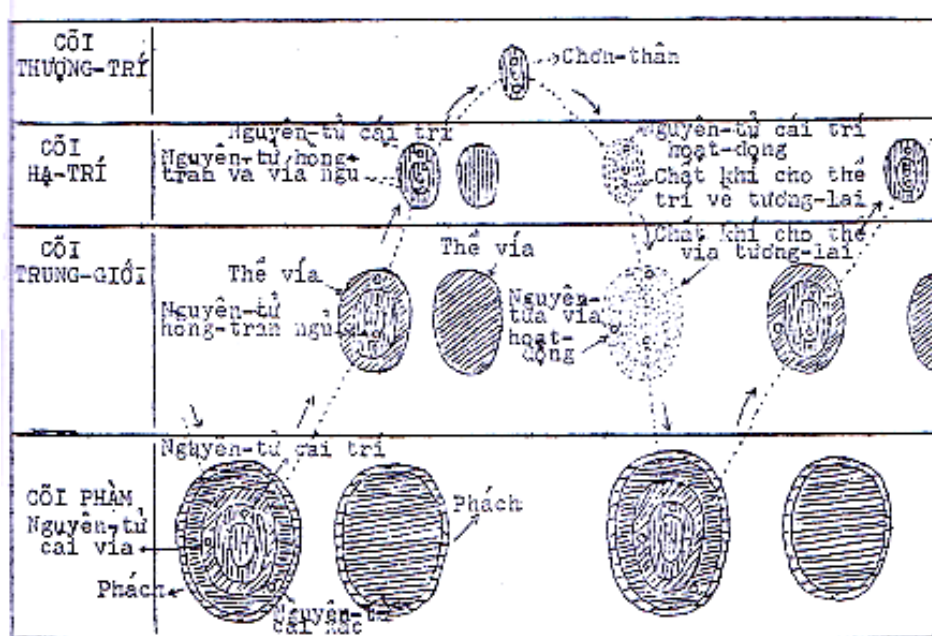
^[1] Vòng khu ốc đây là những vòng xoáy xung quanh hột nguyên tử căn bản hồng trần. Hột nguyên tử căn bản hồng trần này có 7 vòng khu ốc nhỏ và 3 vòng khu ốc lớn. Mắt phàm không thấy được nó. (Xin xem quyển Võ Trụ và Con Người trang 30 của Ông Bà Nguyễn Văn Huân soạn).

hoạt động. Vậy ta không được lìa xa những hột nguyên tử trường tồn, mà trái lại, nên tinh lọc và làm phát triển chúng nó.

Chúng ta nên ghi nhớ rằng: những hột nguyên tử trường tồn rất tiến hóa nhiều hơn các hột nguyên tử khác, Chúng nó sẽ hoàn toàn nảy nở ở cuộc Tuần Hườn thứ bảy, lúc con người đã sẵn sàng thành Chơn Tiên. Lúc bấy giờ, mấy hột nguyên tử trường tồn đó thật tiến hóa, và không có hột nguyên tử nào tiến hóa bằng chúng nó vì chúng nó có trọn cả đức tánh mà chúng nó đã gặt được ở các tiền kiếp.

Khi một người kia đắc quả Phật, thì Ngài không thể nào kiếm được những nguyên tử để cho Ngài dùng ở các cõi dưới hơn là những hột nguyên tử trường tồn do các vị đã thành Chơn Tiên bỏ ra. .

BA HỘT NGUYÊN TỬ TRƯỜNG TỒN VÀ SỰ LUÂN HỒI



(Đồ Hình số 14)

Giải thích đồ hình số 14

Trong đồ hình A ta thấy hình tròn bầu dục tượng trưng con người còn sống có đủ xác, phách, vía và trí với ba hột nguyên tử trường tồn. Khi con người chết, sanh lực bọc hột nguyên tử trường tồn cái xác rút vào tim theo đường Sushumna-nâdi (là đường nối trái tim với óc thất thứ ba) mà lên đỉnh đầu, rồi xuất ra khỏi xác.

Làn kim quang tuyến (Sutrâtma) bọc theo hột nguyên tử trường tồn cái vía mà lên cõi trí. Khi cái trí tan rã rồi, thì đường kim quang tuyến bọc hột nguyên tử cái trí cùng với hai hột nguyên tử cái xác và cái vía kia mà rút vào Chơn Thân. Trong Chơn Thân, hột nguyên tử cái xác nằm trong hết, kế bên nó là hột nguyên tử cái vía, rồi mới đến hột nguyên tử cái trí. Khi con người đầu thai nơi B, hột nguyên tử trường tồn cái trí mới khởi hoạt động, để tạo ra cái trí, có đặc tánh của hột nguyên tử ấy. Rồi kế hột nguyên tử cái vía và cái phách khởi hoạt động, để làm ra cái vía và cái phách cho xác thân mới sau này.

Những hột nguyên tử trường tồn do các vị từ trái đất này hay dãy Hành Tinh này bỏ ra – lúc đắc quả Chơn Tiên – được gom lại và để dùng làm hạ thể cho Đức Phật “Seigneur Gautama Bouddha” khi Ngài xuống cõi thấp đặng giúp đời (như lúc Lễ Wesak mỗi năm vào ngày rằm tháng năm). Vì lẽ hột nguyên tử trường tồn hiện nay không đủ số để làm hạ thể cho Đức Phật, nên vài hột nguyên tử tốt đẹp khác được dùng thay thế. Những hột nguyên tử sau này sẽ được các hột nguyên tử trường tồn diễn lược hóa. Cái hạ thể này của Đức Phật là cái hạ thể duy nhất: vì không có đủ hột nguyên tử trường tồn để làm ra cái khác. Nó được Đức Phật dùng và được giữ gìn kỹ lưỡng. Những thể Thượng Trí, Hạ Trí và Thể Vía của Đức Phật bỏ ra cũng được dùng làm các thể cho Đức Christ, trong xác thịt của Jésus và cho Đức Shankarâchârya. Và hiện giờ các thể ấy sẽ dùng cho Đức Bồ Tát Di Lặc (Maitre Maitreya).

Ta đã nói lạc đề về những hột nguyên tử trường tồn, giờ đây ta hãy trở lại lúc sự sống chấm dứt trên các cảnh cao. Trishnâ là ý muốn kinh nghiệm mới xác nhận lại, và Chơn Nhơn, một lần nữa, lưu ý đến bên ngoài. Nó mới ra khỏi cửa Thiên Đàng (Devakhan) để đi xuống cõi đầu thai, và nó mang theo nó mọi kết quả lớn, nhỏ của việc làm của nó tại cõi Thiên Đàng.

Sự lưu ý của Chơn Nhơn bên hướng bên ngoài, nó phóng ra một làn rung động, nó kích thích đơn vị hạ trí (unité mentale) luồng sống (le flux vital) ẩn trong những vòng khu ốc của đơn vị hạ trí và trong các hột nguyên tử trường tồn khác – (trước còn yếu đuối và kém khuyết trong lúc ngơi nghỉ) – nay thành linh bông tăng cường mãnh lực, rung rẩy và khởi rung động mãnh liệt. Trong đồ hình số 14, nơi B bên tay mặt, ta thấy những làn rung động tỏa ra bằng các tia sáng xung quanh đơn vị trí thức. Lớp vỏ sanh lực của đơn vị cái trí khởi sự nảy nở, đơn vị cái trí tác động như đá nam châm, nó rút xung quanh nó chất khí cái trí đồng nhịp với nó.

Những vị Thiên Thần của loài tinh hoa thứ nhì mới đem chất cái trí đồng nhịp đó để gần bên cho vừa tầm của đơn vị cái trí. Và trong buổi đầu của cuộc tiến hóa, các vị Thiên Thần cũng đảm trách nắm chất khí cái trí thành một lùm mây mỏng bao xung quanh đơn vị cái trí (là đơn vị trường tồn). Nhưng khi sự tiến hóa tăng trưởng dần dần thì chính Chơn Nhơn càng từ từ lo nắn lùm mây cái trí ấy. Cái lùm mây đó, chưa hẳn là một cái trí trung thật, được tượng trưng trong đồ hình số 14 bằng một đường tròn bằng dấu chấm.

Khi cái thể trí đã được thành lập một phần rồi, thì Chơn Nhơn mới khởi sự rung rẩy, phóng thần lực, và đánh thức hột nguyên tử trường tồn của cái vía, và cũng như cách trước, một lùm mây bằng chất khí cái vía đã được tạo ra, nó bao xung quanh hột nguyên tử trường tồn cái vía.

Vậy chúng ta thấy rằng: khi Chơn Nhơn xuống đầu thai các cõi dưới, thì nó không có thọ lãnh một thể trí và một thể vía trong trạng thái hoàn toàn, nó chỉ thọ lãnh chất khí làm ra các cõi ấy trong kiếp lai sanh. Lại nữa chất khí để làm ra cái trí và cái vía này có thể tạo ra hai thể giống hệt với hai thể kiếp trước.

Cách Chơn Nhơn làm ra thể Phách – tức là cái khuông cho xác thịt đã giải ở quyển “Thể Phách con người” rồi, nay ta không lập lại tại đây nữa. Tuy nhiên, ta nên thêm rằng: trong đời sống thai nhi, có một sợi chỉ vàng (Sutrâtma) duy nhất, thông ra, nó dệt một mảnh lưới thanh nhẹ và tốt đẹp không thể tả. Những lỗ lưới nhỏ xíu, người ta ví như là cái lưới của ổ kén.

Trong các lỗ lưới này, đều có những chất thô của thể trí và thể vía lấp vào. Nhơn đó, nếu người ta nhìn vào, với huệ nhãn, thì chẳng thấy chất thô của hai thể kia, mà lại chỉ thấy tám lưới Bồ Đề Sutrâtma thôi. Vậy tám lưới này thấu nhập mấy thể kia và đem sanh lực cho chúng nó.

Trong thời kỳ thai nhi, sợi lưới vàng này, từ hột nguyên tử trường tồn cái xác, thông ra. Đoạn nó tủa ra tứ phía, và cứ tiếp tục tủa ra, cho tới khi hình thể cái xác được đầy đủ mới thôi. Sanh lực chảy dài theo các nhánh nhóc Sutrâtma để nuôi xác thịt.

Thường lệ dường như chính sự hiện diện của hột nguyên tử trường tồn làm cho cái trứng sanh ra một thể mới. Tuy nhiên, trong trường hợp một đứa trẻ sanh ra chết liền là nó không có Chơn Nhơn – (nhơn đó, nó không có hột nguyên tử trường tồn) và nó cũng không có yếu tố dĩ thái. Dù có những đoàn Chơn Nhơn đang tìm nơi đầu thai, - (nhưng đa số thuộc về loại Chơn Nhơn thấp kém) – nên nơi nào họ cũng cho là tốt đẹp. Song le, đến giờ phút chót, xác thân mới trong bụng mẹ đã thành đủ hình, mà không có Chơn Nhơn nào đến chiếm, nên đứa hài nhi sanh ra phải chết liền.

Thật ra, Chơn Nhơn tâm thường không được phép chọn xác thịt cho mình (nghĩa là nơi mình sanh). Nơi sanh của Chơn Nhơn thường thường được chỉ định do tác động của ba thần lực này :

1/- Luật tiến hóa: Khiến cho Chơn Nhơn sanh trong một tình trạng thuận tiện cho sự phát triển đúng với các đặc tánh mà nó đang cần dùng nhất .

2/- Luật Nhân Quả : Chơn Nhơn có lẽ không xứng đáng với cơ hội thuận tiện nhất và nó phải cam nhận một cơ hội ít tốt đẹp hơn. Nó có thể không xứng đáng với một đặc ân nào và số mạng đã định cho nó một đời sống đầy sóng gió, với sự gặt hái kém cỏi.

3/- Mãnh lực liên kết cá nhơn : Về vấn đề tình ái và oán ghét, do Chơn Nhơn gây ra trước kia. Đôi khi một Chơn Nhơn được hấp dẫn vào một tình trạng xem dường không xứng đáng với nó, nhưng vì tình thương riêng của nó đối với một người tiến hóa cao hơn nó mà nó sanh vào gia đình ấy.

Người tiến hóa hơn và đã dẫn thân trên đường Đạo có thể có được vài ảnh hưởng trong sự chọn lựa gia đình và xứ sở nào mà mình sắp sanh. Nhưng trong trường hợp đó, cá nhơn phải tự bỏ nơi ham muốn riêng tư và phó mình vào định luật vĩnh cửu: vì y tin chắc rằng: tất cả cái gì mà định luật đó đem đến cho y là hơn điều y đã chọn.

Cha mẹ không thể chọn lựa Chơn Nhơn sẽ ở trong xác thân mà mình sanh ra. Nhưng, nhờ sống một cuộc đời sống cao thượng, tốt lành, có nhiều thuận lợi cho một Chơn Nhơn tiến hóa, cha mẹ có thể có đặc ân tiếp một vị Chơn Nhơn tốt đẹp đến với mình.

Chúng ta đã thấy rằng: khi Chơn Nhơn đi xuống để đầu thai, thì nó mang trên mình nó một gánh nặng của dĩ vãng, mà đa số gom vào những hột nguyên tử trường tồn, dưới hình thức của khuynh hướng rung động. Những hạt mầm hay hạt giống này đều được Phật Giáo gọi là Uẩn hay Skandhas. Nó là một danh từ đúng nghĩa, không có chữ tương đương trong ngôn ngữ chúng ta. Chúng nó là những đức tánh vật chất, những cảm xúc, những ý niệm trừu tượng, những chiều hướng tinh thần, những quan năng trí não, mà tinh ba đã được giữ kín trong Chơn Thân (le corps causal), còn cái thặng dư, như người ta biết, thì để trong những hột nguyên tử trường tồn và đơn vị cái trí.

Bà H.P. Blavatsky dùng lời nói mạnh mẽ và linh hoạt của bà (mà không ai có thể bắt chước được) để miêu tả Chơn Nhơn trước sự đầu thai, khi nó được những Uẩn (Skandhas) đón tiếp nó .

Bà nói rằng: “Karma (là nhân quả) cùng với bộ binh của nó đang chờ trước cửa Thiên Đàng, là nơi Chơn Nhơn sẽ hiện lên để đảm trách một kiếp luân hồi mới. Chính trong lúc này (sau thời gian ngơi nghỉ) – số mạng của nó rung rẩy trên đòn cân Nhân Quả là một định luật nghiêm khắc, bí ẩn và tất thắng. Luật ấy được thành lập trong công bình và minh triết. Chính trong kiếp luân hồi đã được định luật tuyển chọn và chuẩn bị này, mà Chơn Nhơn có thể tiêu diệt được những lỗi lầm đã phạm trong các kiếp trước. Nhưng không phải tiêu diệt trong địa ngục tưởng tượng có lửa giả tạo, có quỷ có sùng với chia đôi mà chính dưới cội trần này phải dứt bỏ tội lỗi về tư tưởng và hành động. Điều gì Chơn Nhơn đã gieo thì nó phải gặt. Sự luân hồi sẽ gom xung quanh nó những Chơn Nhơn khác đã đau khổ một cách trực tiếp hay gián tiếp vì lỗi của nó, hay vì một hành động vô ý thức ở kiếp trước. Phạm Ngã của nó chỉ là một chiếc áo mới với những đặc tánh về màu sắc, về hình thức và về đức hạnh. Nhưng con người thật sự mặc chiếc áo mới đó y như là kẻ sát nhơn cũ (do quyển “Clé de Théosophie” trang 197” của bà Blavatsky) .

Vậy, chính luật Nhân Quả dắt dẫn – (không do dự) – con người đến giống dân nào, đến quốc gia nào có đủ đặc tánh chánh đại để cho con người có được một xác thân và một hoàn cảnh phù hợp với sự biểu lộ tánh tình của Chơn Nhơn đã tập luyện ở những kiếp trước và với sự gặt hái các tội phước mà nó đã gieo trồng trong kiếp hiện thời.

Chính Nhân Quả vẽ ra đường đi nước bước cho Chơn Nhơn trong kiếp luân hồi này. Nhân Quả đó là cái tổng hợp của các nguyên nhân, mà chính Chơn Nhơn đang làm cho vận chuyển.

Xem tác động của mãnh lực Nhân Quả, ta nên ghi nhớ một yếu tố rất quan trọng: ấy là sự chấp nhận, một cách hăm hở của Chơn Nhơn những điều kiện cường chế phạm ngã, những điều kiện này rất khác biệt với những điều kiện do chính phạm nhơn lựa chọn. Đó là do sự sáng suốt của Chơn Nhơn. Trường học kinh nghiệm không phải luôn luôn dễ chịu, và phạm nhơn, với sự hiểu biết hạn chế, thường cho sự kinh nghiệm của trường đời - đa số - thật là độc ác, bất công và vô bổ. Tuy nhiên, Chơn Nhơn, trước khi lâm vào cảnh mê tân, đã thấy vì nguyên nhân gì những điều kiện đầu thai đó đã được hân định cho nó, và nó cũng biết nó sẽ gặt hái được những gì cho sự tiến hóa của nó? Vậy rõ rệt rằng: mọi đau buồn, mọi lo âu đã qua không còn đè nặng trên cán cân và sự thấy sâu xa và tỏ rõ của nó xem thường những nỗi vui, buồn của thế gian.

- Vậy, tóm lại, đời sống là gì?

Nếu nó không phải là một lực tiến bộ vĩnh cửu của Chơn Nhơn lâm phạm, của linh hồn thiêng liêng, trên dòng tiến hóa đi từ ngoài vô trong, từ hữu hình đến tinh thần, để tới mức tột cùng của mỗi chặng, mà hiệp nhất hoàn toàn với Nguyên Lý thiêng liêng! Đi từ mãnh lực này đến mãnh lực khác, từ cội tốt đẹp hoàn toàn này đến cội tốt đẹp hoàn toàn hơn, với sự vinh quang, sự hiểu biết mới mẻ, và với quyền năng hàng tăng trưởng trong mỗi chu kỳ, đó là số kiếp của mỗi Chơn Nhơn. (Clé de la Théosophie p . 217).

Bà Bác sĩ Besant có diễn tả điều trên đây một cách mỹ lệ rằng: “Với một số kiếp như thế đó, hỏi cần gì những đau khổ tạm thời, cho chí một đời sống bị đắng cay đè nặng?”.

Chúng ta hãy xét lại – một cách mau lẹ - vấn đề Karma (hay Nhân Quả) của Chơn Nhơn. Người ta thấy bay lượn, trên mình Chơn Nhơn, một khối đông đặc Karma. Người ta gọi nó là Sanchita hay là Định Nghiệp (hay là Karma accumulé). Thường thường sự thấy này không vui đẹp gì: bởi lẽ do bản năng của vạn vật, cái khối đó có nhiều điều ác hơn điều thiện. Đây là nguyên do :

Ở những nấc đầu của thang tiến hóa, đa số người đời vì vô minh mà đã phạm nhiều điều đáng trách, cho nên – (như kết quả vật chất) – họ thu hút nhiều đau khổ trên cõi trần. Lại nữa, người tiến hóa bức trung rần sức làm lành hơn là làm ác, nên chung qui, Nhân quả của y tốt hơn là xấu. Nhưng Nhân Quả tốt của y, không vì lẽ gì mà hiệp nhất với khối Định Nghiệp; nhơn đó, người ta có cảm giác rằng: khối Định Nghiệp đó phần nhiều là xấu.

Điều trên đây phải cần giảng nghĩa thêm nữa. Những tư tưởng tốt hay những hành vi tốt đều có hậu quả tự nhiên là cải thiện con người, và cũng cải thiện luôn những đức tánh của hạ thể; chúng nó còn kích thích trong lòng y sự can đảm, tình yêu thương, sự hy sinh và nhiều đức tánh khác. Những hậu quả này cũng lộ rõ trong con người và trong các hạ thể của họ, chớ không lộ trong khối Định Nghiệp vờn vờ trên đầu họ .

Tuy nhiên, nếu cá nhơn đó thực hành một điều thiện với ý định được tán thưởng, thì cái Nhân Quả tốt của việc làm này sẽ đến với y và sẽ hiệp nhất với khối Định Nghiệp cho tới chừng nào nó có thể cụ thể hóa dạng và được đem ra tác dụng.

Nhân Quả tốt loại đó sẽ cột trói con người với thế gian cũng giống như Nhân Quả xấu. Vì lẽ đó mà kẻ nào muốn tiến hóa thật sự, nên tìm hoạt động không ý niệm ích kỷ, không mong chờ kết quả tốt hay xấu của hành vi mình. Điều này không phải nói rằng: người ấy có thể tránh được những hậu quả của hành vi xấu hay tốt do mình tạo ra, mà y có thể đổi thay trạng thái của những hậu quả đó. Nếu y quên mình trọn vẹn và chỉ vì lòng tốt mà hành động, thì tất cả sức mạnh của kết quả sẽ dùng vào sự mở mang tánh tình y, và không có cái chi sót lại để buộc trói y với các cõi thấp, Thật ra, trong mỗi trường hợp, con người có được cái gì mà con người đã tìm. Theo lời Đức Chúa nói: “Thật ra , Ta nói với con, họ có phần thưởng của họ”.

Một Chơn Nhơn, đôi khi quyết định tự gánh vác lấy một Quả Báo nào, trong kiếp này, mặc dầu óc tâm thức y (sa conscience cérébrale) không biết gì cả: những hoàn cảnh bất hạnh – (mà con người phàn nàn) – có lẽ đúng với điều mà y đã chọn một cách hoàn toàn tự ý, để cho sự tiến hóa của y mau phát triển.

Một người đệ tử Chơn Sư có thể chỉ huy và thay đổi Nhân Quả của mình để làm linh hoạt những mãnh lực mới: chúng nó tủa rải tứ phía và tất yếu biến chế chịu hướng của Nhân Quả cũ.

Tất cả chúng ta đều có để sau lưng chúng ta ít nhiều Nhân Quả xấu cho đến bao giờ chúng nó hoàn toàn được trả hết: vì vậy mà sự linh động thanh cao của chúng ta luôn luôn bị trở ngại. Nhơn đó, mà một trong những cố gắng để tiến lên một cách nghiêm chỉnh là phải rần sức nhổ gốc rễ tội ác còn ở trong chúng ta. Nhờ sự rần sức này, mà các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu mới đưa đến chúng ta những cơ hội để cho

chúng ta trả nợ và rút bỏ những chông gai trên con đường hành động ở tương lai chúng ta: điều này có thể thực hiện được không phải là không đau đớn đủ mọi phương diện.

Phần Nhân Quả được chọn để được Giải Thoát, trong một kiếp đặc biệt, gọi là Prârabda hay là Nhân Quả mùi. Để được sự giải thoát đó, những hạ thể: trí, vía và xác đều được tạo ra với một sự bền lâu hẳn định cho một kiếp. Đó là một trong những lý do khiến cho sự tự tử trở thành một điều lầm lạc trọng đại: vì sự tự tử là sự cự tuyệt trực tiếp công nhận cái Nhân Quả đã được lựa chọn cho kiếp đặc biệt này. Và sự cự tuyệt đó chỉ để lại về sau những nỗi khó khăn, bằng cách chồng chất thêm số Nhân Quả một cách chua xót.

Một lý do khác để khuyến trách kẻ tự tử là: mỗi một cuộc đầu thai làm tổn phí cho Chơn Nhơn lắm nhọc nhằn: vì lẽ nó phải chuẩn bị trước, và nó phải bỏ mất đi một thời gian lạt lẽo của thời ấu trĩ để từ từ rần rức làm chủ các hạ thể mới của nó. Vậy, quá rõ ràng rằng: con người vì bồn phận và vì lợi ích cho mình, phải săn sóc và bảo vệ một cách kỹ lưỡng mấy hạ thể của mình. Không vì lý do gì mà con người từ bỏ xác đi. Con người không được phép xa lìa nó, trừ phi Đại Định Luật (là sự chết) cưỡng ép hoặc giả y phải tuân theo một cái bồn phận nào quá ư tối thượng, quá ư khẩn thiết tỷ như bồn phận của người lính đối với quê hương mình.

Cách dùng để chọn lựa một “Nhân Quả muối” cho một kiếp đặc biệt, là tất yếu thật phức tạp. Nó phải có khả năng thích nghi đúng với thời đại cõi trần, đúng với một gia đình, một hoàn cảnh và những cảnh ngộ đặc biệt.

Bởi con người có một ý chí tự do, nên y có thể trả hết quả đã chọn lựa trong một kiếp đặc biệt nào mau lẹ hơn là cách Đức Nam Tào Bắc Đầu đã tiên đoán. Trong trường hợp đó, các Ngài cưỡng ép y trả quả nhiều hơn ^[1]. Điều này giải rõ câu Chơn Ngôn: “Trời thương ai, thì phạt nầy” celui que le Seigneur aime, Il le châtie).

Quả muối Prârabda của một cá nhân kia chia làm hai phần. Quả muối để biểu lộ trong xác thân là quả muối do các vị Devarâja (người ta gọi là mụ bà) tạo ra bằng cách rút loài tinh hoa làm ra xác thân (như đã nói trong Thể Phách con người: chương XV)

Phần thứ hai của quả muối là quan trọng nhiều. Nó ám chỉ số mạng con người xuyên qua đời sống, phước lộc hay khốn nàn. Nó do một hình tư tưởng tạo ra. Hình tư tưởng này không có đáp xuống mà lơ lửng trên đầu con người và nó ngụ tại cõi cái trí. Trên cõi cái trí, nó bay lượn trên con người và tìm cách kích thích những cơ hội để tuôn xuống một phần cho cá nhân. Khi thì nó giáng xuống như tiếng sét, khi thì nó chạm y như một ngón tay quệt. Đôi khi nó xuống thấp nơi cõi trần, đôi khi nó tấn công y tại cõi Trung giới, và đôi khi nó công kích y cách bình địa (horizontalement) trên cõi Thượng Giới.

Cái hình tư tưởng đó tiếp tục tuôn quả báo xấu xuống cho tới bao giờ hết mới thôi. Bây giờ, nó trở về nguyên chất của nó tại cõi Thượng Giới. Thật ra, con người có thể biến cải hành vi của hình tư tưởng Tinh Hoa ấy bằng cách đem vào một số Nhân Quả mới. Người tầm thường, phần đông, không có đủ ý chí để tạo ra Nhân Quả tốt

^[1] Khi con người trả quả mau lẹ, thì trong kiếp tới các Đức Nam Tào Bắc Đầu sẽ cho y trả nhiều hơn bằng cách rút số quả báo xấu trong cộng nghiệp (Karma total) để vào định nghiệp (Xin xem Võ Trụ và Con Người).

mới. Nhơn đó mà hình tư tưởng Tinh Hoa ấy cứ việc tuôn Nhân Quả xấu xuống cá nhơn. Thế là số mạng đã được an bài: Người ta thừa cơ hội của Hoàng Đạo (Thiên văn) để đoán số mạng rủi, may. Và bói số mạng con người có khi hoàn toàn trúng.

Nhưng nếu con người tiến hóa đầy đủ, có một ý chí mạnh mẽ, thì hành vi của Tinh Hoa tư tưởng sẽ bị biến cải rất nhiều, và đời sống của y không giống với tử vi y.

Đôi khi, các sự biến cải này nhiều cho đến đổi hình tư tưởng Tinh Hoa đó không có đủ ngày giờ để tuôn hết Nhân Quả xuống cho cá nhơn, trước khi y chết. Trong trường hợp đó, số Nhân Quả trả không kịp, sẽ rút vào Cộng Nghiệp (là sanchita tức là số Nhân Quả chung của các kiếp con người). Nó dùng để tạo ra một cái hình tư tưởng Tinh Hoa khác giống ít nhiều với cái trước cho kiếp lai sanh tới của con người.

Giờ và nơi sanh đứa nhỏ là do “khí tánh” của nó chỉ định hay là, như người ta thường nói, do “màu sắc” hay là do “điện cao nhất” của nó và cũng do vài điểm của hạt nguyên tử trường tồn. Xác thân phải cần sanh xuống trần gian đúng lúc ảnh hưởng của hành tinh thích nghi với “khí tánh”. Đó làm cho người ta nói: “người này sanh dưới ngôi sao chiếu mạng của Huỳnh Đạo”. Không có ích gì mà nói rằng: chẳng phải Ngôi Sao cưỡng chế “khí tánh” mà chính “khí tánh” hẳn định giờ sanh dưới “Ngôi Sao” đó. Những điều này chỉ nghĩa tại sao có sự liên lạc giữa “Ngôi Sao” và tánh tình. Một số tử vi, tính đúng, rất hữu ích cho sự giáo dục để hướng dẫn tánh tình của cá tính đứa bé.

Chắc chắn rằng: ngày, giờ lâm chung của một người không được hẳn định trước hay lúc y mới sanh. Những chiêm tinh gia quả quyết rằng: họ không thể tiên tri được lúc y lâm chung, dầu họ tính đặng – đến một thời gian nào đó, những ảnh hưởng xấu xa sẽ đến cho y và y có thể từ trần lúc ấy. Nhưng nếu đến lúc đó, y không chết, thì sự sống y sẽ kéo dài cho đến lúc số mạng cáo chung và vân vân . . .

Cái trạng thái không rõ rệt này chắc chắn chỉ tỏ những điểm còn phân vân, để về sau, phân giải. Chúng nó tùy thuộc nhất ở những cải biến của đời sống con người, xuyên qua hạnh kiểm, và xuyên qua cách y sử dụng những đặc ân đã hiến cho y.

Tóm lại, chúng ta hãy đừng quan trọng hóa một cách quá độ cái thời gian lâm chung của chúng ta cùng những trạng huống theo sau sự chết. Chúng ta hãy chắc chắn rằng: những kẻ phải lo lắng cho sự chết của chúng ta biết định đúng cái giá trị tương đối của nó và họ xem sự tiến hóa của Chơn Nhơn là quan trọng nhất mà thôi.

Trong khi chúng ta luận giải về vấn đề “sự tử”, thì chúng ta nói rằng: cái lý do chánh đại để kết tội “sự giết chóc” là hành vi đó làm xáo trộn sự tiến hóa, Giết một người là cướp mất của y một cơ hội tiến hóa đã đặt để cho y trong xác thân này. Cơ hội, đó về sau, y sẽ có lại, trong một xác thân khác. Nhưng y phải chịu sự chậm trễ này, và các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu phải làm việc thêm để tìm cho nạn nhân một sân trường tiến hóa khác.

Thật ra giết một người là phạm một tội trọng, nó hơn là tội giết một con thú: bởi vì con người cần phải tạo ra một phạm ngã mới với các hạ thể: xác, vía, trí, còn con thú, thì trở về Hồn Khóm, nhơn đó, sự đầu thai của nó dễ dàng hơn. Nhưng dù Quả Báo này có ít quan trọng đi nữa, cũng không được phạm một cách cầu thả và vô bổ.

Đối với một Chơn Nhơn tiến hóa cao, thì mọi giai đoạn của thời kỳ ấu trĩ thật hết sức vô vị. Đôi khi, một người kia thực sự tiến hóa, tránh những giai đoạn vô vị ấy bằng cách xin kẻ nào đó nhường lại cho mình xác thân trưởng thành của y. Đó là điều hy sinh mà mỗi vị đệ tử đều vui lòng làm cho thầy mình. Tuy nhiên phương sách này

có nhiều điều bất tiện. Tất cả mọi người đều có những thói quen những chứng kỳ khó mà cải sửa, hơn đó, mà chúng thích nghi rất kém với một Chơn Nhơn khác. Trong trường hợp mà chúng ta đang nghiên cứu đây, con người đã giữ những hạ thể trí và vía cũ, nghĩa là chúng nó là những nhị thể của xác thân trước. Nay đem chúng nó thích nghi với một xác thịt mới, do một Chơn Nhơn khác làm ra, là một điều khó. Lại nữa, khi đó là xác của một đứa bé, thì sự thích nghi có thể hoàn tất lần lần. Nhưng nếu đó là xác thịt của một tráng niên, thì sự thích nghi phải thực hiện tức thì, hơn đó mới sanh ra một sự căng thẳng tốt độ.

Trong quyển *Thế Phách*, chúng ta thắc mắc tại sao xác thân mới được từ từ tạo ra trong một cái khuôn, làm bằng chất cái Phách. Chất cái Phách này đã được Mụ Bà chuẩn bị trước, Mụ Bà là một hình tư tưởng do Tứ Vị Nam Tào Bắc Đẩu tạo ra.

Lúc ban đầu, Mụ Bà đảm nhiệm xác thân, nhưng từ từ về sau, trước khi đứa trẻ sanh ra, Chơn Nhơn cũng dần dần liên lạc với cái nhà mới của nó, và từ đó, hai thần lực (của Mụ Bà và của Chơn Nhơn) đồng hoạt động ăn khớp với nhau. Đôi khi, những đặc tánh mà Mụ Bà cưỡng chế cho xác thân còn lại số ít, nên Mụ Bà có thể lệ làng rút lui, và để cho Chơn Nhơn sự điều khiển hoàn toàn. Trong nhiều trường hợp khác, khi những sự hạn chế có tính cách tiến triển cần phải lâu dài, thì Mụ Bà có thể ở tại đó cho tới khi nào đứa bé được bảy tuổi mới thôi.

Tuy nhiên, trong đa số trường hợp, việc làm của Chơn Nhơn đối với các hạ thể mới của nó – (cho tới lúc Mụ Bà rút lui) – không cực nhọc và dài lâu gì. Thật ra nó liên lạc với xác thân, nhưng nó không lưu ý cho lắm, trong lúc này, nó chờ dịp tốt làm cho xác thân thích ứng nhiều nhất với sức xung động của nó.

Trong thời gian xác thân còn ở trong bụng mẹ - (là lúc nó đang nhờ thể chất của mẹ tạo thành) – thì Chơn Nhơn giữ gìn người mẹ, nhưng nó không tham dự vào sự nắn đúc xác thân. Thai nhi không ý thức được tương lai của nó, nhưng nó hơi ý thức được, một cách mập mờ, làn sống sinh lực của người mẹ, nó cảm giác được sự hy vọng, sự sợ sệt, tính ham muốn và những tư tưởng của người mẹ. Chơn Nhơn của thai nhi không kích động gì đến tâm tánh của người mẹ.

Trong những năm đầu của thời kỳ ấu trĩ, lúc mà Chơn Nhơn liên lạc từ từ với xác thân của nó, thì nó sống đời sống của chính nó trên cõi Thượng Thiên một cách linh động và rộng rãi hơn. Sự tiếp xúc của nó với xác thân mới được biểu lộ xuyên qua sự mở mang của trí óc.

Các Chơn Nhơn rất khác nhau trên lãnh vực lo lắng xác thân. Có thứ Chơn Nhơn thì âu lo chúng nó. Có thứ, thì hoàn toàn lãnh đạm.

Trường hợp một vị Chơn Tiên, thì lại khác. Bởi Chơn Tiên hết còn Quả Báo xấu để trả, nên không có một yếu tố giả tạo nào (élémental artificiel) ^[1] xen vào, chính tự Chơn Nhơn đảm đương sự phát triển của xác thân từ lúc đầu thai. Không có sự cưỡng chế nào giới hạn được cái bào thai đó, trừ phi sự di truyền.

Nhờ vậy mới sanh ra được một xác thân hết sức tinh nhuệ và mãnh mai. Nhưng điều này bắt buộc Chơn Nhơn phải chịu nhiều vất vả tốn kém thời giờ. Hơn đó, mà

^[1] Yếu tố giả tạo đây có nghĩa là Mụ Bà.

Chơn Nhơn tránh làm như vậy, nếu không cần lắm, nó rán sức giữ xác thân của nó sống lâu dài hơn chừng nào hay chừng nấy.

Trong khi các xác thân bị già nua rồi chết, trong khi chúng nó bị nhiều tai nạn như đau yếu vì di truyền bệnh hoạn, rủi ro, lao lực quá sức, buồn phiền, chơi bời vô độ v.v. . . , xác thân của Chơn Tiên lại tránh khỏi mấy điều trên đây. Nó được bền dẻo để làm việc giúp đời. Sự chịu đựng của nó hết sức cao độ.

Trong trường hợp của một người thường nhơn, sự hiện diện bên ngoài của y không nhứt tề như nhau ở kiếp này đến kiếp khác, dù có sự giống nhau cực kỳ. Bởi xác thân, đến một phương diện nào, vốn là sự biểu lộ của Chơn Nhơn, và bởi Chơn Nhơn không thay đổi, nên có nhiều trường hợp nó tự biểu lộ trong những hình thể giống nhau như vậy. Nhưng thường thường, chính đặc tánh của giống dân và của gia đình chiếm ưu thế.

Khi một người kia, rất tiến hóa – (đến đời phàm nhơn hiệp nhất với Chơn Nhơn) – thì Phàm nhơn lại có khuynh hướng thấm nhiễm tánh nét của dáng hình vinh quang trong Chơn Thân là một hình thể tương đối trường cửu.

Nếu nói về một vị Chơn Tiên, thì mọi Quả báo đã được bồi sạch, bây giờ xác thân là sự biểu lộ chân chánh nhất của Chơn Thân. Vậy, người ta biết các Đức Thầy Minh Triết xuyên qua nhiều kiếp Luân Hồi của các Ngài. Và người ta mong chờ xem sự dị biệt của xác thân Ngài đầu thai, trong nhiều giống dân khác nhau.

Cái nghi hình (là hình mẫu) của xác thân thuộc về giống dân chánh thứ Bảy đã được Huệ nhãn trông thấy, nó có một sắc đẹp siêu đẳng.

Người ta thường nhấn mạnh vì thời gian bảy năm, trong khi nói đến Chơn Nhơn lúc chiếm hữu xác thân. Đó là vì lý do vật chất. Thai nhi con người có vài thứ tế bào không phân thân như các tế bào khác. Loại tế bào đó trôi lên phần trên của thai nhi, chúng nó không phân thân. Khi đứa bé chào đời, chúng nó vẫn còn phân cách nhau, trong một thời gian rất lâu, sau khi sanh. Rồi trong một lúc, nảy ra một sự biến đổi ở các tế bào này, chúng nó mọc nhánh. Những nhánh này, chung qui, gặp lại nhau, nhơn đó mà tất cả tế bào đều thông đồng với nhau, những tâm vách chia rẽ bị hút mất, một con kinh vừa mới tạo ra. Sự diễn tiến này kéo dài lối bảy năm. Trong lúc đó, hiện lên một tấm lưới nhỏ, lỗ lưới khép chặt lần lần.

Những nhà sinh lý học và những nhà tâm lý học đều lưu ý rằng: bao giờ tấm lưới chưa hoàn tất, thì đứa bé không thể lý luận liên tục được và người ta phải tránh đừng bắt nó tập suy nghĩ sớm: vì điều này đòi hỏi ở nó một sự căng thẳng quá lớn.

Khoa học vật chất quả quyết rằng: quan năng lý luận tự phát triển đồng thời với tấm lưới.

Các nhà huyền học giải thích hiện tượng này bằng cách nói rằng: một khi cơ giới đã được hoàn bị rồi, thì quan năng lý luận – (đã có sẵn trong Chơn Nhơn) – sẽ có khả năng biểu lộ. Chơn Nhơn phải chờ cho cái óc có khả năng tiếp nhận nó và để mình thấm chìm trong đó.

Chúng ta có nói ở trước rằng: trong khi Chơn Nhơn đi đầu thai thì nó tom góp xung quanh các hạt nguyên tử trường tồn những nguyên liệu cần kiếp để tạo ra các hạ thể, trí, vía mới. Nếu đứa bé bị bỏ lãng cho chính mình nó, thì hạt nguyên tử trường tồn tự động làm ra thể vía y hệt với thể vía kiếp trước. Nếu đứa bé được đối xử một cách minh triết và được điều dắt một cách hợp lý, thì mầm móng tốt của nó – (mà nó mang đến từ kiếp trước) – sẽ hết sức nảy nở, đồng thời nó để mầm xấu ngủ êm. Trong

trường hợp đó, những Mầm móng xấu này sẽ teo lại từ từ, rồi biến mất đi, còn Chon Nhon thì tự tạo trong lòng mình những đức tánh trái nghịch với mầm móng xấu ấy: vì vậy mà nó tự giải thoát được những tật xấu liên hệ.

Cha mẹ và các nhà giáo dục có thể giúp Chon Nhon đạt thành mục đích đó, chẳng những bằng cách dạy dỗ những sự kiện đúng đắn, và khuyến khích, khuyên lơn, luôn luôn hợp lý và nhơn từ mà còn đem tình thương mà tưới rải nó. Đó là cần ích hơn hết.

Trong những quyển “Thẻ vĩa và Thẻ hạ trí”, nơi chương nói về “sự Luân Hồi” chúng ta có nhấn mạnh về sự hữu ích vô biên của những nhà giáo dục có thể giúp đỡ một Chon Nhon, nên ở đây chúng ta không lặp lại nữa.

Tuy nhiên, chúng ta nên thêm rằng: kẻ nào có phận sự giáo hóa một em bé, trong khi khuyên nó làm lành, làm phải và mở mang tánh tốt, lại khêu gợi trong lòng nó những tình cảm xấu như sự sợ sệt, sự mưu mô và tánh ganh ghét v.v. . . , thì y làm ngăn cản bước đường tiến hóa của nó, gây ra nhiều thiệt hại cho đời sống tinh thần nó dưới thế gian, lạm dụng quyền uy để làm một điều bậy là tự chiêu cho mình một sự nguy hiểm trọng đại. Tỷ như, trong vài trường hợp, sự dữ dẫn đối với trẻ con sẽ đem đến sự điên cuồng, sự rối loạn thần kinh. Trong nhiều trường hợp khác, kết quả là một sự đại biến động trên thang tiến hóa: ấy là một nhà Bà La Môn, tài đức, lại sanh vào hàng cùng đinh.^[1]

Cũng theo nguyên lý này, người nào có tiền bạc và uy quyền, lạm dụng chúng nó để hà hiếp những kẻ dưới tay, thì tự rước lấy quả báo thật xấu. Trước mặt các Đấng Nam Tào Bắc Đẩu, người như thế đó – do địa thế của y – có phương tiện ảnh hưởng một số đông người. Nếu y bỏ lãng hay lạm dụng địa thế này, y sẽ gặp điều nguy hiểm.

^[1] Hạng cùng đinh là giai cấp chót của xã hội Ấn Độ, còn hạng Bà La Môn là giai cấp thứ nhất.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BỐN

CHƠI NHƠN VÀ SỰ ĐÀU THAI

Chúng ta hiện nay quan sát tư cách của Chơi Nhơn đối với sự đầu thai của nó trong một Phàm nhơn.

Bởi vì sự tiến triển những đức tính tiềm tàng của Chơi Nhơn, sở dĩ thực hiện được, là nhờ ở sự chung đụng với bên ngoài, cho nên Chơi Nhơn phải xuống tận cõi thấp nhất để tìm sự đụng chạm ấy. Muốn thực hành mục đích đó, thì chỉ có phương cách là ‘đi đầu thai’. Chơi Nhơn mới tự phóng ra một tia sáng xuống các cõi dưới để tìm kinh nghiệm, rồi lại tự rút về với những kết quả của sự rần sức này.

Tuy nhiên, ta chớ tưởng rằng Chơi Nhơn làm như vậy là đánh bắt cứ một vòng nào trong không gian đâu. Nó chỉ tập trung tâm thức nơi cõi dưới, để được tự biểu lộ trong nhiều mức độ khác nhau của cõi vật chất nặng nề.

Sự phóng tia của Chơi Nhơn trong lúc đầu thai, thường được gọi là “sự cho vay” (placement d’argent). Nếu đầu đó im xuôi, thì Chơi Nhơn mong đòi lại, chẳng phải chỉ cái “vốn” không, mà còn số tiền lời vĩ đại nữa, theo thường lệ, thì nó sẽ có đủ. Nhưng trong các cuộc cho vay, đôi khi người ta mất cả vốn lẫn lời! Có lúc một phần “vốn” mà Chơi Nhơn đưa ra bị kẹt, vương vào chất thấp cho nên không rút ra được. Trong chương kế, chúng ta sẽ giải thích từ chi tiết cách xem sự đầu thai như là “sự cho vay”.

Đọc giả biết rằng: mỗi lần Chơi Nhơn đi xuống đầu thai thì nó đều bị hạn chế: vì lẽ không có sự biểu lộ nào của Chơi Nhơn - ở các cõi dưới - mà được hoàn toàn cả. Những đức tánh của Chơi Nhơn được biểu lộ dưới trần rất kém khuyết, nó ví như một bức họa có ba bề đo, mà vẽ trên một bề mặt có hai bề đo! Cũng y như thế, cái đức tánh thật sự, có trong Chơi Nhơn, không thể nào biểu lộ ra được trong chất khí của bất cứ cõi thấp nào. Sự rung động của chất khí đó rất chậm chạp, rất mềm mại không thể diễn tả nó ra được: sợi dây không đủ căng thẳng để lập lại cái âm điệu phát ra từ cõi trên. Tuy nhiên, người ta có thể đồng nhịp hóa nó với một âm giai thứ tám, thấp kém hơn, cũng tỷ như tiếng hát của một người lớn hòa thanh với tiếng hát của một đứa con nít, tạo ra cũng một âm thanh với một khả năng của một cơ quan thấp kém.

Không thể dùng ngôn ngữ trần gian để diễn tả sự đi xuống của Chơi Nhơn, trừ phi khi nào chúng ta đưa tâm thức của chúng ta lên đến mức ấy, và xem rõ điều gì đã xảy ra. Cái ý niệm tốt nhất về sự này là chúng ta thấy Chơi Nhơn thò ra như một cái lưỡi lửa trong những cõi có chất khí trọng trọng hơn cõi của nó.

Chơi Nhơn ở cõi cao hơn: vậy nó cao thượng và thanh bai hơn những sự biểu lộ của nó. Người ta ví nó với những Phàm nhơn (tự nó biểu lộ) như là một hình vuông. Dù số hình vuông có nhiều cho thế mấy đi nữa chúng nó cũng không thể làm ra một hình lập thể vuông đặn: bởi vì hình vuông chỉ có hai bề đo, còn hình lập thể vuông có tới ba bề đo. Cũng y như thế mọi biểu lộ của một cõi thấp không bao giờ với tới được sự huy hoàng của Chơi Nhơn. Dù Chơi Nhơn có dùng cả ngàn Phàm nhơn đi nữa, nó cũng không thể biểu lộ được tất cả cái gì trong nó ở các cõi dưới đặn. Điều mà Chơi Nhơn mong mỏi nhiều nhất là Phàm nhơn đừng chứa đựng cái gì trái nghịch với nó, và Phàm nhơn phải biểu lộ Chơi Nhơn hết sức mình ở cõi trần này.

Chơn Nhơn chỉ có một xác thân, đó là định luật. Nhưng nó có thể làm linh động mọi hình tư tưởng do các bằng hữu của nó phát ra vì thương nó, và nó rất vui mừng có dịp may bổ túc để tự biểu lộ: bởi vì nhờ những hình tư tưởng đó mà nó mở mang được những đức tánh bên trong của nó.

Cũng như người kia, trong trạng thái tâm thức hồng trần, đã tri thức một cách phân minh sự va chạm hồng trần, tình cảm và lý trí, thì giống y như vậy. Chơn Nhơn lần lượt trí thức và tác động, (xuyên qua Phạm nhơn của nó), mọi hình tư tưởng liên quan đến nó, do những bằng hữu của nó phát ra vì tình thương của nó.

Vậy, người minh triết biết rằng: con người thật, chính là “Chơn Nhơn” chứ không phải Phạm nhơn cũng không phải là xác thân nữa. Y tự biết rằng đời sống của Chơn Nhơn là quan trọng hơn hết, và tất cả cái gì liên hệ đến xác thân phải chắc chắn là điều phụ thuộc cho sự lợi lộc tinh thần. Người ấy biết rằng: đời sống trần gian cốt để giúp cho Chơn Nhơn tiến hóa, và sự tiến hóa này là mục đích cao cả của con người. Sự phát triển những quan năng của Chơn Nhơn và những tánh tình của nó chính là cái lý do đầu thai xuống trần. Y hiểu rằng: Sự phát triển đó tùy thuộc ở y và y đến gần sự hoàn thiện chừng nào, thì y càng sung sướng và hữu ích chừng nấy.

Sự kinh nghiệm sẽ dạy y rằng: “Không có cái chi hữu ích cho Chơn Nhơn y hay cho Chơn Nhơn kẻ khác, nếu nó không hữu ích cho tất cả mọi người. Nhơn đó mà y quên mình trọn vẹn và chỉ mong sao cả nhơn loại được hạnh phúc”.

Vậy, sự phát triển Chơn Nhơn là cái lý do chánh đáng của sự đầu thai, nghĩa là Điểm linh quang nhập vào vật chất. Chơn Nhơn tự bao bọc mình bằng lớp vỏ vật chất bên ngoài, khi đi xuống, là vì nhờ lớp vỏ bên ngoài ấy, nó mới tiếp nhận được những làn rung động phản ứng đến với nó. Nhờ những làn rung động phản ứng này, quan năng của nó mới nảy nở được. Chơn Nhơn, vì mục đích ấy, mới hạ mình xuống thấp, mới tự hạn chế trong một việc làm đặc biệt. Các đức tánh khác tốt đẹp, còn bên trong nó, chưa có cơ hội biểu lộ ra. Tất cả kiếp Luân Hồi của Chơn Nhơn đều có mục đích làm cho nó có được như đức tánh đúng đắn và chắc chắn. Nhơn đó, mà con đường tiến hóa là sự minh thị (spécialisation). Trong mỗi giống dân mà Chơn Nhơn đầu thai, và là để hoạch đắc được những đức tánh của giống dân ấy đang xây dựng đến mức độ hoàn toàn. Phần tử của Chơn Nhơn đang đầu thai trong Phạm nhơn là bị đặc thị rõ rệt. Một khi có được đức tánh nào rồi, thì Chơn Nhơn đồng hóa nó và cứ như vậy mãi.

Trong quyển “La cle de la Théosophie”, Bà H.P. Blavatsky có diễn tả một cách linh động về sự đầu thai như vậy:

“Bạn hãy tưởng tượng một linh hồn, một người Trời với danh hiệu nào cũng được, có tánh chất thiêng liêng, nhưng không đủ trong sạch để hiệp một với “Tất Cả” và muốn được vậy, thì linh hồn ấy phải lọc trong bản chất mình cho đến độ đạt được mục đích. Y chỉ thành công là khi nào y tự mình, tự cá nhân mình, nghĩa là lấy vật chất và tinh thần mình mà trải qua mọi kinh nghiệm, mọi tình, mọi lý đã có sẵn trong vũ trụ bất đồng và phức tạp này. Vậy, sau khi đã kinh nghiệm trong những loài thấp kém rồi, thì y luôn luôn lên cao nữa, Y phải trải qua tất cả mọi nấc thang của cuộc đời và cam chịu những điều kiện của cõi con người. Người ta gọi y, trong cái tình ba thật sự (là tư tưởng) làm ra đa số Mânasaputra là “những người con tinh than” (hay võ trụ). Cái tư tưởng cá tính đó, chúng ta là người Thông Thiên Học gọi là Chơn Nhơn thật sự của con người, tức là linh hồn biết suy nghĩ, nằm trong xương trong thịt (của chúng ta). Nó chính là một sinh linh tinh thần chứ không phải vật chất (như chúng ta biết trên cõi

khách quan của võ trụ). Và những sinh linh đó là những Chơn Nhơn đang đầu thai, chúng nó làm bằng chất khí thú vật mà người ta gọi là: “NHƠN LOẠI”, tên của chúng nó là MÂNASA hay Trí “KHÔN NGOAN” .

(Clé de la Théosophie p . 257) .

Danh từ MÂNASA dịch theo sát nghĩa là “các người con tinh thần”. Người ta dùng nó theo nghĩa đặc biệt trong khi diễn ngữ trên. Danh từ này có rất nhiều ý nghĩa, nó bao gồm nhiều hạng trí khôn từ các con của chính Lửa cho tới các sinh linh đầu thai trong Dây Nguyệt Tinh và thoát kiếp thú, lần thứ nhất, trong dây Trái đất để thành người một cách thuần túy.

Những dẫn dụ, những so sánh dồn dập, từ hồi nào tới giờ, đều được dùng để miêu tả sự liên hệ giữa Chơn Nhơn với các Phàm nhơn của trong các những cuộc đầu thai. Nhơn đó, người ta mới so sánh mỗi sự luân hồi là mỗi ngày đi học. Mỗi buổi sáng của cuộc đời, Chơn Nhơn học ôn lại bài của nó đã bỏ dở, hồi chiều hôm qua. Ngày giờ mà học sinh dùng để hoàn tất sự giáo hóa của nó là tùy ở sức cố gắng và tánh cần thận của nó. Sinh viên có lý tính biết rằng: “Chính đời học hành không phải là mục đích, nó chỉ là một sự chuẩn bị cho một tương lai rộng mở và vinh quang. Ý cộng tác với các ông Thầy của y một cách khôn ngoan và y rán học cho tới cực độ để tự giải thoát hầu bước vào vương quốc như một Vị Chơn Nhơn đầy vẻ vinh quang”.

Người ta đã so sánh sự đầu thai của Chơn Nhơn dưới cõi trần với những giờ sống tạm thời của nó, như là sự lặn xuống biển của chim hải âu để tìm cá. Những Phàm nhơn được xem như các lá cây, chúng nó rút từ bên ngoài những nguyên liệu, rồi biến đổi ra chất hữu dụng. Chất hữu dụng này thành ra nó, được phóng cùng trong thân cây để nuôi sống. Đoạn những lá cây hữu ích trong mùa của chúng nó lại hóa vàng, rồi rụng đi, để qua mùa xuân thay vào những lá mới.

Điều này cũng giống tên thợ lặn, y lặn xuống biển sâu để tìm hạt trân châu, thì Chơn Nhơn cũng lặn xuống biển trần để tìm hạt trân châu kinh nghiệm. Nhưng Chơn Nhơn không ở lâu dưới trần được vì không phải là yếu tố của nó. Nó lại trôi lên trong không khí đặc biệt của nó, và dứt bỏ cái yếu tố nặng trọc hơn là yếu tố của chính nó. Đúng thật, khi người ta nói: linh hồn đã trốn thoát cảnh trần để trở về cảnh thật của nó, bởi vì nhà của nó ở tại “Xứ Thần Tiên” còn ở cõi trần, nó chỉ là tên tù đầy .

Người ta cũng so sánh Chơn Nhơn với nhà nông đi ra ruộng làm lụng cực nhọc dưới trời mưa nắng và lạnh lẽo, rồi chiều lại trở về nhà. Nhưng nhà nông là chủ thửa ruộng mình, và tất cả cái gì mà y gặt hái do mồ hôi nước mắt của y, đều thu vào vựa lúa y, và làm giàu cho y. Mỗi Phàm nhơn là phần tử hữu hiệu của cá tính, và đại diện cho cá tính trong cõi thấp. Số mạng của Phàm nhơn không bị qui chế bởi một sự bất công nào: bởi vì chính Chơn Nhơn (đầu thai trong Phàm nhơn) đã gieo quả báo ở dĩ vãng, rồi cũng chính Chơn Nhơn gặt lấy. Nhà nông đã gieo giống nào thì gặt giống nấy. Kẻ nào đã gieo ít thì gặt ít, đã gieo nhiều, thì gặt nhiều. Kẻ nào đã gieo giống xấu, thì sẽ có một mùa xấu.

Chơn Nhơn cũng như quả lắc đồng hồ, cứ mãi đưa qua đưa lại trong vĩnh cửu giữa thời gian sinh sống dưới trần và sanh sống trong cõi tử. Đối với kẻ nào hiểu giờ sanh sống ở cõi tử, thì chúng nó là những giờ sống thật duy nhất. Thường thường Chơn Nhơn chỉ hiểu chu kỳ của đời sống Phàm nhơn mình là khi nào nó trở về cõi trời, và nó chỉ lưu ý một chút đến Phàm nhơn của nó, trong lúc Phàm nhơn sắp rã rời. Trong chu kỳ luân hồi, ta phải lưu tâm đến thời gian ở Thiên Đàng vì thời gian này rất

dài và rất lâu, sánh với thời gian ở cõi thế, trừ phi đối với những kẻ hoàn toàn còn dã man. Cái lý do tại sao người ta nói: “Cõi THIÊN ĐÀNG là trạng thái bình thường và kiếp sống ở thế gian là trạng thái bất bình thường” là vì con người trên cõi THIÊN ĐÀNG rất gần với đời sống Thiên Liêng.

Người ta cũng ví Chơn Nhơn như tên kép hát và những cuộc luân hồi của nó như những vai tuồng trên sân khấu. Cũng y như tên kép hát Chơn Nhơn phải đóng vai tuồng của mình đôi khi không lạc thú chút nào. Nhưng, cũng như con ong hút mật trên tất cả bông, Chơn Nhơn thu nhặt tinh ba của những đức tánh và tâm thức của mọi Phàm nhơn mà nó phóng xuống thế gian, cho tới chừng nào, nó chung kết những đức tánh đó làm một đức tánh, để trở thành một Đấng Hoàn Toàn như Đức DHYÂN CHOAN .

Trong quyển “TIẾNG NÓI VÔ THINH” người ta nói đến những Phàm nhơn như là những cái bóng. Người thí sinh luyện mình để được Điểm Đạo được khuyến nhủ rằng: “Anh rán bền chí cũng như anh sống trong vĩnh cửu”. Những cái bóng của anh sống, rồi biến mất, cái gì trong lòng anh mãi sống, cái gì trong lòng anh biết thì không phải là sự sống tạm thời: bởi vì đó là trí thức, đó là con người dĩ vãng, hiện tại và tương lai, và người đó không bao giờ chết.

Như thế, đời này qua đời nọ, nhà Tư Tưởng vĩnh cửu (tức là Chơn Nhơn) đã đảm nhiệm vẹn tròn, một cách bền dai, cái bổn phận mình là nâng cao trình độ của thú người cho đến khi y xứng đáng hiệp nhứt với Trời. Y chỉ gặt hái một chút thôi, trong một của nhiều kiếp y. Nhưng trong khuôn khổ này, vừa được mỹ thuật hóa lại tạo ra một người khác kẻ đó. Nghĩa là Phàm nhơn trước vừa mãn nhiệm kỳ với sự gặt hái kinh nghiệm của nó thì Chơn Nhơn lại tạo ra một Phàm nhơn khác.

Mỗi một kiếp luân hồi đều đem lại sự tiến hóa cho Chơn Nhơn dù ta không thấy đăng ở những giai đoạn đầu. Hạ thấp thú tánh, nâng cao con người là một công phu bền dẻo. Ở một vài giai đoạn tiến hóa đó, những Phàm nhơn thấy chơn lý cách mờ mờ, chúng nó phản đối sự rung động của Chơn Nhơn. Chúng nó cảm thấy mập mờ rằng: chúng nó được yên lành hơn là sống lẻ loi và chúng nó liên kết với một điều gì trường cửu và bền dai. Chắc chắn, chúng nó không thấy đăng giới hạn bước đi của chúng nó, nhưng chúng nó khởi rung chuyển dưới sự va chạm của Chơn Nhơn. Bấy giờ sự tiến hóa trở thành mau lẹ, và ở những giai đoạn chót, nó càng tăng cường một cách phi thường.

Tất cả sự so sánh này, hữu ích bên trong chúng ta, vẫn còn là thô vụng: bởi vì khó mà giải nghĩa sự liên quan của Chơn Nhơn với Phàm Nhơn. Tóm lại có lẽ hay hơn là nói rằng: “Phàm Nhơn là một mảnh vỡ, là một phần tử của Chơn Nhơn, nó tự phô diễn một cách thật khó khăn”. Khi người ta gặp người kia trên cõi phàm trần, người ta có thể nói thật rằng: người ta chỉ biết y có một phần ngàn mà thôi, mà một phần ngàn đó chắc chắn là ít tốt nhất. Ví dầu chúng ta được phép nhìn vào Chơn Thân (Corps causal) của một người kia, thì chúng ta chỉ thấy sự biểu lộ của Chơn Nhơn trên cõi của chính nó, nhưng chúng ta sẽ không thấy rõ “con Người thật” .

Thấy được Chơn Nhơn trên cõi của Nó như là con người thật, thì con người ấy rất là minh quang. Chỉ có một cách dưới trần này để hiểu “CON NGƯỜI” ấy là “THẬT” là sự tưởng mình như là một vị THIÊN THẦN phi thường.

Nhưng sự biểu lộ của Vị Thiên Thần phi thường đó trên cõi thế không mấy giống với sự biểu lộ của Con Người Thật. Phải như vậy mới được vì nó là một mảnh vỡ của Chơn Nhơn, và mảnh vỡ đó lại bị hoàn cảnh hạn chế.

Nếu một người kia đứt ngón tay trong một lỗ vách tường hay trong một cái ống bằng kim khí, thì ngón tay ấy khó lòng mà chữa quây được. Và người ấy, (xuyên qua ngón tay) khó lòng biểu lộ được cái gì. Đó là số mạng của mảnh vỡ Chơn Nhơn bị gò bó bởi chất khí của xác thân.

Sự tương tựa này có thể còn kéo dài hơn nữa: nếu ngón tay có một tâm thức riêng biệt, thì khi chia lìa xác thịt, nó sẽ tạm thời quên đi sự dính líu của nó với xác thân. Khi nó không biết được đời sống trước kia của nó, thì nó rần thích nghi với lỗ vách tường: Nó sơn phết cái lỗ ấy để làm vui mắt. Nó làm việc để được giàu sang, danh vọng, chứ nó không biết rằng: nó chỉ khởi sự sống một đời sống thật sự là khi nào nó ra khỏi lỗ đó và tìm nhập được với xác thân xưa mà thôi. Cái hình ảnh đó quá vụng về, nhưng nó cũng cho chúng ta cái ý niệm về sự liên hệ giữa Phạm nhơn với Chơn Nhơn.

Chính trong những chuyện thần thoại xưa, người ta thấy đặng những hình ảnh tương tựa đẹp đẽ nhất. Thế nên NARCISSE, người trai trẻ khôi ngô lại mê chính hình ảnh của mình chói trong nước. Nó bị hình ảnh đó mê hoặc cho đến nỗi nó té xuống nước rồi chết chìm luôn trong đó. Các vị thần mới bắt nó biến thành một đóa hoa (gọi là NARCISSE là hoa Thủy Tiên (có nghĩa là người đẹp trai) mọc dưới đất, dính liền với đất. Chính NARCISSE là Chơn Nhơn từ trên cao dòm xuống nước của cõi Trung Giới (là cõi thấp), cõi này phản chiếu Phạm ngã của nó, khiến cho Chơn Nhơn đồng hóa với Phạm ngã và bị cõi phạm cột xích lại.

Còn điều nữa, chính PROSERPINE hái hoa NARCISSE, bị thần bắt và đem xuống địa ngục. Dù nàng được bà mẹ thương yêu cứu thoát hoàn toàn cảnh địa ngục, nhưng nàng vẫn bị phạt phải sống nửa dưới địa ngục, nửa trên mặt đất, hay với cách khác nàng phải sống vừa tại cõi luân hồi và vừa tại cõi Thiên Đàng.

Còn một chuyện thần thoại khác nữa là chuyện “QUI ĐẦU TRÂU” (MINOTAURE). Nó tượng trưng phân nửa người và phân nửa thú. Nó bị Thần THÉSÉE giết chết. Thần THÉSÉE tượng trưng Chơn Nhơn hay cá tính. Khi Chơn Nhơn tiến hóa, có đủ sức mạnh và quyền phép, thì nó vung lên được chiếc gươm để giết QUI ĐẦU TRÂU, cây gươm đó gọi là Gươm Trí Huệ.

Chơn Nhơn nhờ sợi chỉ trí huệ dắt dìu ở cõi ảo ảnh trăm nẻo (là những cõi hạ giới) nên có được trực giác (Ariane). Nhờ trực giác mà Chơn Nhơn có thể tiêu diệt được Phạm nhơn và thoát được lưới rập của ảo ảnh. Nhưng nó không tránh được một sự hiểm nguy khác: là sự kiêu hãnh của trí não. Nó khinh thường trực giác, như Thần THÉSÉE bỏ ARIANE (là trực giác) mới bị thất bại trong sự thực hiện những quan năng cao cả của mình.

Thật ra, muốn có một cái thấy tổng quát về sự luân hồi dù là viễn thị thì cũng phải đứng về phương diện Chơn Nhơn mà quan sát. Trọn cả hoạt động của Chơn Nhơn hướng về các cõi dưới làm thành một đường “cong” to lớn. Thị giác bất toàn của Phạm nhơn chỉ thấy một phần nhỏ của đường cong ấy mà thôi cho nên nó cho đường cong là đường thẳng, nó không lo đến điểm nó khởi hành và điểm nó tới đích, khi nó không thấy được điểm cao nhất của vòng cung.

Đứng về phương diện của Chơn Nhơn, trong thời gian mảnh vỡ (là phần tử của Chơn Nhơn) sống trên cõi trần mà chúng ta gọi là cõi đời, thì mãnh lực phóng ra thật mạnh, đến lúc đó đi nửa chừng, mãnh lực bèn yếu kém đi và hao gần hết cho nên vòng cung mới khởi đi xuống.

Tuy nhiên, không có việc gì thay đổi thành linh dữ dội cả: bởi vì đó không phải là một góc, mà là một điểm của vòng cung ấy, nó liên quan đúng với nơi xa mặt trời nhất của quỹ đạo của một hành tinh. Nhưng chính đó là điểm cao nhất của tiểu chu kỳ tiến hóa dù không có cái chi ghi dấu trong ta. Trong sự sinh hoạt các đời sống của các nhà Ấn Độ xưa, điểm đó chỉ tỏ như là sự “cáo chung” của thời gian “chủ nhà” trong đời người. Theo trật tự xưa, con người phải để 21 năm học hỏi, 21 năm khác phải lo bốn phận của người chủ nhà và của chủ gia đình. Đến nửa đời người, người ấy phải dứt bỏ sự ưu phiền thế gian. Y để lại cho con cái của cải và nhà cửa rồi cùng vợ rút lui vào một cái chòi kế cận. Nơi đây, y chuyển tâm, trong 21 năm nữa, về việc nghĩ ngợi để học Đạo và Tham Thiền. Nếu y muốn ở giai đoạn chót của sự cô liêu hoàn toàn, y vào trong rừng để Đại Định (Contemplation). Vậy, nơi giữa cuộc đời, là giai đoạn “quyết định”. Nó quan trọng hơn là lúc “sinh” và lúc “tử”: bởi vì nó chỉ giới hạn nghị lực của Chơn Nhơn, nó là “sự thở ra để đi đến sự hít vô” nếu người ta có thể nói dạng như vậy.

Từ lúc đó, tất cả nghị lực của con người đều rút vào bên trong và con người, không màng đến chuyện trần gian nữa. Y mới tập trung tư tưởng vào các cõi trên. Sự khảo sát này chỉ làm cho ta biết rằng: những điều kiện của đời sống tân tiến bên ÂU CHÂU không thích hợp chút nào.

Trong vòng cung tiến hóa, cái điểm mà con người bỏ xác không quan trọng gì mấy. Thật ra sự biến động quan trọng hơn nhiều là lúc con người từ bỏ cái vía trên cõi Trung Giới, và lúc con người sanh trên cõi Trời. Hay nói cách khác, sự biến động to tát hơn là lúc rời tâm thức của chất cái vía đến chất cái trí, xuyên qua những cõi đã kể trên.

Như chúng ta đã nói: sự đi xuống hoàn toàn của linh hồn để nhập vào vật chất, bên ẤN ĐỘ được người ta gọi là PRAVITTI MÂRGA (hay là Nhập Thế) nó có nghĩa đen là sự khởi hành, là sự đuổi theo. Còn NIVRITTI MÂRGA (hay là Xuất Thế) là con đường trở về, là lúc hiển dăng, là lúc hưu trí. Những danh từ này cũng áp dụng cho sự tiến hóa trọn vẹn của Chơn Nhơn, và chúng nó cũng áp dụng cho một sự luân hồi của một cá nhơn trong phàm nhơn.

Trên đường PRAVITTI MÂRGA có đa số người đời, những dục vọng được hữu ích và cần kíp, chúng nó dùng để khuyến khích họ hoạt động.

Trên đường NIVRITTI MÂRGA, những dục vọng phải biến mất. Cái là dục vọng trên đường PRAVITTI MÂRGA thì nay trở thành ý chí trên đường NIVRITTI MÂRGA. Cũng y như thế, tư tưởng lạnh lẽ, khinh phù (hay thay đổi) vô định trở thành lý trí, và sự làm việc, sự linh động và hành vi náo nhiệt trở thành đức hy sinh. Mãnh lực của đức hy sinh đã chặt đứt xiềng xích.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI LĂM

CHƠN NHƠN và SỰ “CHO VAY” CỦA NÓ

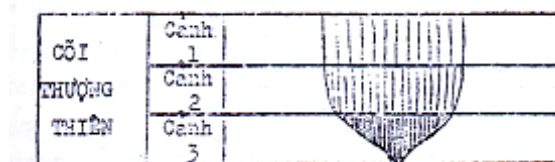
Giờ đây, chúng ta hãy học về sự: “Luân Hồi” của phàm nhơn sánh với sự “cho vay” do Chơn Nhơn chủ trương.

Như trong tất cả sự cho vay, Chơn Nhơn mong thu lợi nhiều; nhưng nó mạo một cuộc hiểm nguy: là nó có thể mất một phần vốn; và trong trường hợp đặc biệt, nó có thể mất cả vốn lẫn lời, khiến cho nó chẳng những bị khánh tận mà còn mất cả vốn lẫn lời!

Chúng ta chớ quên rằng: Chơn Thân (hay Thượng Trí) làm bằng chất khí của cảnh thứ nhất, thứ nhì và thứ ba của cõi Thượng Giới. Phần chính của Chơn Thân thuộc về cảnh thứ nhất, phần kế đó thuộc về cảnh thứ nhì và phần chót, ít hơn hết thuộc về cảnh thứ ba.

Đối với đa số người đời, không có sự hoạt động nào ở phần chót Chơn Thân; cho chí trong những ba cảnh (I, II và III), sự hoạt động cũng kém khuyết. Vậy, chỉ có chất khí của phần chót Chơn Thân mới có thể xuống cõi dưới được. Và chỉ một tiểu số của phần này xen lộn với chất khí của cõi hạ trí và chất khí của cõi cái vĩa mà thôi. Vậy, kết quả: là chỉ một phần tiểu số của Chơn Nhơn linh hoạt đang trong phàm nhơn thôi.

ĐỒ HÌNH SỐ 15



CHƠN THÂN HÌNH GIỐNG ĐÀI HOA

Vậy, nếu đó là những người ít tiến hóa, thì chắc chắn không có hơn một phần trăm chất khí của cảnh thứ ba được linh động. Đối với các học giả huyền môn thì, thường thường họ thêm vào chất khí của cảnh thứ ba đó, một chút chất khí của cảnh thứ nhì. Và ở giai đoạn dưới La Hán (Arhat) có lối phân nửa Chơn Thân linh động.

Chơn Nhơn trong trạng thái nửa ngủ, nửa thức, chỉ có một ảnh hưởng quá yếu đuối, quá bất toàn đối với một thành phần của nó mà nó đang “cho vay”! Nhưng, dầu theo xác thân và các thể vĩa, trí của nó phát triển, thì chất khí của Chơn Thân, lẫn lộn trong mấy thể đó, chợt tỉnh, nhờ sự rung động mạnh của hạ thể. Chất khí, có nhiệm vụ cho sự sống và sức mạnh cùng ý nghĩa cá tánh của các hạ thể tương phản với nhau. Nó xúi giục cái phần tiểu số đó (la fraction) có một cảm giác thật sự.

Chính sự cảm giác này là điều tiểu số cần có, và vì đó, Chon Nhon mới “cho vay”; và chính vì đó là ý muốn sinh hoạt của Trishnâ, mà chúng ta đã nói ở trước.

Mà chính vì cái tiểu số này đã kinh nghiệm điều trên đây, nên linh động hơn các thành phần khác của Chon Nhon, cho tới một ngày kia, nó tự cho mình là Chon Nhon toàn vẹn, và nó tạm quên sự liên lạc của nó với “Cha trên Trời”. Có thể Chon Nhon đồng hóa, trong một lúc, với chất khí mà nó có bốn phận phải điều luyện, và nó chống đối với ảnh hưởng của thành phần này là thành phần làm nổi gạch với trọn cả Chon Nhon trên cõi của nó; thành phần đó là để được lưu giữ chớ chẳng phải để đồng hợp.

Đồ hình số 15 sẽ làm sáng tỏ đọc giả về những gì đã vừa nói. Người ta thấy trên đồ hình. Chon Thân có hình đài hoa bị cắt; phần Chon Nhon đang linh động trên cảnh thứ ba cũng bị chia làm ba phần: A, B, C. Phần A là phần tối hạ của Chon Nhon, nó ở trên cõi độc nhất của nó. Phần B là phần kém khuyết của A; nó ở đó, nhưng không trộn lộn với chất khí của những cõi dưới. Chính nó làm nổi gạch giữa A và C. Đến lượt phần C, nó là thành phần của B; nó hoàn toàn đồng hợp với chất khí thấp của các hạ thể trí, vía. Phần A, đối với chúng ta, tượng trưng thân mình con người, phần B, là cánh tay dang ra, phần C là bàn tay nắm lấy hay những chót ngón tay nhúng vào chất khí.

Vậy, chúng ta, có trước mắt, một hệ thống rất thăng bằng, nó có thể bị kích thích bằng nhiều cách khác nhau. Theo chương trình đã đề nghị sẵn thì bàn tay C phải nắm giữ một cách chặt chẽ chất khí đã đồng hợp trong nó, rồi dặt dìu đến cánh tay B. Phần B phải luôn luôn dưới quyền chỉ dẫn của thân mình A.

Nếu hoàn cảnh thuận tiện, thì sẽ có một mãnh lực bổ sung tưới rải vào thân mình A đi qua cánh tay B rồi xuống bàn tay C để tăng gia ảnh hưởng và làm cho hoàn thiện. bàn tay C được phép trở thành to lớn hơn và mạnh mẽ hơn. Nó được khuyến khích làm như vậy, bao giờ có sự thông đồng giữa nó và thân mình A đang giữ quyền lãnh đạo. Bởi vì chính sự rối loạn của chất khí Chon Thân (làm ra bàn tay C) xui dục bàn tay đó một sự linh động dồi dào, và chống đối hoàn toàn với sự rung động thanh bai. Sự rung động thanh bai chỉ đến thân mình A, và xuyên qua nó mà thôi. Rốt lại, sự rung động thanh bai này đến được cánh tay B và thân mình A, để giúp Chon Nhon tiến hóa.

Rủi thay, sự diễn tiến của biến cố không luôn luôn theo sơ đồ lý tưởng đã chỉ ở trên. Khi ảnh hưởng của thân mình A trở nên yếu đuối, đôi khi bàn tay C hóa thành lộn xộn cho đến nỗi nó đồng hóa với chất khí thấp kém, rồi nó tự, tạm thời, quên mình, vốn là một bản tánh cao cả, và nó tự cho mình là Chon Nhon.

Nếu chất khí thuộc về cõi Hạ trí, thì con người đó sẽ hoàn toàn vật chất. Có lẽ y sẽ có một trí khôn tuyệt vời, nhưng không có tinh thần. Y sẽ không khoan dung đối với mọi chuyện tinh thần, y không thể hiểu được và đánh giá đúng được. Y tự hào mình là một con người thực tế, tích cực và không có cảm tình giả dối, chớ thật ra, y là một con người tàn nhẫn, cứng rắn như đá. Và vì sự cứng rắn này, mà đời sống y, trên phương diện Chon Nhon, sẽ là một điều thất bại và y sẽ không tiến bước gì đáng.

Lại nữa, nếu Chơn Nhơn đồng hợp với chất khí cái vía trên cõi trần, thì y là một người chỉ nhớ đến những chuyện thỏa mãn riêng tư; y quá tàn nhẫn trong khi y đeo đuổi một dục vọng, y bất chấp nguyên tắc, với một sự ích kỷ tàn khốc. Y sống trong đam mê của y, giống như kẻ đắm chìm trong chất khí cái trí, chỉ sống bằng tri thức. Để chỉ những trường hợp như thế, người ta gọi họ là “những kẻ mất linh hồn”; nhưng sự mất mát này không phải là không cứu chữa được.

Bà H. P. Blavatsky – đề cập đến mấy người đó – đã nói rằng: “Những người, vì tật xấu, đã mất linh hồn cao thượng, trong khi còn sống ở trong thể xác, cũng còn một hy vọng chót: là họ có thể chuộc tội bằng cách thay đổi bản năng vật chất của họ. Chính lòng hối quá sâu đậm, hay lời kêu gọi thật tình và duy nhất đến Chơn Nhơn đang lẫn trốn, hay hơn nữa, sự rần rức nghiêm chỉnh để cải hóa dần dần Chơn Nhơn trở lại. Cái nôi gạch không bao giờ mất” (Doctrine Secrète III, 237).

Để trở về với sự so sánh “cho vay”, chúng ta nên ghi rằng trong khi “cho vay” Chơn Nhơn chẳng những chờ lấy lại bàn tay C, mà còn muốn thấy nó lớn hơn về phần lượng và về phần phẩm. Cái phẩm của nó chỉ được tăng cường thôi vì nó được linh động và được tạo có khả năng chống đối liên và đứng với những âm giai rung động rất nhiều hơn trước. Quan năng của bàn tay C - một khi bị hút về - cần liên lạc đến thân mình A. Nhưng khi số nghị lực đã giúp bàn tay C quá mạnh mẽ đó – sẽ tạo ra một gọn sóng yếu đuối, khi nó chuyển đến khắp cả chất khí của thân mình A.

Ở đây, chúng ta nên nhớ rằng: những hạ thể có khả năng chống đối các tư tưởng xấu, hay các cảm xúc xấu, mà cũng còn có thể làm cho chúng nó có một biểu thị nào riêng. Tác động của chúng nó trước những làn rung động này tạo ra một đại biến loạn trong chất khí Chơn Thân ở C. Dù vậy, khó cho bàn tay C lập lại những làn rung động đó hầu thông đồng cho cánh tay B, và thân mình A vì lý do dễ hiểu là: chất khí của ba cảnh Thượng Thiên không thể rung động đồng nhịp với những cõi dưới. Cũng y như vậy, dây đàn vĩ cầm hòa âm với một âm giai nào đó, thì nó chỉ đưa ra một âm điệu của một âm giai kém cõi.

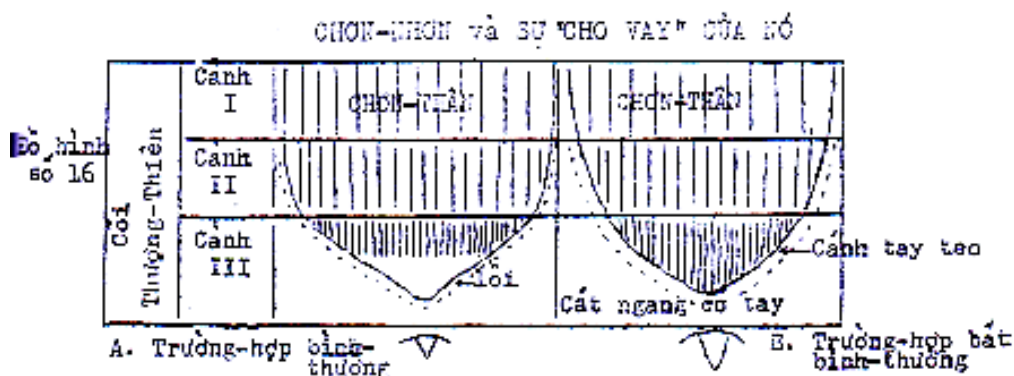
Bàn tay C cũng phát triển bằng sự to lớn của nó: bởi vì Chơn Thân – cũng như các hạ thể khác – luôn luôn thay đổi chất khí; và khi có một sự linh động đặc biệt nào biểu lộ trong một thành phần của chất đó, thì chất ấy nảy nở, tăng cường sức mạnh, giống y như một bắp thịt khỏe mạnh lên nhờ tập thể dục.

Mỗi một kiếp sống trần gian là mỗi một cơ hội chọn lọc kỹ lưỡng để làm phát triển, phẩm và lượng của cái gì mà Chơn Nhơn còn kém cõi. Không nhận lấy cơ hội đưa đến là e phải bị sầu khổ và trì chậm trong một kiếp tới tương tựa; và sự khổ đau còn gia tăng do sự chùng chắt của Nhân Quả càng nặng thêm.

Chơn Nhơn đang có quyền mong chờ tiếp được lợi lộc trong mỗi cuộc “cho vay”; nhưng nó phải ung chịu một chút lỗ lã, nhứt là trong những giai đoạn đầu tiên của cuộc luân hồi. Muốn sự luân hồi có được kết quả hữu hiệu, thì chất khí Chơn Nhơn phải trộn thật ít với chất khí thấp; và trong trường hợp đó, ít khi rút về hết trọn vẹn những mảnh vụn của Chơn Nhơn, nhất là các phần tử liên kết với cái vía.

Khi đến lúc từ giả thể vía, thì Chơn Nhơn chỉ còn là một cái bóng, nó cũng không phải còn là một cái vẩy trên cõi Trung Giới. Sự đặc biệt trên chỉ tỏ: một phần chất khí của Chơn Thân đã biến mất. Nhưng, (trừ phi trong trường hợp của một kiếp sống thật xấu xa) sự lỗ lã này được đền bù bằng một sự lợi lộc, như đó cuộc đầu thai được kết thúc tốt đẹp .

Đồ hình số 16 nơi A chỉ tỏ một trường hợp được xem như là Bình Thường .



Đồ hình số 16.

Sự so sánh cánh tay B và bàn tay C không đưa độc giả đến sự lầm lạc và làm cho họ cảm nghĩ rằng: chúng nó vẫn là hạ thể vĩnh cửu của Chơn Nhơn. Trong kiếp sanh tiền, chúng nó hiện diện rõ ràng nhưng khi đời sống cáo chung, thì chúng nó rút vào thân mình A, và kết quả của sự kinh nghiệm chúng nó sẽ hòa tan trong chất khí của Chơn Thân. Khi đến lúc Chơn Nhơn trả lại chất khí của nó để đầu thai một lần nữa, thì nó không đưa ra cánh tay và bàn tay cũ: bởi vì chúng nó đã bị rút vào trong Chơn Thân, như một ly nước, đổ trong thùng nước, trở thành phần nước trong thùng và không thể nào rút riêng ra được.

Tất cả màu sắc nào – (màu sắc đây tượng trưng đức tánh do kinh nghiệm mà có) – pha trong ly nước đều hòa tan trong thùng nước; mà kết quả thùng nước lại có một màu lợt hơn. Phương châm cũng giống y như nơi Hồn Khóm mà ta đã học ở quyển “Võ Trụ và Con Người” nhưng trừ phi Hồn Khóm phóng ra nhiều vòi ^[1] (tentacules) cái này rồi tới cái kia, còn Chơn Nhơn thì phóng ra cùng một lúc mình A, cánh tay B và bàn tay C. Trong mỗi lần Luân Hồi, Phàm nhơn kiếp này khác biệt với Phàm nhơn kiếp trước; mặc dầu Chơn Nhơn cũng y như cũ.

Trong trường hợp của những người miệt mài trong đam mê và chuyên chú vào hạ trí Chơn Nhơn không có thâu lợi lộc gì về phẩm cũng như về lượng: bởi vì sự rung

^[1] Nghĩa là Phàm nhơn trước vừa mãn nhiệm kỳ với sự gặt hái kinh nghiệm của nó thì Chơn Nhơn lại tạo ra một Phàm nhơn khác.

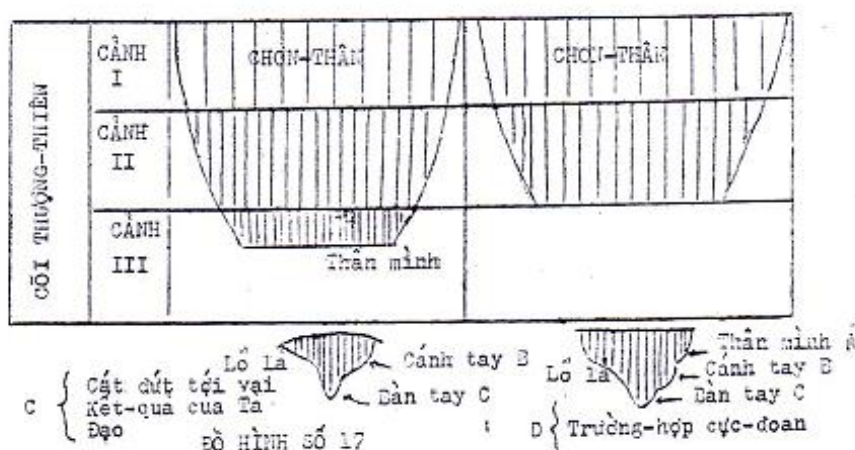
động của hạ thể họ không có bản tánh rút vào Chơn Thân. Lại nữa, vì sự xáo trộn trong vật chất quá mạnh, nên lúc chia lìa, Chơn Nhơn bị “lỗ lã”.

Trong một trường hợp đặc biệt, bàn tay C lại phản động với cánh tay B ; nó đuổi cánh tay B về với thân mình A. Cánh tay B bèn teo lại và tê liệt luôn. Sức mạnh và khí chất nó rút vào thân mình A; còn bàn tay C lại thẳng thê; nó tự do hoạt động một cách vô trật tự; nó không có sự hướng dẫn của óc. Nếu sự chia ly của bàn tay C nơi cánh tay B được hoàn toàn, thì cườm tay sẽ bị cắt đứt. Nhưng đó là điều rất hiếm có xảy ra trong đời sống dưới trần, dù còn đúng một sự liên lạc cần kíp để giữ sống Phàm nhơn. Đồ hình số 16 nơi B chỉ rõ điều vừa nói đây.

Trường hợp đó không phải là vô hy vọng: bởi vì đến lúc cuối cùng, có thể nhờ một sự rần sức đầy đủ, mà một luồng sống mới thổi vào cánh tay bị tê liệt kia khiến cho Chơn Nhơn lấy lại được bàn tay C đã bị mất đi, cũng như nó đã thu hồi một phần lớn cánh tay B vậy. Tuy nhiên, chính đó là một đời sống hư hỏng, dù ta có công nhận rằng: con người đã tránh được một sự lỗ lã lớn lao; nhưng trong trường hợp đó, con người không có chút lợi lộc gì mà còn mất nhiều thì giờ là khác.

Điều tai hại lớn nhất cho Chơn Nhơn là khi Phàm nhơn chiếm đoạt sự “cho vay” của Chơn Nhơn giống như tên cướp giựt tiền. Song trường hợp đó thật hết sức hiếm. Nhưng nó đã xảy ra rồi! Lúc bây giờ, bàn tay C – (trong khi xô đuổi cánh tay B, làm cho nó rút vào thân mình A) – lại hút nó vô rồi tách rời ra khỏi thân mình A. Đồ hình số 17 chỉ về trường hợp đó nơi (C). Trường hợp này có thể xảy ra là chỉ khi nào đương sự mãi nằn nì trong tật xấu, hay là áp dụng tà thuật. Chúng ta hãy dò theo sự so sánh của chúng ta, thì chúng ta sẽ thấy sự thu hút cánh tay B tương đương với sự cắt đứt tới vai, hay là sự lỗ lã của Chơn Nhơn tới gần cụt vốn!

CHƠN NHƠN với SỰ “ CHO VAY ” CỦA NÓ



ĐỒ HÌNH SỐ 17

May thay Chơn Nhơn không lỗ hết vốn mà gần cạn vốn: bởi vì cánh tay B nhập với bàn tay C chỉ là những thành phần nhỏ mọn của thân mình A, và đằng sau A lại còn cả khối chất khí của Chơn Thân chưa tiến hóa trên cảnh I và cảnh II của cõi Thượng Thiên. Xin xem đồ hình số 17.

Cũng may thay cho con người ấy: dù sự cuồng dại và sự dữ dằn của y có tới cực độ nữa, y cũng còn được cứu chữa đặng: lỗi của y sẽ được xóa; bởi vì y không thể vận dụng khối cao của Chơn Thân y được linh động, trước khi y đạt đến một trạng thái: “không thể làm ác được”^[1]

Có vài người dụng tâm làm nghịch với thiên nhiên: Trong khi làm việc cho sự hợp tác, mà mọi mãnh lực của vũ trụ đều hướng vào, họ lại ty tiện hóa những quan năng của họ để đạt được những hậu quả thuần ích kỷ. Họ phí tổn kiếp sống của họ để tạo ra sự chia rẽ; và họ thành công trong một thời gian. Người ta nói rằng “Cảm giác sự hui quạnh hoàn toàn là số phận khôn nản nhất để trừng trị con người”.

Thật ra, sự phát triển tánh ích kỷ một cách bất thường như vậy là đặc điểm của các nhà hành tà đạo: chính trong hàng ngũ của họ có nhiều nhơn vật nguyện ước ở cảnh cô đơn hoàn toàn. Có nhiều hạng cô đơn khác nhau; nhưng tất cả đều dễ sợ. Họ tự chia ra làm hai hạng. Cả hai đều thực hành điều mà họ gọi là “Huyền môn” để mưu cầu lợi lộc riêng tư. Và tôn chỉ của họ không giống nhau.

Một hạng phổ thông và dữ dằn hơn hết là hạng tìm thỏa mãn một khoái lạc về nhục dục nào: một đời sống như thế ấy chỉ còn lại là sự tập trung tất cả nghị lực vào thể trí: Đã thành công bóp chặt mọi ánh từ tâm hay lòng bác ái, mọi tóe lửa hướng thượng, người ấy chỉ là một con quái vật dâm dăng, xuất lão và tàn nhẫn; cho tới chết, y cũng không thể lên khỏi những cảnh thấp nhất của cõi Trung Giới. Tất cả cái gì mà y có về tri thức lại bị dục vọng dày vò; và khi đến lúc chiến đấu, Chơn Nhơn không vót vát được cái gì, cho nên nó bị tổn thương nhiều.

Hiện nay người như thế ấy tự tách rời ra khỏi vòng tiến hóa, và cho đến khi nào y có thể đầu thai lại, thì y ở trong trạng thái “Avichi”^[2]. Dầu y đi đầu thai lại, thì y cũng không gặp được những người mà y đã quen biết: bởi vì y không có đủ “vốn” để làm linh động hơn trước một cái trí và một cái xác. Y đành chịu chiếm hữu những hạ thể của những hạng người rất kém tiến hóa hơn y; họ thuộc về giống dân của thời tiền cổ. Vậy, y thối lui trên đường tiến hóa; và y phải đi lần từ nấc thang một để trèo lên.

^[1] Khối cao của Chơn Thân ở cảnh I và II linh động đặng là khi nào con người tiến hóa cao rồi, tức là lúc con người chỉ làm lành và không thể làm ác được.

^[2] Avichi nghĩa là trạng thái của những kẻ đã tự giết đời sống tinh thần của mình; và họ bị phóng ra khỏi triều lưu tiến hóa. Chính đó là “sự chết thứ hai” của các nhà tà đạo và các người làm ác vì mến sự ác. Avichi cũng được gọi là “Bầu vũ trụ thứ tám” (huitième sphere), cho các vị này, - Dict. Rhéa.

Chắc chắn là y sẽ tái sinh trong xác thân của người đã man; nhưng đại khái y sẽ là một bậc lãnh chúa: vì trí khôn của y vẫn tồn tại. Người ta còn nói rằng: sự thoái bộ của y làm cho y không thể tìm được một xác thân nào của người thấp kém: để sống dưới trần; như đó mà y bị loại ra khỏi cơ Tiến Hóa, và y phải chờ buổi bình minh của một chu kỳ khác, trong trạng thái linh động đang bị đình chỉ.

Và lại, Phàm Nhon đã bị cắt đứt (xem đồ hình số 16-17) “sợi chỉ bạc dính liền với Đức Thầy”. Nó đã bị ngăn cách, nên không còn là một sinh linh hằng tiến; nhưng nó vẫn linh hoạt và mạnh khỏe; nó tiếp tục sống trong tội ác mà không ăn năn, và nó vô trách nhiệm. Đường như số phận của nó là phải tan ra trong hoàn cảnh xung quanh đáng đố kỵ của “Bầu vũ trụ thứ tám” (huitième sphere) nên nó rần rúc kéo dài trong kiếp sống ở thế gian. Được vậy, nó chỉ còn có một phương thế là làm ma hút máu (vampirisme). Khi phương thế đó, nó làm không được, thì, người ta nói, nó giành một xác chết nào gần bên nó để xâm nhập, sau khi đuổi linh hồn ra khỏi xác ấy. Chắc chắn là nó phải chọn một cái xác của trẻ con: vì đời sống của trẻ con còn kéo dài ra được và cũng vì Chơn Nhơn của trẻ con chưa hoàn toàn choán trọn xác thân, nên dễ mà đuổi đi được.

Dù nó có rần rúc như vậy, quyền năng của nó tuột dốc, cho nên người ta không nói đến trường hợp đuổi linh hồn ra khỏi xác của kẻ khác lần thứ nhì sau khi cái xác thứ nhất bị chiếm hữu đã chết. Nhân vật này là một con quỷ đáng ghê tởm nhất, một con quỷ mà người ta không hề thấy chiếm một chỗ đứng trong cơ đồ tiến hóa!.

Vậy tánh bình thường tự nhiên của nó là: phiêu dạt xa khỏi vòng tiến hóa để chịu rút vào ổ ô trược của cõi Trung Giới mà người ta gọi là “Bầu Vũ trụ thứ tám” : Bởi vì tất cả cái gì, mà ổ ấy có, đều xa lạ với sự tiến hóa, xa lạ với Cuộc Tuần Hườn của bảy Bầu Vũ Trụ của chúng ta, cho nên nó không ở chung với chúng ta được. Vì lẽ đó, mà “con quỷ hút máu này” bị mọi cận bã của các đời hư hỏng ở dĩ vãng bao vây; nó đang bị khát vọng vì không thỏa mãn được, nên tan rã từ từ, và cuối cùng nó mới giải thoát được chất khí cái trí và cái vía bao vây nó. Chất khí này không bao giờ trở về với Chơn Nhơn – (vì nó đã rút ra mà đi. Xem đồ hình số 16 – 17) – nó rải rác trong khắp chất khí của cõi để làm thành chất phức tạp mới, hầu được dùng một cách đặc lực hơn. Những con quỷ hút máu đó, như chúng ta đã nói, hết sức hiểm có dưới trần. Chúng nó chỉ ảnh hưởng được những sinh linh có tính xấu như chúng nó.

Còn một sinh linh thứ nhì nữa. Chúng nó thuộc về tà đạo. Chúng nó có một bề ngoài ít ghê tởm hơn là hạng thứ nhất, nhưng, có lẽ, chúng nó nguy hiểm hơn: vì chúng nó nguy hiểm hơn. Có người không hoàn toàn chuyên chú về nhục dục, lại đặt cho mình một tôn chỉ ích kỷ, tế nhị hơn, mà không chút gì ái ngại. Tôn chỉ ấy là: đạt cho được một phép thần thông huyền môn nào, càng ngày càng mạnh, để đem lại cho y sự thỏa mãn lòng ham muốn, sự đắc thắng, lòng tham lam và sự khát vọng trả thù của y .

Để đạt mục đích, y lấy tư cách khắc khổ trước nhục dục. Y tiêu diệt mọi mảnh vụn thô sơ của thể vía y, với một sự bền gan của người đệ tử Chơn Tiên. Nhưng dầu dục vọng của y ít nhuộm màu vật chất, chớ trung tâm nghị lực của y không kém tập trung trọn vẹn vào Phàm nhơn y. Bởi vậy sau khi đời sống của y ở cõi Trung Giới đã chấm dứt, thì xảy ra sự chia rẽ; Chơn Nhơn không còn gì để thâm thập sau cuộc “cho vay” đó. Cái kết quả của kiếp này giống như cái kết quả của kiếp trước, chỉ trừ người đó liên lạc lâu với Phàm ngã mà y chia sót chút ít kinh nghiệm.

Song, số phận của Phàm nhơn này rất khác với số phận của Phàm nhơn trước. Thể vía rất mỏng manh không thể giữ vững y lâu ngày trên cõi Trung Giới đặng. Và lại, y đã mất liên lạc với cõi Thượng Giới, mà nơi đây phải là nơi trú ngụ của nó. Bởi vì mọi cố gắng của Phàm nhơn ấy chỉ dùng để bóp nghẹt mọi tư tưởng thuộc về hạng của y. Y tìm cách chống lại với sự tiến hóa tự nhiên, để chia mình xa với Tất Cả. Đối với Phàm nhơn đó, thì là sự thành công. Nhưng y bị loại trừ trước ánh sáng và sự sống của Thái Dương Hệ. Chỉ còn sót lại cho y: sự quạnh hiu hoàn toàn, một cái cảm giác đơn độc trong vũ trụ!

Ấy vậy, trong trường hợp đặc biệt này, Phàm nhơn hư hỏng tìm cách chia sót số phận của Chơn Nhơn mà nó rán sức tách rời ra. Nhưng đối với Chơn Nhơn, trạng thái này chỉ tạm thời mà thôi, dù chúng ta thấy nó kéo dài, và nó chỉ chấm dứt là khi nào có sự đầu thai. Đầu thai là một cơ hội mới để tự phát triển.

Hạn giới của Phàm nhơn là sự ly tán, là cái cáo chung, không tránh khỏi của tất cả cái gì đi ngược với nguồn gốc.

Trong trường hợp đó, (nghĩa là sự mất trọn cả một Phàm nhơn), Chơn nhơn không có một chút lỗi nào: nó chỉ để Phàm nhơn tự do phóng túng. Chính vì vậy mà nó chịu trách nhiệm. Vậy nó chỉ lỗi vì yếu đuối, chớ chẳng phải vì tội trọng! Nó bị thôi hạn rất xa; nhưng nó lại sẽ tiến tới nữa; có lẽ không tiến liền được: vì ban đầu, nó dường như không dùng được giác quan của nó!

Chơn Nhơn, đã trải qua những cuộc biến thiên đó, trở nên dị thường. Nó bất mãn. Nó hồi nhớ những chuyện cao cả và vĩ đại hơn là vừa tầm với của nó. Đó là một trạng thái khổ sở, nhưng Chơn Nhơn phải gánh chịu cái Quả Báo này, do nó tự vấp vào.

Dường như đôi khi có một việc bất thần khác xảy ra. Như bàn tay C có thể rút cánh tay B về với nó và chống với thân mình A để lấy thể lực hơn và chia ly trọn vẹn, thì trong dĩ vãng và có lẽ trong hiện tại, cái bịnh ly tán và tánh ích kỷ cũng kích động đến thân mình A nữa. Rồi thân mình này cũng bị rút vào khối to tội lỗi đó và rời ra khỏi phần chưa tiến hóa của Chơn Nhơn, nhơn đó mà Chơn Thần trở nên cứng rắn, và bị lôi cuốn theo Phàm nhơn. Trường hợp này đã tượng trưng trong đồ hình số 17 nơi D.

Trường hợp này không phải liên quan đến sự cắt đứt, mà liên quan đến sự hủy diệt trọn vẹn của thân mình A. Chơn Nhơn không thể đầu thai lại được trong giống người! Dù Chơn Nhơn thuộc vào hạng nào đi nữa, nó cũng sẽ té xuống tận đáy của

giống thú cầm và nó phải đợi “Trộn Thời gian của một Dây” để lấy lại ngôi vị xưa của nó đã bị mất đi. Sự biến cố này, có thể có thật trong lý thuyết, nhưng khó hiểu. Tuy nhiên, chúng ta nên lưu ý rằng: dù trong trường hợp cực đoan đi nữa, phần chưa tiến hóa của Chon Nhon vẫn là khí cụ của Chon Thần.

Các Thánh Kinh có nói: con người trở lại làm thú, nhưng chúng ta không có một bằng cứ trực tiếp về đó. Có vài trường hợp, con người bị đặt gần với tâm thức con thú, nên đau khổ vô cùng. Nhưng hiện nay, con người không thể đầu thai làm con thú được dầu ở dĩ vãng đã có xảy ra như vậy. (Xin xem Le Corps Astral), nơi trang 162 .

Giờ đây, chúng ta hãy nói một chút ra ngoài lề để giải nghĩa tại sao,- (cho chỉ trong những trường hợp kể trên) – lại có sự mất mát sâu đậm của chất khí ?

Bởi vì những tư tưởng tốt, những tình cảm cao thượng chỉ linh hoạt trong chất khí thanh và chất khí thanh ấy di động hơn chất khí nặng. Nhon đó mà một số thần lực, được đưa ra để làm điều thiện, phải tạo ra một trăm lần kết quả, hơn là cũng một số thần lực ấy mà tác động trên chất khí thô kịch xấu xa hơn. Nếu không thế ấy, thì người thường nhon sẽ không tiến được chút nào.

Nếu một người kia phí ra một số thần lực để hỗ trợ một tánh xấu nào, thì thần lực ấy chỉ biểu lộ trong chất khí nặng của thể vía mà thôi. Và dầu trộn cả chất Thể Vía có thanh nhẹ vô song đi nữa mà đem so sánh nó với chất khí cõi trên, thì nó nặng như chì đối với dĩ thái thứ thật nhẹ nhất trên cõi hồng trần vậy.

Nhon đó nếu một người kia cũng dùng một số thần lực để làm lành, thì y phải kích động chất khí thanh nhẹ nhất của những cảnh cao. Nơi đây, thần lực đã tạo ra trăm lần kết quả hơn trước. Kết quả sẽ gia tăng một ngàn lần hơn nếu chúng ta không kích động chất khí của cõi thấp nhất mà lại kích động chất khí của cõi cao nhất.

Nếu chúng ta đánh giá những tư tưởng và tình cảm của một người tiến hóa thấp kém, thì chúng ta sẽ thấy 90% chúng nó đều tập trung vào y, nếu không phải là chúng nó hoàn toàn ích kỷ; còn 10% còn lại thì chỉ tỏ một chút ít đạo lý và tinh thần. Như thế, người này đã cao hơn phần đông dân chúng. Ấy vậy, nếu tỷ lệ trên đây tạo thành những kết quả đúng đắn, thì đa số người đời thụt lùi chín bước, bước tới một bước! Sự thoái bộ này diễn tiến quá mau lẹ, cho nên trong vài kiếp, chúng ta sẽ bị biến làm thú vật mà chúng ta đã giải thoát! Đó là ở dĩ vãng, nhon loại ít tiến hóa. Nay con người tiến hóa nhiều, sự trở nên làm thú sẽ không có nữa.

May thay, kết quả 10 % dùng làm lành rất hơn xa cái kết quả 90 % dùng làm ác. Nhon đó, mà chung cuộc, con người, trong mỗi kiếp, đều tiến lên một chút.

Kẻ nào chỉ để 10% tư tưởng và tình cảm làm điều thiện, thì cũng đã tiến bộ sơ sơ rồi. Vậy, người ta sẽ hiểu rằng: kẻ nào có cán cân tội phước bằng nhau, nghĩa là không thối lui mà cũng không tiến tới, thì kẻ ấy phải có một đời sống xấu xa vô cùng; và chỉ có đời sống của kẻ cực ác, chai đá mới có hậu quả tuột thang tiến hóa.

Ngoài những lý do trên, chúng ta nên nhớ rằng: chính Đức Thượng Đế, với quyền năng bất đề kháng luôn luôn thúc đẩy hệ thống tiến hóa của Ngài tiến tới. Hệ

thống này tiến tới quá chậm xem như là một sự tiến hóa chu kỳ. Mà sự tiến hóa chu kỳ cũng có vậy.

Tóm lại, con người trong một kiếp đã khiến thăng bằng sự thiện và sự ác, trở về, chẳng phải tại đúng ngay chỗ cũ, mà một chỗ tương đối giống như vậy. Thế thì người đó cũng tiến sơ sơ nữa, y có một địa thế hơi khá hơn trước.

Vậy, ta thấy rõ rằng: con người điên cuồng mới đi ngược dòng của triều lưu tiến hóa: vì như thế đó, trọn đời, y mãi làm ác. Trong cơ tiến hóa không có sự giạt lùi. Có một sự lầm lẫn tưởng rằng: phải có một “con quỉ” cao hơn Thần Thánh mà cả thế giới đều phải qui phục. Sự thật là trái ngược lại: con người chỉ được những ảnh hưởng tốt lành, cứu trợ, che chở và bảo vệ, nếu con người lưu ý đến là biết .

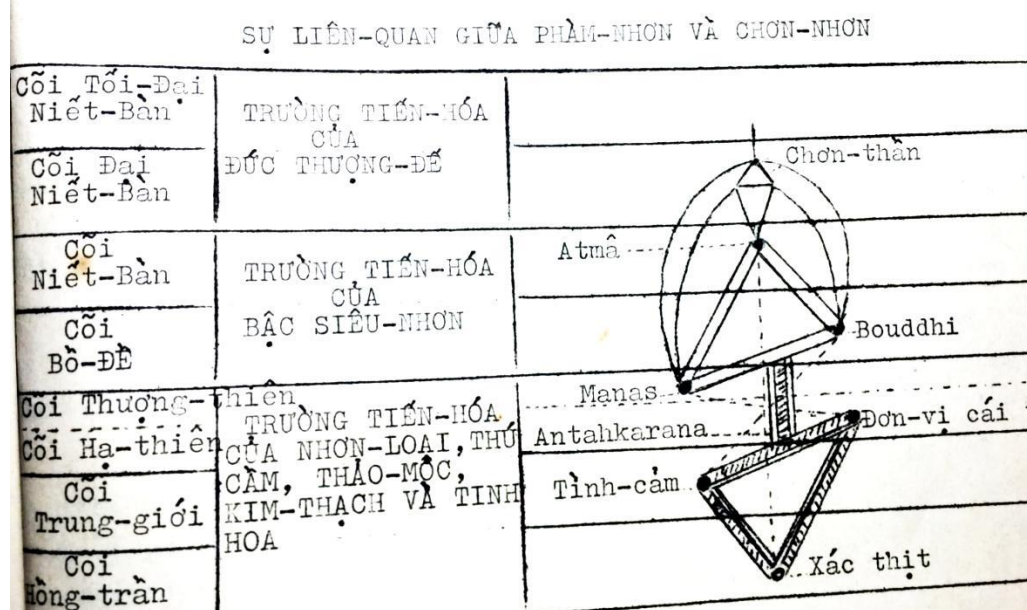
CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI SÁU

CHON NHON VÀ PHẠM NHON HAY LÀ CÂY CẦU ANTAKARANA

Giờ đây, chúng ta hãy ôn lại cho kỹ sự liên quan giữa Phạm nhon và Chon Nhon, nhứt là đối với Phạm nhon. Ta cũng nên học cho chu đáo sự liên quan này, đối với Chon Nhon.

Trước nhứt, ta nên học lại những cái gì gọi là: Chon Thần, Chon Nhon và Phạm Nhon.

Phần tử thiêng liêng mà người ta gọi là Chon Thần (La Monade) biểu lộ trên cõi Niết Bàn (là cõi Atmâ) với ba hình thức hay ba trạng thái của nó là: “Atmâ, Bouddhi, Manas” hay là: “Niết Bàn, Bồ Đề, và Trí Huệ” (Xin xem đồ hình số 18). Trong ba trạng thái này, chỉ có Atmâ là ngụ tại cõi Niết Bàn. Trạng thái thứ nhì, là Trực giác, là thuần lý, nó xuống thấp hơn một bậc và biểu lộ trong chất khí của cõi Bồ Đề. Trạng thái thứ ba là sự khôn ngoan, xuống thấp hơn hai bậc và biểu lộ trong chất khí của cõi Thượng Thiên.



(Đồ hình số 18)

Chon Thần biểu lộ trong ba cõi: Niết Bàn, Bồ Đề và Thượng Giới (Atmâ, Bouddhi và Manas) lấy danh hiệu là Chon Nhon (Ego) hay là Tam Thể Thượng.

Chon Nhon biểu lộ trong ba cõi thấp hơn là Hạ Thiên, Trung Giới và Phạm Trần, lấy danh hiệu là Phạm Nhon hay là Tam Thể Hạ.

Tam Thể Hạ là phản ảnh của Tam Thể Thượng một cách bất toàn.

Thượng Trí hay là Trí Huệ rọi xuống Hạ Trí. Thuần lý hay là Bồ Đề rọi xuống thể vía. Và điều khó giải là Atmâ rọi xuống cõi trần. Ở giữa Chon Nhon và Phạm Nhon luôn luôn có một gạch nối lấy tên là: Antahkarana. Danh từ Phạn ngữ Antahkarana này có nghĩa là: cơ quan bên trong, hay khí cụ bên trong, Bà Blavatsky gọi nó là cái gạch nối, một con kinh hay một cái cầu, để nối liền Thượng Trí và Hạ Trí

trong lúc con người đầu thai. Bà nói: con kinh có thể hiệp nhất Thượng Trí và Hạ Trí là khi nào Hạ Trí được trong sạch không bị dục tình bám víu.

Người ta có thể tưởng tượng Antahkarana như một cánh tay, nối liền bàn tay với thân mình. Khi Chơn Nhơn và Phàm Nhơn đã hoàn toàn hiệp nhất, thì con kinh Antahkarana sẽ không còn nữa. Sự này ám chỉ rằng: Chơn Nhơn hết còn cần dùng một khí cụ, mà lại tác động trực tiếp với Phàm Nhơn.

Danh từ Antahkarana cũng còn có một nghĩa khác nữa: người ta dùng nó để chỉ Tam Thể Thượng (Chơn Nhơn): bởi vì nó cũng là cầu nối liền Chơn Thần với Phàm Nhơn.

Dần theo sự tiến hóa, con người cần phải khai mở con kinh Antahkarana đó, để cho Chơn Nhơn thông đồng với Phàm Nhơn, và cũng để Chơn Nhơn tự tỏ giá trị của mình càng ngày càng rõ rệt hơn, cho tới một ngày kia, nó làm chủ đặng Phàm Nhơn một cách hoàn toàn, nghĩa là Phàm Nhơn không có một tư tưởng, một ý chí, một tình cảm nào không phải là phản ảnh trọn vẹn của Chơn Nhơn, dù nó còn ở trong ba cõi thấp.

Người ta xem cái dấu gạch Antahkarana nối Phàm Nhơn với Chơn Nhơn như là một sợi chỉ bạc để tiêu biểu sự sạch trong của nó.

Đối với Tam Thể Thượng (Atmâ, Bouddhi, Manas) trái tim là thành phần ở trung tâm thân thể. Chi nên, trong lúc tham thiền, tâm thức tập trung ở trái tim, vì đó mà nó nhạy cảm trước ảnh hưởng của Chơn Nhơn. Óc là nơi hoạt động của lý trí; những tác động của trí khôn đều xảy ra ở 7 lỗ của óc (7 óc thất) trong đó có hai hạch quan trọng là: hạch mũi và hạch tùng quả tuyến (les glandes pinéale et pituitaire). Con người nhờ định trí, mới có khả năng với tâm thức cái trí (tại óc) đến tim; và hiệp nhất “Dục vọng hạ trí”^[1] hay trí dục (Kâma-manas) với Thượng Trí do khí cụ Hạ Trí, một khi nó đã được tinh lọc và đã giải thoát đặng Dục Vọng (Kâma), cái gạch nối hiệp nhất đó là chiếc cầu Antahkarana.

Người nào không hề đào luyện mình, thì không dùng đặng chiếc cầu đó; Phàm Nhơn và Chơn Nhơn không thông đồng với nhau. Còn nhà được Điểm đạo thì trái lại; Phàm Nhơn và Chơn Nhơn thông đồng trực tiếp. Giữa kẻ thường Nhơn và người được Điểm Đạo, có nhiều hạng tiến hóa khác nhau.

Biết được sự tối quan trọng của cái gạch nối đó, ta hãy rán hết sức hoạt động để làm cho nó càng thêm vững chắc, hầu Chơn Nhơn và Phàm Nhơn hoạt động đồng nhịp với nhau. Như thế chúng nó tuy hai mà cũng như một. Chính muốn trợ giúp sự hiệp nhất chắc chắn này, giáo lý Thông Thiên Học mới ra đời; nó giải bày những thành phần con người và miêu tả những thể hữu hình cũng như vô hình, cùng cách hoạt động của chúng nó.

Trong khi ta rán tìm mọi phương thế để cảm biết sự khác biệt giữa những quan điểm của Chơn Nhơn và Phàm Nhơn, ta chớ nên quên rằng: ta chỉ có một lương tri, một tri thức mà thôi. Nhưng đôi khi ta cảm thấy mình có tới hai người, rồi ta tự hỏi: có phải Chơn Nhơn đã hoàn toàn ra khỏi Phàm Nhơn rồi chăng?

^[1] Chúng ta đã biết ở quyển “Thể Vía con người” rằng: dục vọng bám víu vào Hạ Trí để có thêm sức mạnh. Do sự bám víu đó, người ta mới gọi Dục Vọng Hạ Trí (Kâma-manas hay là “trí dục”

Tuy nhiên phải biết một cách quả quyết rằng: chỉ có một tri thức mà thôi và sở dĩ ta cảm thấy có hai là do sự bất toàn của cái hạ thể ta mà ra. Lại nữa, ta cũng đừng tưởng rằng: trong mình ta có tới hai người. Cái Phàm Ngã hay là Phàm Nhon không bao giờ là một sinh vật riêng biệt với Chơn Nhon. Như chúng ta đã biết, Chơn Nhon phóng một tia sáng của nó xuống nhập vào Phàm Nhon để cảm biết đặng những làn rung động của những cõi thấp.

Chơn Nhon và Phàm Nhon khác nhau là ở trong sự hoạt động; chớ chẳng phải ở trong tánh chất. Hạ Trí là một với Thượng Trí, cũng như tia sáng mặt trời là một với mặt trời vậy.

Cái tia sáng của Chơn Nhon ngự trong Phàm Nhon là cái Điểm Tri Thức, là cái Điểm Lương Tâm, mà nhà có thần nhãn thấy cử động trong con người. Điểm Lương Tâm đó hiện lên ở tại trái tim dưới hình dáng một “tượng nhỏ lấy hình người, màu vàng chói cao bằng ngón tay cái”. Nhưng có người khác lại thấy nó có hình dáng một ngôi sao sáng, chói lòa. Người ta thấy cái ngôi sao tâm thức (étoile de la conscience) đó nơi một trong bảy trung tâm lực hay Luân Xa tùy theo Cung, ^[1] và tùy theo giống dân. Người thuộc về giống dân chánh thứ năm, thì nó ở tại óc, gần hạch mũi. Có người thì tại trái tim, hay cuống họng hoặc ở rún (tại đơn điền) (plexus solaire,)

Thế thì ngôi sao tâm thức là đại diện cho Chơn Nhon tại các cõi thấp (Hạ Thiên, Trung giới và Hồng Trần). Và một khi nó biểu lộ xuyên qua cái hạ thể (trí, vía, xác) nó lấy tên là Phàm nhon. Chính Phàm nhon là con người mà ta gặp xung quanh ta.

Chúng ta biết rằng: Chơn Nhon là phần tử của Chơn Thân. Tuy vậy nó cũng là một sinh linh hoàn thiện trong Chơn Thân (corps causal) dù thiên năng của nó chưa phát triển đầy đủ. Còn Phàm Nhon chỉ là cái phản ảnh của Chơn Nhon mà thôi. Lại nữa, dù trong trường hợp của người tầm thường đi nữa, Chơn Nhon, trên cõi của nó cũng mong làm phải làm lành, vì nó muốn tiến hóa về phần hồn.

Tóm lại, Chơn Nhon chỉ có một ý muốn là: “Sự phát triển, sự tiến hóa của linh hồn, cùng sự hoạt động đồng nhịp với các hạ thể, chúng là những tay sai đắc lực của nó”.

Một tư tưởng, mà ta gọi xấu, là vì nó không phù hợp với Chơn Nhon. Trong Chơn Nhon chỉ có những đức tốt mà thôi; chúng nó không có nhuộm màu ích kỷ, ghen ghét v.v... Chúng nó là phản ảnh của ba Trạng Thái Thiêng Liêng (ba ngôi) của Chơn Nhon, trên cõi tinh thần.

Lại nữa, Chơn Nhon không thể sai đường lạc lối. Đường thể không có cái chi gát gãm nó đặng. Tuy nhiên, nó không biết được một vài chuyện. Sự đầu thai có trách nhiệm bộc lộ cho nó hiểu mấy điều ấy.

^[1]— “Cung” của mỗi người là “hạng” của mỗi người sắp theo bản tánh đặc biệt của họ và tác động như một sinh linh riêng biệt. Nó quên rằng: nó là thành phần của một tâm thức cao (thuộc về Chơn Nhon) nên điều khiển đời sống của nó theo quan niệm và dục vọng riêng, chớ chẳng cần biết ý muốn của Chơn Nhon.

Chúng ta biết rằng: phần tử của Chơn Nhơn tách phân xuống cõi thấp trú ngụ trong Phạm Nhơn; nó tri thức một cách mau lẹ như một sinh linh không dính lúu tới cõi gốc gì cả. Nó suy nghĩ còn Chơn Nhơn, dù có quyền năng tối thượng, vẫn còn mập mờ hơn là Phạm nhơn ^[1], nhất là khi Phạm nhơn thấy mình có những quan năng phân biệt thuộc về Hạ trí mà nó có bốn phận phải mở mang; nhơn đó, nó mới chê Chơn Nhơn là chưa hiện rõ, và xem mình riêng rẽ với Chơn Nhơn.

Cái hành vi này kéo dài lâu ngày thành tập quán. Hãy nhớ rằng: trọn cả thời gian tiến hóa của nhân loại, con người e ngại sa ngã theo hạ thể; vì ở trong hạ thể con người lại tri thức nhiều hơn. Những người hiểu Chơn Lý không chịu làm tay sai cho hạ thể; y trở về với lương tâm của y, mặc dù chưa đủ mở mang. Tư cách này, Ông Sinnett gọi là: “tỏ lòng kính trọng Chơn Nhơn”.

Nói cho đúng, không có sự ác nào có thể trú ẩn ẩn trong Chơn Thân hay trong Chơn Nhơn, Nhưng nếu Chơn Thân có nứt nẻ một chút xíu, điều này khiến cho cái hạ thể gây tội ác.

Nhơn đó loài tinh hoa ^[2] dục vọng có thể chiếm xác thân con người và xui con người gây tội lỗi, Chơn Nhơn chưa đủ sự sốt sắn lẹ làng để ngăn chặn kịp thời. Có thể Chơn Nhơn chưa hiểu được sự đam mê hay sự tham lam của thể vía có thể gây khốc hại đến thể cho Phạm nhơn.

Vậy sự ác không phải do Chơn Nhơn mà đến, bởi vì nếu Chơn Nhơn được tiến hóa hơn, thì nó sẽ ngăn chặn được con người khi vừa có ác ý, và tội trọng sẽ tránh đáng.

Chơn Nhơn của kẻ thường nhơn có ảnh hưởng đến Phạm nhơn.

Trong thời gian ấu trĩ và thanh niên, giáo sư và phụ huynh có thể giúp Chơn Nhơn điều khiển các hạ thể của nó rất nhiều. Khêu gọi trong trẻ em những hạt giống lành, trước khi để hạt giống ác nứt mộng là một điều hết sức quan trọng. Trước khi sanh và nhiều năm sau đó, cha mẹ phải hết sức cố gắng để giữ gìn những điều kiện tốt cho con hầu Chơn Nhơn nó có thể biểu lộ một cách dễ dàng. Khi có một xu hướng xấu xảy ra, tự nhiên cái tập quán tốt có sẵn trong người của nó, sẽ xua đuổi đi xa. Đứa trẻ sẽ thắng trận, nhờ sự dạy dỗ của phụ huynh và giáo sư . . . Nhơn đó Chơn Nhơn đứng trước một hoàn cảnh thuận tiện.

Đối với người bậc trung, luôn luôn có cuộc chiến đấu giữa Chơn Thân (hay Thượng Trí) và Hạ trí: cả hai không điều hòa với nhau và Hạ trí không sẵn sàng làm khí cụ cho Chơn Nhơn. Để ngăn ngừa mối hại trên đây, Phạm nhơn phải được tinh lọc, và con kinh giữa Phạm nhơn và Chơn Nhơn phải được mở ra và nói rộng thêm.

Bao giờ điều này chưa làm, thì Phạm Nhơn chỉ thấy người và vật theo lập trường hẹp hòi của nó; còn Chơn Nhơn, thì vô trí thức trước những chuyện xảy ra. Thường thường Chơn Nhơn không bằng lòng việc làm của Phạm Nhơn.

^[1] Chơn Nhơn còn mập mờ hơn Phạm nhơn, mặc dầu có những quyền năng thiêng liêng là vì tinh hoa Ý chí, Bác ái và Minh triết của nó chưa mở mang đầy đủ; nó chưa hẳn định bằng Phạm nhơn. Nơi các cõi dưới, nhất là khi Phạm nhơn biết mình có quan năng phân biệt thuộc về Hạ trí mà nó có bốn phận phải mở mang.

^[2] Loài tinh hoa dục vọng (l'élémental astral) là thứ tinh trùng ở cõi Trung Giới.

Chính Chơn Nhơn phân biệt giữa điều thiện và điều ác thoát dóm vào là nó biết ngay cái nào là chơn lý và cái nào là giả dối. Nhưng khi nó nhìn Phạm Nhơn, thì nó chỉ thấy một mớ tư tưởng chằng chịt, không thứ tự và không rõ rệt. Nó bèn thất vọng, quay đi; nó đành im lặng đợi chờ trong cõi tinh thần, trước khi ra công chọn lọc những mảnh vụn chơn lý trong đám hỗn loạn vô ranh giới này

Trong cảnh an tịnh của cõi Thiên Đàng, những tình cảm và tư tưởng của kiếp vừa qua, dần dần nổi lên từ cái một, và xuất đầu lộ diện trước ánh sáng của cõi Trời; Nơi đây căn bã sẽ bị vứt đi, còn cái tinh ba tốt đẹp, thì được cất giữ kỹ lưỡng.

Người đệ tử huyền môn, trong lúc sanh tiền dưới thế gian, phải chuẩn bị cái buổi này: nghĩa là y phải tinh lọc Phạm Nhơn, và làm cho nó điều hòa, đồng nhịp với Chơn Nhơn.

Chắc chắn rằng: Chơn Nhơn không biểu lộ rõ ràng trong Phạm Nhơn, nhưng dù vậy, chúng ta không thể nói nó xa lìa xác thân đặng. Chúng ta hãy tưởng tượng Chơn Nhơn là một lập thể (solide) và cõi trần gian là một mặt bằng. Nếu người ta để cái lập thể trên mặt bằng này, thì nơi lập thể đụng vào mặt bằng không nói lên được một ý niệm đầy đủ về lập thể; nó chỉ diễn tả chỗ thiết điểm (point de contact) đó thôi. Lại nữa, nếu người ta lần lượt để trọn cả mặt của lập thể trên mặt bằng, thì người ta sẽ có nhiều hình ảnh khác nhau. Mỗi hình ảnh ám chỉ mỗi thành phần của lập thể: vì vậy mà chúng ta có một ý niệm bất toàn và lập thể.

Thí dụ như cái lập thể có tri thức, thì tri thức của nó chỉ ở tại chỗ nó va chạm với mặt bằng mà thôi. Mỗi cái va chạm của lập thể là mỗi thành phần của tri thức.

Bao giờ Chơn Nhơn còn chưa tiến hóa nhiều, thì nó chỉ đáp ứng với một ít làn rung động của cõi Thượng Thiên mà thôi; rồi nó giữ chữ điềm nhiên tọa thị. Muốn cho nó thức tỉnh, có đủ mãnh lực linh hoạt, nghĩa là có khả năng phản ứng với những làn rung động xung quanh, thì nó phải phân thân xuống ba cõi dưới, lấy danh hiệu là Phạm Nhơn.

Thoạt tiên, cái tri thức hoàn toàn đến với nó, là khi nó chú vào thể nặng nề nhất của nó như xác thân tại cõi trần này. Bởi vậy cho nên, trên nấc thang tiến hóa đầu tiên, dù Chơn Nhơn có bị cõi trần ô trược hạn chế và hạ thấp, nó cũng vẫn thấy mình sống mạnh hơn là tại các cõi khác.

Dần theo thời gian, sự tiến hóa của nó tăng trưởng, Chơn Nhơn khởi sự linh hoạt trên cõi Trung Giới. Về sau, khi sự hoạt động của nó trong chất thanh khí của cõi Trung giới được hoàn thiện hơn, thì nó sẽ linh hoạt trong chất Thượng Thanh Khí của cõi Thượng Giới. Về sau nữa, tôn chỉ của nó đã đoạt rồi; vì lẽ nó hoạt động trong chất khí của cõi Thượng Thiên, trên cõi Thượng Trí, dễ dàng cũng như dưới cõi trần.

Khi một Chơn Nhơn đã đủ tiến hóa, và đã được thọ lãnh trực tiếp ảnh hưởng của Đức Thầy, thì cái ảnh hưởng này nhiều hay ít là tùy thuộc sự liên hệ giữa Chơn Nhơn và Phạm Nhơn. Nếu Phạm Nhơn tiến hóa thì nó đồng nhịp với Chơn Nhơn nhiều. Còn nếu nó ít tiến hóa, thì nó đồng nhịp với Chơn Nhơn ít. Khi có một mãnh lực tinh thần chiếu vào Chơn Nhơn, thì luôn luôn, một phần mãnh lực đó đi xuống tận Phạm Nhơn; bởi vì Chơn Nhơn dính liền với Phạm Nhơn, như cánh tay nối liền bàn tay với thân mình. Nhưng Phạm Nhơn chỉ tiếp được mãnh lực tinh thần đó nhiều hay ít là tùy ở khả năng thu nhận của nó.

Chơn Sư thường ảnh hưởng những đức tánh của Chơn Nhơn. Những đức tánh này vẫn có trong Phạm Nhơn, nhưng còn trong trạng thái tiềm tàng; chỉ nên Phạm

Nhơn không mấy lợi dụng. Chỉ có một sự kinh nghiệm của Phàm Nhơn đáng kể là khi nào nó được đưa tới Chơn Nhơn, mà được Chơn Nhơn thu nhận.

Chơn Nhơn tìm và thu những kinh nghiệm thuộc về tinh thần mà thôi; còn những thứ thuộc về vật chất, thì bị nó loại ra. Những xu hướng của Phàm Nhơn nhứt là ở các giai đoạn đầu của sự tiến hóa, đều trái nghịch với Chơn Nhơn.

Một nhà có thần nhân, một khi kia, thấy đức tánh của Phàm Nhơn được tăng cường, một cách không lý do rõ rệt. Đó là vì: trên cõi cao, những đức tánh này đã được tăng cường, kích thích trong Chơn Nhơn. Tỷ như một người kia, thành linh cảm thấy phát sinh tình âu yếm, tánh hy sinh, mà không hiểu tại sao; y không thể giải đáp ở cõi trần. Chơn Nhơn đã được kích thích về đó, hoặc giả, trong lúc ấy, nó đặc biệt lo lắng đến Phàm Nhơn.

Sự liên lạc giữa đệ tử và Chơn Sư rất giống với sự liên lạc giữa Phàm Nhơn và Chơn Nhơn. Chơn Nhơn đã để một mảnh thân của nó trong Phàm nhơn để tự biểu lộ, mặc dầu sự biểu lộ còn bất toàn; thì cũng giống như vậy, vị đệ tử chẳng những đại diện cho Sư phụ, mà chính y là Sư Phụ-bất toàn – vì y còn giữ những cái bất toàn của y. Những cái bất toàn này chẳng phải chỉ nơi tình trạng của các cõi dưới mà cũng do Phàm Nhơn của người đệ tử chưa được thánh thiện.

Lại nữa, ví dầu Chơn Nhơn của người đệ tử có được sự chủ trị các hạ thể đi nữa, y cũng vẫn thấp kém hơn Chơn Sư: bởi vì y là một Chơn Nhơn dưới ảnh hưởng của Chơn Sư điều khiển. Vậy y không thể nào đại diện Ngài một cách hoàn bị được.

Sự tham thiền là phương châm hay nhất để lưu ý Chơn Nhơn, nhưng trong khi đem sự tham thiền ra thực nghiệm, hành giả nhớ đừng làm xáo trộn Chơn Nhơn trong công việc cao siêu của nó. Sự tham thiền, chắc chắn có một ảnh hưởng tinh thần và hữu hiệu, mặc dầu dưới cõi trần kết quả xem dường mỏng manh.

Thực hành tham thiền và sưu tầm chuyện tinh thần, trong lúc sanh tiền là một điều trọng đại cho đời sống của Chơn Nhơn: bởi vì tham thiền một cách có ý thức, sẽ khai thông con kinh nối liền Phàm Nhơn với Chơn Nhơn, và sẽ giữ nó được rộng mở luôn luôn.

Người thường nhơn không cho chuyện tinh thần là quan trọng, nên y chỉ có một sợi chỉ để nối liền Chơn Nhơn và Phàm Nhơn y. Vì lẽ sợi chỉ nhỏ hẹp quá nên không đứng với danh từ “con kinh”. Nó xem dường bị bít lối. Thỉnh thoảng có xảy ra một duyên may khai thông nó như là “một sự quy y” hay một lễ “nhập đạo”. Đối với người tiến hóa, thần lực chảy ào ào trong con kinh nối liền Phàm Nhơn và Chơn Nhơn ngày đêm không dứt.

Những điều trên đây, chỉ cho chúng ta thấy rằng: chúng ta chớ xét đoán Chơn Nhơn theo sự biểu lộ của Phàm Nhơn. Một Chơn Nhơn thuộc về hạng thực tế dưới cõi trần được xem là tiến hóa hơn một Chơn Nhơn khác đã đi xa trên đường Đạo rất nhiều, bởi vì sức lực của vị này gần như chú trọng về cõi Thượng Trí và Bồ Đề; y nhìn đời một cách lãnh đạm. Vậy nếu xét đoán kẻ khác theo bề ngoài của họ là một sự lầm to.

Mỗi một lần Chơn Nhơn đưa Phàm Nhơn xuống cõi thấp, là Phàm Nhơn đại diện nó một cách rất bất toàn. Hình ảnh hiện hữu của Phàm Nhơn không thể cho ta thấy được một tí nào cái viễn ảnh của con người mai hậu, khi đã đi mút con đường tiến hóa của nhơn sinh.

Bao giờ ta chưa thấy được Chơn Nhơn, thì ta không thể hiểu nổi sự cao thâm huyền diệu của nó; ta cũng không rõ được thế nào là sự minh triết và lòng bác ái của

nó. Mỗi người chúng ta, ở trong Phàm Nhơn, thật ra có giá trị nhiều hơn là biểu lộ ra ngoài. Dù một vị cao cả nào dưới trần cũng không thể biểu lộ Chơn Nhơn một cách đúng đắn được. Trên cõi cao sự siêu việt, sự thánh thiện của y một ngàn lần sáng chói hơn tại cõi trần. Dù y đã được ca tụng là phi thường thế nào đi nữa, thì sự phi thường ấy cũng vẫn bị che lấp..

Có ba phương châm để mở mang Chơn Nhơn và để ảnh hưởng Phàm Nhơn, ấy là:

1/- Phương châm của nhà thông thái và nhà triết lý gia.

Chẳng những hai vị này mở mang Hạ trí, mà còn tìm cách phát triển Thượng trí nữa. Một số tư tưởng tinh thần cũng đang linh động trong tâm thức họ. Những người thuộc về nhóm này, một ngày kia, sẽ đoạt đến tâm thức Bồ Đề.

2.- Phương châm thứ nhì : Là mở mang những tình cảm cao thượng như: tình thương, sự hy sinh, lòng thiện cảm cốt để đánh thức cái nguyên lý Bồ Đề. Tuy nhiên cái Chơn Thân tự nhiên bị kích động: bởi vì sự mở mang thể Bồ Đề kích động mạnh đến Chơn Thân. Những người thuộc về nhóm này không cần phải tự tạo cho mình một thể Bồ Đề ở mãi trong đó; nhưng những cảm xúc của họ có tính cách cao thượng tự nhiên tạo ra những làn rung động trong chất Bồ Đề. Lúc bấy giờ, thể Bồ Đề của họ chưa có ranh giới hẳn định, chỉ thức tỉnh có một phần mà thôi, vì lẽ đó, sự rung động của nó có thể xuống đặng cõi dưới và vờn vờ trên thể vía của họ. Nhơn đó, Phàm Nhơn họ cảm thấy một ảnh hưởng Bồ Đề xạ xuống, mặc dầu thể Bồ Đề của họ chưa mở mang hoàn toàn.

3.- Phương châm thứ ba : Chúng ta chưa được hiểu rõ ràng cái phương châm này. Trong đó, ý chí được gọi lên để tác động, và xác thân phải kích động đến chất khí Niết Bàn (matière atmique). Đối với phương cách hành động này người ta biết rất ít.

X X X

Nếu Chơn Nhơn còn non nớt, ít tiến hóa, thì đôi khi nó lãnh đạm với Phàm Nhơn.

Đối với người tiến hóa bậc trung, phần tử của Chơn Nhơn ngự trong Phàm Nhơn, tự nó sống đơn độc, mặc dầu nó chưa lia hẳn cha nó (là Chơn Nhơn).

Đối với người tiến hóa cao hơn, thì phần tử đó vẫn liên lạc chắc chẽ với cội nguồn, xuyên qua con kinh Antahkarana đã nói ở trước. Nhơn đó, Chơn Nhơn có khả năng rút lui chừng nào cũng được và chỉ để lại cho Phàm Nhơn một hình ảnh bé bỏng của con người thật mà thôi.

Những điều trên đây, cho ta thấy rằng sự liên quan giữa Chơn Nhơn và Phàm Nhơn biến đổi từ người một, tùy theo sự tiến hóa của y.

Một Chơn Nhơn đang chăm chú lo việc riêng trên cõi của nó, có thể lãng quên, trong một lúc Phàm Nhơn nó, cũng tỷ như một người kia hiền lành và chăm chỉ, nhưng vì mắc bận việc có thể quên đi, trong một lúc, con ngựa hay con chó của y. Trong trường hợp đó, đôi khi, Phàm Nhơn vừa nhớ đến Chơn Nhơn, vừa làm vài điều sai quấy, nên nó phải chịu lắm đau khổ.

Người có thần nhãn thường để ý rằng; trong lúc Phàm Nhơn cần sự cộng tác của Chơn Nhơn để làm một chuyện gì đặc biệt (tỷ như diễn thuyết trước một số thánh giả

quan trọng) và khi chuyện đó xong rồi, Chơn Nhơn liền rút đi hết thần lực của nó, khiến cho Phạm Nhơn tự thấy mình bơ vơ, thất vọng .

Tóm lại, Chơn Nhơn chỉ giúp cho Phạm Nhơn một chút ít thần lực của nó mà thôi: vì thần lực này thường bị Phạm Nhơn lạm dụng trong những chuyện nhỏ nhặt riêng tư, rất xa vời với ý muốn của Chơn Nhơn; nếu nó ít quan tâm đến đời sống thấp hèn của Phạm Nhơn, trừ phi, trong những việc quan trọng và phi thường. Nhơn đó, đời sống tầm thường của người đời không làm cho Chơn Nhơn lưu ý .

Đời sống của thường nhơn chia ra từng mảnh vụn. Hầu hết phân nửa thì giờ của y, đều bị phung phí một cách vô ích. Nói theo triết lý Huyền môn, thì người ta nói rằng: y ngủ. Rồi lúc bừng tỉnh y phản nản là Chơn Nhơn y bỏ phế y. Nhưng người ta có thể hỏi lại y rằng “có khi nào y nhớ tới Chơn Nhơn y không ? Trong một ngày y nhớ tới Chơn Nhơn y mấy lần?”.

Nếu muốn cho Chơn Nhơn lo lắng y, thì y phải tập làm người hữu dụng. Y phải nâng cao tư tưởng của y, làm cho Hạ trí trở thành Thượng Trí, nghĩa là y khởi sự sống một đời sống thực sự và thanh cao, thì bây giờ Chơn Nhơn của y mới ngó xuống y, lo lắng và giúp đỡ y.

Chơn Nhơn biết rằng: nó phải nhờ Phạm Nhơn xuống ba cõi dưới để rút kinh nghiệm cho nó xuyên qua ba hạ thể: xác, vía, trí. Nhờ những sự kinh nghiệm này (do Phạm Nhơn đưa đến) giúp nó tiến hóa, Nhơn đó, nó biết rằng: về sau, một ngày kia, thể nào nó cũng phải tự tay điều khiển Phạm Nhơn của nó; chớ hiện nay, Phạm Nhơn nó không cho nó chút hy vọng nào về đó cả. Thật vậy, ta hãy nhìn xem các Phạm Nhơn của những người xung quanh ta. Xác thân của chúng nó tràn đầy chất độc và ô trược. Cái vía của chúng nó bị vẹo mó, màu sắc xấu xa vì dục tình, đam mê và háu ăn v.v... Cái thể trí của chúng nó chỉ lo, nhớ đến tiền bạc, và thể tháo hạ từng ... Vì vậy, Chơn Nhơn, trên cõi cao dòm xuống, cho rằng: “Thà mình chờ Phạm Nhơn tái sinh lại, với ba hạ thể tốt đẹp hơn, mình mới không phí công giúp đỡ nó. Nếu bây giờ mình cố gắng ban thần lực cho nó thì cũng hoài công đi thôi, chi bằng mình hãy lo chuyện mình quan trọng hơn.”

Sự việc xảy ra gần giống như lúc hài nhi vừa lọt lòng mẹ, Chơn Nhơn nó bay lượn trên mình nó. Đến khi nó vừa lớn lên (lúc 3 – 4 tuổi) thì Chơn Nhơn rần ảnh hưởng sự tiến hóa của nó. Nhưng thường thường Chơn Nhơn chỉ lưu ý đến Phạm Nhơn lúc vừa được bảy tuổi. Có nhiều hạng trẻ con, nếu sự liên giao giữa Phạm Nhơn và Chơn Nhơn khác nhau đặc biệt. Có đứa trẻ rất là linh hoạt và sáng sủa, có đứa lại đần độn, u lì. Đối với những Phạm Nhơn sau này, Chơn Nhơn không màng để ý, mà chỉ mong mỏi rằng: khi lớn lên, chúng nó sẽ khôn ngoan hơn, biết phục thiện hơn.

Ta xem dường sự bỏ lãng Phạm Nhơn đây không được đúng lắm: bởi vì nhiều Chơn Nhơn không ngó ngang đến Phạm Nhơn trong kiếp này, thì chưa chắc ở kiếp hậu lai nó sẽ khá hơn. Nếu Chơn Nhơn để cho trẻ con tiến hóa tự do không có sự điều khiển tốt đẹp thì chắc chắn tật xấu sẽ bành trướng chớ không tiêu mòn đâu. Nhưng nơi đây ta không có bản phận xét đoán bài toán đó này: bởi vì sự hiểu biết của ta rất là cạn hẹp và ta không biết tí gì về trách nhiệm của Chơn Nhơn.

Vì những lẽ trên đây, người ta có thể kết luận rằng, xét đoán một cách đúng đắn Linh hồn đang tiến hóa dưới cõi trần là một sự vụn nan. Đôi khi, vì lý do nhân quả, một Phạm Nhơn ít tiến hóa lại có một dáng điệu xinh đẹp bên ngoài và cũng vì lý do đó, một Phạm Nhơn tiến hóa cao lại lấy hình dạng xấu xa, thô kệch.

Khi một Chơn Nhơn quyết chí dùng tất cả nghị lực của nó để điều khiển Phàm Nhơn, thì sự tiến hóa sẽ mau lẹ phi thường.

Người ta sẽ không thể nào tưởng tượng nổi sự biến đổi hữu hiệu và nhanh chóng của Phàm Nhơn, một khi có Chơn Nhơn trợ lực. Khi Chơn Nhơn đủ sức mạnh và Phàm Nhơn cố gắng trau sửa, và không có những tật xấu bất tri, thì bước tiến sẽ không lường được!

Muốn hiểu rõ hiện tượng này, chúng ta nên nhìn nó dưới hai trạng thái một lượt. Hầu hết chúng ta là những Phàm Nhơn biết suy nghĩ và tác động, chúng ta biết rất rõ, chúng ta thật sự là những Chơn Nhơn, có người trong chúng ta – nhờ tham thiền nhiều năm nên thường tri giác được sự hiện diện cùng sự giúp đỡ của Chơn Nhơn.

Người được Chơn Nhơn giúp đỡ, thì giải quyết một cách khôn ngoan và rõ rệt những bài toán đồ khó khăn ở đời. Nhưng bởi chúng ta cảm biết trong người chúng ta có Phàm Nhơn nên chúng ta có bốn phận tuyệt đối là phải đến gần Chơn Nhơn, tìm cách vươn mình lên tận nó, rung cảm đồng nhịp với nó. Và ít ra, chúng ta đừng làm chướng ngại vật cho sự tiến hóa của nó, mà rán hết sức mình giúp nó thoát thành chí nguyện.

Bởi tánh ích kỷ làm cho Phàm Nhơn trở thành chướng ngại vật, vậy điều làm đầu tiên của chúng ta là loại trừ nó. Điều thứ hai phải làm là dự trừ trong trí chúng ta những tư tưởng cao thượng, đẹp lành, bởi vì nếu cái trí cứ mãi lo những chuyện thấp hèn thì Chơn Nhơn không thể dùng nó để tự biểu lộ được.

Nếu Chơn Nhơn cố gắng đề ban ân huệ cho chúng ta bằng cách cảnh cáo, thì chúng ta phải vội vã vui mừng mà tuân lệnh nó ngay. Bốn phận của Phàm Nhơn là đứng dang ra, để cho Chơn Nhơn (nếu là một chiến sĩ) xung phong ra trận ở trong lòng nó.

Nhưng trong khi tự lãnh lấy vai trò trong bóng tối, Phàm Nhơn phải hết lòng với “Việc Làm” của Chơn Nhơn đang hoạt động trong người nó.

Đôi khi, Chơn Nhơn không giao phó cho Phàm Nhơn một công việc đặc biệt nào, nhưng vì đã được vững chãi, Phàm Nhơn bèn tự tìm và lo lấy một mình. Chơn Nhơn liền ban thần lực xuống, khiến cho việc làm được trôi chảy và tốt đẹp.

Trong quyển “Ánh Sáng Trên Đường Đạo” có nói câu này: “Nếu người (tức là Phàm Nhơn) không tìm được công việc xứng đáng, nếu người xây lưng lại Chơn Nhơn thì vô phương cứu độ: Óc của người lắt lư, tim của người sẽ yếu mềm và trong bụi của chiến trường, người sẽ mất cả giác quan, người sẽ không phân biệt được kẻ bạn với người thù. Đó là cái số kiếp của Phàm Nhơn nào không lấy Chơn Nhơn làm hướng đạo”.

Cần phải bước qua giai đoạn này nếu ta muốn đi trên đường Điểm Đạo (là cuộc chứng minh tinh thần do các Đấng Quân Tiên Hội tổ chức).

Phàm Nhơn phải tự biết ý muốn của Chơn Nhơn để đưa ra những cơ hội thuận tiện cho tinh thần. Chúng ta đã nói ở trước, nghiên cứu về những chuyện tinh thần và áp dụng chúng nó trong đời sống hằng ngày là đánh thức Chơn Nhơn và làm cho nó lưu ý đến Phàm Nhơn. Tỷ như một Chơn Nhơn muốn dùng Tình Thương để tự biểu lộ dưới trần vậy. Phàm Nhơn phải rón sức tỏ sự thiết tha âu yếm nồng nàn với mọi người mọi vật rồi chìm mình trong đó. Tự nhiên Chơn Nhơn liền lưu ý đến đời sống của Phàm Nhơn vì nó đã tìm đúng cái gì nó muốn.

Người đã man tự biểu lộ trong đam mê, trong dục vọng hỗn loạn. Đó là điều tối kỵ của Chơn Nhơn, còn người tiến hóa thì chỉ có những cảm tình cao thượng, sạch trong, chính những thứ đó là điều Chơn Nhơn ưa thích và chọn lựa. Người ấy có thể tự nói rằng: “Tình thương là một tình cảm tốt, tôi được phép thương yêu. Sự hy sinh là một cảm tình tốt, tôi được phép hy sinh. Lòng thiện cảm là một cảm tình tốt, tôi được phép biểu lộ nó với mọi người, mọi vật.” Y suy luận như thế là vì y đã biết tại sao phải thế, rồi y tác động theo sự suy luận. Sự cảm xúc của y được tinh thần điều khiển, và bởi tinh thần là cái biểu lộ của Chơn Thân (le corps causal) nên con người đi lần đến sự hiệp nhất giữa Phàm Nhơn và Chơn Nhơn.

Chơn Nhơn và Thượng Trí rất đồng thanh. Ấy là điều hết sức quan hệ. Mọi cố gắng của chúng ta phải gom về đó: bởi vì Chơn Nhơn là một sức mạnh, nó tác động trong những đức tánh của Phàm Nhơn. Muốn nghĩ đến một vật gì, thì trước tiên, ta phải nhớ đến nó, ta phải lưu ý tới nó. Và khi Chơn Nhơn lưu ý, chính là lúc nó xuống tận Phàm Nhơn, để nhìn thấy xuyên qua các hạ thể (xác, vía, trí).

Những người có một Hạ trí tốt và một khối óc linh động nhưng ít khi dùng đến là vì Chơn Nhơn của họ ít lưu ý đến việc làm của Phàm Nhơn tại các cõi thấp, nên nó để ba hạ thể tự do phóng túng. Bài thuốc đã rõ ràng: là ta phải cung cấp cho Chơn Nhơn những điều kiện thuận tiện cần kíp rồi ta khỏi hối tiếc chi cả.

Phàm Nhơn không thể nào đưa ngay những kinh nghiệm của nó đến Chơn Nhơn đặng: chỉ cái tinh ba của sự kinh nghiệm mới tới tận Chơn Nhơn mà thôi. Nhơn đó, người tiến hóa bậc trung khó làm cho Chơn Nhơn lưu ý đến mình được: vì đời sống thấp hèn của y không phù hợp với đời sống cao thượng của Chơn Nhơn. Vì lẽ trên đây, người học đạo phải rán giữ mình hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, cho tới khi đắc đạo làm một bậc Chơn Tiên.

Ta nên xem một đoạn trong quyển “Ánh Sáng Trên Đường Đạo” như vậy: “Anh hãy đợi chờ Chơn Nhơn, và để cho nó chiến đấu trong lòng anh. Nhưng anh hãy luôn luôn nhớ rằng: anh là Chơn Nhơn, vậy anh hãy đồng hóa với nó, và bắt cái thấp qui phục cái cao. Dù phải thất bại bao lâu, anh cũng chớ ngã lòng: bởi vì, một sự thất bại cũng có thể đưa đến một bước tiến bộ, và nhờ đó người ta học hỏi và có được sự khôn ngoan để giải quyết một bài toán đố mới. Không phải bảo ta luôn luôn phải thành công, nhưng ta phải rán hết sức mình”.

Đừng quên rằng: nếu Chơn Nhơn hiệp tác với Phàm Nhơn là vì nó bị “Trishnâ” (là sự khao khát kinh nghiệm) xui đẩy. Dần theo sự tiến hóa của Chơn Nhơn, sự khao khát này êm dịu lại từ từ. Và khi nó tiến lên cao hơn nữa, nó thích thú với sự hoạt động của nó tại cõi trên, nên đôi khi, nó lại bỏ lãng Phàm Nhơn. Phàm Nhơn phải chịu luật Nhơn Quả, vì tội ác của mình đã gây, nên lâm vào một tình trạng khốn đốn và khổ sở. Còn Chơn Nhơn, thì an lạc trong công việc hữu ích và thanh cao của nó.

Sự khao khát kinh nghiệm này được dịu lại dần theo bước tiến của Phàm Nhơn. Một khi Phàm Nhơn có đặng tâm thức đầy đủ trên cõi Trung giới rồi, thì cõi trần hết hấp dẫn nó nữa. Khi nó có đặng tâm thức đầy đủ trên cõi Hạ Thiên rồi, thì nó xem cõi Trung giới tối tăm và u buồn. Và sau cùng, khi nó hưởng đặng cõi trời rực rỡ và chói lòa của cõi Thượng Thiên rồi, thì ba cõi dưới hết còn thu hút nó nữa.

Ta phải luôn luôn nhớ rằng: tâm thức chỉ là Một. Vậy nếu xem Chơn Nhơn hay Linh Hồn là ở “Trên” ta, xa lạ với ta, và ta không thể với tới là một điều sai lầm trọng đại. Ta thường nói về sự “rán sức phi phàm” để đạt tới Chơn Nhơn và về sự cảm ứng

do Chơn Nhơn đưa đến, làm như thế đó, ta phạm một sự sai lầm vĩ đại là vì ta không biết ta một cách thật sự. Điều kiện đầu tiên và tất yếu của sự tiến hóa tinh thần là sự quả quyết tuyệt đối rằng: ta là Chơn Nhơn. Điều kiện thứ hai là: hoàn toàn tin tưởng ở khả năng của ta là một vị Chơn Nhơn có đầy đủ đức tánh thiêng liêng.

Vậy trong khi xem tâm thức của Phạm Nhơn là tự nhiên và chính thật, ta hãy nhìn nó như là một thứ kỳ dị và bất thường. Chính đời sống của Chơn Nhơn mới là đời sống vĩnh cửu và thật sự của ta, và nếu ta xa lạ với nó, thì quả là lỗi ở nơi ta.

Đó là tư cách phải dùng đối với các hạ thể trong đời sống hằng ngày. Vậy, ta chớ dung túng xác thân, để cho nó tự tung, tự tác, mà trái lại, ta phải quyết chí tập luyện nó phục tùng ý muốn của Chơn Nhơn, làm cho nó trở thành một thứ khí cụ tốt cho tinh thần.

Đối với cái vía, ta cũng phải kiểm soát cho chắc chắn. Trong khi để cho giới cảm xúc ảnh hưởng và điều khiển sự hoạt động, Chơn Nhơn phải tự tuyển chọn những tình cảm thanh bai làm cho chúng nó chới lòa trong thể vía. Bây giờ, tâm thức của Chơn Nhơn thoát khỏi cương tỏa của thể vía, và thể này trở thành một khí cụ tốt cho tinh thần.

Cái quan điểm chánh có thể là sự điều khiển thể trí: bởi vì tư tưởng là sự biểu lộ ý lực sáng tạo tốt nhất. Ta chớ chấp nhận một hình tư tưởng nào bên ngoài đến xâm chiếm ta: mọi hình tư tưởng phải do sự tác động ý thức của Chơn Nhơn tạo ra.

Nếu không được chủ trị, thì sự tưởng tượng là một mối nguy hại. Không có nó, ngoại giới sẽ không có mãnh lực gì đối với ta. Vậy Chơn Nhơn phải chủ trị sự tưởng tượng, đừng cho nó thao túng, mà phải khép nó vào đường lối nhất định, và đã được tuyển chọn sẵn.

Một sự tưởng tượng tầm ruồng là nguyên nhân chánh của sự giảm mất ý chí. Lắm khi ta quyết định làm một điều lành, nhưng trí tưởng tượng lại bày vẽ những khía cạnh bất lợi cho ta, khiến cho ta bỏ cuộc. Nhà đại văn hào Shakespeare có nói một câu rất triết lý, xuyên qua Hamlet, như vậy: “Màu sắc tự nhiên của ý định bị phai mờ dưới ánh nhạt của tưởng tượng.”

Món thuốc chữa bệnh tưởng tượng thật rõ rệt là: ý chí và sự lưu ý phải tập trung một cách hẳn định chẳng phải về sự khó khăn và sự bất lợi đang chực chờ, mà phải chú trọn vẹn vào công việc phải làm. Ông Emerson có nói rằng: “Ta phải tăng cường sức mạnh bằng những lời xác định vững vàng”.

Lại nữa, ta hãy bỏ ý niệm rằng: “ý chí đã làm được vài chuyện và ta đã đắc thắng là nhờ mãnh lực của nó”. Nhưng tác động và thành công không phải là chức vụ của ý chí, chúng nó là một trạng thái khác của Chơn Nhơn, ấy là sự tác động sáng tạo.

Ý chí là vua phán lệnh: “Việc này phải làm” chớ không bắt buộc phải thi hành. Trên phương diện tâm lý học, thì ý chí là quan năng để giữ tâm thức chuyên chú vào một việc độc đáo nào.

Khó mà biết được ranh giới của một ý chí dũng mãnh, được chỉ định một cách khéo léo. Mãnh lực của nó thật vô biên. Nó vượt khỏi tầm tưởng tượng của con người: vì những kết quả của nó quá ư phi phàm. Chính trong khi nghiên cứu cái quyền năng này, mà người ta mới hiểu được rằng: Đức Tin đủ dõng non lấp bể! Câu tục ngữ phương Đông này gấm không quá đáng.

Khi ta biết được rằng: Chơn Nhơn có một thể giới tinh thần bên trong rất quan trọng hơn thể giới bên ngoài, thì ta sẽ có thái độ của một người kép đóng tuồng trên

sân khấu. Y đóng nhiều vai trò khác nhau nhưng vẫn sống một đời sống thực sự bên trong của nhà nghệ sĩ. Những vai tuồng trên sân khấu giống như những kiếp luân hồi với các hạ thể khác nhau. Chính vì đời sống thực sự của người nghệ sĩ, mà tên kép hát cố gắng đóng tuồng khéo léo trên sân khấu. Cũng giống như thế, ta rón sống đằng hoàng, tử tế dưới thế gian là vì sau sự sống đó có một Sự Thật Vĩ Đại mà kiếp của ta chỉ là một phần bé nhỏ mà thôi.

Chính vì thấu hiểu cái Chơn Lý này, mà ta biết đặt sự quan hệ tương đối của đời sống bên ngoài. Điều cần kíp là ta phải hết sức cố gắng đóng một cách hoàn bị cái vai trò của ta ở trần gian, dù nó là thế nào? Cảnh ngộ nào? Đầu có quan trọng: vì chúng nó là vô thường. Điều quan trọng là tư cách của ta đối với chúng nó.

Tên kép hát đóng tuồng bị ai, diễn tả sự đau khổ của tâm hồn, nhưng bên trong của y vẫn an vui như thường. Có thể y bị kẻ địch giết chết trong lúc so gươm? Nhưng một sự chết giả tạm có hại gì cho y? Điều cần yếu mà y muốn là: đóng tuồng cho hay.

Không khó cho ta nhận định cõi trần gian là cõi giả định. Hoàn cảnh bên ngoài là do Nhân Quả của ta tạo ra. Những kiếp trước của ta đã dựng thành chúng nó, làm cho chúng nó linh động, nên khó lòng ngừng đặt. Tốt hơn là chấp nhận hoàn cảnh một cách quân tử, rồi đừng nhớ đến nữa. Cái tư cách mình cam chịu số phận mình tạo thành bản tính cho kiếp lai sanh. Đó là điều quan trọng, ta nên lưu ý. Vậy, ta hãy lợi dụng Nhân Quả để làm phát triển tánh can đảm, sự chịu đựng cùng những đức tánh khác.

Chính nhờ vậy mà cái ngã thiêng liêng, trên đường tiến hóa, trở thành một vị Hoàng Đế vĩnh cửu, sau khi đã trải qua nhiều kiếp Luân Hồi, sanh tử, sống trong sò soạng, đau buồn và cố gắng. Chung qui, con người tự biết rằng: chính mình là một vị Hoàng Đế đang chủ trị các thể do mình tạo ra. Bây giờ, con người liêu lấy lại cái phong độ vương giả của mình cùng những quyền năng thiêng liêng. Những quyền năng này càng ngày càng trưởng thành, càng phát triển để qui phục Phạm Nhơn. Chính nhờ biết đặt cái Chơn Lý này, mà ta được tự do và hạnh phúc.

Vị Hoàng Đế bên trong sẽ còn mắc phải chương ngại của các hạ thể. Nhưng Ngài tự biết mình là chủ, và không ngót hoạt động để qui phục chúng nó. Ngài biết mình sanh xuống cõi trần với một mục đích hẳn hoi, và để được xưng danh là cộng tác viên của Trời hầu hoàn thành trách nhiệm, Ngài sẽ làm phận sự, ví dầu phải khổ, cũng cam!

Biết mình thiêng liêng là bước đầu tiên, đức tin sẽ đến sau. Ví dầu sự linh thánh chưa biểu lộ ra ngoài, ta cũng biết mình do thiêng liêng mà ra, ta cứ hoạt động theo đường lối thiêng liêng mà tâm hồn ta đã lựa chọn.

Vị hoàng tử, trước khi bước lên ngôi báu, phải tự dọn mình và chuẩn bị theo qui tắc của triều đình. Cái ý chí thiêng liêng trong lòng ta cũng giống y như vậy. Nó đang chịu đào luyện để một ngày kia đón nhận một Quyền Năng vương giả.

Trong đồ hình “Chơn Nhơn với những Phạm Nhơn (trang 275 số 18) ta thấy sự liên quan giữa Chơn Nhơn và Phạm Nhơn. Thoạt tiên ta thấy Chơn Thần (Monade là sự sống thiêng liêng không biểu lộ. Nó thông tia sáng xuống ba cõi dưới, để tạo ra Chơn Nhơn với ba đặc tính hay ba ngôi (Ba trạng thái). Đến lượt Chơn Nhơn, cũng như Chơn Thần, phóng tia sáng xuống ba cõi dưới (Hạ Thiên, Trung giới và Hồng trần) để tạo ra những Phạm Nhơn. Đồ hình cho ta thấy cái Phạm Nhơn này đang tiến hóa: hình tam giác của Phạm Nhơn thứ nhất ốm teo chỉ nghĩa sự vô minh, còn hình

tam giác của Phàm Nhơn chót lại nở nang đầy đủ, ba cạnh bằng nhau, đó chỉ nghĩa sự lâu tận minh.

Dầu theo sự tiến hóa, tâm thức Phàm Nhơn càng ngày càng hòa nhịp với tâm thức Chơn Nhơn, và rốt cuộc hai tâm thức đó kết thành Một mà thôi. Nhưng dù chưa đoạt đẳng mức ấy, trong tâm thức Phàm Nhơn cũng luôn luôn có sự hiện diện của tâm thức Chơn Nhơn. Nhưng, y như ta đã nói ở trước trong giai đoạn tiến hóa hiện hữu của nhân loại, Chơn Nhơn chỉ liếc nhìn sơ Phàm Nhơn rồi thôi, vì cả hai chưa đồng nhịp với nhau.

Người nào đã thành công sống theo Thượng Trí nghĩa là tâm thức của Phàm Nhơn được đưa lên tận Chơn Thân (là thể Thượng Trí) để hiệp nhứt hai tâm thức, thì trọn đời, y sẽ sống theo ý muốn của Chơn Nhơn. Dù Xác, Vía, Trí có chết đi, cũng không thể chia lìa hai tâm thức đó đặng, một khi chúng nó đã hòa đồng rồi.

Nhơn đó, muôn triệu kiếp của Phàm Nhơn chỉ tồn lại một kiếp sống dài. Tâm thức của mỗi Phàm Nhơn gom lại chỉ là Một Tâm Thức mà thôi. Nó linh hoạt trọn cả thời gian tiến hóa của con người. Đến một ngày vinh quang kia, khi bức tranh vắn cầu đã vẽ xong, bút nghiên đã xếp lại rồi, con người không còn bị Luật Nhân Quả bắt buộc trở lại trần nữa. Bấy giờ con người mới trở về hiệp nhứt đời đời với Chơn Nhơn, để bước lên con đường tiến hóa của Chơn Thân.

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI BẢY

CHƠN NHƠN TRONG PHÀM NHƠN

Sự tác động của Chơn Nhơn trong tâm thức Phàm Nhơn có thể được nghiên cứu trên nhiều phương diện.

Trước hết do hệ thống của chính các cõi trên, mà những gì xấu xa hay ích kỷ không chạm đến Chơn Nhơn được. Chơn Nhơn thờ ơ lãnh đạm đối với chúng nó. Chỉ những tư tưởng và tình cảm bác ái mới lay chuyển đến Chơn Nhơn mà thôi. Mọi tư tưởng và xúc động thấp hèn chỉ chạm đến những hạt nguyên tử trường tồn, chớ không phải Chơn Nhơn. Như ta đã thấy, Chơn Thân ám chỉ tánh xấu không phải bằng màu sắc xấu, mà bằng sự trống không, Chơn Nhơn chỉ lo đến những tình cảm và những tư tưởng quảng đại mà thôi.

Đa số chúng ta, thành linh tự thấy mình được cảm dụ một cách phi thường và được cường nhiệt trong sự hy sinh và vui mừng! Lúc này là lúc mà Chơn Nhơn thành công ghi vào tâm thức Phàm Nhơn những đức tánh đó. Điều gì mà Chơn Nhơn biết là vĩnh cửu, thì Phàm Nhơn không phải luôn luôn là lưu ý đến. Người nào có hoài bão làm đệ tử, nên xác tín – (bằng lý luận và bằng đức tin) – rằng: sự cường nhiệt ấy luôn luôn có thật, y cảm nó thực sự, dầu y chưa hiệp nhứt hoàn toàn với Chơn Nhơn, và không cảm biết đặng trong tâm phàm của y. Vả lại, chắc chắn rằng: khi tinh thần đáp ứng lời kêu gọi của các cõi dưới – (như hồng trần, trung giới và hạ thiên) – thì nó không nghe được sắc ngữ của Chơn Nhơn răn truyền xuống Phàm Nhơn.

Đôi khi người ta nhầm lẫn một sự bùng nổ tình cảm nào thuộc về cõi Trung giới với một sự hoài bão tình thần thật sự: bởi điều gì xảy ra trong thể Bồ Đề, mà di chuyển xuống Phạm Nhơn đang là có phản ảnh rồi trong thể vía. Một cái ví dụ gương mẫu của sự biến cố này xảy ra trong vài cuộc nhóm họp về tôn giáo. Những sự cường nhiệt về tình cảm đó, đôi khi hữu ích mà đôi khi cũng nguy hiểm và có khuynh hướng làm xáo trộn sự quân bình của cái trí.

Có hai định luật rất đơn giản được khuyến nhủ áp dụng để phân biệt một trực giác thật sự và một sự xúc động suông:

1/- Nếu người ta cô lập tình cảm ra một bên - trong một thời gian nào đó - thì chắc chắn nó dịu xuống ngay, còn nếu đó là trực giác, thì không có chi làm cho nó suy giảm đáng.

2.- Trực giác thật sự luôn luôn liên quan đến một ý niệm quảng đại. Nếu nó có một chút ích kỷ, thì người ta sẽ quả quyết rằng: đó là một sự xung động của thể vía, chứ chẳng phải là một trực giác Bồ Đề.

Dường thể - (do một sự xác tín bên trong) – người ta biết rằng: điều đó là thật mà không thể đưa ra lý do, thì Chơn Nhơn mới cho ta thấy được ảnh hưởng của nó. Chơn Nhơn biết, và nó có nhiều lý lẽ để biết, nhưng đôi khi, nó không thể diễn tả được trong óc xác thịt. Vậy, khi một chơn lý mới, đến với ta, thì ta liền biết coi có thể được chấp nhận cùng không.

Đó chẳng phải là một sự dị đoan, mà chính là một sự chính xác bên trong. Thoạt nhìn, dường thể “lý luận” bị hy sinh cho “trực giác”. Nhưng ta chớ quên rằng “Bồ Đề” mà ta gọi là “Trực Giác” được người Ấn Độ cho là: “Lý luận thuần túy”. Chính nó là lý luận của Chơn Nhơn, thuộc về cõi cao hơn các hạ giới.

Thật ra, chính Thượng Trí (Manas) đưa ra lời khuyến dụ cùng sự Trực Giác Bồ Đề và sự phân biệt giữa cái thật và cái giả. Còn ý chí thiêng liêng (Atmâ) lại điều khiển tâm thức bằng cách chỉ định con người phải làm theo điều gì mà mình biết là phải, dầu khi cái trí đang tìm cho nó một lý lẽ để làm khác hơn.

Thiên tài được biểu lộ là do tâm thức quảng đại của Chơn Nhơn tác động nhất thời đến cái óc. Nó truyền đến óc sự minh mẫn và một cái thấy quảng đại, chúng nó là đặc tánh của thiên tài. Cái tâm thức rộng rãi đó chính là “Con Người Thật”. Có lắm chuyện xảy ra trước mắt ta, có nhiều biến cố đến với ta (chúng nó là những phát lộ của cái tâm thức này) - có những lời cảnh cáo vừa hé mở - (là những cái hứa hẹn cho tương lai) – từ cõi thật của chính ta đưa đến. Đó là Tiếng Nói của Tinh Thần Sống Động, nó không bị lệ thuộc bởi sự sanh và sự tử. Nó đã như thế đó và hẳn còn mãi mãi. Nó là Tiếng Nói của Trời bên trong, ở giữa lòng người. Đời sống hiến cho ta hai bài học :

1.- Văn hóa do người trần dạy ta.

2.- Và trực giác đang tác động nơi con người bên trong.

Dầu khi con người nảy nở, trực giác hoằng khai, thì sự học hỏi ngoài đời hết còn cần nữa,. Hay nói cách khác, nghĩa là người nào dùng được những cơ quan bên trong, sẽ học hỏi – với chút kinh nghiệm – một cách mau lẹ phi thường hơn kẻ tục nhơn, trong những kinh nghiệm dài đằng đẳng. Sự hoạt động của trí khôn thiên phú làm cho người tiến hóa phân biệt được mọi ý nghĩa của những chuyện nhỏ nhặt, còn kẻ tục nhơn thì chỉ có biết tọc mạch: Y ưa điều mới lạ bởi vì y không thể suy nghĩ, y dùng hết lệ cái ý nghĩa thật sự của những câu chuyện tâm phào. Đó là tính người đòi hỏi một sự

phi thường trong khi thi hành theo tôn giáo, y không chịu mở mắt trước vô số sự phi thường, bao tứ phía xung quanh y.

Sự kêu gọi của tâm thức là do từ cõi trên xuống, nó ám chỉ: Chơn Nhơn biết việc đó. Mà nơi đây, ta nên để ý là Chơn Nhơn chưa đủ tiến hóa trọn vẹn. Sự hiểu biết của nó còn thiên bạc, cũng có thể không đúng nữa. Vậy nó chỉ lý luận theo điều nó biết.

Vì lẽ đó, đôi khi con người bị tâm thức mình hướng đi lạc bước: bởi vì Chơn Nhơn còn trẻ, chưa có sự hiểu biết uyên thâm, nên đôi khi nó cưỡng chế Phạm Nhơn phải theo ý chí nó. Nhưng, thường thường, Chơn Nhơn chưa tiến hóa không có quyền năng gì bắt buộc được các hạ thể phải theo nó. Và đó là điều hay.

Tuy nhiên, có Chơn Nhơn chưa tiến hóa, thiếu khoan dung và hiểu biết uyên thâm, lại có ý chí hơi mạnh, nó có thể bắt óc xác thịt làm vài chuyện khả dĩ bộc lộ sự trẻ con và sự kỳ quái của nó.

Nhơn đó, khi tâm thức dường như bảo sử một điều gì trái với luật hiệu thảo, trái với chơn lý hay công bình – (cũng như trường hợp lạm quyền của Tôn Giáo Pháp Đình thời Trung Cổ) – thì người ta phải tự hỏi một cách trang nghiêm rằng: “có phải Luật Trời là một luật cao hơn sự ứng dụng của nó chăng? Xem dường nó xung đột với Luật Trời”. Trí khôn luôn luôn phải tác động cách nào để hóa thành một dụng cụ cho Chơn Nhơn, chớ không làm một trở ngại trên đường tiến hóa của nó.

Trong quyển “Thế Trí” của Ông Arthur E. Powell, có một thí dụ ngộ nghĩnh về Chơn Nhơn biểu lộ trong Phạm Nhơn. Có một diễn giả kia – trong lúc diễn thuyết – nói lên một câu, y liền thấy trước mắt y, trong không khí, biểu lộ ra một câu thứ nhì, dưới ba hình thức khác nhau. Y bèn tự ý chọn lựa hình thức nào hợp nhất. Chắc chắn đó là có Chơn Nhơn xen vào. Nhưng dường như khó cho ta hiểu được cách “xen vào” của nó, hơn là cách tự ý chọn lựa câu trả lời rồi gắn nó vào tâm thức Phạm ngã.

Điều gì mà nhà thần bí gọi là “Tiếng Nói Vô Thình” khác với mỗi người, và nó đến trong nhiều giai đoạn. Tiếng Nói ấy là một phần của người tiến hóa chớ không phải tiếng vượt lên đến tâm thức rồi biến đổi tùy theo sự tiến triển của nó. Đối với những ai tác động đồng nhịp với Phạm Nhơn, thì “Tiếng Nói Vô Thình” là Tiếng Nói của Chơn Nhơn. Nhưng khi Phạm Nhơn đã được chủ trị hoàn toàn và hiệp nhất với Chơn Nhơn để làm một công việc chung, thì “Tiếng Nói Vô Thình” ấy là của Atmâ tại Niết Bàn. Khi ta lướt qua bậc đó, thì còn một “Tiếng Nói Vô Thình” nữa, ấy là Tiếng Nói của Chơn Thần.

Khi con người đã hiệp nhất Chơn Nhơn với Chơn Thần rồi thì “Tiếng Nói Vô Thình” sẽ đến cho y từ cõi cao hơn nữa. Đó là Tiếng Nói của một trong những vị Toàn Quyền thiêng liêng, ấy là Đức Hành Tinh Thượng Đế. Có một ngày kia “Tiếng Nói Vô Thình” đối với y sẽ là Tiếng Nói của chính Đức Thái Dương Thượng Đế. Ấy vậy, dù “Tiếng Nói Vô Thình” đến với ta, từ cấp bậc nào đi nữa, tinh ba của nó cũng luôn luôn là thiêng liêng.

Chơn Nhơn tác động trong xác thân nhờ hai bộ thần kinh: 1/- Bộ giao cảm thần kinh (le grand sympathique) và 2/- Bộ trí não thần kinh (le cérébro spinal). Nhứt là bộ giao cảm thần kinh thông đồng với thể vía. Bộ trí não thần kinh thông đồng với hạ trí. Hạ trí lần lần bị ảnh hưởng của Chơn Nhơn chế phục, khi quan năng trí não được tăng cường.

Dầu theo sự tiến triển của bộ trí não thần kinh, Chơn Nhơn chuyển di đến bộ giao cảm thần kinh một phần tâm thức của nó, càng bữa càng nhiều. Cái tâm thức này đã

được hãm định, và Chơn Nhơn không cần để ý đến nó: vì nó tác động một cách bình thường tự nhiên. Và lại, Chơn Nhơn trực tiếp kiểm soát đôi phần của bộ giao cảm thần kinh bằng phương pháp Hatha Yoga (là Yoga tư thế), nhưng phương pháp Hatha Yoga, thật ra, không phải là giúp cho phát triển mà quả là một sự thối tiến hóa (mais bien un recul dans l'évolution).

Đọc giả nhớ rằng: Chơn Nhơn luôn luôn có hoài bão tiến lên cao, giải thoát các cõi thấp và tìm cách vứt bỏ những gánh nặng làm chướng ngại bước thăng thiên của nó. Tỷ như nó không chịu bận rộn vì phải lo săn sóc những cơ quan sinh hoạt của xác thân, nó chỉ lưu ý đến bộ máy con người là khi nào nó hoạt động sai. Như ta đã nói: mọi tai biến đều có thể sửa chữa, nhưng thường không đáng mấy. Trái lại, hễ cơ năng càng trở thành tự động, thì càng tốt: bởi vì hễ ta càng ít dùng đến tâm thức linh động để lo những tai biến, xảy đến không ngừng, thì ta càng sẽ có dư ngày giờ để làm bổn phận của ta. Cái bổn phận này đòi hỏi sự săn sóc của ta, nó có một tầm quan trọng vô cùng cao cả, ít ra, trước mắt Chơn Nhơn.

Một người kia, đôi khi, bị một ý niệm cố định nào dày vò, rồi kết cuộc y bị cuồng loạn hay y có được một sự hy sinh bất chuyên và một sự nhiệt thành của một thánh nhơn hay của nhà tuấn đạo. Hai trường hợp đó có những căn nguyên tâm lý khác nhau, mà ta sẽ học tới.

Một ý niệm cố định (idée fixe) đưa đến sự cuồng loạn là một ý niệm mà Chơn Nhơn đưa xuống bộ giao cảm thần kinh, và nó trở thành một phần của “tâm thức”. Có lẽ, nó là một khí chất tạm thời mà Chơn Nhơn đã vứt bỏ, hay nó là một sự kiện đã bị lãng quên, nay nó trở lại ký ức, mà không có cảnh ngộ nào đưa đến, còn một giả thuyết nữa, là sự cuồng loạn đó do sự hỗ tương của hai ý niệm bất đồng hay là do một cái gì khác nữa.

Đa số ý niệm đồng tính với ý niệm trên, vượt ra khỏi tầm kiểm soát của Chơn Nhơn trong dĩ vãng, chúng nó chưa ra ngoài hệ thống của tâm thức, vậy chúng nó còn ở lại đó, nhưng bị Chơn Nhơn bỏ rơi. Khi một phần tâm thức có thể đáp ứng với chúng nó, thì chúng nó nhô lên từ “chơn trời” hay từ “trước ngõ” của tâm thức.

Khi một trong những ý niệm này hiện lên như thế ấy, không căn nguyên, không lý do, với tất cả sự nồng nhiệt và sức mạnh của dĩ vãng, thì nó làm xáo trộn cái hệ thống mảnh mai mà Chơn Nhơn giao phó cho nó, để làm những chuyện lớn lao. Bởi vì những ý niệm này có nhiều sức mạnh tại cõi hồng trần hơn là những tư tưởng tầm thường: ấy bởi những làn rung động của chúng nó chậm chạp hơn và nặng nề hơn, nên chúng nó hiệu lực trong chất khí hồng trần hơn. Một sự xúc động mãnh liệt kích thích thể xác nhiều hơn là lý luận tinh vi của nhà triết lý gia.

Vậy ta nói rằng: ý niệm cố định của một người điên, thường là một ý niệm để dấu vết ở bộ giao cảm thần kinh và nó chỉ định tâm thức trong lúc xáo trộn hay trong lúc bộ trí não thần kinh bị yếu đuối. Những ý niệm cố định đó thuộc về các khu vực thấp. Chúng nó khác với ý niệm cố định của kẻ thánh nhơn hay của người tuấn đạo. Ý niệm cố định sau này thuộc về Chơn Nhơn đang rán sức biểu lộ, trong óc xác thịt, những sự xúc động cuồng nhiệt cùng những sự hiểu biết uyên thâm của mình. Chơn Nhơn, trên cõi cao hơn cõi trần chật hẹp, thấy xa hơn, nó muốn đem ý chí và sự hoài bão cao thượng của nó mà cưỡng chế cõi trần. Nhơn đó, với cái quyền năng cưỡng chế này, nó không chịu nghe lý luận: bởi vì chính cái óc xác thân cũng không lý luận được những hình thức hiểu biết này, cùng sự thấy thấu triệt và trực giác. Nhưng với sức

mạnh của Chơn Nhơn, nó xuống nhập vào một cái xác đang chuẩn bị để rước nó. Nơi đây nó xác định như là một quyền năng cường chế, một kẻ hướng đạo cho người đời đang làm một hành vi của người anh hùng, của kẻ thánh nhơn hay của người tuấn đạo. Những ý niệm đó rất khác với các ý niệm trước, chúng nó từ các cõi cao đến. Gốc của nó là tâm thức siêu hình chứ không phải là tiềm thức. Hãy nói ngay rằng “Tâm lý bất ổn là kéo theo thiên tài”. Thiên tài là đồng nghĩa với điên cuồng, như người ta thường nói. Ông Lombroso cùng mấy người khác nữa đều tuyên bố rằng: một số kẻ thánh nhơn là những người đã bị bệnh thần kinh. Hễ cơ giới càng mảnh mai thì nó càng dễ bị chế ngự. Vậy đôi khi sự bất ổn định của nhà thiên tài hay của bậc thánh nhơn là điều kiện cần kíp cho sự cảm hứng của họ. Cái óc bình thường, chưa đủ phát triển, chưa đủ mảnh mai để đáp ứng với những lần rung động của tâm thức cao.

Vậy, những cái xung động, mà ta gọi là “Linh cảm của thiên tài” là do tâm thức siêu việt của chính Chơn Ngã. Mấy cái xung động này chẳng những gây ra sự bất ổn cho trí óc, mà đôi khi còn kéo theo sự bất thường trong nét hạnh nữa. Tìm lý do của sự kiện là điều quan trọng và thích thú. Khi một mãnh lực, từ cõi cao xuống cõi thấp, thì nó bị biến chất trong chính hạ thể đó. Sự biến chất này tùy thuộc ở bản tính của hạ thể: bởi vì một phần thần lực đó biến ra sức lực, và sức lực này phù hợp nhất với hạ thể.

Vậy ta hãy lấy một thí dụ: nếu một cơ thể kia có những khuynh hướng dâm dục, cái triều lưu của thần lực thiên tài tăng gia mãnh liệt cái triều lưu của sinh lý, nhờ phần thần lực đã chuyển qua cho sự sinh hoạt của cơ thể. Nơi đây, ta nên lưu ý đến một thí dụ về sự vận chuyển cái nguyên lý đó: thuở xưa, triều lưu tinh thần của Giông Dân thứ ba chảy trong các con kinh trong con người có thú tánh, nó tăng gia những quan năng thú tánh của họ cho đến nỗi phải đưa những Đứa Con Tinh Thần xuống cứu giúp, bằng không nhân loại sẽ chìm trong những cái quá độ tệ hại nhất. Chính cái mãnh lực của tinh thần đó chỉ làm đổ vỡ trọn vẹn nền văn minh của một giống dân. Nên rút bài học của sự kiện này là phải tinh lọc bản tánh thấp kém của mình trước khi thu hút triều lưu của thần lực cao. Đó là điều quan trọng nhất. Đức Phật có ra một qui tắc chánh là “chư ác mạc tác”.

Ta cũng nên kể lại nơi đây những lời trong quyển “Tiếng Nói Vô Thình”:

“Người hãy giữ mình đừng để bàn chân dơ trên nấc thứ nhất của chiếc thang. Nguy hại cho “kẻ nào dám làm dơ nấc thang đó với bàn chân đầy bùn! Bùn bắn thiêu và nhầy nhựa, sẽ khô, nó dính chắc và bó cứng bàn chân. Giống như con chim bị dính vào nhựa của người đánh chim, kẻ ấy không tiến hóa được chút nào. Những tật xấu của y sẽ thành hình và lôi kéo y. Chúng nó sẽ lên tiếng với giọng rồn rảng của chó rừng và uất ức ghen ngào, khi mặt trời lặn. Tư tưởng của y sẽ trở nên một quân đoàn lôi kéo y làm cho y trở thành kẻ nô lệ và kẻ bị giam cầm.

“Ôi Lanoo! người hãy phế trừ các dục vọng của người đi. Người hãy biến đổi những tật xấu của người ra “bất lực”, trước khi người để chân lần đầu tiên trên con đường trang nghiêm này.

“Bóp cổ các tánh xấu của người, làm cho chúng nó câm họng lại, trước khi người dám dõ chân lên thang.

“Dứt tất những tư tưởng người, và hãy chú ý vào Đức Thầy của người, mà người chưa được thấy, nhưng người đã đoán biết trước sự hiện diện của Ngài rồi.

“Nói rằng: ý nghĩa của danh từ “Đức Thầy Người” là điều thừa.

Người đã khép mình trên Đường Đạo phải làm bổn phận mình cho tròn. Trên ngưỡng cửa Đạo y còn ngày giờ sửa chữa sự lầm lạc. Nhưng trừ phi người đệ tử đã hoàn toàn giải thoát như tánh tham lam quyền năng, ở những bước đầu tiên của thời học Đạo, thì sự tham lam này sẽ càng ngày càng gia tăng. Nếu y không nhổ những cỏ xấu mọc ở những cõi hồng trần, trung giới và hạ thiên, mà lại để cho chúng nó mọc rễ trên cõi Tinh Thân của Chơn Nhơn, thì về sau, y có muốn nhổ cũng không đáng nữa. Tánh tham lam đã được ổn định trong Chơn Thân thì sẽ theo y kiếp này sang kiếp khác. Mong sao cho người Đệ Tử đừng bao giờ để cho tánh tham lam về tinh thân với đến Chơn Thân và tạo ra những yếu tố chia rẽ, chúng nó càng ngày càng cầm tù đời sống của y.

Người thiên tài chú ý không khó đến một loại công việc đặc biệt nào mà y đang lo. Nhưng một khi buông trôi sự tập trung tư tưởng thì đời sống bình thường của y, trong các thể trí và vía xem dường xáo trộn bởi những luồng trót. Đôi khi, những hạ thể này kết tinh nhau lại dưới hình thức thành kiến vĩnh cửu, chúng tạo ra một sung phù trong chất khí giống như những mục cóc trên thể trí vậy. Đó là trái với điều mong muốn. Người đệ tử huyền môn phải có mục đích tiêu trừ trọn vẹn những luồng trót như thế để san trừ (expurger) cái tâm tính thấp hèn và làm cho nó trở thành một tên tố ổn định, biết phục tòng Chơn Ngã đời đời.

Trong lúc xác thân ngủ, Chơn Nhơn đã đi xa, nhưng nó vẫn giữ sự thông đồng mật thiết với xác thân. Vì vậy, trong những hoàn cảnh tâm thường, Chơn Nhơn có thể trở về, lẹ làng, tỷ như lúc người ta cố gắng ám ảnh nó.

Dù mộng du có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng trong vài trường hợp, dường thể Chơn Nhơn tác động trực tiếp với xác thân, không xuyên qua hai hạ thể, trí và vía.

Lúc ngủ, con người viết được những vần thơ, hay vẽ một bức họa tốt đẹp hơn là lúc thức.

Chơn Nhơn cũng dùng chiêm bao để cường chế ý niệm mình cho Phàm Nhơn. Mỗi Chơn Nhơn đều có cách thức riêng biệt. Nhưng có vài hình thức chiêm bao lại bao quát. Như người ta nói rằng: chiêm bao thấy nước là có sự buồn phiền mặc dù ta khó thấy sự liên hệ giữa hai ý niệm đó. Nhưng dầu sao đi nữa, Chơn Nhơn hay một linh vật nào khác muốn liên lạc với Phàm Nhơn, mới dùng một biểu tượng để cho Phàm Nhơn hiểu, hầu báo hiệu một sự nguy hiểm đang đe dọa.

Có những chiêm bao tiên tri là dĩ nhiên nó do sự tác động của Chơn Nhơn, hoặc giả chính Chơn Nhơn thấy trước, hay được báo trước một biến cố tương lai nào mà nó muốn chuẩn bị trước cho tâm thức Phàm Nhơn. Mục độ rõ ràng và đúng đắn của chiêm bao tùy thuộc ở quan năng của Chơn Nhơn, trước nhất Chơn Nhơn phải đồng hóa chúng nó, rồi sau phải cường chế chúng nó vào óc xác thịt lúc thức.

Đôi khi biến cố được trọng đại, như một sự chết chóc hay một tai họa, thì lý do của Chơn Nhơn cố gắng để báo tin là đúng vậy. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp khác, sự tiên tri xem dường không quan trọng gì cả, và người ta khó hiểu tại sao Chơn Nhơn lại lo lắng như vậy. Nhưng, trong trường hợp ấy, ta chớ quên rằng: đó, có lẽ chỉ là một chi tiết nhỏ của sự tiên tri toàn diện, và chỉ có cái chi tiết này mới đến dạng óc xác thịt mà thôi. Những chuyện chiêm bao tiên tri này có rất nhiều. Người ta thấy nhiều thứ chiêm bao như vậy trong quyển “Les rêves” của ông C. W. Leadbeater.

Thật ra, muốn tiếp được tin của Chơn Nhơn, thì óc xác thịt phải được an tịnh. Tất cả cái gì, từ Chơn Thân (là Thượng Trí) xuống, cũng đều phải đi xuyên qua những hạ thể, trí và vía, và nếu thể vía hay thể trí bị xáo trộn, thì hình ảnh sẽ không rõ ràng, giống như làn nước hơi dợn sóng, cũng biến đổi những hình ảnh do nó dội lại. Cũng cần tiêu diệt mọi thành kiến, bằng không chúng nó sẽ tác động như những pha lê của kính màu, nhuộm sắc mỗi vật thấy xuyên qua đó, chúng nó đưa ra một cảm giác sai lạc.

Tóm lại, nếu con người phải “nghe”, thật sự và đúng đắn, “Tiếng Nói còn yếu ớt” thì y phải im lặng, đồng thời y cũng phải nhạy cảm trước ngoại vật. Chẳng những y nhạy cảm đối với những luồng sóng to tát vào mình y, mà còn đối với tiếng vỗ nhẹ nhàng của làn sóng êm dịu nữa. Vậy, ta phải tập giữ thật im lặng không dục vọng, không ghét hờn. Trừ phi, trong những trường hợp hiếm có, khi mãnh lực con người bị bất thường, và những dục vọng cùng sự ghét hận đã bị tiêu diệt, và tiếng ngoại giới đã im lặng thì Tiếng Nói Bên Trong, là kẻ hướng đạo của người, sẽ nổi lên.
